VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

nobel văn chương 1995: seamus heaney

ngu yên

vài suy nghĩ về *Phía Bên Kia Thiên Đường*

thạch hãn

võ phiến, nhà tạp luận

nguyễn ngọc tuấn

hai mươi năm văn học việt nam hải ngoại

tác giả & tác phẩm

hoàng chính • phạm ngũ yên • võ kỳ điền

trang châu • luân hoán

chập chồng thế kỷ

tạ chí đại trường

viết về chiến tranh việt nam

nguyễn quí đức & nguyễn mộng giác

và các truyện ngắn của

trần doãn nho • hoài ziang duy • nguyễn quốc trụ

thơ

hoàng xuân sơn • cỏ dồng • trần mộng tú • thơ thơ

ngô tịnh yên • hồ minh dũng • nguyễn xuân thiệp

SỐ 115 • THÁNG 11 NĂM 1995

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper, Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: 45-831-912

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về
Văn Học
PO Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359
USA
Phone: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN–0885–128X

VănHọc

Số 115, tháng 11 năm 1995

VĂN HỌC	2	thư toà soạn
NGU YÊN	3	giải văn chương Nobel 1995
THẠCH HÃN	9	vài suy nghĩ về *Phía Bên Kia Thiên Đường*
NGUYỄN NGỌC TUẤN	26	võ phiến, nhà tạp luận
CỐ ĐỒNG	37	*hãy thả linh hồn đi lang thang....*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC HẢI NGOẠI
TÁC GIẢ & TÁC PHẨM

HOÀNG CHÍNH	39	*trả lời phỏng vấn*
HOÀNG CHÍNH	40	về cõi trầm luân
HOÀNG XUÂN SƠN	47	*nơi chốn*
PHẠM NGỮ YÊN	48	*trả lời phỏng vấn*
PHẠM NGỮ YÊN	50	lang thang cánh gió
VÕ KỲ ĐIỀN	59	*tiểu sử & tác phẩm*
VÕ KỲ ĐIỀN	60	một thời để yêu
NGÔ TỊNH YÊN	69	*tình ơi*
TRANG CHÂU	70	*trả lời phỏng vấn*
TRANG CHÂU	72	*hãy coi nhau như tình nhân*
	73	*sinh nhật*
LUÂN HOÁN	74	*trả lời phỏng vấn*
LUÂN HOÁN	75	*bài kỷ niệm tròn 10 năm ở canada*
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG	78	chập chồng thế kỷ
TRẦN MỘNG TÚ	86	*núi*
TRẦN DOÃN NHO	87	căn phòng thao thức
HOÀI ZIANG DUY	99	ông tướng sang sông
THƠ THƠ	108	*vườn trong mộng tưởng*
NGUYỄN QUỐC TRỤ	110	như lính giữa rừng
NGUYỄN XUÂN THIỆP	113	*như một lời chia tay*
NGUYỄN MỘNG GIÁC	114	viết về chiến tranh việt nam
NGUYỄN QUÍ ĐỨC	119	tâm tình thế hệ trẻ
HỒ MINH DŨNG	126	*nợ*
BÙI VĨNH PHÚC	127	ở một nơi nào
NGUYỄN MỘNG GIÁC	135	đọc *vết xước đầu đời*
NGUYỄN HUY THẠCH	139	ghi chép
VĂN HỌC	149	toà soạn với bạn đọc
	150	giới thiệu sách mới

Tác giả và Văn học giữ bản quyền, 1994-1995
© Copyright by authors and Văn Học. All rights reserved, 1994-1995

Thư Tòa Soạn

Văn Học số này ra đúng vào giai đoạn có nhiều thời sự văn chương nên Ban Chủ biên cho rút bớt một số bài biên khảo và gia tăng những bài thời sự.

Thời sự văn học quan trọng nhất trong tháng Mười hẳng năm, dĩ nhiên là tin về giải Nobel Văn chương. Nhà thơ Ái Nhĩ Lan Seamus Heaney đoạt giải Nobel năm nay tương đối là một tên tuổi lạ đối với bạn đọc Việt Nam. Do đó, ngoài một bài ngắn của nhà thơ Ngu Yên nhận định sơ khởi về tác giả tác phẩm, Văn Học chưa có những bài giới thiệu kỹ lưỡng hơn. Chúng tôi xin hẹn với bạn đọc những bài viết về Heaney trên các số báo sau.

Thời sự văn học khác liên quan đến văn chương hải ngoại và tương quan giữa giới cầm bút hải ngoại và trong nước là cuộc hội thảo Bể Dâu do Đại học San Franciso tổ chức từ 11 đến 13.10.1995. Trong cuộc hội luận có mặt giới nghiên cứu và sáng tác văn chương của Hoa Kỳ, quốc nội và hải ngoại này, hai nhà văn thuộc hai thế hệ khác nhau đã lên tiếng về tâm tình của thế hệ mình. Văn Học đăng tải bài viết của Thạch Hãn về tuyển tập truyện ngắn *The Other Side of Heaven* (một đề tài của hội luận), cùng hai bài phát biểu của Nguyễn Mộng Giác và Nguyễn Quí Đức, để bạn đọc thấy rõ những khác biệt trong cách suy nghĩ của hai thế hệ, từ đó tự mình rút ra một kết luận.

Trong phần biên khảo, Nguyễn Ngọc Tuấn tiếp tục tìm hiểu về văn nghiệp Võ Phiến, trên số này, anh nhìn Võ Phiến trong tư cách một người viết tạp luận.

Trong phần Tác giả và Tác phẩm Hai mươi năm Văn học Hải ngoại, Ban Chủ biên xin giới thiệu Hoàng Chính, Phạm Ngũ Yên, Võ Kỳ Điền, Luân Hoán, Trang Châu.

Phần sáng tác, Văn Học trân trọng giới thiệu những tùy bút, truyện ngắn của Tạ Chí Đại Trường, Trần Doãn Nho, Nguyễn Quốc Trụ, Hoài Ziang Duy, và thơ của Cỏ Đồng, Thơ Thơ, Ngô Tịnh Yên, Nguyễn Xuân Thiệp, Hoàng Xuân Sơn, Hồ Minh Dũng, Trần Mộng Tú.

Văn Học.

Giải Văn Chương Nobel 95: Thi Sĩ Seamus Heaney

Ngu Yên

Thứ Năm ngày 5 tháng 10 năm 1995:

Năm 1989, khi tờ *The Sunday Times* phỏng vấn nhà thơ Seamus Heaney và giới thiệu ông như là *"một thi sĩ tài năng bật nhất trong giới thi sĩ viết bằng Anh ngữ"* có nhiều cơ hội sẽ đoạt giải văn chương Nobel, Heaney khiêm tốn trả lời: *"Không thể như vậy đâu"*.

Sáu năm sau, hôm thứ Năm ngày 5 tháng 10 năm 1995, Hàn Lâm Viện Thụy Điển cho biết người trúng tuyển giải văn chương Nobel năm nay không ai khác hơn là nhà thơ Ái Nhĩ Lan Seamus Heaney. Họ ca ngợi về thi nghiệp của ông, *"mỹ cảm trữ tình và chiều sâu luân lý đã thăng hoa những điều huyền diệu hàng ngày và quá khứ nhân sinh."* Ông còn được ca ngợi về những đóng góp nhân quyền qua việc phân tích những bạo động xảy ra ở vùng Bắc Ái Nhĩ Lan. Đây là một giải thưởng nhiều tiền nhất trong lịch sử Nobel, ước lượng trị giá hơn một triệu đô la, sẽ trao tặng tại Stockholm vào ngày 10 tháng 12 trong năm, cùng với các giải thưởng khác về vật lý, hóa học, y khoa, kinh tế....v...v....

Khi tin này loan truyền đến Dublin, Ái Nhĩ lan, nơi thi sĩ cư ngụ, con trai của ông tiếp nhận tin mừng và cho biết Seamus Heaney đang đi nghỉ mát bên Hy Lạp, không ai có thể liên lạc kể cả người nhà của ông. Thân nhân, bằng hữu, sinh viên, người quen mở tiệc, nâng ly chúc mừng dù nhân vật chính vắng mặt.

Thứ Sáu ngày 6 tháng 10 năm 1995:

Vẫn không ai biết tung tích của ông. Dù đã được mời dùng cơm tối tại tư gia của Đại Sứ Jean Kennedy Smith từ trước, đêm nay không thấy ông xuất hiện.

Bên ngoài, nhiều dư luận khác nhau về Seamus Heaney và giải Nobel. Nhà thơ Derek Walcott, người lãnh giải Nobel 1992 nhận xét: *"Seamus Heaney, người bảo hộ tinh thần thi ca của Ái Nhĩ Lan vừa được công nhận như nhà thơ kế truyền của William Butler Yeats."* Nhà thơ Robert Lowell cũng có cùng nhận xét, gọi Heaney là *một thi sĩ lớn của Ái Nhĩ Lan sau thi sĩ Yeats.* Heaney là người Ái Nhĩ Lan thứ ba lãnh giải văn chương Nobel: người thứ nhất là W. B. Yeats, Nobel 1923; người thứ nhì là Samuel Beckett, Nobel 1969.

Tài năng và danh tiếng của Seamus Heaney đã được nhiều người từ lâu nhắc nhở. Cách đây bốn năm tờ *The Observer* viết về những thi sĩ hiện đại như sau: *"Nổi danh trên thế giới là một việc phức tạp.... Phải có tài năng thiên phú để có thể chiếm được những trái tim ở hai bên bờ Đại Tây dương. Hiện nay không thấy ai có bản lãnh ấy cho bằng Seamus Heaney".*

Ông chẳng những nổi tiếng về thơ mà còn được kính trọng về phương diện lý luận phê bình thi ca. Thơ và tên tuổi ông thấy xuất hiện trong những tạp chí văn chương hàng đầu như *Paris Review* và trong những tuyển tập thơ của các đại học lớn như *The Norton Anthology of Poetry* hoặc *The Oxford Companion to Twentieth-Century Poetry*..v.v....

Tuy nhiên có người cho rằng Seamus Heaney lãnh giải Nobel không hẳn vì thi tài mà vì động cơ chính trị trên thế giới. Tờ *Irish Times* viết

rằng: *" Không thể nghi ngờ về những lời rỉ tai đồn đãi cách đây tám chín tháng, cho rằng một lần nữa giải Nobel văn chương năm nay sẽ được tuyển chọn bởi lý do chính trị. Cuối năm thế nào giải Nobel văn chương cũng sẽ trao cho một người Ái Nhĩ Lan, là một người có nhiều hy vọng làm giảm thiểu sự căng thẳng chính trị giữa Bắc Ái Nhĩ Lan và Cộng Hoà Ái Nhĩ Lan.* Khi vừa nghe tin về giải văn chương Nobel, John Hume, người bạn nối khố của Seamus Heaney (hiện nay là một lãnh tụ chính trị của phe Thiên Chúa giáo) nói rằng ông mong ước giải thưởng Nobel văn chương năm nay được trao tặng căn cứ trên giá trị thi ca, chứ không phải vì động cơ chính trị.

Thứ Bảy ngày 7 tháng 10 năm 1995:

Người ta được tin nhà thơ Seamus Heaney, sau khi biết mình trúng tuyển giải Nobel, đã vội vã trở về Dublin, chuyến bay sẽ đáp xuống phi trường tối nay.

Tờ *New York Times* ghi lại rằng: *Seamus Heaney được tiếp đón không những như một nhà thơ lớn ở một nơi mà người ta yêu mến cả tác phẩm lẫn tác giả, ông còn được xem như là một biểu tượng duy trì hòa bình ở Bắc Ái Nhĩ Lan."*

Được phỏng vấn về cảm nghĩ của ông khi đứng chung hàng ngũ với những tài danh Ái Nhĩ Lan khác đã đoạt giải Nobel như William B. Yeats và Samuel Beckett, vẫn khiêm tốn như sáu năm về trước, ông trả lời: *"Tôi giống như một ngọn đồi nhỏ nằm dưới chân một rặng núi cao..."*.

Tiểu Sử và Tác Phẩm:

Seamus Heaney chào đời ngày 13 tháng 4 năm 1939 trong một nông trại ở phía Tây Belfast, quận Derry, Bắc Ái Nhĩ Lan, là con trưởng trong gia đình có chín người con. Đậu cử nhân văn chương Anh ở Đại Học Queen (Belfast), dạy học ở Allymurphy và St. Joshep. Lấy vợ, Marie Delvin năm 1965. Năm 1972, ông dời chỗ ở qua vùng Cộng hòa Ái Nhĩ Lan và định cư tại Dublin. Ông đã lãnh được nhiều giải thưởng quan trọng, kể cả giải E.M. Forster. Năm 1984 ông được mời làm giáo sư môn tu từ học và môn thuyết trình tại đại học Harvard. Năm 1989 ông trở thành giáo sư dạy môn thi ca ở đại học Oxford. Hiện tại ông đang dạy tại đại học Havard, mỗi năm chỉ dạy có sáu tháng còn sáu tháng kia ông để dành cho tiêu khiển, nghiên cứu và sáng tác.

Về thơ ông đã xuất bản:

Death of a Naturalist (1966)
Door into The Dark (1969)
Winter Out (1972)

Station (1975).
North. (1975)
Field Work (1979)
Sweeney Astray (1983)
Station Island. (1984)
The Haw Lantern. (1987)
Selected Poems 1966-1987 (1990)
Seeing Things (1991)
Sẽ xuất bản *The Spirit Level* trong tháng 5, 1996
Về lý luận phê bình ông đã xuất bản:
Preoccupations: Selected Prose 1968-1978 (1980)
The Government of the Tongue (1989)
Sẽ in *The Redress of poetry* vào tháng 11 năm nay.

Quan niệm sáng tác và thơ tuyển:

Giữa ngón tay trỏ và ngón cái
cây bút nằm, vừa khít như cây súng

Dưới cửa sổ, tiếng động nghe rõ ràng
tiếng xuổng xúc vào đất
nhìn thấy cha đang đào vườn hoang

Đào cho đến gập người trong bãi hoa
hai mươi năm qua
trên bao luống khoai lưng còng theo nhịp

Đôi giày ống tồi tàn lê lết
ôm chặt chân mòn thín gối lõm lòi
cha tỉa ngọn cao, lấp bằng lề thấp
trồng lại mùa khoai
khi ta nhặt lòng yêu da củ cứng

Nhờ Thượng Đế
tay cha cầm vững xuổng
vững như ngày xưa cha của cha

.....
.....
.....

Mùi lạnh khoai mốc
chân dẫm lên bùn
tiếng bén chặt rễ sống
đánh động thức tâm tư
tôi không cuốc xuống để nối theo người

Giữa ngón tay trỏ và ngón cái
cây bút nằm nghiêng
tôi đào xới
(Digging. Death of a Naturalist)

Sinh trưởng và lớn lên ở nông trại, thơ của ông đầy hình ảnh, kinh nghiệm của nông dân, sau này thành những biểu tượng liên tưởng đến giá trị nhân sinh. Bài thơ này ghi nhận việc sáng tác như việc canh nông. Những nét đẹp của vần thơ đi đôi với nhọc nhằn của tri thức. Dọc theo bài thơ, cha ông đào đất trồng cây tiếp nối công việc của nội, trồng khoai, vắt sữa. Và đến ông: *Giữa ngón tay trỏ và ngón cái / cây viết nằm nghiêng / tôi đào xới.*

Về sáng tác ông nói: *"Sáng tác là hỗn hợp của may mắn, tài năng, lòng dâng hiến, tính nhẫn nại và sự thất vọng. Thi sĩ quăng ra những kinh nghiệm như những con mồi vào biển sâu của ngôn ngữ rồi chờ đợi và làm việc, tìm cho đúng một tập hợp chữ để gắn đính vào mồi câu".*

Quan niệm về làm thơ của ông như vậy rõ ràng chẳng khác gì câu nói của Napoleon, cho rằng thiên tài là sự kiên nhẫn lâu dài. Quan niệm một bài thơ có giá trị thành quả của rất nhiều công phu ngược lại với quan niệm một bài thơ có giá trị là kết quả của những giây phút xuất thần. Heaney làm thơ cần cù như một nông dân, nghĩa là thuộc về quan niệm thứ nhất.

Tiểu thư
áo viền dăng ten
váy ca rô
từ em rời nhà cũ
niềm trống vắng làm đau thương đời

Khi có em bên cạnh
thời gian nhẹ trôi
thả neo trên nụ cười
Rồi xa vắng

làm rúng động tình người
dứt neo ngày tháng
bềnh bồng lướt qua những tờ lịch
nhấp nhô theo âm tịch mịch
vang tiếng em hoa mềm

Muốn ghé bờ dừng nghỉ
Em đã ra khơi
chỉ còn tôi với biển
chờ đến khi em truyền lệnh lại
tôi sống trong loạn cuồng
(Valediction- Death of a Naturalist)

Mở khóa
từ căn phòng ánh sáng chiếu ra sân
họ bước vào hành lang
đi thẳng qua bức tường bóng tối

Khung, ngưỡng cửa, bùn lầy và đá sỏi
nằm ngang nhiên trong vết sáng rõ ràng
chờ nàng bước vào bóng nàng lần nữa
và xóa nhòa mọi thế sự sau lưng
(Goodnight- Winter Out)

Con đường sáng tác của Seamus Heaney bắt đầu từ nếp sống ở đồng quê (*Death of a Naturalist*) tiến dần đến trầm tư mặc tưởng (*Door into the Dark*). Càng về sau qua những tác phẩm như *Winter Out, Station Island, North* .....và nhất là *Seeing Things*, thơ ông càng mơ hồ, bí ẩn, đôi khi rất khó hiểu.

Ảnh hưởng những nhà thơ đi trước như W.B.Yeats, Robert Frost, Patrick Kavanagh....phong thái diễn đạt và thể thơ của ông ngả về con đường truyền thống. Nhạc và vần điệu được sử dụng thường xuyên. Hình ảnh trong tứ thơ đều là những biểu tượng mang những ý nghĩa khác về tâm lý hoặc tư tưởng. Cũng như đa số những nhà thơ Tây phương duy lý, nồng độ rung cảm của thơ thì không quan trọng bằng những ý tưởng do rung cảm truyền đi. Về bài thơ, ông nói: *"Thơ là sự bộc phát của ngôn ngữ để lại dấu tích do sự tan chảy của ngôn từ sau khi nó vẽ lại hình dồ của một tiến trình riêng tư"*. Câu nói này có thể so sánh với câu nói thời danh của Robert Frost:*"...Thơ như một viên nước đá bỏ vào lò nướng nóng, bài thơ thành hình theo dạng nó chảy tan..."*.□

Vài suy nghĩ quanh tuyển tập *Phía Bên Kia Thiên Đường*

The Other Side of Heaven: Postwar Fiction by Vietnamese & American Writers, ed. Wayne Karlin, Lê Minh Khuê & Trương Vũ

Thạch Hãn

Có lẽ cũng đã lâu lắm rồi nay tôi mới tìm lại được nỗi thích thú khi đọc một cuốn sách viết về chiến tranh Việt Nam. Nỗi thích thú này phát xuất từ nhiều nguyên do: thứ nhất, đây là một tuyển tập *văn chương*, hoàn toàn khác với những sách thuộc loại lịch sử hay biên khảo; thứ hai, tuyển tập thu góp sáng tác của nhiều nhà văn đã từng tham dự, trực tiếp hay gián tiếp, vào cuộc chiến tranh đã gây nhiều tang thương cho cả hai dân tộc Việt và Mỹ. Qua những truyện ngắn trong tuyển tập, các tác giả phơi bày hậu quả tàn khốc của chiến tranh trên đời sống của những người trước đây từng đối đầu nhau trên trận địa, những bà mẹ già mong mỏi tin con, những người phụ nữ đêm đêm phòng không chiếc bóng, giấc ngủ chập chờn với tiếng đạn bom từ xa vọng về, nỗi bàng hoàng đến độ bi thảm của những người phải tất tả bỏ nước ra đi, những băn khoăn của một thế hệ trẻ sững sờ choáng ngợp trước cảnh sống tất bật, vân vân và vân vân. Nguyên do sau cùng, tuyển tập này đã quy tụ được tiếng nói của người Việt Nam ở hải ngoại qua những sáng tác của các nhà văn đã thành danh trước 1975, bên cạnh những nhà văn trẻ hơn, trưởng thành và khởi sự văn nghiệp của họ trên đất Mỹ.

The Other Side of Heaven dày trên bốn trăm trang, chia làm bảy phần, quy tụ 16 nhà văn Mỹ, 12 nhà văn Việt Nam ở trong nước và 8 nhà văn Việt Nam ở hải ngoại. Cấu trúc của cuốn sách, theo gợi ý của Wayne Karlin, người chịu trách nhiệm biên tập tổng quát, được dàn dựng như một cuốn tiểu thuyết. Wayne Karlin còn đề nghị nên đọc như một cuốn tiểu thuyết, với ý là bảy phần trong tuyển tập có tác dụng dẫn dắt người

đọc theo một trình tự. Các truyện ngắn của các tác giả Việt Mỹ sắp xếp xen kẻ nhau, dựa theo ý của một bài thơ dài bằng văn xuôi của George Evans, "A Walk in the Garden of Heaven." Bài thơ này được dùng như chiếc sườn vững chắc quy kết những truyện ngắn lại với nhau để thỏa mãn nhu cầu, theo lời Karlin, "những chương này đặt trọng tâm vào nhu cầu thuật chuyện, nói lên những đau khổ, những mất mát, những người chết vẫn còn ám ảnh kẻ sống, những người phải chịu thương vong về mặt tâm lý, đạo đức và tinh thần, thảm cảnh của đời sống lưu vong; và cuối cùng, số phận của những người phải lìa đất mẹ, những người cô đơn, những người bị ám ảnh, và những người không lối thoát—đó là những đứa trẻ sinh ra trong chiến tranh." (tr. xiv)

The Other Side of Heaven ra đời từ một sự gặp gỡ cách đây hai năm giữa Wayne Karlin và Lê Minh Khuê trong một chương trình hội luận giữa các nhà văn Việt Mỹ về hậu quả của chiến tranh Việt Nam tại Đại Học Massachussetts. Hai người đều đã tham dự trực tiếp vào chiến tranh, và hơn hai mươi năm trước đây, họ đã có thể đối đầu nhau trên trận địa. Wayne Karlin nguyên là một xạ thủ đại liên trên trực thăng, còn Lê Minh Khuê vốn là một thanh niên xung phong công tác dọc đường mòn Hồ Chí Minh. Wayne Karlin trong lúc ngồi ăn sáng, đối diện với Lê Minh Khuê, mường tượng ra "đang ngồi trên trực thăng, lòng đầy sợ hãi và hận thù, chăm chăm nhìn qua kẻ lá rừng già, tìm cho được cô ta để bắn, trong khi ở đuới đất, cô lại ngẩng đầu lên nhìn, cũng sợ hãi và thù hận không kém, cố tìm cho ra tôi. Và chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi đã tìm ra được cô ấy. Phí phạm một mạng sống, đó là cách chúng tôi nói khi giết người trong chiến tranh, và bây giờ tôi lại thấy cách nói đó đúng hết sức. Tôi nhìn qua bên kia bàn, nhìn thấy khuôn mặt của cô, và dường như sau hai mươi năm, cô ấy cuối cùng đã từ trong rừng già xuất hiện. Cô ấy nhìn qua bên kia bàn và cũng thấy mặt tôi. Chính ở cái nhìn đó, cái nhìn bất chợt "rất người" đó—một truyện hay dĩ nhiên phải nói lên được điều đó—đã hình thành cuốn sách này." (tr. xii)

Trong lúc chuẩn bị thực hiện tuyển tập, Wayne Karlin tiếp xúc với một số nhà văn người Việt tại Mỹ và nhận ra rằng tuyển tập sẽ không thể nào được gọi là một "nỗ lực hoà giải" nếu không có tiếng nói của những người Việt Nam hiện đang sống ở hải ngoại. Vì thế, ông đã gặp Trương Hồng Sơn, tức Trương Vũ vào tháng 9 năm 1993, và thấy đó là một sự gặp gỡ vô cùng quý báu dẫn đến sự có mặt của 8 nhà văn Việt Nam hiện sống ở nước ngoài, viết bằng tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Pháp.

Như trên đã nói, tất cả 37 truyện ngắn hay trích đoạn được sắp xếp theo ý của bài thơ "A Walk in the Garden of Heaven," George Evans sáng tác nhân một buổi đi đạo cùng các nhà văn Hữu Thỉnh, Lê Minh Khuê và Nguyễn Quang Thiều trong Thiên Tâm Viên, một khu vườn sỏi đá kiểu Nhật Bản ở Viện Bảo Tàng Nghệ Thuật Boston. Lúc bước vào Thiên Tâm Viên, George Evans bắt gặp một đôi trai gái đang tình tự. Người con trai dùng hình ảnh "Một ngàn lẻ một vị bồ tát" nói lên cảm xúc của mình khi thấy mặt người yêu đã khiến George Evans nghĩ ngay đến thế hệ của mình:

> Chúng tôi già hơn họ. Giữa chúng tôi, đã có quá nhiều mạng sống bị phí phạm, giờ chỉ còn mỗi cái đẹp mới còn chút ý nghĩa. Vậy mà chúng tôi cũng không khác gì họ. Giống họ. Bấy lâu nay, giữa hai nước đã từng đối xử với nhau như vậy. Một bên nói, bên kia quay đi. Cả hai cùng nói, cả hai cùng quay mặt. (tr.4)

Phần mở đầu với tiểu đề "A Walk in the Garden of Heaven," gồm một truyện ngắn của Ward Just và trích đoạn trong *Nỗi Buồn Chiến Tranh* của Bảo Ninh. Trong "The American Blues," Ward Just ghi lại nỗi bàng hoàng khi anh chứng kiến những ngày cuối cùng của cuộc chiến. Vốn là một nhà báo từng làm việc tại Việt Nam trong nhiều năm, tác giả theo dõi diễn biến qua màn ảnh truyền hình, và có cảm tưởng như đang xem lại một cuốn phim gia đình:

> Vì không có báo đọc nên tôi theo dõi đoạn cuối của cuộc chiến qua màn ảnh truyền hình. Nhà tôi ở trên núi nên chỉ bắt được một đài. Tôi theo dõi sự sụp đổ qua đài đó, nó là sợi dây liên kết của tôi. Tôi biết rất rõ chiến trường này, tôi biết địa lý, biết rõ cái bầu khí ở nơi đó như thế nào, biết nhiều viên chức người Mỹ có mặt ở đó cho đến lúc cuối cùng, biết nhiều nhà báo đang có mặt ở đó. Tôi biết rõ lịch sử nơi đó như biết rõ lịch sử của nước tôi, và nhìn một cách nào đó, theo dõi cuộc chiến qua truyền hình chẳng khác gì xem lại một cuốn phim gia đình cũ, một cuốn phim 8 ly nhạt nhoà để lại từ thời thơ ấu, cảnh căn nhà nay đã thôi ở, hình ảnh người cha đã chết, toàn là những kinh nghiệm nhàm chán trừ khi bạn đã sống ở đó và nhớ lại: nhớ được thì lại thêm đau xót. Đây là căn nhà mà ít ra một phần của bạn vẫn mải sống ở đó, và một người cha lúc nào cũng lo thủ thế. Bạn thấy mình tung tăng nô đùa, vô tư, không chút sợ hãi, nhưng lại cũng ý thức được cuốn phim Kodak đang quay. Tôi muốn la to lên để ngưng cuốn phim: *Đừng làm thế nữa!* Nhưng cuốn phim cứ quay nhanh, những hình ảnh càng lúc càng ồ ạt, và không cách nào ngưng phim được, lúc đó hay về sau này. Dĩ nhiên, lúc đó chưa ai biết tương lai rồi sẽ ra sao: tôi không thể tiên đoán được hậu quả. Về sau này tôi nhận ra rằng tương lai đã có thể dự đoán được, ngay cả những người như tôi, vốn tin rằng lịch

sử không thể tái diễn. Những gì xảy ra sau đó không làm tôi ngạc nhiên, kể cả việc thần kinh tôi căng thẳng và chấn động. Nhưng cơn khủng hoảng lại đến trễ hơn, khi những hình ảnh cũ vụt ra khỏi ký ức như những mảng da thịt: có biết bao mạng sống, vô số. Ngày trước tôi nhìn họ, bây giờ họ nhìn tôi trăn trở. Năm 1975, chính ký ức của tôi đã hiển hiện trên đoạn phim đó, ký ức đầy ắp sợ hãi và nhiệt tình, nóng bỏng và chua xót như một điệu nhạc buồn đã cũ:

Anh nói rằng anh yêu em,
Nhưng anh đã nói lời gian dối.

Đó là những ký ức ma quỷ, khó mà nói cho ai hiểu, lại càng khó san sẻ với ai. Vậy mà chân tôi vẫn nhịp đúng theo điệu nhạc, mọi người ai cũng bảo thế. Chiến tranh, chiến tranh, chiến tranh, chiến tranh; có một thời, chúng tôi đã nghĩ chiến tranh chẳng bao giờ dứt, một câu chuyện muôn đời. Mà lại càng thích thú hơn khi thấy chiến tranh đó là trách nhiệm của người Mỹ, do những đầu óc xuất chúng nhất trông nom. Chắc chắn là phải tìm được chút gì an ủi.

Thế nên tôi đã dán mắt vào màn ảnh nhỏ, nối kết được với cuộc chiến qua đài truyền hình, chiếc kính mắt của tôi. Tôi để tâm quan sát từng chi tiết nhỏ, thường mỉm cười, nhưng cũng nhiều khi rơi nước mắt. Tất cả đều quá riêng tư. Tôi biết rõ những khuôn mặt, biết rõ tính tình và biết rõ chuyện đời họ... (tr.5-6)

Đó là tâm trạng của người Mỹ khi phải chứng kiến những ngày cuối cùng và sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hoà. Còn tâm trạng của những người lính Cộng sản thì sao? Nô nức trước chiến thắng sau cùng, hay cũng chỉ ngậm ngùi mường tượng lại hàng hàng lớp lớp những người đã phơi thây trên chiến trường, dưới hào sâu, hay trong núi thẳm? Chiến tranh chấm dứt, chiến thắng vẻ vang mà sao đau khổ vẫn cứ triền miên? Kiên, nhân vật chính trong *Nỗi Buồn Chiến Tranh*, trong trích đoạn ở trang 15-19, phấn đấu với chính mình để viết lại một cuốn tiểu thuyết về cuộc chiến, nhưng càng phấn đấu, anh lại càng thấy rõ những mất mát, những khổ đau miên viễn, hình ảnh những người bạn đồng đội thay phiên nhau ngã gục:

"Có thể thấy trước là chẳng mấy người trong số các nhân vật của cuốn tiểu thuyết được như Kiên sống tới ngày thắng lợi. Ngay từ trang đầu, họ đã phải hành động quyết liệt để không lập tức bị nhận chìm tăm tích vào những cảnh huống chiến trận kinh hoàng, những cảnh huống mà cầu trời cho đừng bao giờ có ai trên đời này lại một lần nữa phải lâm vào. Họ bị cái chết rình rập, săn đuổi, xô dồn vào cái thế mất còn chỉ trong nháy mắt và trong tấc gang. Họ bị giết từng người một hoặc là hàng loạt, bị bắn gục tại chỗ hay là bị thương mất máu chết dần, chưa kể tới bao

nhiêu kiểu đọa đày khác, chưa kể những cơn ác mộng hủy diệt tâm hồn và lột trần nhân tính." (*Nỗi Buồn Chiến Tranh*, 115-116)

Chiến tranh nào rồi cũng gây ra chết chóc thương vong. Trong nhiều năm, người Mỹ có thân nhân tham chiến ở Việt Nam phập phồng theo tin tức và cường độ của cuộc chiến. Tin người thân tử trận trên một chiến trường xa quá nửa quả địa cầu do nhân viên bộ quốc phòng mang đến một cách máy móc nhiều lúc đã làm cho con tim các bà mẹ, các người cha, những người vợ trông chồng xơ cứng lại đến độ dửng dưng. Họ không còn màng đến những lễ nghi quân cách dành cho những người hy sinh trên trận địa, vì những lễ nghi này còn giá trị gì khi người thân yêu của mình đã không còn. Dona Ersnestina, bà mẹ trong truyện "Nada" của Judith Ortiz Cofer thẳng thừng từ chối thứ vinh dự hão đó:

> ...Viên sĩ quan báo là khi nào đem được xác về để chôn cất, họ sẽ chôn cất Tony với đầy đủ "lễ nghi quân cách," còn bây giờ họ chỉ trao cho bà chiếc huy chương và lá quốc kỳ, Nhưng bà đã trả lời từ chối việc chôn cất, và gởi trả lại tấm huy chương cùng lá quốc kỳ với hàng chữ ghi: *Ya vive no aqui*–Không còn ở địa chỉ này nữa. "Ông nói lại với tổng thống Mỹ lời tôi: 'Cám ơn, nhưng tôi không cần. *No gracias*.' " (tr. 25).

Thái độ có vẻ chai sạn đó của một người đàn bà chồng vừa mới qua đời nay lại mất con, bề ngoài dửng dưng trước cái chết đột ngột của đứa con thân yêu không che giấu nổi một sự bấn loạn tột cùng tận trong tâm can của bà. Cuối tuần lễ đó, người ta không thấy Dona đi xem lễ như thường lệ. Vốn là một tín đồ Thiên chúa giáo ngoan đạo, Dona không bao giờ bỏ xem lễ. Hôm thứ hai tiếp theo, bà gọi mọi người sống trong khu chung cư đến nhà, tổ chức một buổi cầu hồn cho Tony. Sau khi cầu nguyện và lần chuỗi, Dona nói với mọi người:

> Tôi mời các bạn đến đây để vĩnh biệt chồng tôi Antonio, và con tôi Tony. Các bạn là láng giềng và là bạn thân của tôi hơn hai mươi năm nay, nhưng họ mới là đời sống của tôi. Bây giờ họ đã ra đi, tôi không còn gì. Không còn gì. Không còn gì. (tr.29)

Sau đó, người đàn bà đau khổ đã mang cho hết gia sản của mình dành dụm trong mấy mươi năm, để rồi vào một đêm nọ, hàng xóm nghe có tiếng đồ vật bị đập vỡ, bị ném xuống đất từ trên cao, pha lẫn tiếng còi hụ xe cảnh sát. Trong ánh trăng rằm, mọi người ai cũng nhìn thấy được những thứ đồ vật đang bị ném từ trên cao đó chính là tư trang và vật gia dụng của người đàn bà đau khổ. Khi hàng xóm bước vào căn nhà, bên trong hoàn toàn trống trơn, còn người đàn bà thì đang trần truồng ngồi co rút trong góc phòng. Chỉ còn lại chiếc lọ thuốc trống không. Đó là lọ thuốc chống đau nhức, có tác dụng làm tê dại thân xác để chế ngự cơn đau, nhất là cơn đau của một người mẹ mất con.

Nguyễn Quang Thiều trong truyện "Two Village Women" (Hai người đàn bà xóm Trại), nói lên nỗi đau khổ của hai người đàn bà chờ chồng, một người biết đích xác chồng mình tử trận, người kia như bị định mệnh trớ trêu ngăn cách: chồng về thăm đôi ba lần, nhưng chẳng có lần nào gặp được mặt vợ, rồi lại vội vã ra đi. Nỗi khổ đau của hai người đàn bà nông dân Việt Nam chất phác, tuy không bộc lộ một cách mãnh liệt đến độ kỳ dị như Dona trong truyện của Cofer, nhưng lại thâm trầm, dai dẳng, kéo dài hàng chục năm. Hai người đàn bà, Ân và Mật, lấy chồng lúc còn thanh xuân, nhưng phải xa chồng không lâu sau ngày cưới. Chồng lên đường nhập ngũ, hai người vợ về sống chung với nhau như hai chị em trong một căn nhà nhỏ trên đê. Chuyện kể hàng năm Tết đến, hai người đàn bà đều gói thật nhiều bánh chưng, chờ chồng về. Nỗi nhớ nhung chồng chất, hai người đàn bà nhiều đêm mơ tưởng đến ngày đoàn tụ, nhưng càng ngóng thì chồng càng biệt tăm. Bắc, chồng của Ân, tuy có dịp về thăm vợ đôi ba lần, nhưng cả ba lần đều không gặp được vợ, rồi lại tất tả ra đi. Một lần Bắc về thăm không gặp Ân, Mật nhìn Bắc, chồng của bạn, rồi chạnh nghĩ đến cảnh cô quạnh của mình, không cầm được cảm xúc, ước thầm rằng người đàn ông trước mặt là chồng mình:

> Mật không trả lời. Chị ngồi im lặng nhìn những mẩu than nhấp nháy như những ngôi sao mùa đông. Giá như đêm nay Ân ở nhà thì Ân hạnh phúc biết bao nhiêu. Và giá như người lính kia là chồng chị. Nghĩ đến đó máu trong người chị dào lên chảy xiết. Chị thấy mặt mình nóng rát. Chị nhớ đến cơn mơ thường gặp và chị muốn khóc.
>
> "Chúng em ở nhà khổ lắm —Mật thổn thức—Giá như có mụn con thì đỡ khổ."
>
> "Sắp hoà bình rồi. Chúng tôi sẽ về cả thôi. Rồi không có sức mà đẻ."
>
> Người lính nói rồi cười lớn. Mật cũng bật cười theo. Nước mắt chị giàn dụa. Ngọn lửa cuối cùng đã chui vào đống than đỏ và ngủ vùi trong đó. Mật ngồi trong bóng tối, miệng lẩm rẩm "Chị Ân ơi về mau lên. Anh Bắc đang đợi chị, Ân ơi, mau lên. (*Người Đàn Bà Tóc Trắng*, tr.120)

Đối với hai người đàn bà này, cái chết của hai người chồng đến từ từ, kéo dài trong nhiều năm, và tệ hại hơn nữa, họ tuy sống đó mà như chết rồi. Nhiều năm về sau, Mật được tin chồng mình tử trận, trong khi chồng Ân vẫn còn sống để rồi bặt tin. Nỗi khổ đau của họ vì thế dai dẳng, gậm nhấm suốt quãng đời thanh xuân, và kéo dài mãi cho đến lúc cả hai đều bạc đầu. Còn gì xót xa hơn, đau khổ hơn khi họ cứ mãi ngóng trông tin, và Tết nào họ cũng sẵn sàng chờ đón chồng về, hăm hở nấu bánh. Những chiếc bánh dư thừa lăn lóc đó có khác gì cuộc đời của hai người đàn bà: nguội lạnh, thừa thãi, phung phí. Đã mấy chục năm như thế, họ sống như hai bóng ma vất vưởng trong căn nhà nhỏ trên đê.

Phản ứng tâm lý của hai người đàn bà Việt trong truyện của Nguyễn Quang Thiều tương phản với phản ứng của Dona Ernestina trong truyện của Cofer ở cường độ và cách biểu hiện, nhưng nỗi khổ đau dày xé tâm can những người đàn bà bất hạnh này không vì thế mà thua kém nhau. Dona Ernestina biểu lộ nỗi khổ đau của mình qua hành động đập phá đồ đạc và cuối cùng chọn cái chết cho mình; trong khi hai người đàn bà xóm Trại âm thầm chịu đựng, đè nén cảm xúc sống lây lất với mong ước, với ngóng trông cho đến khi họ không còn sống trên cõi đời này nữa.

Cái chết nào trong chiến tranh cũng bi thảm. Nhưng bi thảm hơn lại là sự sống tật nguyền, thương vong, bại hoại tâm trí. Phần lớn quân nhân Mỹ từ chiến trường Việt Nam trở về không ít thì nhiều cũng mang theo những thương vong, về thể xác hay tinh thần, ảnh hưởng tai hại lên đời sống cá nhân, gia đình và xã hội của họ. Thống kê cho thấy có khoảng từ 27% đến 65% quân nhân Mỹ phục vụ tại chiến trường Việt Nam mắc chứng rối loạn tâm thần, gọi chung là PTSD (Post-traumatic Stress Disorder). Số khác trở thành phế nhân, bị gạt ra khỏi đời sống bình thường của xã hội. Về phía Việt Nam, sau bao nhiêu năm chiến tranh, con số thương binh, quả phụ và cô nhi lên đến hàng triệu.

"Wounds" (Vết thương chiến tranh) là tiểu đề cho phần ba của tuyển tập, mở đầu bằng truyện ngắn đặc sắc của TrầnVũ, "Ngôi nhà sau lưng Văn Miếu." Truyện ngắn này xuất hiện lần đầu tiên trên tạp chí *Văn Học*, và là khởi điểm văn nghiệp của một nhà văn trẻ. Bản dịch Anh ngữ của Thái Tuyết Quân trôi chảy, lột tả một cách sống động những phản ứng tâm lý, cảm xúc, mâu thuẫn, dằng co của nhân vật chính một cách dễ dàng. Người đọc bản tiếng Anh nắm bắt ngay những biến chuyển tâm lý nhân vật không mấy khó khăn, dễ như đọc bản tiếng Việt.

Chiến tranh không những chỉ để lại thương tật trên thân thể của người cựu chiến binh mà thôi. Vết thương lan rộng bao trùm lên cảnh sống, phủ ụp xuống đời người, tạo nên vấn đề cho xã hội. Nguyễn Mộng Giác với truyện ngắn "Dốc Nhân Sinh" mô tả thực tại miền Nam Việt Nam sau 1975 qua hình ảnh hai người cựu chiến binh tàn phế, vốn là bạn học cũ từ thời thơ ấu. Một người chiến đấu trong hàng ngũ quốc gia ở Miền Nam, bị thương phải cưa chân. Người kia tập kết ra Bắc, bị mù. Hai người bạn tình cờ gặp nhau trong một quán cà phê, ôn lại những kỷ niệm cũ, và nhìn thực tại với một nỗi xót xa cay đắng. Thực tại Miền Nam sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 là đó: người mù dẫn người què. Họ dẫn nhau đến đâu, và đi được bao xa, không cần nói ai cũng biết. Trên một bình diện nhỏ hơn, tương quan giữa hai người bạn cũ từng chiến đấu ở hai phe đối nghịch vẫn còn có một khoảng cách: người lính miền Nam chứng tỏ mình, dù thua trận, vẫn cố sống cho ra người, lương thiện,

cần cù, chịu đựng; người lính miền Bắc vẫn chưa lột bỏ được giáo điều, tuy chua xót không kém khi thấy sau bao nhiêu năm hy sinh chiến đấu, vòng hoa chiến thắng của mình lại là sự mù loà, nghèo đói. Nghèo đến nỗi không có đủ tiền xe mang vợ con về thăm quê, nay đã trở lại sống trong thanh bình.

Hình ảnh những người thương phế binh Mỹ cũng bi thảm không kém. Trong "Waiting for Dark," Larry Brown thuật chuyện hai cựu chiến binh Mỹ, một da trắng bị nhiều vết thương nay thành sẹo trên người; một da đen cụt tay cụt chân. Họ gặp nhau trong bệnh viện Cựu chiến binh. Người phế binh da trắng bị những vết thương ở đầu hành hạ, và phải kềm chế bằng những liều thuốc an thần cực mạnh. Người phế binh da đen cụt tay cụt chân đã hơn hai mươi năm, thời gian nằm viện lại quá lâu đến nỗi anh không còn chút kiên nhẫn nào. Hai người không chuyện trò gì với nhau ngoài vài câu hỏi ngắn gọn, qua loa. Nhưng cả hai lại lao lung suy nghĩ về người kia, về nguyên do gây ra thương tích tật nguyền, về bệnh trạng của mình. Anh da trắng tuy phải chịu đựng những cơn đau vật vã nhưng ý chí sống còn vẫn mạnh:

> Tôi nhắm mắt. Tôi cố gắng không nghĩ gì về hắn. Tôi cố tập trung vào bệnh trạng của tôi, cố gắng nhớ lại hết những gì mấy ông bác sĩ đã nói. Liệu vết thương ở đầu có khiến cho tôi phải lên kinh phong không? Làm sao mấy ông ấy biết được là tôi sẽ không chịu nổi những cơn đau hành hạ cho đến hết đời tôi? Có người đã chống chọi được bịnh ung thư thì sao? Bị bịnh tim nặng vẫn sống được kia mà. Tàu bay rớt cũng không chết! Dĩ nhiên đã có người làm được, và còn nhiều người nữa sẽ làm được. Bị án tử hình cũng chưa chắc gì phải chết. Tùy người. Người ta không phải ai cũng giống nhau. Có người qua khỏi, có người không. (tr.189-190)

Anh da đen chỉ biết tiêu phí thì giờ bằng cách xem truyền hình, hầu như suốt ngày. Giữa các chương trình, anh suy nghĩ về thân phận, về hoàn cảnh đã đưa anh đến chỗ tàn phế tứ chi, nghĩ đến bà mẹ chỉ biết cầu nguyện và than khóc ngày anh lên đường tham chiến. Tuy không bày tỏ ý chí ham sống như người phế binh da trắng, anh lại có niềm tin mãnh liệt vào Thượng đế:

> Tôi mong họ sẽ chiếu lại cuốn phim tôi đã xem hồi đó. Cuốn phim có người lính bị bắn bay mất tay, mất chân, mất luôn cả mặt. Hắn ta có nói chuyện với Chúa Jesus một đôi lần. Nhưng tôi không nghĩ là Chúa Jesus đã từng đến ngồi bên giường hắn như Chúa vẫn thường ngồi bên giường tôi. (tr. 195)

Nhưng vết thương chiến tranh không nhất thiết phải là thương tật trên thể xác, hay tình trạng tinh thần bị chấn động một cách rõ rệt. Có khi đó chỉ là những ký ức, những hoài niệm về những người bạn đã từng

chiến đấu bên nhau, hay những vật vô tri vô giác đã gần gũi với người lính trong những giờ phút đu đưa giữa cái chết và sự sống ngoài mặt trận, cũng đủ làm cho người cựu chiến binh khốn đốn trong đời thường. Sau khi chiến tranh chấm dứt. Sài, trong một trích đoạn từ *Thời Xa Vắng* của Lê Lựu được chủ biên đặt tựa "The Rucksack" (Chiếc ba lô), giữ gìn chiếc ba lô cũ như một thứ kỷ vật. Ban đầu anh để nó lên tủ, thu dưới gầm giường, hay treo đằng sau cửa, cuối cùng cột lên xà nhà để khỏi vướng. Một hôm vợ bắc ghế phơi chăn đụng đầu vào chiếc túi vải, bực dọc lấy dao cắt dây cột rồi quẳng nó lên giường anh. Đến khi ngã lưng cố tìm giấc ngủ, anh nhận ra chiếc ba lô cồm cộm dưới đầu. Sài thấy cổ họng anh nghẹn lại. Anh sờ lên mọi đồ vật còn lại bên trong. Bao nhiêu hình ảnh hãi hùng ập đến. Anh đang sống lại những đoạn đời kinh hoàng của thời đã qua: những cơn sốt mê man, những trận mưa bom, những lúc quá khát phải uống nước tiểu, nhớ lại đêm người bạn tên Thêm bị thương nằm bên bờ suối, cũng với chiếc bi đông này, cũng với chiếc ba lô này, anh đã chứng kiến cái chết của đồng đội mà lòng dửng dưng chẳng hề có một chút cảm xúc. Những hình ảnh rõ nét như chỉ mới đây thôi. Tất cả hiện về ồ ạt, rõ nét, sắc như những đường đao ngọt. Anh nhận ra là chẳng còn nơi nào anh có thể sống yên thân. Ngay cả trong nhà anh, anh cũng không còn chỗ sống. (tr.121)

Nhân vật xưng tôi trong truyện ngắn "The Pugilist At Rest" của Tom Jones thuật lại những kinh nghiệm chiến trường của anh trong lúc đang dưỡng thương trong bệnh viện. Nguyên là một cựu chiến binh trinh sát Thủy Quân Lục Chiến, một lực lượng thiện chiến của Hoa Kỳ, tham chiến ở Việt Nam đến hai kỳ và đã trở về Mỹ nguyên vẹn, không sây sát. Nhưng anh đã không còn là con người trước ngày anh sang Việt Nam nữa. Anh chứng kiến những cái chết không đúng lúc của những đồng đội còn quá trẻ, nhìn thấy rõ những hành động can đảm phi thường lẫn những hèn nhát, và rồi như để trả thù cho đồng đội, anh bắn giết bừa bãi. Sau khi hồi hương và tiếp tục phục vụ tại một đơn vị TQLC, tính tình anh thay đổi. Anh trở nên hung hăng, khiêu khích và ưa gây gổ. Trong một trận đấu võ với một người lính cùng đơn vị, anh bị trọng thương ở đầu. Vì chấn thương sọ não nên anh hay lên cơn, và trong những giây phút ngắn ngủi trước cơn động kinh, anh lại sáng trí hẳn ra, đủ để cho anh tỉnh táo chiêm nghiệm triết lý về đau khổ, về lòng dũng cảm, về ý niệm "anh hùng," v.v. Nhân loại, theo anh, chẳng tiến bộ chút nào. Đời sống văn minh hiện đại vẫn còn có chiến tranh, vẫn còn có tội ác, vẫn còn bắn giết bừa bãi, làm sao có thể gọi là tiến bộ!

Chiến tranh gây chết chóc, chiến tranh gây thương tật cho những kẻ

sống sót. Người chết an phận, nhưng còn người sống thì sao? Họ sống, nhưng vẫn mãi bị ám ảnh bởi những cái chết của đồng đội. Sợi dây ràng buộc vô hình đó hiển hiện mồn một trong truyện thật ngắn "Waiting for A Friend" (Đợi bạn) của Ngô Tự Lập, mở đầu cho phần bốn của tuyển tập. Người kể chuyện là một hồn ma, một trong chín người lính cộng sản bị tiêu diệt trong một trận càn. Tiểu đội gồm 10 người, chỉ còn lại một người sống sót. Hàng năm, Hà, người duy nhất còn sống, khập khểnh mang vàng mã lê đôi chân què trở lại nơi đồng đội anh đã gục xuống, ngồi bên hòn đá đánh dấu chỗ bạn chết, thắp hương cúng vái. Hà làm sao biết được chín hồn ma bạn anh hằng năm vẫn tụ tập với nhau ở chỗ đó chờ anh đến. Họ chờ anh nhưng vẫn mong là anh sẽ quên. Họ cũng biết thế nào rồi có ngày anh sẽ gặp lại hết bạn bè cũ, vì trên cõi đời này có ai được sống mãi!

Những người lính Mỹ chết mất xác ở Việt Nam được liệt vào diện MIA không những là mối quan tâm canh cánh của người thân ở Mỹ như truyện "The Billion Dollar Skeleton" của Phan Huy Đường, mà còn là ám ảnh cho những người Việt Nam như trong truyện "Tony D" (Anh lính Tony D) của Lê Minh Khuê. Người ta đổ xô đào bới, tìm kiếm, nhiều khi biết là vô vọng nhưng vẫn đào, vẫn bới. Ở Việt Nam đã có một thời người ta tranh nhau tìm kiếm xương Mỹ như là một chiếc đũa thần cứu họ ra khỏi nghèo đói (đổi xương lấy đô la), hay dùng như một thứ thông hành đưa họ sang Mỹ!

Cảnh sống lưu vong của người Việt miền Nam chiếm phần thứ năm của tuyển tập, với những truyện ngắn của Nguyễn Xuân Hoàng, John Balaban, Võ Phiến, Hoàng Khởi Phong và Lại Thanh Hà. "Tự truyện của một người vô tích sự"của Nguyễn Xuân Hoàng được Thái Tuyết Quân dịch ra Anh Ngữ lưu loát, lột tả hết những bầm dập trong đời sống cá nhân, gia đình và xã hội của một thanh niên Việt Nam, đúng như ý của tác giả. Truyện thuật lại quãng đời của "một người vô tích sự," nhưng cùng lúc vẽ ra một bức tranh xã hội thu nhỏ qua nhiều thời kỳ của lịch sử cận đại. Truyện này dùng làm tiền cảnh (foreground) cho tâm cảm người Việt lưu vong, chuẩn bị cho người đọc những rối rắm tâm lý của nhân vật—hay đúng hơn, những khúc mắc tinh thần của người Việt lưu vong—trong các truyện ngắn về sau này. Qua "Tự truyện..." người đọc thấu hiểu tâm cảm của một thanh niên sinh ra và lớn lên trong chiến tranh: từ chiến tranh Việt Pháp, đến cách mạng tháng tám 1945, đến Điện Biên Phủ, đến chiến tranh Quốc Cộng, đến ngày Miền Nam thất trận.Qua tất cả những giai đoạn cam go của lịch sử, người thanh niên ấy chứng kiến mọi cảnh tang thương của đời người, mọi dằng co, mọi mâu thuẫn, mọi hạnh phúc, mọi khổ đau. Cuối cùng, anh nhận ra, tuy có đôi chút ngờ

vực, rằng ở đời này, *lẽ sống* quan trọng hơn *sự sống*. (Đáng tiếc, đoạn này đã bị lược bỏ ra khỏi bản Anh ngữ.)

Đến Mỹ, sống cuộc đời bình thường của một công nhân, anh tâm sự:

> Đời sống ở Mỹ thật tiện nghi. Tôi không giàu nhưng không thiếu thứ gì. Tuy nhiên, vào những buổi sáng cuối tuần, đi bách bộ trong khu công viên Mile Square Park, tôi như thấy lại mình thời sống với cha ở một vùng núi miền Trung. Buổi sáng sớm rừng còn đầy sương mù, gió thổi luồn qua những vòm cây lạnh. Trên những ngọn cây cao, tôi nghe tiếng chim kêu từng hồi buồn bã. Giẫm trên những ngọn cỏ ướt sương, bập bập điếu thuốc lá chưa kịp khô, tôi thấy mình già hẳn. Như giờ đây, gần bốn mươi năm sau tôi thấy tôi mới già bằng thuở đó. (*Căn Nhà Ngói Đỏ*, tr.27-28).

Tâm trạng bối rối, bàng hoàng đến độ ngơ ngác của người miền Nam trong những ngày cuối tháng 4, 1975 được Võ Phiến ghi lại trong truyện "Chiếc chìa khoá." Câu chuyện vây quanh cuộc đối thoại ngắn ngủi giữ hai người đàn ông gặp nhau trong nhà tắm ở trại tiếp cư Fort Indiantown Gap. Đám người tị nạn vừa mới vượt thoát ra khỏi Việt Nam bằng những chuyến hải hành hất ngờ ngay trước giờ Cộng sản tiến chiếm thủ đô, nay tuy đã đến đất Mỹ bình an nhưng dường như vẫn chưa thoát ra khỏi cơn mộng du, mặt mày nhớn nháo tìm kiếm người thân, hoặc bị thất lạc trên đường vượt thoát, hoặc bị bỏ lại Sàigòn. Vào một buổi tối nọ, người kể chuyện gặp một người đàn ông tuổi trạc năm mươi trong phòng tắm công cộng. Ông ta là một người rất rụt rè, hầu như không hề mở miệng nói với ai một lời. Nhưng trong cảnh riêng tư ở trong phòng tắm, lúc hai người đàn ông đang "rửa sạch bụi trần," ông ta bỗng nhiên hỏi han tới tấp. Sau đó ông kể lại chuyện ông có người cha già đã 93 tuổi, không thể cùng gia đình ông di tản được. Ông buộc lòng phải để cha lại. Trước khi ra đi, ông tụ tập bà con họ hàng, rồi nói cho họ biết nếu người nào sau nầy săn sóc cho cha ông, người đó sẽ hưởng hết tiền bạc của cải ông để lại. Ông bỏ hết tiền bạc và tư trang vào trong tủ áo rồi khóa tủ cẩn thận trước khi ra đi. Nhưng khi đặt chân đến Guam, ông mới nhận ra là trong lúc vội vã, ông đã để quên chiếc chìa khoá tủ trong túi quần. Ông mường tượng ra cảnh người cha thức dậy, thấy nhà cửa vắng người, rồi sau đó bà con họ hàng đến xục xạo tìm kiếm tiền bạc tư trang, cảnh họ đập phá tủ áo vì không tìm ra được chìa khoá. Ông ta tự trách mình sao lại có thể đãng trí đến thế, chỉ mỗi sơ hở nhỏ như vậy cũng đủ gây tai họa cho người cha thân yêu của ông. Chiếc chìa khoá nay đeo vào sợi dây lũng lẳng trước ngực, chỗ những người có đạo thường mang hình tượng của Đấng Cứu thế.

Nhưng đâu phải chỉ mình ông ta bỏ quên chiếc chìa khoá. Biết bao người, trong cơn hốt hoảng dứt áo ra đi đã bỏ quên rất nhiều thứ, để rồi

về sau này, trong cuộc đời lưu vong, họ sẽ hết sức ân hận. Thân nhân, bạn hữu, ai cũng có người bị kẹt lại. Ai cũng có lỗi lầm, và rồi những lỗi lầm đó sẽ đeo đuổi ám ảnh họ suốt đời.

Sau khi được định cư, người Việt tị nạn lại phải trăn trở lo cho đời sống cơm áo. Nhưng khó khăn nhất vẫn là vấn đề hoà đồng, hội nhập với người bản xứ, do những khác biệt căn bản về ngôn ngữ và những dị biệt phức tạp về văn hoá, người Việt tị nạn trên đất Mỹ dâm ra bơ vơ, nhiều khi cố thu mình lại để khỏi phải thấy mình lạc loài giữa một xã hội đa dạng như xã hội Mỹ. Nhưng càng tránh, họ lại càng bơ vơ, cuối cùng lâm vào một thứ vòng lẩn quẩn khó thoát ra được. Nhưng người kể chuyện trong truyện ngắn "Twilight" (Hoàng hôn) của Hoàng Khởi Phong đã không như đà điểu dúi đầu xuống cát. Sau khi dọn vào một khu nhà "mobile home," anh tìm cách làm quen và tìm hiểu những người láng giềng. Trong một chu vi hạn hẹp của khu nhà, anh dần dần nhận ra những người láng giềng của anh: họ là những người Mỹ hiền lành, chất phác, có người đã từng tham chiến ở Việt Nam, có người có con trai đã tử trận ở đó. Tình thân giữa anh và đám cư dân trong khu nhà càng lúc càng gắn bó. Họ thăm viếng nhau, trò chuyện, trao đổi tin tức, tham dự những buổi tiệc sinh nhật, kỷ niệm ngày thành hôn, v.v. như những người thân trong một gia đình, cùng nhau san sẻ vui buồn của cuộc sống. Truyện ngắn của Hoàng Khởi Phong tiêu biểu cho nhiều trường hợp trong đó người Việt tị nạn đã thành công trong việc hội nhập để có thể sống thoải mái, hoà đồng, bên cạnh những người bản xứ, quy tụ lại nơi đây từ đời nào từ những vùng đất xa xôi như quê hương anh vừa từ bỏ.

Phần cuối của *The Other Side of Heaven* "Legacies," dày 100 trang, gồm 11 truyện ngắn. Hai truyện tôi cho là đặc sắc nhất trong phần này là truyện "She In a Dance of Frenzy" của Andrew Lâm, và truyện kia là "Marine Corps Issue" của David McLean. Nhân vật chính của hai truyện đều là hai người trẻ, thế hệ thừa kế cái di sản thô bạo của cuộc chiến. Andrew Lâm, sáng tác bằng Anh Ngữ, kể chuyện một cô gái Việt Nam trưởng thành trên đất Mỹ, tính tình như con trai. Ở tuổi dậy thì người cô như một đoá hoa mãn khai, khiến cho ngay cả bạn bè của bố cô cũng phải để mắt. Tính tình như con trai, cô không chút ngượng ngùng e lệ trước những lời cợt nhả của mấy người bạn của bố. Nhưng cũng từ lúc đó, đời sống trong gia đình đã thay đổi hẳn. Ông bố lúc nào cũng ngắm de cô con gái rượu, bà mẹ lại như có vẻ ganh tị với sắc đẹp của con gái mình, chị em lại càng không ưa khi thấy cô được người chiều chộng, mấy người anh trai đã không còn nhìn cô như một đứa em gái ngây thơ như trước. Năm 17 tuổi, cô từ giã gia đình lấy cớ đi học xa. Cha mẹ khóc

lóc, anh chị tiễn đưa, nhưng trong thâm tâm họ cảm thấy hài lòng vì từ nay họ không còn phải ganh đua với cô nữa. Từ giả mái ấm gia đình, nơi một thời cô đã sống hạnh phúc, ngây thơ, nhưng nay thì đã khác, để lao vào một cuộc sống phóng túng.

Chung quanh cô không biết bao nhiêu người theo đuổi, sẵn sàng cung phụng, chiều chuộng. Cô sống thảnh thơi với hết người tình này đến người tình khác. Nhưng sao cô vẫn thấy có điều gì không ổn. Không một cuộc tình nào đem lại cho cô được sự bằng an trong tâm hồn, và vì thế cô thay tình nhân như thay áo. Nếu muốn, cô vẫn có thể tạo dựng được một gia đình riêng cho mình, đầy đủ hạnh phúc bên chồng con. Chỉ cần cô quyết định là có ngay một khoảng trời hạnh phúc dễ như trở bàn tay. Lạc thú thừa mứa nhưng sao vẫn không xua được nỗi buồn trong lòng cô. Cho đến một đêm kia, sau một ngày làm việc, cô ngồi một mình trong yên tĩnh và bắt đầu nhớ lại:

> Ngồi trên giường, bên cạnh chồng gối nhồi lông ngỗng, cô bắt đầu hồi tưởng lại quãng đời thanh xuân của mình, nhớ lại những khuôn mặt thân quen, những cuộc tình, những sự việc đã khiến lòng cô dao động. Việc gì, và ai đã khiến cô thấy hạnh phúc nhất? Việc gì, và ai đã khiến cô phải buồn phiền nhiều nhất?
>
> Lúc đầu, cô không nghĩ ra. Có quá nhiều khuôn mặt hiện ra cùng một lúc khiến cô cảm thấy như mình đang chết ngộp trong căn phòng nhỏ này, nên cô tìm cách xua đuổi chúng ra, nhưng chỉ hoài công. Nhưng ngay lúc cô thấy mình sắp ngộp thở, cô bỗng nghe có tiếng ai gọi tên. Gọi tên Việt Nam của cô, một cái tên thật đẹp, thật ngọt ngào. Cô dò tìm khuôn mặt đã gọi tên cô trong vô số những khuôn mặt đang chen chúc trong căn phòng. Dần dà, từ xa, một khuôn mặt hiện ra, lúc đầu còn nhợt nhạt. Nhưng đó không phải là một khuôn mặt lạ. Khuôn mặt này cô đã thấy trước khi cô gặp những người đàn ông kia, trước khi cô trở thành một cô gái đẹp, trước khi cô biết nói tiếng Anh, và trước khi cô đặt chân lên đất Mỹ. Đó là một khuôn mặt già dặn và bao dung, khuôn mặt cô đã biết và đã yêu thương, khuôn mặt đó đã đến với cô ngay từ lúc cô còn nằm trên chiếc chiếu trong khoang tàu chật như nêm chở đông người Việt Nam vượt biển, lúc con tàu đang chòng chành giữa Thái Bình bao la, lúc cô chỉ còn như một cái chấm nhỏ, khát nước và sắp chết. Cả gia đình đang ở quanh cô, không khí vừa ẩm ướt vừa nồng nặc mùi khai, trên đuôi mắt mọi người lộ vẻ mệt mỏi. Giữa những giấc ngủ chập chờn cô thấy khuôn mặt đó càng lúc càng hiện rõ, và cuối cùng cô nhận ra được. Khuôn mặt dài đầu, buồn bã, lo âu, nhưng lại ấm áp tình thương, có tiếng cha cô nói khẽ: "Dậy, dậy đi cưng, dậy uống chút sữa đã rồi chết."
>
> Cô nhớ lại lúc đó mặt trời chói chang chụp xuống người cô, gió càng

lúc càng thổi mạnh, và cô nhớ là qua đôi mắt khép hờ, cô đã nhìn thấy đại dương xanh ngát và bao la dường nào. Cô cảm thấy được cha đang nâng người cô lại gần ông, nhấp chút chất lỏng âm ấm, và rồi sau một vài ngụm nhỏ, cả thế giới như đang sống bừng trở lại trong người cô. Cô ngẩng lên nhìn cha, chớp nhanh đôi mắt, cố mỉm cười vì cô biết là mình sẽ sống, dù chỉ sống vì cha. (tr. 325)

Andrew Lâm tài tình lột tả hết nội tâm của một người con gái Việt Nam bề ngoài hời hợt, mất gốc, sống phóng túng, nhưng bên trong cô lại là một người biết trân quý tình cảm gia đình và tình phụ tử.

Liên hệ cha con lại một lần nữa được David McLean làm đề tài cho truyện ngắn "Marine Corp Issue." (Quân dụng của người lính TQLC). Charles Micheal, nhân vật chính của truyện, ra đời trong khi cha cậu đang phục vụ tại chiến trường Việt Nam. Nhưng khi ông trở về thăm gia đình lần đầu tiên vào năm 1965, ông tiến hành ngay thủ tục đổi tên đứa con trai sinh ra trong lúc ông vắng mặt, từ Charles đổi thành Jonathan Allen. Đó là tên của một hạ sĩ Thủy Quân Lục Chiến. gốc ở Georgia đã tử trận ở Việt Nam. Năm anh hai mươi tuổi, trong lúc lập thủ tục xin thông hành, mẹ anh giải thích cho anh về nguồn gốc cái tên của mình như thế. Vào lúc đó, cha anh đã chết được hơn ba tháng.

Lúc cha còn sống, anh thường thấy cha thích làm hai chuyện: một là chơi banh "handball," hai là ngồi hàng giờ, tư lự ở góc vườn sau nhà vào những năm về sau này. Cha có đôi bàn tay lớn nhưng co quắp, sần sùi, đầy vết sẹo, và anh nghe nói là ông bị chứng phong thấp làm hư hai bàn tay. Muốn cầm vật gì, ông phải khó khăn lắm mới nắm được, và ít khi ông đụng đến ai với hai bàn tay của mình. Nhưng có lần, cũng bàn tay đó, ông đã đánh Jonathan một cú đích đáng. Số là trong kỳ phép từ Việt Nam về thăm gia đình lần thứ hai lúc Jonathan lên năm tuổi, trong lúc cha đang ngồi đọc sách trong phòng khách, cậu bé Jonathan thức dậy, mắt còn ngái ngủ, tay ôm mền đi tìm mẹ. Nhưng khi thấy cha trong phòng khách, cậu bèn nghĩ ra cách đùa nghịch. Cậu rón rén, im lặng đến gần cha, rồi đứng nhìn cha trong một chốc trước khi lao mình đến chỗ cha ngồi, miệng la lớn "Hù!" Lập tức một cú tát như trời giáng bổ xuống. Cậu ngã xuống sàn nhà, mũi và miệng chảy máu. Khi nhận ra mình vừa đánh con, người ông rũ ra, hốt hoảng kêu mẹ lo cho cậu, rồi với vẻ mặt đau khổ, ông lặng lẽ bước ra vườn sau. Từ đó trở đi, cậu nhận ra là nếu muốn yên ổn khi gần cha, cậu phải gây tiếng động, càng thật ồn ào càng tốt.

Lớn lên, cậu lại càng ngạc nhiên trước cuộc đời của mẹ. Những năm cha vắng mặt, theo lời bà ngoại, sau khi đã cho các con đi ngủ, mẹ ôm mặt khóc và ít khi tìm được giấc ngủ cho chính mình. Trong bốn năm

cha phục vụ ở Việt Nam, mẹ anh dồn nén, chịu đựng săn sóc hai đứa con mà đứa lớn nhất chỉ bảy tuổi. Về sau này, anh tìm đọc những sách viết về chiến tranh Việt Nam—một cuộc chiến mà anh cho là "ngu ngốc"—như một cách tìm hiểu về người cha của mình, anh đã nhận ra hình ảnh của mẹ qua những trang sách đó. Khi người cha trở về sống với gia đình sau khi ông giải ngũ, không khí trong nhà vẫn căng thẳng, chia làm hai phe: Anh và mẹ, bên kia là cha và người anh tên Joe. Giữa hai phe luôn luôn có một khoảng cách.

Cha anh cất giữ ba chiếc rương lớn trong nhà kho ở sau vườn, thứ rương nhà binh sơn màu xanh ô-liu. Ít khi anh thấy cha động đến mấy chiếc rương. Tò mò muốn biết trong rương đựng gì, anh nghĩ ra cách đánh tráo chìa khoá để mở xem. Lúc mở chiếc rương thứ nhất, anh chỉ thấy một vài bài báo được cắt rời ra, bằng trung học của mẹ, một ít hình ảnh gia đình. Bên dưới là những bộ quân phục huấn luyện viên, và dưới cùng là một cuốn kỷ yếu mỏng. Anh lật những trang sách, nhìn thấy hình cha, đôi bàn tay lúc đó còn bình thường, đầy đặn và ngay ngắn, rồi thấy bên cạnh tấm hình có chỗ ông ghi KIA (tử trận). Một trong những người có hình được ghi KIA có tên Jonathan Allen Withney, người Georgia.

Chiếc rương thứ hai, ngoài những kỷ vật do nhà thờ tặng tán thưởng những việc ông làm, còn có mấy bộ quân phục màu vàng kaki, đôi giày trận, mấy chiếc thắt lưng to bản, một bi đông, một xấp thư, hình ảnh và một hộp xì gà đựng huy chương và tưởng lục. Anh ngạc nhiên khi thấy có một "chiến thương bội tinh." Như thế có nghĩa ông đã bị thương, nhưng bị thương ở đâu? Ở đôi bàn tay, hay ở bắp đùi chỗ ông thường nói là bị tai nạn lúc còn nhỏ?

Chiếc rương thứ ba bên trên cũng chẳng có thứ gì đáng nói, nhưng ở dưới lại có một bộ quân phục rách rưới, hôi hám nhưng được gấp cẩn thận, bên cạnh là một đôi giày trận sờn rách xơ xác. Giữa bộ áo quần có một chiếc hộp nhỏ đan bằng lá dừa, trong hộp có một bài báo có nhan "tù binh chiến tranh hồi hương," thuật chuyện ông được trao trả sau khi bị bắt làm tù binh trong ba năm ở một nơi gần vùng phi quân sự. Rồi anh tiếp tục mở một chiếc hộp nhỏ khác bằng giấy cứng, bên trong có mấy chiếc răng hàm vàng xỉn đen đỉu. Trên mỗi chiếc răng có ghi một hàng chữ và số nhỏ. Cuối cùng anh tìm thấy một cuốn cẩm nang chỉ dẫn cách thức chịu đựng những đòn tra tấn của địch quân, và bên cạnh một vài đoạn mô tả cách thức tra tấn của Cộng sản, có chỗ ông ghi thêm "Đây này."

Trong lúc đang bị những đồ vật trong rương thu hút, anh không nghe tiếng cha bước vào. Hai cha con đứng sững nhìn nhau, không ai nói

với ai một lời. Sau đó, anh thấy đôi mắt cha húp lên và những giọt nước mắt lăn dều xuống má. Ông ném chùm chìa khoá xuống sàn, rồi bỏ đi.

> Tôi đứng dậy rồi bước ra khỏi căn nhà kho tối tăm, bước vào khoảng không chói chang ánh nắng, tàn tro từ một đám cháy gần đó đang rơi lả tả. Ông ngồi ở rìa vườn, đầu cúi thấp, đôi mắt nhắm nghiền như đang cầu nguyện, hai tay để thừa thãi lên đùi. Sau đó, ông đưa tay về một bên, xới đám đất mềm thành hai lỗ rồi chôn hai bàn tay đến ngang nửa. Ông ngồi im như một pho tượng trong nghĩa trang, và tôi nhận ra đây cũng không phải là chỗ của mình. Tôi bỏ ông ngồi đó, đầu gục xuống, mắt nhắm nghiền, và bước vào nhà. Từ đó, ngày nào tôi cũng thấy ông ngồi ở góc vườn.
>
> Trong bốn năm sau lần đó, ông có kể sơ chuyện chiến tranh cho tôi nghe. Đó là đề tài tôi chẳng bao giờ dám mở miệng hỏi. Thỉnh thoảng, khi chỉ có hai cha con tôi, ông mới nói sơ một vài chuyện chiến tranh, về quãng đời quân ngũ của ông. Trong những lúc như thế, ông rất cẩn thận, nói một mình, thật chậm rãi, tìm cho đúng chữ để nói. Và đó cũng là điều làm tôi nhớ đến ông: tìm cách nói lên những điều ông biết ông không thể nói. Tôi yêu thương ông cũng vì thế, ông đúng là một vĩ nhân. (tr. 339)

Nhìn chung, *The Other Side of Heaven* là một tuyển tập được thực hiện khá công phu. Các truyện ngắn Việt Nam dịch ra Anh ngữ đều lưu loát, trôi chảy, và giữ được rất nhiều *ý* lẫn *văn* của nguyên bản. Qua tuyển tập, người đọc hầu như không còn, và không cần, phân biệt tác giả hay đề tài, người Việt hay người Mỹ. Những đau khổ triền miên của chiến tranh, những cảnh đời bi thảm là những kinh nghiệm chung của *con người*. Tuy có khác nhau về cường độ và cách biểu hiện, tấn bi kịch đó không chỉ dành cho riêng ai, như Wayne Karlin khẳng định trong lời mở đầu: "Mỗi một câu truyện cho ta thấy một khuôn mặt người. Mỗi một truyện cho ta thấy chính khuôn mặt của ta. Câu truyện len vào chúng ta, trở thành một phần người của chúng ta; và sau đó, mỗi người trong chúng ta không ai còn nhìn nhau giống như trước. Trong cái đau chung, cái mất mát chung, trong lẽ thắng bại thường tình, vốn góp phần hình thành những câu truyện hay, chúng ta nhìn thấy khuôn mặt người nơi chúng ta, những khuôn mặt đã từ những vòm lá rừng già, từ bầu trời trống rỗng đã xuất hiện."

Có nhiều người vội vàng cho đây là một sản phẩm có tính giao lưu hay hợp lưu, và lên tiếng phản đối. Tôi không nghĩ thế. Trước hết, người chủ trương tuyển tập, Wayne Karlin đã giải thích rõ ràng nguyên do đưa đến việc hình thành tuyển tập: đó là nhu cầu của những người viết văn, nhu cầu dùng văn chương như một phương tiện diễn đạt:

> Như bất cứ nhà văn nào khác, chúng tôi trở thành nhà văn vì chúng

> tôi biết chúng tôi có khả năng. Nhưng còn có lý do khác: chúng tôi biết đơn giản hoá cõi nhân tâm và nhân sinh để chiều theo những ưu tiên của quyền lực, tùy tiện hay thị hiếu chỉ dẫn đến cái chết và sự sa đọa mà thôi. Nói một cách khác, chúng tôi trở thành nhà văn như bất cứ nhà văn nào đúng nghĩa muốn làm: sáng tác những câu truyện phơi bày hết những phức tạp của cõi nhân tâm, con tim con người vừa có khả năng yêu thương, vừa có khả năng gây bạo lực; chúng tôi muốn phơi bày những khuôn mặt người che khuất dưới những vòm lá, hay lấn át đi trong tiếng quay cuồng của cánh quạt trực thăng, những khuôn mặt bị hận thù, sợ hãi che khuất, bị hận thù và sợ hãi biến dạng thành những khuôn mặt đầy hận thù và sợ hãi. Tận trong thâm tâm, chúng tôi, những người có tham dự vào cuộc chiến, hiểu rằng nếu không viết về những kinh nghiệm chiến tranh đó, chúng tôi đang bắt đầu đi dần đến cái chết về mặt đạo đức và thảm sát thân xác. (tr. xxii)

Việc đăng tải các truyện ngắn của các nhà văn Việt Nam ở hải ngoại bên cạnh những nhà văn Việt Nam ở trong nước cũng chỉ nhằm đến ý muốn của những người chủ biên nhìn cuộc chiến Việt Nam một cách tròn vẹn hơn. *Việc này đáng ra phải được làm từ trước, nhưng thà chậm còn hơn không!* Không ai có thể và có quyền phủ nhận sự hiện diện đầy sinh động của một dòng văn học Việt Nam hải ngoại, đã, trong suốt hai mươi năm qua, không ngừng nghỉ, phản ánh tâm tình và tâm cảm của một cộng đồng lưu vong trên đất khách quê người. Không có tiếng nói của người Việt hải ngoại, bất cứ một cuộc bàn thảo nào về chiến tranh hay hậu quả của chiến tranh sẽ vô cùng thiếu sót, và sẽ là một lỗi lầm không thể bỏ qua được.

Tuyển tập *The Other Side of Heaven* không màng đến sự hoà giải, như có người đã vội lên án. Từ "hoà giải" thường bao hàm ý nghĩa nhượng bộ, tức có sự hơn thua. Qua những truyện ngắn chọn đăng trong tuyển tập, tôi nghĩ ý muốn của những người chủ biên nhắm đến việc "hoá giải" (dấu sắc), *xoá bỏ hết hận thù trong lòng người, trút bỏ hết những hậu quả của chiến tranh.* Đó là những hận thù, những sợ hãi của những người từng đối đầu nhau trên trận địa. Ra trận, mỗi người chỉ làm một việc: *giết người trước khi bị người giết.* Không phân biệt phe phái, chính kiến, lý tưởng, lính tình nguyện hay lính quân dịch. Tất cả những thứ đó chỉ đến sau, nhằm giải thích hành động bắn giết, tạo cho việc bắn giết có chính nghĩa: chiến đấu cho tổ quốc, chiến đấu giành độc lập, chiến đấu cho tự do dân chủ, vân vân và vân vân.

Cuộc chiến tranh nào rồi cũng qua, nhưng những bi thảm do chiến tranh gây ra vẫn còn lâu dài. Hàn gắn vết thương là nhu cầu cấp bách để tìm cho chính mình một đời sống đáng sống, như các nhân vật trong tuyển tập đã chứng minh.□

Võ Phiến, Nhà Tạp Luận

Nguyễn Ngọc Tuấn

Võ Phiến là người hay nghĩ ngợi. Cuộc đời sáng tác của ông cũng là một chuỗi dài những băn khoăn, những thắc mắc. Là một người cầm bút, ông trăn trở về bản chất, về chức năng, về đặc điểm, về số phận của văn học. Đã đành. Là một người yêu văn học, ông đọc rồi trăn trở tìm hiểu, phân tích, đánh giá sáng tác của người khác. Đã đành. Võ Phiến còn thường trực trăn trở với nhiều thứ khác nữa, có thể nói là với bất cứ vấn đề nào nổi cộn lên trong cuộc sống, có ảnh hưởng ít nhiều đến đời sống của dân tộc, của nhân loại. Sự trăn trở thứ nhất làm cho Võ Phiến thành nhà lý luận văn học; sự trăn trở thứ hai làm ông thành nhà phê bình văn học; sự trăn trở thứ ba làm cho ông thành nhà tạp luận.

Nếu tôi không lầm, "tạp luận" là chữ của Võ Phiến. Trước, người ta gọi là "tạp trở", sau, khi tác phẩm của Lỗ Tấn được đọc và dịch nhiều, người ta gọi là "tạp văn." Chữ "tạp văn" sau này rất phổ biến ở miền Bắc trong khi ở miền Nam chữ "tạp ghi" xuất hiện và có lúc khá thịnh hành. Tôi liều gắn chữ "nhà" trước chữ "tạp luận" để chỉ một khía cạnh khác trong con người và sự nghiệp của Võ Phiến, một khía cạnh độc đáo và quan trọng song, không hiểu vì sao, dường như ít được chú ý và không được đánh giá đúng mức, mặc dù người ta vẫn đọc, hơn nữa, vẫn thích đọc tạp luận của ông [1].

Gọi là tạp luận nhưng các bài "luận" của Võ Phiến không hề "tạp" chút nào cả. Chúng khác hẳn các bài hài đàm, nhàn đàm của Tàn Đà, hoặc các bài tạp văn của Ngô Tất Tố trước đây, chẳng hạn. Chúng cũng không giống tạp văn của Lỗ Tấn. Trong tạp luận của Võ Phiến, tính chất "luận" rất rõ, nổi bật hẳn lên, một thứ lý luận chặt chẽ, vững vàng, không nhằm kích động mà chỉ nhằm thuyết phục. Chúng không phải là một thứ "vũ khí chiến đấu" nhanh, nhẹ, gọn mà chỉ là những nỗ lực tìm kiếm sự thật. Thực chất những cái Võ Phiến gọi là tạp luận là tiểu luận. Nhưng

tại sao ông lại không gọi là tiểu luận? Tôi ngờ, ở đây, Võ Phiến có chút thiên vị. Thứ nhất, ông thiên vị cái dài: trong khi "Tiểu thuyết hiện đại" và "Chúng ta, qua cách viết" được gọi là tiểu luận thì các bài viết khác, ngắn hơn, ông gộp chung lại thành tạp luận. Thứ hai, ông thiên vị những gì trực tiếp liên quan đến văn học: những bài viết về thể thơ, câu thơ, về chiều dài, chiều rộng của tiểu thuyết... được gọi là tạp bút trong khi những bài viết về cộng sản và quốc gia, về tuổi trẻ và cách mạng, về người Mỹ và người Việt tị nạn... thì ông gọi là tạp luận; "Yêu và đọc" được gọi là tạp bút trong khi "Chỉ yêu thôi," "Cách yêu mỗi thời" và "Lối yêu hôm nay" thì lại được gọi là tạp luận. Chữ "tạp luận," bởi vậy, với Võ Phiến, là những bài tiểu luận với hai đặc điểm nổi bật: một là ngắn, hai là về những đề tài không phải văn học.

Tuy viết về những đề tài không phải văn học, hoặc về chính trị, về xã hội, hoặc về văn hoá nói chung, chất văn học trong các bài tạp luận của Võ Phiến rất đậm đà. Nếu muốn tìm các bài văn nghị luận hoàn chỉnh theo nghĩa trường ốc của Võ Phiến để làm mẫu cho học trò không chừng chúng ta phải tìm trong *Tạp Luận* chứ không phải là trong *Tiểu Luận* hay trong *Tạp Bút*. Giọng văn trong *Tiểu Luận* và *Tạp Bút* thường linh động, nhẹ nhàng và dí dỏm. Giọng văn trong *Tạp Luận*, ngoài những đặc điểm ấy, còn gọn, sắc, có lúc đanh thép, có lúc sôi nổi, có lúc nghẹn ngào, và bao giờ cũng thiết tha: những vấn đề được ông bàn luận không phải là các ý niệm trừu tượng, xa xôi mà là những cái có ảnh hưởng trực tiếp, thậm chí tàn khốc đến số phận của từng người. Ông phân trần:

> "khi mình là dân một nước đã trải qua bao nhiêu năm khói lửa, rồi lại trông thấy trước mặt một viễn tượng đầy máu me, khi ấy nói về kẻ gây thảm hoạ thật khó giữ lòng bình thản để nói lời tao nhã" (TL: 25).

Võ Phiến "trông thấy trước mặt một viễn tượng đầy máu me" của đất nước ngay từ năm 1968, khi hội nghị Paris vừa nhóm họp: sự phán đoán của ông sáng suốt đến đáng kinh ngạc. Giữa lúc mọi người xôn xao về chuyện đình chiến và cãi cọ với nhau về kế hoạch hậu chiến, Võ Phiến cảnh giác: cuộc chiến tranh mới đang bắt đầu (TL: 14). Giữa lúc những người được coi là có viễn kiến nhất của thời đại tuyên bố ồn ào là với hội nghị Paris, cuộc đấu tranh quân sự đang chuyển hướng thành cuộc đấu tranh chính trị, Võ Phiến báo động: cuộc chiến tranh trước mắt vẫn là một cuộc chiến tranh quân sự (TL: 14 & 22-3). Giữa lúc phần lớn người Việt miền Nam đang hy vọng vào sự trợ giúp tích cực của Mỹ và của các quốc gia Tây phương, Võ Phiến lên tiếng: sự trợ giúp ấy rất có nguy cơ mỏi mệt và thực sự đã bắt đầu mỏi mệt (TL: 27 & 36). Giữa lúc phần lớn đang tin tưởng vào sức mạnh và sự khôn ngoan của Mỹ, Võ Phiến nhắc nhở: trên các bàn hội nghị với cộng sản, Mỹ rất thường bị lừa, và trên

thực tế, Mỹ đã bị lừa khi chấp nhận sự hiện diện của Mặt trận giải phóng miền Nam tại bàn hội nghị (TL: 33-34 & 66).

Tiên tri, tiên giác nhất là ngay từ 1968, Võ Phiến đã linh cảm là miền Nam sẽ mất. Trong bài "Bắt trẻ đồng xanh" viết vào tháng 10.1968, Võ Phiến tiên đoán hai khả năng sẽ xảy ra: một, đến một lúc nào đó, miền Nam sẽ không chịu nổi những cuộc tấn công từ bên ngoài và những sự hỗn loạn, chống phá từ bên trong, cộng sản sẽ tiến thẳng đến tận mũi Cà Mau; hai, trong trường hợp may mắn, tại miền Nam và cả tại các quốc gia đồng minh xuất hiện những nhà chính trị và những tướng lãnh thật giỏi, thật có lòng, cộng sản sẽ lại điều đình và chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh khác, nghĩa là, ngay cả trong trường hợp may mắn nhất đó, chiến tranh cũng vẫn dây dưa kéo dài mãi (TL: 28). Trong bài "Tiếng cú" viết sau đó một tháng, Võ Phiến cho cái trường hợp may mắn nhất đó khó mà xảy ra: chiến tranh càng kéo dài, thế bất lợi càng nghiêng về miền Nam. Tâm lý thích bình yên của dân chúng sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ đến giới cầm quyền tại các quốc gia đồng minh khiến họ tìm cách kết thúc chiến tranh thật sớm. Nếu không kết thúc được sớm, họ sẽ bỏ cuộc, mặc cho Miền Nam đối diện với cả khối cộng sản đằng đằng sát khí. Ông tự hỏi:

> "Vậy chúng ta bị xô đẩy tới thảm hoạ thật sao? Trời quang mây tạnh, lẽ đâu chúng ta chìm tàu trước con mắt thoả mãn của những người chung quanh?"

Rồi ông tự trả lời, một cách đầy cay đắng:

> "Có những quốc gia nhỏ bé đành mất tự do trong cảnh thanh bình của thế giới. Để cứu vãn cái ảo tưởng thanh bình của thế giới. Người ta vẫn hạ dê để tế thần, có khi tế bằng cả mạng người để cầu mong tránh cho tập thể những ôn dịch tai ương" (TL: 67).

Dám nhìn nhận tất cả những sự thật ấy, theo tôi, là một thái độ dũng cảm. Đã nhìn nhận những sự thật ấy mà vẫn tiếp tục cầm bút lên án cộng sản, tranh đấu cho tự do và dân chủ càng là một thái độ dũng cảm. Hơn nữa, nên chú ý đến thời điểm 1968. Đó là năm được mở đầu bằng biến cố Mậu Thân: cộng sản tấn công thẳng vào tận các đô thị lớn của miền Nam. Ranh giới giữa cái gọi là hậu phương và tiền tuyến nhạt mờ dần, hay nói như Võ Phiến, từ hậu phương ra tiền tuyến chỉ tốn có ba đồng xe lam (TL: 33). Không có ai, dù ở bất cứ đâu, còn có thể có cảm giác an toàn được nữa. Cộng sản có thể đột nhập vào Toà đại sứ Mỹ ngay giữa trung tâm Saigon, huống hồ các tư gia, đặc biệt tư gia của những người cầm bút, thường nằm giữa các khu lao động ngổn ngang, nghèo khó, có khi sát ngay bên cạnh một đảng viên cộng sản nằm vùng. Cộng sản đã tấn công đợt một rồi đợt hai, không có gì bảo đảm là cộng sản sẽ không tấn

công vào Saigon đợt ba, đợt bốn... Trong hoàn cảnh ấy, Võ Phiến vẫn công nhiên vạch trần âm mưu của cộng sản, tố cáo những sự độc tài và tàn bạo của cộng sản, để mong thức tỉnh những người có trách nhiệm thoát ra khỏi thái độ nguỵ tín, tự dối mình, hầu có một sách lược đúng đắn hơn, hữu hiệu hơn. Tôi cho đó là một sự dũng cảm. Chưa hết. Nên nhớ hai bài tạp bút "Viết trong tiếng súng" và "Tác phẩm lớn, tác phẩm nhỏ" của Võ Phiến cũng được viết vào năm 1968: ở bài trên, Võ Phiến phá vỡ huyền thoại về sứ mệnh của người cầm bút, hoài nghi mọi sự dấn thân của những người cầm bút[2]; ở bài dưới, ông quan niệm một tác phẩm lớn phải được hình thành từ những bận tâm lớn, những bận tâm siêu hình và xa vời[3]. Nghĩ như thế, tin như thế, nhưng trong suốt năm 1968, ông lại viết rất nhiều bài về chính trị, về xã hội, về những bận tâm rất gần và không chừng, so với nhân loại, cũng là những bận tâm rất nhỏ. Võ Phiến, đứng trước bão tố của thời cuộc, cuối cùng, đã chọn làm một công dân hơn là một nghệ sĩ. Tôi cho đó là một sự lựa chọn dũng cảm.

Dũng cảm và bao dung. Một thứ bao dung nhuốm màu nhẫn nhục. Trong lúc đem hết tâm huyết ra viết bài để vạch trần những âm mưu thâm độc của cộng sản, để báo động về nguy cơ thất bại ê chề trước mắt, nhìn quanh, Võ Phiến thấy gì? Ông chỉ thấy sự ngây thơ và khờ khạo của các chính khách (TL: 22-23). Ông chỉ thấy sự mệt mỏi, muốn rút lui để được yên thân của chính phủ Mỹ (TL: 66). Ông chỉ thấy sự hờ hững của người đọc: số lượng sách bán được càng ngày càng giảm. "Kịch ít ai đọc. Thơ ít ai mua. Rồi truyện cũng mất dần độc giả" (TL: 97). Cuối cùng, ông chỉ thấy một tình thế oái oăm trong giới sáng tác: trong lúc cuộc chiến ngày một leo thang, sự thù ghét đối với chế độ cộng sản của những người cầm bút lại ngày một nguôi ngoai, hậu quả là những tác phẩm xuất phát từ cảm hứng chính trị và có tinh thần "chiến đấu" cao ít hẳn đi (TL: 81-83). Đối với cái thấy thứ nhất, Võ Phiến không giấu được sự chua chát, đôi khi, phẫn nộ. Điều đó dễ hiểu: sự ngây thơ và khờ khạo của các chính khách có thể mang lại hậu quả khốc liệt cho đất nước. Còn đối với những cái thấy sau, mặc dù xót xa, Võ Phiến không một lời trách móc. Ông chấp nhận những sự thật phũ phàng ấy như những quy luật của cuộc đời và tìm cách lý giải, tra vấn nguyên nhân. Chẳng hạn, đối với thái độ muốn phủi tay của chính phủ Mỹ, ông cho đó chỉ là mặt trái tự nhiên của một chế độ dân chủ: trong một chế độ dân chủ, chính quyền bị quần chúng chi phối rất nặng. "Tình hình càng căng thẳng, không khí càng ngột ngạt vì đe doạ, quần chúng càng có tâm trạng lo ngại, càng yêu mê yêu mệt hoà bình, càng thích những lời trấn an từ cửa miệng các chính khách, và mỗi khi sử dụng lá phiếu thì càng chọn lựa kỹ càng cho

được đúng cái ông yêu hoà bình nhất" (TL: 65).

Nên trách cứ ai? Trách chính quyền ư? Một người cầm quyền trong một chế độ dân chủ, thật ra, khó mà làm được điều gì khác, trừ việc thoả mãn nguyện vọng của đám đông. Trách cái đám đông ấy ư? Nhưng nhân danh cái gì để trách họ? Trong bài "Kẻ ác người thiện" (TL: 49-55), Võ Phiến phân tích tính chất tương đối của cái gọi là lòng nhân đạo: nó tuỳ thuộc vào chỗ đứng, vào cách nhìn của từng người, từng hoàn cảnh. Chấp nhận sự tương đối đó, người ta sẽ bao dung hơn. Sự bao dung của Võ Phiến một phần xuất phát từ đó chăng?

Có điều chắc chắn là chính sự bao dung ấy làm cho Võ Phiến trở thành một trong vài người cầm bút hiếm hoi tại Việt Nam trước và kể cả sau 1975 nữa thấm nhuần tinh thần dân chủ một cách sâu sắc. Cho đến tận bây giờ, ở hải ngoại, hiếm gì kẻ vừa cầm bút tranh đấu vừa quát nạt đồng nghiệp với lý do là những đồng nghiệp ấy không nổi lửa trên trang sách như mình. Không nổi lửa như mình tức là vô trách nhiệm, nếu không muốn nói, là tay sai của Việt cộng. Từ sự kiêu căng và độc đoán, thoắt một cái, người ta trở thành hèn hạ: vu khống. Khuôn mặt của một số khá lớn của các "chiến sĩ văn hoá" ở hải ngoại nhiều khi trông lem luốc một phần là vì thế. Võ Phiến thì khác. Năm 1968, 1969, lúc cuộc chiến tranh đang độ ác liệt, lúc Võ Phiến đang viết những bài tạp luận chính trị hừng hực tâm huyết, nhìn thái độ hờ hững của lớp nhà văn trẻ đối với vấn đề cộng sản, ông lo lắng: "Sự hững hờ trong tâm lý, tư tưởng, làm sao có thể đi đôi với những hành động ác liệt ngoài mặt trận?" (TL: 82). Nhưng không phải vì lo lắng mà ông thành bất công. Ông nhận thức được chính lớp người trẻ tuổi ấy mới là những kẻ "gánh chịu phần thiệt thòi nhất của chiến tranh" (TL: 83). Ông chỉ ngạc nhiên: tại sao có hiện tượng nghịch lý ấy? Theo ông, cái nghịch lý ấy té ra lại rất giản dị: lớp trẻ không hề sống dưới chế độ cộng sản làm sao họ có thể thù ghét cộng sản được? Họ chỉ bắt gặp khái niệm chủ nghĩa cộng sản trên các trang sách: người ta có thể thích hay không thích, tin hay không tin chứ không ai có thể thù ghét một khái niệm trừu tượng trong sách vở cả. Họ chỉ đối diện với những bộ đội Bắc Việt ngoài chiến trường: trước mặt họ là những địch thủ cụ thể chứ không phải là một chế độ, cũng không phải là một chủ nghĩa.

Thái độ bao dung ấy làm cho Võ Phiến bình tĩnh phân tích vấn đề, từ đó, phát hiện ra nhiều điều, ngỡ giản dị, thế nhưng trước ông, chưa ai thấy bao giờ. Ví dụ xu hướng chống cộng trong văn học Việt Nam. Theo Võ Phiến, xu hướng chống cộng chỉ xuất hiện và thành cao trào trong nửa sau thập niên 50 và nửa đầu thập niên 60 mà thôi. Trước đó: không có. Sau đó: nhạt nhoà dần. Xu hướng ấy hình thành bởi những người đã

ít nhiều sống hoặc đã từng cộng tác với cộng sản trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Sau 1954, từ miền Bắc hoặc từ các vùng kháng chiến cũ, họ đổ dồn vào Saigon. Khác nhau về tuổi tác, khác nhau về quan điểm thẩm mỹ, tất cả những người ấy lại có ít nhất hai điểm chung: một, kinh nghiệm ê chề về sự tàn bạo và khắc nghiệt của cộng sản; hai, nhiệt tình chống lại cộng sản đến cùng. Chính họ, bằng tâm huyết và tài năng văn học lỗi lạc, đã lôi cuốn quần chúng, tạo thành một phong trào chống cộng sôi nổi. Võ Phiến nhấn mạnh: "Chống cộng trở nên đặc trưng của một lớp người ấy, của một thời kỳ văn học ấy" (TL: 88). Nhấn mạnh như thế là để chuẩn bị đi đến một nhận định khác:

> "lớp người ấy đến với miền nam chứ không phải ở tại miền nam, đối với miền nam là khách chứ không phải là chủ, tới sống ở miền nam mà mang nơi mình cái kinh nghiệm sống từ một hoàn cảnh khác, cái tâm trạng bất bình đối với một chế độ ở nơi khác" (TL: 86).

Hậu quả:

> "Thành ra lớp người của năm 1954 hoá bơ vơ; bơ vơ với nét tâm lý chống cộng giữa một xã hội không cộng sản, bơ vơ giữa các thế hệ trước họ và thế hệ sau họ. Họ là lớp người của cuộc chọn lựa chỉ xảy ra một lần trong lịch sử. Họ quyết định sự chọn lựa và ý thức sâu xa về quyết định của mình, họ đưa ý thức ấy vào văn chương. Nhưng sau cuộc chọn lựa, trở lại cuộc sống bình thường, bên nào chỉ biết chuyện bên ấy: tâm trạng của họ, tâm trạng mang từ bên kia về bên này, hoá lỗi thời. Không những chỉ có Bão thời đại ra đời muộn, mà bộ trường giang tiểu thuyết *Khu rừng lau* của Doãn Quốc Sỹ cũng không hưởng được sự chú ý xứng đáng với giá trị của nó" (TL: 89).

Những luận điểm này không chừng vẫn còn có thể giúp chúng ta hiểu rõ hơn về nền văn học Việt Nam tại hải ngoại từ năm 1975 đến nay. Phát hiện ra mối quan hệ sâu xa giữa tâm lý con người và hoàn cảnh lịch sử, Võ Phiến đồng thời cũng phát hiện ra một đặc điểm nổi bật trong sinh hoạt văn học miền Nam: nó không được phân chia theo trường phái mà chủ yếu theo tuổi tác. Mỗi lứa tuổi có một kinh nghiệm khác nhau, do đó, có cách ứng xử khác nhau. Lớp trưởng thành trước 1945 ít quan tâm đến chính trị, ngược lại, lớp trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp, những người, nói theo Võ Phiến, "đã bị cuộc cách mạng 1945 phá trinh về tinh thần" (TL: 111), thường không có ám ảnh nào khác ngoài chính trị. Lớp trưởng thành sau 1954 lại khác. Đó là một thế hệ mất niềm tin, một thế hệ hoang mang. Cả luận điểm này nữa, nó cũng có thể giúp lý giải những khác biệt trong giới cầm bút ở hải ngoại đấy chứ?

Những người cầm bút bị phân hoá đến như thế. Mức độ phân hoá trong giới độc giả cũng nặng nề không kém. Trước 1945, Việt Nam tương

đối thuần nhất. Tương đối thuần nhất về chế độ chính trị: Pháp thuộc; về tâm lý: khát khao độc lập; về văn hoá: ngả theo Tây phương, chủ yếu là Pháp. Mức độ Âu hoá còn yếu nên trong văn học đường ranh giữa các trường phái chỉ mờ mờ nhạt nhạt. Trong sự thuần nhất dù một cách tương đối ấy, dễ hiểu tại sao một số tác giả, như Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Bính, Nhất Linh, Nguyễn Tuân... dễ dàng gặp tri âm tri kỷ trong cả nước. Sau 1945, tính chất thuần nhất ấy không còn. Đời sống mỗi người bị chính trị hoá rõ rệt. Những sự bất đồng mỗi ngày một gay gắt. Cách cảm thụ văn học cũng chịu ảnh hưởng theo: mỗi tác giả chỉ có thể hy vọng tìm thấy sự đồng điệu ở một số người.

Cũng với một thái độ bao dung và sáng suốt như thế, Võ Phiến phân tích sắc sảo ý nghĩa các cuộc bầu cử tại Mỹ và các phong trào của giới trẻ tại Tây phương những năm cuối thập niên 60. Những bài "Người hiền của quần chúng," " Tuổi trẻ như một giai cấp," "Tuổi trẻ như một phát giác" hoặc "Tuổi trẻ và cách mạng" trong tập *Tạp Luận*, tôi đoán, Võ Phiến viết không mấy khó khăn. Tài liệu nhiều, ông chỉ cần đọc, chọn lựa và tổng hợp. Tài hoa của Võ Phiến ở đây là: ông chọn được những ý kiến mới mẻ, chính xác và sâu sắc nhất. Ông thấy được nhiều điều, ngay ở Tây phương, mãi đến nửa sau thập niên 70, người ta mới tự giác hoàn toàn: ý nghĩa của thân xác, của ngoại hình và của tuổi trẻ. Nhưng điều tôi thú vị nhất ở Võ Phiến chính là cái thái độ tỉnh táo của ông: chắc chắn là ông không đồng ý với những sự phá phách của giới trẻ trong thập niên 60. Năm 1968, Võ Phiến 43 tuổi, lứa tuổi, ở Việt Nam, nhiều người cho là đã khá già, tôi không tin là ông có thể thông cảm nổi tâm trạng của những thanh niên 18, 20 tuổi ở châu Âu, châu Mỹ, những quốc gia lúc ấy ông chưa đến bao giờ. Có điều, không thông cảm, không đồng ý, nhưng ông cũng không lên án họ một cách độc đoán và cao ngạo như nhiều bậc "trưởng thượng" từng làm. Ông hiểu được một sự thật: "Chiều hướng văn minh kỹ thuật nó khiến ra như thế" (TL: 134). Có lẽ nhờ cách nhìn, cách nghĩ như thế mà những bài viết về những đề tài rất ư thời sự, sau hơn ba mươi năm, vẫn mang lại cho người đọc những cảm giác thú vị. Riêng tôi, đọc các bài viết ấy của Võ Phiến, tôi cứ hay liên tưởng đến các bài phân tích của những học giả được coi là hậu hiện đại (postmodernists) gần đây, đặc biệt là Featherstone[4].

Căn cứ vào tuỳ bút của Võ Phiến, nhiều người đã nói đến lòng hoài cựu của Võ Phiến. *Tạp luận* của Võ Phiến hé mở thêm một khía cạnh khác: Võ Phiến chỉ hoài cựu nhưng không hề thủ cựu. Ông luyến tiếc cái cũ, những cái đang phôi pha dần trong cuộc sống song ông cũng chấp nhận cả những cái mới, ngay cả những cái mới ông chưa yêu, không yêu được, chỉ vì lý do giản dị: đó là quy luật tiến hoá tự nhiên của lịch sử, của

xã hội. Sự chấp nhận của ông nhiều khi đầy nhẫn nhục, một cách tội nghiệp, như sự chấp nhận cái thế yếu, cái nguy cơ thảm bại của miền Nam, cái hờ hững của độc giả miền Nam đối với văn học nói chung. Văn tạp luận của ông, do đó, thường buồn hiu hắt. Chút dí dỏm trong giọng văn, trong cách dùng từ, thỉnh thoảng loé lên, đâu đó, gợi lên một ấn tượng chua cay, đọc, thấy se cả lòng.

Dĩ nhiên không phải bao giờ sự chấp nhận tiến hoá cũng gây nên cảm giác ngậm ngùi. Sự nhạt nhoà của cá tính địa phương (TL: 193-212) không làm Võ Phiến ngậm ngùi. Sự biến mất của hình ảnh người nông dân trong văn học (TL: 213-223) không làm Võ Phiến ngậm ngùi. Những sự thay đổi trong tình yêu và cách nhìn tình yêu (TL: 247-263) cũng không làm Võ Phiến ngậm ngùi. Trái lại. Chúng chỉ làm cho ông hiểu rõ hơn, từ đó, quyết tâm hơn trong việc giũ bỏ cái cũ và đi tiếp con đường hiện đại hoá ngòi bút của mình. Ông trêu chọc những người hoài cổ:

> Con người thật trung hậu. Mất thôn quê, ta luyến tiếc không nguôi. Thỉnh thoảng trong chúng ta lại có kẻ giật mình chép miệng than thở: "Đã lâu, không thấy ai vẽ bức tranh quê, kể chuyện con trâu nhỉ! Nhớ quá. Anh em, nào, thử nói lên một chút gì về dân quê đi chứ!".
>
> Than thở, giục dã như thế, chỉ tỏ dạ trung thành, chứ còn trong chuyện sáng tác văn nghệ cái gì làm được ta làm ngay, việc gì phải hô hào đôn đốc "anh em"!. (TL: 222-223).

Thái độ chấp nhận hoàn cảnh và quy luật tiến hoá càng nổi rõ khi Võ Phiến định cư tại Mỹ vào năm 1975. Giữa lúc bao nhiêu người ngoái cổ ngóng về cố hương, trở thành những "chàng Cù Lần" như trong *thơ Cao Tần*[5], thành những "ông Khó tính" như trong tuỳ bút Nguyễn Bá Trạc[6], Võ Phiến, trong một lá thư gửi bạn, viết:

> Dù sao, lá thư của bạn cho thấy một triệu chứng đáng mừng: là bạn đã tạm quên mình mà chú ý đến xung quanh. Trước, bạn toàn nêu ra những chuyện buồn bã, nhớ mong, ray rứt trong cảnh xa nhà xa nước, những băn khoăn về tin tức xứ sở v.v..., bạn chỉ những quay đầu về dĩ vãng và cố hương. Bây giờ hình như bạn có một cố gắng tìm hiểu người Mỹ, đất Mỹ, xã hội Mỹ. Phải thế, bạn ạ. Cuộc sống hiện tại và mai sau ở nơi đây là chuyện phải chấp nhận, là cả một khó khăn phải lo liệu, không thể làm ngơ mãi được"[7].

Đọc *Thư gửi bạn* (1976) và đặc biệt, *Lại thư gửi bạn*[8], tác phẩm được Võ Phiến viết trong hai năm 1977 và 1978, xuất bản năm 1979, chúng ta không thể không kinh ngạc trước những hiểu biết và nhận xét của ông về nơi ông mới định cư. Ông có óc tò mò kỳ lạ: ở đâu ông cũng truy lùng những đặc điểm nổi bật ở đó, chẳng hạn, ý nghĩa của các địa danh, lịch sử thành lập của các thành phố, các loại cây cỏ, hay chi tiết hơn, trong

thành phố ấy có bao nhiêu nhà thờ, bao nhiêu người già cả. Chính ở những vùng đất xa lạ ấy, khả năng quan sát vốn tinh tế của Võ Phiến càng được phát huy triệt để. Ông rình rập cách sống, cách làm việc, cách giao tiếp của người Mỹ để mong khám phá ra cá tính của họ. Theo ông, họ vừa hiền lành lại vừa hung tợn, vừa tốt bụng lại vừa ích kỷ, vừa dễ làm quen lại vừa khó thân, vừa cực kỳ duy vật lại vừa rất ư duy tâm, vừa thích đi nhà thờ lại vừa thích làm những chuyện bậy bạ, v.v... nghĩa là, nói tóm, họ hoàn toàn khác "chúng ta". Nếu chỉ dừng lại ở những nhận định đại loại như vậy, Võ Phiến chẳng còn là Võ Phiến: vô số người Việt định cư tại Mỹ cũng thấy như thế và chỉ thấy như thế. Võ Phiến đi xa hơn: theo ông, những sự khác biệt ấy không phải do thiên bẩm mà chỉ do điều kiện lịch sử và hoàn cảnh xã hội tại Mỹ. Ví dụ về cái gọi là sự bạc tình của Mỹ, ông viết:

> "con người sinh ra tại xứ này không tự họ bạc tình. Bạc tình không phải là bản chất tiên thiên của người xứ này. Gái Mỹ ngày nay không đeo, nhưng gái Mỹ đầu thế kỷ trước đeo cứng, chung tình kinh khủng. Vậy thủ phạm không phải là giống dân Mỹ (giống nào?); thủ phạm là xã hội Mỹ."[9]

Xã hội Mỹ là gì? Đó chỉ là một xã hội kỹ nghệ, một xã hội của khoa học kỹ thuật, của tốc độ, của văn minh, thế thôi. Do đó, nhân danh cái nhìn từ một xã hội nông nghiệp lạc hậu như ở Việt Nam hoặc Trung Hoa để lên án Mỹ là điều không thực tế. Võ Phiến nhắc nhở: "Bạn mắng họ mà chi? Vì ai biết mai kia chúng ta rồi sẽ biến đổi ra sao trên đất nước này?"[10].

Năm 1969, lúc còn ở Việt Nam, trong bài "Nhàn và nhã," [11] Võ Phiến, theo chân Lâm Ngữ Đường, so sánh cách hưởng nhàn của Đông phương và của Tây phương: trong khi người Đông phương, chủ yếu là người Trung Hoa và người Việt Nam thừa nhàn một cách thanh nhã như uống trà, thưởng hoa, đánh cờ, chăm nom cây kiểng..., người Tây phương, ngược lại, thừa nhàn một cách rộn ràng, quần quật, đầm mồ hôi: đá banh, phóng xe, bơi thuyền, nhảy nhót hò hét... Cách so sánh như thế ẩn dằng sau chút gì như kỳ thị: thứ nhàn thanh nhã cao hơn thứ nhàn tất tả; và một chút gì như tiếc nuối, như hoài cổ:

> "Hùng hục đuổi theo chiều hướng văn minh Tây phương, chắc chắn rồi chúng ta cũng sẽ chộp được cái quyền nhàn du. Tha hồ hí hửng. Bấy giờ chỉ thiếu có cái cốt cách thanh nhã để thừa nhàn, thế thôi."[12]

Sau này, qua Mỹ, quan niệm của Võ Phiến có chút thay đổi. Thứ nhất, ông hoài nghi cách lý giải của Lâm Ngữ Đường cho sự hiếu nhàn gắn liền với bản tính đặc biệt của dân tộc:

> "...tôi muốn nói nhỏ với bạn điều này: Bạn để ý mà xem, dường như các bạn Da Đỏ lắm người chịu sống cái dạo lè phè lắm. Mà chắc chắn

không phải là vì đọc sách Lâm Ngữ Đường đâu nhé."[13]

Thứ hai, ông không còn vẻ gì là ngậm ngùi khi tống tiễn cái nhàn nhã truyền thống cả. Ông chấp nhận cách hưởng nhàn mới—dù trên lý thuyết:

> "Ông Lâm Ngữ Đường nói đến bản tính đặc biệt của một dân tộc... Tôi thích những cái ấy. Tôi chỉ hơi ngán cái trường hợp nó chỉ là đặc điểm của một trình độ chậm tiến, và sẽ bị bắt buộc biến mất trong cái xu hướng xã hội ngày nay. Nếu có thế triết gia bất đắc chí sẽ còn khổ sở dài dài, vì sinh bất phùng thời, tị nạn bất phùng xứ"[14].

Lại thư gửi bạn là tác phẩm phác hoạ diện mạo của người Mỹ, của xã hội Mỹ, nhưng điểm riêng tôi thấy tâm đắc nhất lại là những phát hiện của Võ Phiến về... người Việt Nam, đặc biệt, cái cười và cái liếc của người Việt Nam. Người Việt Nam, so với người Tây phương, rõ ràng là hay cười và hay liếc. Cái liếc của người Việt Nam dù được các văn nghệ sĩ khai thác tận tình trong thơ và trong tiểu thuyết song dường như trước Võ Phiến chưa ai phân tích và cũng chưa ai phát hiện ra điều này: "Liếc là một hình thức trong sinh hoạt ái tình Việt Nam,"[15] "cái liếc không hẳn chỉ để "biểu lộ" tình yêu, chỉ là một phương cách tỏ tình; nó cũng là một cách sống ái tình đấy;"[16] "nói về cường độ cảm xúc, tôi không dám chắc giữa liếc, với vuốt ve hôn hít bên nào đem đến những cảm xúc mạnh hơn đấy nhé. Một người đàn bà đã nhớ mãi một cái liếc ngang đến bốn mươi năm, nếu trời cho bà còn sức khoẻ, không có gì ngăn cản bà tiếp tục nhớ nó thêm mười năm, mười lăm năm nữa. Liệu mấy ai nhớ một cái hôn đến nửa thế kỷ?"[17] Võ Phiến nhắc đến những cái liếc giữa Kim Trọng và Thuý Kiều, giữa Từ Hải và Thuý Kiều, những cái liếc trong bài "Tình già" của Phan Khôi, trong thơ Vũ Hoàng Chương, trong truyện Hoàng Ngọc Tuấn làm cho cách lý giải của ông thêm nhiều lý thú, không những chỉ giúp chúng ta hiểu thêm một nét độc đáo trong cá tính của dân tộc mà còn hiểu thêm một nét đẹp trong tác phẩm văn học.

Riêng cái cười thì được nhiều người chú ý hơn, chủ yếu là vì nó bị Nguyễn Văn Vĩnh chê: "Người Nam ta có tật là cái gì cũng cười. Hay cũng cười, dở cũng cười, phải cũng cười, trái cũng cười. Hì một tiếng mọi việc đều hết nghiêm trang." Võ Phiến không bị cái mặc cảm tự ti dân tộc day dứt như Nguyễn Văn Vĩnh nên có cái nhìn hợp lý hơn và cũng tinh tế hơn: với người Việt Nam—và có lẽ, với khá nhiều người Á đông khác nữa —cái cười, cũng như cái liếc, là một thứ ngôn ngữ. Có thể gọi đó là thứ ngôn ngữ nhân thể (body language):

> "Qua nụ cười, chúng ta nói với nhau nhiều lắm. Có khi là bày tỏ sự thông cảm, chia xẻ nhau một ý xót thương; có khi là khen mừng; có khi là trách móc; có khi muốn diễn tả một ý tưởng mệt mỏi chán chường [...]; lại

cũng có khi là biểu lộ cay đắng; có khi khác cười là thách đố, hăm doạ, là khinh bỉ nhau v.v..." [18].

Những phát hiện có vẻ nho nhỏ như thế rải rác khá nhiều trong *Lại thư gửi bạn* cũng như trong tạp luận của Võ Phiến nói chung. Nói là nho nhỏ song ý nghĩa của chúng nhiều khi lại to lớn bất ngờ: chúng làm sáng lên một góc cạnh nào đó trong tâm tình một thế hệ, trong ý thức một thời đại, trong phong cách một dân tộc. Chúng giống như cái đáy nước trong *Truyện Kiều*, dưới mắt Thúc Sinh: *Long lanh đáy nước in trời*. Qua tạp luận của Võ Phiến, chúng ta cũng thấy trời thấy mây thấy giông thấy bão. *Tạp luận* của Võ Phiến là cái phần ý thức lắng đọng, cái phần tự giác sâu thẳm của xã hội Việt Nam, lịch sử Việt Nam trong thời kỳ đầy giông bão vừa qua.□

CHÚ THÍCH

1. Nhìn bìa sau quyển *Viết* của Võ Phiến, Văn Nghệ xuất bản năm 1993, trong các tác phẩm thuộc Võ Phiến Toàn Tập do Văn Nghệ lần lượt xuất bản từ 1986 đến nay, tôi thấy có hai quyển được tái bản lần thứ nhất: *Tuỳ Bút 1* và *Văn học Miền Nam, tổng quan*; ba quyển khác đã bán hết mà chưa được in lại: *Truyện ngắn 1*, *Tạp Luận* và *Truyện thật ngắn*. Quyển *Tạp Luận* do Văn Nghệ in năm 1987. Trong bài viết này, mọi trích dẫn từ *Tạp Luận* đều được ghi ngay sau đó với tên viết tắt TL và số trang.
2. Bài " Viết trong tiếng súng" đăng trên *Bách Khoa* đầu năm 1968; in lại trong *Tạp Bút*, nxb Văn Nghệ, California, 1989, tr.125-140.
3. Bài "Tác phẩm lớn, tác phẩm nhỏ" được in lại trong *Tạp Bút*, tr. 51-59; đăng lại trên *Làng Văn* số 43 (3.1988), số đặc biệt về Võ Phiến, tr. 54-56.
4. Xem Featherstone, M. (1991), *Consummer Culture and Postmodernism*, Sage Publications, London; đặc biệt bài "The Body in Consummer Culture" đăng trên tạp chí *Theory Culture and Society*, vol. 1, N. 2, 1981, tr. 18-33.
5. *Thơ Cao Tần*, Văn Nghệ, California, 1985.
6. Nguyễn Bá Trạc (1986), *Ngọn cỏ bồng*, Người Việt, California, tr. 1-3.
7. Võ Phiến (1979), *Lại thư gửi bạn*, Người Việt, California, tr. 10.
8. *Lại thư gửi bạn* (1979) gồm 10 bài, sau Võ Phiến chỉ tuyển 6 bài in vào *Tạp Luận* (1987).
9. *Lại thư gửi bạn* (1979), tr. 58.
10. Như trên, tr. 62.
11. Võ Phiến (1986), *Tuỳ Bút 1*, Văn Nghệ, California, tr. 48-52.
12. Như trên, tr. 51-52.
13. *Lại thư gửi bạn* (1979), tr. 29.
14. Như trên, tr. 30.
15. Như trên, tr. 38.
16. Như trên, tr. 41.
17. Như trên, tr. 42.
18. Như trên, tr.

Hãy thả linh hồn đi lang thang trong những vùng thâm u

CỎ ĐỒNG

1. Ánh sáng

Hãy thả linh hồn đi lang thang trong những vùng thâm u
như loài cú thường la cà trong các nghĩa địa
Tôi tin
sẽ tìm thấy
thứ ánh-sáng-khác
tỏa ra từ một chìa khóa vùi im lòng đất cổ
hay lập lòe trên đầu lao phóng cá voi.

2. Tình nhân

Trên trời phủ vòm mây kinh dị
Chục vùi thành phố vào cơn mưa khủng khiếp
Tôi buồn rầu
Bạn kể lại vẻ dịu dàng của người yêu
Những lời êm ái đầy hứa hẹn của nàng
Thế giới nào sẽ mở ra cho họ?

3. Mèo đen

Cả thành phố không thấy
con mèo đen đang đi dọc nóc nhà
Ráng trời vàng in rõ bóng mèo cô độc
Đang đuổi theo vật-không-thấy cuối nóc dãy phố dài

4. Thắc mắc

Người bạn mời uống sữa tươi
Tôi từ chối
Mây nặng trên đầu đe dọa
Có gì sắp đổi thay
Cõi nào sẽ phát sinh
Trong bóng tối mỗi tâm hồn?

Nụ cười anh nói lên sự vui sống
Tôi cũng muốn thế
Bằng tất cả Trái Tim Khô
Khi tôi chưa rõ chính mình từ đâu đến?
Là gì?
Và sẽ đi về đâu?

5. Người điên

Tôi gặp người điên ở cổng nhà
Anh nói đến sự thấu triệt hồn nhiên
Những mờ tỏ bên kia bờ trí tuệ
Như con thuyền rong chơi trong biển tối
Anh nhận ra Anh trong Tia-sáng-đen
Anh đã nghe ra những Tiếng-nói-câm.

hoàng chính

Sinh năm 1954. Tốt nghiệp Y Khoa Sàigòn. Hiện định cư tại Canada.

Viết trên *Tuổi Hoa, Tuổi Ngọc* (Việt Nam) trước 1975); *Lửa Việt, Làng Văn, Nhân Văn, Sống, Nắng Mới, Văn Học, Văn, Thế Kỷ 21, Thời Báo Toronto, Thời Báo Texas, Tập San Y Sĩ, Đi Tới, Tự Do, Cross Culture*... (Canada và Hoa Kỳ) sau 1975.

Truyện ngắn Anh ngữ "The Stateless" được tuyển đọc trên chương trình truyện ngắn quốc tế đài BBC tháng 3 năm 1995.

Đã xuất bản:

- *Nửa Đêm Nghe Mẹ Thở Dài* (Thơ, Làng Văn, 1991)
- *Mùa Thu Cuối Cùng* (Tập truyện, Làng Văn, 1994)

Trả lời phỏng vấn:

1. Nhìn từ một góc cạnh nào đó, lao vào lãnh vực văn chương Việt Nam (ở hải ngoại hay trong nước cũng thế thôi) giống như đi yêu một người tình nghèo mạt rệp, không công danh sự nghiệp, không công ăn việc làm, không hứa hẹn tương lai, và không có luôn cả hiện tại. Thiên hạ nhìn vào thú đam mê ấy sẽ khó mà hiểu được. Nhưng đó lại là thứ tình yêu đẹp nhất; yêu vì tình yêu chứ không vì thứ gì khác; một thứ tình yêu vô vụ lợi; thứ Tình Yêu *viết hoa.*

2. Viết văn, làm thơ là một cách tỏ tình với cuộc sống. Tôi thích viết về tình yêu. Tôi yêu những mối tình. Dù buồn, dù vui. Ngày nào trong cõi sống này vẫn còn ai đó rung động trước những lời tỏ tình thì tôi vẫn tiếp tục viết. Cho dù chỉ còn một người đọc. Lỡ như mai này Việt Nam thành tiểu bang của Mỹ (biết đâu được!) và thiên hạ bỏ tiếng Việt để chuyển hẳn sang tiếng Anh, tôi vẫn tiếp tục viết tiếng Việt. Viết rồi đọc, một mình.

"Về Cõi Trầm Luân" là truyện ngắn tôi thích nhất.

Chàng ở trọ. Hình như vậy. Căn nhà đông người. Chàng chưa bao giờ gặp ai. Cứ về đêm chàng nghe tiếng trẻ con khóc ỉ ôi. Những tiếng khóc của đứa trẻ nhớ hơi mẹ. Chàng đoán thế. Nhưng chàng chưa hề thấy mặt đứa trẻ nào. Suốt ngày, chàng sống vất vưởng như cọng rác dập dềnh trên mặt nước sông ngầu đục. Đêm xuống, chàng loay hoay với những bức tranh cũ, sứt khung, bay màu. Lem nhem, lấm láp. Chàng cắt, dán, gò, ép, sửa sang lại. Không có dụng cụ, những ngón tay chàng trầy trật, ê ẩm.

Bên ngoài, đêm phủ xuống tấm màn nhung dầy đặc, tối ám. Cánh cửa khép hờ. Đêm thanh bình như những đêm yên ổn ở những phố phường thời chưa có chiến tranh. Ánh điện vàng vọt trải khung vuông trên bậc thềm xi măng màu xám. Có tiếng chân bước nhẹ bên ngoài. Như tiếng chân rón rén của một con mèo đêm. Lũ chó hoang mèo lạc ở đây đi rong ruổi khắp các ngõ ngách của khu phố. Thỉnh thoảng chúng cắn nhau ỏm tỏi vì chuyện đực cái. Ba cái chuyện ghen tương vớ vẩn. Loài thú cũng ghen tương; loài thú cũng có những đam mê rực lửa. Nhưng loài thú không biết yêu đương. Chàng thầm nghĩ và quay ra cửa. Không có bóng dáng một con vật nào trong cái khoảng vuông của khung cửa chữ nhật hẹp. Chàng lại cắm cúi, loay hoay với những bức tranh sứt khung.

về cõi trầm luân

hoàng chính.

"Anh!" Tiếng gọi khẽ dập dềnh trong không khí, như thể vọng ra từ trí tưởng tượng của chàng. Chàng ngước lên, bắt gặp người con gái, óng ả trong bộ quần áo lụa vàng. Chàng chớp mắt lia vì xúc động, buông rơi tấm tranh sơn dầu cũ xuống nền nhà, làm phát ra một tiếng cạch khô khan.

"Lệ Uyển!" Hơi thở chàng nén lại trong lồng ngực, và khẽ tuôn ra thành cái tên quen; rất quen của người con gái.

"Đang làm gì thế?" Nàng hỏi, vẫn chân trong chân ngoài ở ngạch cửa, vẫn một tay vịn trên khung cửa gỗ. Vải lụa mềm ôm gọn lấy thân thon. Giọng nàng mềm, nhẹ như hơi thở lúc đã ngủ say.

"Làm..." Chàng quay lại, nhìn những bức tranh rải rác trên nền nhà, hể hả giọng khôi hài, ngược ngạo. "Làm... nghệ thuật."

Nàng nhướng cặp mắt lên, ngơ ngác, "Nghệ thuật?"

"Ừ." Chàng chống tay, lom khom đứng dậy. Xương cốt chàng dãn ra. Tiếng kêu lụp cụp ở lưng, ở hai đầu gối. "Vào đây, Vào đây!"

Cái giọng sôi nổi của chàng làm người con gái thích thú. Nàng bước

những bước nhẹ tênh trên nền xi măng, tiến về phía chàng. Tiếng dép nàng lệt xệt. Đôi dép có lẽ làm bằng loại cao su tổng hợp rẻ tiền, nên cứng nhắc, làm sượng cả những bước đi của nàng. Hai mắt nàng đảo quanh một vòng khoảng không gian vàng ệch ánh đèn điện quanh chàng. Rồi nàng ôm lấy chàng. Những sợi tóc quấn quanh cổ chàng. Những vòng dây oan. Chàng thầm nghĩ. Mùi tóc thanh thoát nâng chàng lên cao. Mùi thịt da chì chiết níu chàng xuống thấp. Lên, xuống, lên, xuống; như lúc cong người trên một chiếc đu bay bổng, nao nao.

Một nụ hôn. Họ dừng lại, nhìn đắm đuối vào mắt nhau. Thêm một nụ hôn. Răng nàng trơn bóng. Lưỡi nàng mềm. Môi nàng uốn éo, cong oằn, sôi nổi. Chàng hôn cả vào nướu răng nàng, chỗ có chiếc răng khểnh.

"Chết mất!" Chàng rên rỉ lúc môi họ rời nhau. Nàng hiểu. Nàng để mặc cho chàng mầy mò. Một lát, nàng cười, nghiêm trang: "Thôi, em về..."

"Khoan đã mà..."

Chàng nài nỉ. Nàng chần chừ, vuốt sửa lại áo quần. Rồi nàng nhìn những bức tường ở chung quanh chàng.

"Ai ở đây với anh vậy?"

Chàng ngơ ngác. Mình ở đây với ai thế này? Có tiếng trẻ con khóc trên lầu, nhưng chàng không nhớ nổi mình đang ở với ai. Căn nhà đông người ở. Chàng không biết mặt ai; chàng chỉ nghe tiếng người. Thường là tiếng khóc trẻ con; những tiếng khóc ngằn ngặt tê gan, xót ruột. Chàng trả lời cho qua.

"Nhiều người lắm."

Nàng cầm lấy bàn tay ham hố của chàng.

"Nhớ để sợ!"

Chàng ghé hôn lên cái mép cong của cặp môi nàng, rồi cằn nhằn:

"Khó chịu quá!"

Nàng hiểu. Chàng biết chắc nàng hiểu. Vì chàng thấy mắt nàng chớp nhanh. Cặp mi nàng loang loáng khép mở dưới ánh đèn vàng úa. Và hàm răng trên của nàng cắn hờ môi dưới.

"Em về!"

Nàng gỡ tay chàng. Lướt đi trong vũng ánh sáng vàng vọt. Chàng bần thần nhìn theo. Những ngón tay chàng co lại, duỗi ra bứt rứt. Nàng lắng nghe tiếng dép nàng lẹp xẹp. Nàng ra tới bậc thềm, một tay bám vào khung cửa, quay đầu lại, chu cặp môi cong, hôn gió chàng. Chàng cuống cuồng.

"Lệ Uyển!"

Mắt nàng tròn xoe. Chân nàng gắn cứng trên nền xi măng. Chàng lướt ào ra cửa.

"Chờ anh!"

Chàng kéo tay nàng đi.

"Không tắt điện sao?" Nàng hỏi.

"Khỏi!"

"Đóng cửa kẻo ăn trộm..."

"Không sao. Nhà có người... Đi, Uyển."

Chàng vòng tay ôm cứng lấy vai nàng. Cánh vai mềm mại như vai con búp bê nhồi bông gòn. Vải lụa mát rượi thịt da. Đêm thấm vào nàng lạnh băng, làm tê đầu những ngón tay chàng.

"Anh ở với ai vậy?"

Nàng lại bắt đầu có những thắc mắc rất đàn bà. Ai ở đó thì có gì liên hệ tới nàng đâu. Chàng trả lời quấy quá:

"Toàn người lạ."

"Người lạ mà ở chung?"

Đầu óc chàng bỏ rơi nàng một đỗi. Chàng cố nhớ xem mình ở chung với ai. Chàng nhớ những bóng người thấp thoáng; chàng nhớ tiếng trẻ con khóc. Nhưng chàng không nhớ nổi mình đã từng gặp ai trong căn nhà lạ lắm đó.

"Anh sao vậy?"

Nàng ngắt cánh tay chàng. Chàng suýt soa vì đau.

Họ bước đi trong bóng tối. Đường đất nhấp nhô. Tay chàng quấn lấy nàng, như sợ bộ quần áo ống mượt nàng mặc trên người sẽ làm nàng trôi tuột vào bóng đêm. Hai người bước đi nhẹ tênh, như hai bóng mây dan díu. Màu đêm thẫm lam nham ánh đèn dầu vàng vọt qua những khung cửa còi cọc. Hai chiếc bóng nhập nhằng quấn quyện lấy nhau. Hai chiếc bóng quăng quật trong hẻm tối. Nàng đổi qua phía bên phải chàng. Tóc nàng đổ trên vai chàng, rối tung. Hai mắt chàng láo liên trong bóng tối. Họ, như cặp thú hoang đi tìm một hang động yên tĩnh để yêu đương.

"Đưa em đi đâu vậy nè?"

"Đi..." Chàng ậm ừ qua loa. Hơi thở chàng ngắt quãng, như chiếc bong bóng dài bị buộc thắt lại thành nhiều khúc. Chàng liếc nhìn nàng. Vẻ mặt chàng hằn kỳ dị lắm, vì chàng thoáng thấy trong ánh đèn hắt ra từ căn nhà ọp ẹp bên đường, mắt nàng ánh lên một tia thất thần, hoảng hốt. Tia sáng hẹp như cái khía con ngươi dài vàng óng của một con mèo hoang, sáng rực trong bóng tối.

Đã bắt đầu có gió. Gió thổi tóc nàng quấn lấy mặt, lấy cổ chàng. Gió xoáy vào mũi chàng cái mùi ngai ngái của bùn đất. Chàng nghe trong tiếng rì rào của gió, có tiếng óc ách của nước vỗ vào bờ đá.

"Tối hù!" Nàng cằn nhằn.

"Uyển sợ à?"

Không nghe nàng trả lời, nhưng cánh tay chàng cảm được chuyển động của những cái lắc đầu vội vã.

"Sao run?"

"Lạnh."

Nàng thấp hơn chàng gần một cái đầu, nên cánh tay nàng vòng qua chỉ vừa tầm thắt lưng chàng. Vòng tay nàng thắt lấy chàng, như con rắn không có cột xương sống.

"Dám tự trầm không?" Giọng nàng rờn rợn.

"Sao không."

"Chết chung, đầu thai qua kiếp khác, tha hồ yêu nhau..." Cái gì đó như nỗi sợ sệt dấy lên trong đáy tim chàng. làm ra những nhịp thừa bất chợt. Chàng bóp nhẹ vai nàng.

"Nói nhỏ thôi, Uyển à."

"Có ai đâu mà sợ."

Chàng kéo nàng về phía những căn nhà làm theo kiểu nhà sàn ở mé sông. Những căn nhà tối thui. Cửa ngõ đóng kín bưng. "Đi đâu vầy nè?"

"Anh biết chỗ này..."

Bước chân nàng có hơi sượng lại một chút. Chàng cảm được cái trì kéo của thân thể nàng ngát hương. Những bước chân nhem nhép trên bờ nước cạn.

"Giờ này nước rút..."

Không nghe tiếng nàng trả lời, nhưng chàng hình dung được ánh mắt nàng sáng lên, như ánh mắt đứa bé lúc được thêm một phần quà.

Chiếc khung gỗ của cái nền nhà sàn vênh vẹo phía trên đầu họ. Hai cái bóng lom khom lẩn vào khoảng bóng đen nhờ nhờ. Lẫn trong tiếng nước róc rách dạt vào bờ đất bùn và sỏi đá vụn, giọng chàng hăm hở: "Anh biết chỗ này..."

Chàng chợt đưa tay ấn đầu nàng xuống, tránh một cây xà ngang vênh vẹo. Hai người lom khom trong bóng tối. Tay chàng rờ rẫm bóng đêm.

"Đây rồi!"

Tiếng chàng reo vui. Chàng cầm tay nàng đặt lên một phiến gỗ nhám và ẩm ướt.

"Uyển ngồi đi." Chàng cố nhìn vào khuôn mặt đen ngòm của nàng, nhưng không thể tìm thấy bất kỳ dốm sáng nào trong đôi mắt thường ngày có màu nâu thẫm.

Chàng loay hoay cởi áo mình, trải lên phiến gỗ và cuống quýt đỡ nàng nằm xuống. Nàng lọng cọng chiều theo cánh tay gượng nhẹ của chàng. Bàn tay chàng dò dẫm đêm tối. Chàng đo đạc từ ngọn tóc tới gót

chân nàng. Phiến gỗ ân huệ được tháp cứng vào chân trụ gỗ chống đỡ ngôi nhà sàn, như một miếng gác xép, chiều rộng không qúa một phiến lưng đàn ông lực lưỡng.

Nàng dẫn chàng đi quanh quẩn trên thân thể nàng. Vải lụa mát rười rượi. Mảnh áo, manh quần rộng thùng thình. Mùi tanh nồng của bùn đất xấc xược thốc vào mũi chàng, nhưng chàng chỉ cảm được thứ mùi hương sổ sàng của da thịt, trộn lẫn cái mùi mang mang của tóc. Và họ dán chặt vào nhau, vừa vặn, êm ái, khít khao như chiếc chìa gài sâu vào ổ khóa.

Một lát, chàng ném ra cái câu đã ám ảnh chàng từ lâu nay, "Mẹ có nói gì không?"

"Đủ thứ." Câu trả lời đã được gài sẵn trên môi nàng từ lúc nào.

Chàng nằm nghiêng, ép sát vào nàng cho khỏi ngã. Tay đặt lên ngực nàng. Nâng niu, gượng nhẹ. Rồi chàng nhếch mép cười. Chàng muốn biểu diễn một nụ cười khinh mạn trước mặt nàng, nhưng khuôn mặt chàng nhòa nhập với bóng đêm, dễ gì nàng thấy được thái độ cao ngạo ấy.

Tiếc rẻ, chàng hậm hực, "Đòi những thứ gì?"

"Đủ thứ."

"Đủ thứ?"

"Ừ. Nhà trai giàu lắm. Đòi gì cũng có, nhưng kẹt mỗi cái..."

"Sao?" Chàng vuốt ve bụng nàng.

"Ông ngoại em hồi đó làm lớn, ông nội em cũng làm lớn..."

"Thì sao?"

"Dòng họ nhà trai không có ai làm lớn."

"Có sao?"

Cái hể hả thấm trong giọng nói chàng. ừ đâu phải cứ giàu có là lấy ngay được vợ đâu. Chàng hình dung ra cái mặt hăm hở đáng ghét của gã đàn ông thừa hưởng chút của cải của bố mẹ, đang hí hửng đi hỏi cưới người yêu của chàng làm vợ. Cái bọn mới giàu làm sao gột ngay đi được cái vẻ quê mùa, cục mịch. Nỗi hậm hực đeo dính lấy chàng.

"Ông bà già em muốn môn đăng hộ đối." Nàng thì thào.

"Vậy sao?"

Chàng lại nằm úp lên người nàng. Lần này, chàng nghe nàng rên rỉ. Lẫn trong tiếng óc ách của con nước bạc nhược vỗ dạt vào bờ đá vụn, chàng nghe được tiếng thở ngắn ngặt mang mang hòa trong tiếng ếch nhái râm ran.

Lúc họ rời nhau ra, đêm đã mỏng dần và mờ ảo hơi sương.

"Lạnh!" Nàng rên rỉ, "em phải về."

Chàng hôn lên môi nàng rồi đỡ nàng dậy. Nước lấp xấp dưới

TỔNG HỘI VĂN HỌC VIỆT NAM HẢI NGOẠI

chân. Chàng hôn ghì lên ngực nàng. Ngực nàng đầy. Nuôi con, tốt sữa biết chừng nào. Con của anh, con của chúng mình. Vậy mà không lấy được nhau.

Họ lại cúi lom khom để tránh cái xà ngang. Chiếc áo thấm nước ướt nhẹp, dính sát vào lưng, làm người chàng nổi gai. Chàng rùng mình.

Hai cái bóng bước vào khoảng sương mù trắng đục.

"Cho em lấy chồng nghe!" Nàng nói, giọng ướt sũng. Móng tay bấu lấy cổ tay chàng, như vuốt sắc loài châu chấu mà chàng thường đuổi bắt bên bờ sông.

Thấy chàng ậm ừ, nàng nhắc:

"Cho không?"

"Thì cũng phải cho, chứ..." Chàng ngần ngừ. "Mà lấy ai?"

"Thì đám đó...đó..."

Chàng hiểu.

"Nhưng có môn đăng hộ đối đâu?"

"Thế nào bà già cũng chịu! Tiền quá trời là tiền mà! Hột xoàn, kim cương đủ thứ!"

Chàng vuốt tóc nàng.

"Cũng được..."

Nàng chợt nặng nề như cối đá trên tay chàng. Những bước chân lún sâu xuống đất bùn. Chàng quơ tay vào vùng sương mù màu sữa lỏng, như gã thi nhân hào sảng gửi thông điệp cho đất trời. "Kiếp sau..."

"Ừ, kiếp sau."

Họ ra tới con ngõ dẫn về khu phố chàng. Chàng bóp bóp bờ vai nàng. Ánh đèn nhợt nhạt quét lên màn sương mỏng. Căn nhà nào là của mình, chàng không nhớ. Có phải mình ở đây không? Tiếng sỏi đá rào rạo dưới chân.

"Uyển nhớ không?" Chàng xớn xác.

"Nhớ gì?"

Nàng hỏi lại, đôi mắt loang lóang ánh đèn.

"Nhà anh!"

"Ô!"

Nàng đứng sựng lại, nhìn chàng trân trân.

"Quên thật à?"

"Nhớ chứ. Căn nhà có những bức tranh ở trong...."

" Ô..."

Chàng nhìn lướt dãy nhà hai bên đường. Những mái nhà đen đúa cao thấp không đều. Đám khung cửa chữ nhật đóng im ỉm. Một vài nơi còn le lói ánh đèn. Những vệt sáng èo uột vạch những vệt dài trên mặt đất. Vài con chó sủa vu vơ. Có thật chàng có một mái nhà để trở về

không?

Chàng dẫn nàng đi loanh quanh trong sương mù. Hơi nước ám vào tóc nàng ướt sũng. Bỗng chàng vuốt lưng nàng, thì thào, "Ừ, phải đấy, cứ lấy chồng đi!"

Nàng ngước nhìn chàng, ngơ ngác:

"Anh không buồn à?"

"Sao không?"

Chàng nhìn đăm đăm vào những khung cửa chữ nhật. Chàng tìm những con số.

"Nhà anh có số không?" Nàng chợt hỏi.

Chàng ngập ngừng:

"Hình như... hình như..."

Chàng cố nhìn thật rõ những con số trên những cánh cửa. Những con số giống hệt nhau. Những con số lạ lùng, kỳ bí.

Sau cùng, chàng trở lại với nàng và câu chuyện dở dang. "Uyển cứ lấy chồng đi."

"Ừ!" nàng có vẻ giận dỗi.

"Nếu có dịp gặp mẹ em," chàng thong thả nói, như kể chuyện. "Anh sẽ chỉ cần đọc cho bà nghe một câu ca dao thôi."

"Câu gì?" nàng tò mò.

Chàng đằng hắng, thong thả thở vào tai nàng. "Má ơi, con má hư rồi. Còn đâu má gả, má đòi bạc trăm."

Nàng bất chợt trôi tuột khỏi tay chàng. Chàng còn đang ngỡ ngàng, thì một bên má đã nóng rát cùng lúc với vệt gió lốc phất lên với bàn tay vung cao của người con gái. Sương mù quẫy động quanh nàng.

"Anh không có quyền khinh tôi như vậy. Biết không!" Giọng nàng lạnh và trong vắt như những mảnh vỡ pha lê sắc cạnh. Giọng nói ấy cắt xén đêm sũa đọng thành những miếng thạch xu xoa mỏng mảnh. Nàng tuông chạy, lẹp xẹp, lẹp xẹp trên nền đất ẩm. Chàng ngơ ngác, sững sờ chôn cứng hai chân trên nền đất ẩm, trong lòng con hẻm nhỏ. Bàn tay xoa má, miệng xớn xác gọi với theo hướng nàng.

Nhưng chàng chợt quên mất tên nàng. Quên ngặt nghèo. Nàng tên gì? Nàng có tên không? Chàng không sao nhớ nổi. Chàng ú ớ vô nghĩa.

"O, kìa..."

Nàng tan vào khung sương trắng dục, như người nghệ sĩ bước qua tấm vải trắng, vào hậu trường sân khấu. Nàng lấy theo mọi thứ. Cảm giác đê mê khi loài ốc sên bò lan trên thân thể. Niềm hạnh phúc có da có thịt. Và nàng lấy luôn đi cái tên ngọt ngào ra khỏi trí nhớ chàng.

Bỗng dưng chàng tuông chạy, cuống cuồng như tên tù vượt ngục. Hạnh phúc khói sương. Hạnh phúc để lại năm ngón tay rát bỏng trên

Nơi chốn
HOÀNG XUÂN SƠN

Vết chàm
để lại trần ai
một hôm hóa mộng bay dài
viễn phương
gặp nhau chừ
cũng lạ đường
hỏi chim thiên tú
mù sương điệu chào
nghìn hoa ghi tạc má đào
môi son từ độ
vàng sao úa tình
áo mờ
hút dặm phong nghinh
tóc buồn lạc sợi
miền sinh tử
về.

má chàng. Chàng nhớ bộ quần áo lụa vàng nàng mặc, nhớ chiếc hôn ngọt lờ lợ trên phần nướu chiếc răng khểnh. Chàng nhớ bức tranh ráp sửa dở dang trong căn phòng chàng đã sống, trước khi nàng ghé thăm. Chàng quay cuồng trong vũng sương mù trắng đục. Chàng cuống cuồng gõ cửa những căn nhà có số giống nhau. Chàng nghe tiếng ho, tiếng ngáy, tiếng con nít khóc.

Nhưng không ai mở cửa cho chàng. Không một ai mở cửa cho chàng.□

phạm ngũ yên

- Tên thật Trần văn Sê.
- Sinh năm 1945, tại Phước Tuy, Vũng Tàu.
- Nhập ngũ năm 1965. Vừa cầm súng vừa viết lách lai rai cho một vài tạp chí Sài Gòn.
- Hủy hoại thân thể và giải ngũ năm 1974.
- Định cư Hoa kỳ năm 1991.
- Giải truyện ngắn hay nhất Văn Bút Nam Hoa Kỳ năm 1992.
- Cộng tác thường xuyên với Tạp chí *Văn, Việt Magazine* California), *Thế Giới* (Texas), *Nắng Mới* (Canada)

Đã xuất bản:

Hoa bluebonnet cho hai người, tập truyện, Bình Minh năm 1994.

- Hiện ổn định cùng vợ và con gái tại Austin, Texas.
- Vẫn viết không ngừng bên lề đường, nơi quán cà phê quen, trong khi cuộc đời ưu phiền đang chảy trôi về phía trước...

Trả lời phỏng vấn

1. Làm văn chương ở hải ngoại là chấp nhận đi trên con đường không có bóng mát. Đó không phải là một nghề "cơm gạo." Cho nên người cầm viết trên đất nước tạm dung trước khi bắt đầu sự nghiệp hay tiếp tục sự nghiệp, đều trang bị cho mình một cam đảm đáng nể. Không phải đời sống không cho họ những chất liệu, nhưng trái lại, chưa bao giờ người viết choáng ngợp với những rực rỡ do thiên nhiên gởi tới một cách hào phóng như vậy. Từ những nụ hoa tươi rói hạnh phúc dọc hai bên đường, cho đến những bờ cỏ chìm khuất sương mù mộng mị. Và dưới ánh mặt trời lấp lánh đòng mưa, hàng triệu cành lá xanh um đang run rẩy như tấm lòng thiếu nữ. Tôi

không hiểu đàng sau mỗi nhan sắc đời hoa kia, những gì được tuôn chảy sung mãn trong tâm hồn người viết? Nhưng không hoàn toàn như vậy. Cuộc đời không bù lỗ cho nhà văn điều gì cụ thể. Ngoại trừ những khao khát được viết. Vì bên cạnh những rung động chân thật chạy dài trên mỗi dòng chữ, người cầm viết không có một an tâm vật chất nào để có thể bước đi cho đến cuối đường. Có rất nhiều rào cản cùng những ràng buộc làm họ ngại ngần trước bàn viết. Như nhà cửa, xe cộ, công việc hãng xưởng hàng ngày. Như các hóa đơn nợ nần mỗi tháng. Và trên cùng là những hạn chế ngôn ngữ, những khác biệt cách sống cách nhìn. Trong khi về phía người thưởng ngoạn dần dà không còn đông đúc. Có bao nhiêu người đọc cũ trong thế hệ hôm nay và thời gian trôi qua, những người đọc mới sẽ nhân lên hay giảm xuống?

2. Không ai trong chúng ta có quyền quay lưng lại với những bức xúc mà xã hội này đưa đến. Sẽ không ít đề tài trong một bối cảnh quá rộng lớn tại đây. Cho nên, tùy theo cách nhìn và đón nhận sự kiện, nhà văn sẽ gởi đến người đọc những suy nghĩ của mình. Họ sẽ tự ràng buộc suốt đời hay nửa chừng bỏ cuộc với cái định mệnh oan khiên kia—nếu coi việc làm văn chương là một định mệnh. Người viết sẽ viết những gì mà đời sống này muốn họ viết.

Hình như tình yêu bù đắp cho đời sống lạc thú lẫn bất hạnh. Và chúng ta đi qua những năm tháng phù hư này với lòng rưới rượi buồn vì bước chân dẫm lên những khổ đau nhiều hơn hạnh phúc. Tôi vẫn cám ơn cuộc đời này. Dầu sao, nó cũng nhen nhúm trong trái tim ưu phiền này những nhịp dập lãng mạn thời thơ ấu. Và cho đến hôm nay, khi nhìn lại đoạn đường mình đi qua, tôi vẫn còn mãi những nhịp đập đó. Không phải chỉ có quá khứ chật hẹp để tôi không thể đào thoát ra khỏi nó những năm tháng cơ hàn và một chút tình yêu rách rưới. Nhưng còn những thanh xuân thì sao? Cùng những đòng mưa bay nghiêng trên mỗi vai đời? Cho nên, nỗi ao ước của tôi bây giờ, là để tình yêu tự nó ràn rụa trên những trang giấy. Có lẽ, hơn lúc nào hết, sự khổ đau luôn là cứu cánh của một hạnh phúc khuất mặt.

3. Có biết bao nhiêu cặp tình nhân cảm biết được điều đó? Để bằng lòng và chạy đuổi về phía trước với tấm lòng phơi phóng những niềm vui? Trong khi cũng không kém những cuộc tình bế tắc trong mê lộ. Mà mỗi nụ hôn mang đầy đấu ấn xót xa.

Các bạn và tôi đều có cùng một kinh nghiệm tan vỡ trong đời. Nhưng không ai giống ai về những thổn thức riêng tư. Vậy thì sẽ kỳ thú biết bao, nếu từ nơi mỗi hàng chữ được viết ra hôm nay có đủ khả năng lôi kéo người đọc đến gần và chạm mặt với những tan hoang, bầm vập mà cuộc đời trần

trụi này mang đến. Không cần phải làm đậm đen thêm một bối cảnh mà tự nó đã u trầm. Cũng như không cần cường điệu để phóng lớn một nhân dáng tầm thường, tẻ nhạt—người viết sẽ gởi gấm vào toàn bộ tác phẩm mình lời reo vui hay một tiếng thở dài. Và thành công hay thất bại là do độc giả định đoạt.

4. Ở cuối mỗi con đường, chúng ta sẽ tìm thấy bóng mát. Hay chân sẽ dẫm lên toàn những gai góc, quạnh hiu. Và đời sống mông mênh này sẽ buồn thảm biết bao, nếu chúng ta cứ để cho những ám ảnh của cơm áo nhiều khê làm hoen ố những giấc mộng đẹp...

lang thang cánh gió

phạm ngũ yên

Tặng Ngô Du Trung, và Tường, cùng những hạnh ngộ.

Hôm qua có người vừa nói với tôi là cuộc đời này không có nhiều chỗ đứng cho những kẻ chậm chân. Và trong khi tôi còn đang dậm chân tại chỗ thì Mai Lào đã đi khỏi nơi đây mà không hề nhìn ngoái lại. Đó là tháng giêng đang nở rộ những cành anh đào dọc hai bên đường "bờ sông" (Riverside) ở *downtown*. Đêm chia tay không có điều gì u sầu đáng lẽ phải xảy ra trong bất cứ cuộc tình nào. Chỉ có tiếng gió rít róng từng cơn bên ngoài cửa xe lúc chúng tôi chạy lang thang qua mấy dãy nhà kiếng vuông vức có đèn màu xanh đỏ nhấp nháy. Có ai nỡ để lòng mình chật hẹp trong khi chỉ một khoảng không bên ngoài cũng đủ làm mênh mông những niềm hoan lạc? Mà đêm đang trải ra trước chúng tôi những khoảng đạt khôn cùng của cuộc đời vô tận, của hạnh phúc pha lẫn cô đơn. Của niềm vui cùng với những giọt lệ ướt đẫm môi khô.

Tôi lái xe dọc theo bờ hồ, nơi có những cây cọ đứng rũ rượi trên mặt thềm ẩm lạnh. Vài cây xương rồng chen chúc giữa đó, giống như ống chân khẳng khiu của một người ốm đói, như thách đố cuộc đời hãy chất lên lưng nó những ủ ê, phiền muộn trong khi con người thì lảng tránh thật xa. Gần mấy trăm năm, người ta đã làm vắng đi những hình ảnh hùng vĩ mà Thượng Đế đã đem đến cho xứ sở này, như đồi núi, hoang mạc u trầm, nhưng bù lại, con người cũng góp tay với thiên nhiên thêm vào những góc cạnh diễm lệ khác mà chỉ có nền cơ khí rực rỡ mới thực

hiện được.

Con đường "một chiều" đưa vào khu Capitol trước mặt, đang còn lại những giây điện đủ màu treo từ suốt mùa *Valentine* đến nay chưa tháo xuống. Người ta qua lại co ro và vội vã trong áo khoác. Bồn nước ở một ngã tư đường phun những tia nước mạnh mẽ màu bạc. Xe qua một quãng đường tối không có đèn, lằn ranh phân cách như những đóm mắt vàng dưới ngọn đèn xe. Mai Lào nghiêng về phía bên tôi, mái tóc u tối, thẳng thốt như một dòng sông đen băn khoăn không biết chảy trôi về phía nào trên đôi vai. Vài ba người đứng chờ xe buýt ở một trạm xe dưới ánh sáng xanh ngắt như ánh sáng của một vành trăng. Tại sao những nụ hoa vẫn còn thức suốt đêm không ngủ, run rẩy vươn lên giữa tâm hồn đất đá hiu quạnh, để thông báo cho chúng ta sự hiện diện khiêm tốn của chúng, hay chỉ để góp thêm vào với cuộc sống bao la này sự ngắn hạn của kiếp người? Tôi không thể biết. Chỉ cảm giác rằng qua chúng, tôi cảm thấy phải chăng tình yêu dù sao cũng còn có những nỗi hân hoan riêng rẽ của nó, mặc dù đôi lúc những bông phấn của tình yêu làm cho tôi sặc sụa trong một mê đắm buồn rầu.

Con đường số Năm cắt ngang đường Congress, mà khi nhìn lui lại, tôi thấy tòa Capitol nằm sâu khuất đàng sau bóng tối những ngọn sồi. Tôi nói với Mai là chúng ta nên thả rong vài phút, cùng đi dưới không khí mát lạnh của trời đêm, trước khi cuộc chia tay chưa xảy đến. Chúng tôi đi dưới lòng đường dành cho người đi bộ. Đêm trải mênh mông những điều dụ hoặc, vì trong bàn tay ấm áp của nàng, tôi tưởng đêm chỉ dành cho hai chúng tôi mà không phải cho mọi người khác. Đêm cũng rưng rưng buồn, lướt thướt những mộng mị, như muốn hỏi rằng cuộc chia tay này có cần thiết hay không? Và cuộc tao phùng nào chờ đợi chúng tôi phía sau những đường bay mệt mỏi? Dù sao thì tám giờ sáng mai nàng cũng sẽ ngồi một mình trên chuyến South West để tiếp tục chuyến đi dài ngày đến một vùng thổ tả nào đó để gặp người chồng chưa cưới của nàng. Tuần trăng mật ngọt ngào cho ai đó nhưng cay đắng cho tôi.

Hai đứa nhỏ Mễ chạy ngược chiều với chúng tôi, một đứa va vào Mai và khựng lại: *"Excuse me!"* rồi tiếp tục chạy đuổi theo đứa kia khuất đàng sau cánh cửa dẫn vào quầy bán bánh mì. Chữ *Open* màu đỏ làm chúng tôi nhớ lại từ sau khi ở High Land Mall ra chưa ăn gì. Tôi bước vào xếp hàng mua hai *hamburgers* và hai ly cà phê cho hai người và trở ra ngoài ngồi nhai ngấu nghiến trên chiếc ghế dành cho người chờ xe buýt. Những thanh sắt mát lạnh, bóng láng bởi năm tháng và con người gặp gỡ nhau mỗi ngày trên đó. Chúng chứng kiến những cuộc chia tay nhiều hơn là những hạnh ngộ. Và những chiếc khăn giấy nào lau khô vội vã những ngấn lệ, đang ngủ yên trong những thùng rác cũng lạnh lẽo kia.

Biết đâu đó? Phải không? Nếu là ban ngày, sẽ có những con sóc và chim bồ câu dạn dĩ chạy đến để thu nhặt dùm chúng tôi những mảnh vụn bánh mì. Những ô cửa nở bùng trên cao kia như những con mắt nhân chứng nhìn xuống lòng cuộc đời hỗn tạp bên dưới. Nhìn xuống mà không ta thán, so đo — dù những đêm ngày trôi đi lôi cuốn theo, những hạnh phúc trộn lẫn muộn phiền. Có bao nhiêu mảnh đời khuất lấn đàng sau những cửa ô tượng trưng cho guồng máy không công bình kia? Và không phải cuộc đời bị đóng khung luôn luôn là những cuộc đời đại diện cho sự hoàn hảo nhất? Nếu không thì tại sao trong mỗi vuông thiệp cưới người ta đều đọc thấy câu "Trăm năm hạnh phúc"?

— Anh không muốn nói thêm với em điều gì nữa sao? Mai hỏi.

— Em muốn anh nói điều gì? Sự ta thán chăng? Hay là lời chúc lành hôn lễ?

— Đó là những gì anh muốn nói khi chia tay?

— Không phải vậy. Nhưng anh không thể nói những gì trong khi lòng anh không muốn.

— Thì đã sao? Đâu phải mọi lời chúc nào cũng đều được ứng nghiệm?

Đúng vậy. Tôi nghĩ. Nhưng tôi không thể gởi đến cho Mai những eo sèo héo úa phát đi từ một trái tim thường xuyên đập những nhịp điệu thổn thức. Đâu có ích gì khi làm hoen ố một trang giấy trắng còn thơm những hương vị thơ ngây lãng mạn của đời?

— Vậy thì anh chúc em: "Mong sao cuộc đời luôn là những tối tân hôn..."

— Thơ của ai đó?

— Hình như của Nguyên Sa.

— Cảm ơn anh. Em cũng muốn chúc ngược lại anh tìm thấy một hạnh phúc đơn giản. Đừng bao giờ sống nhiều bằng những giấc mộng, cho dù đẹp.

— Sao em biết?

— Em đoán vậy. Em muốn chúng ta đi lang thang cho đến giờ vào phi trường. Sáng mai anh có đi làm không?

— Có. Nhưng từ phi trường anh sẽ đi thẳng đến nơi làm việc.

— Em sẽ gọi *long distance* cho anh, khi có dịp.

— Có cần thiết lắm không? Tôi nói.

Hai người đứng lên và đi ngược lại nơi để xe. Đêm rét lạnh và hơi thở dục khàn hơi nước khi bàn tay lóng cóng tìm chìa khóa xe. Mai chui vào xe trước. Tôi lặng lẽ mở máy, nhấn nút cho cái gạt nước đuổi xua lớp sương mỏng bám trên mặt kính và chờ đợi máy nóng. Còn nỗi phiền muộn đang ràn rụa quanh tôi, làm sao để tan biến đi trong khi bên ngoài đêm vẫn buông thả những lời kêu gọi rực rỡ?

Đêm dạ vũ hình như sắp bắt đầu. Hay sẽ bắt đầu trễ hơn giờ ấn định. Vì ban tổ chức chưa ai có thể biết chắc được chừng nào cửa phòng dạ vũ sẽ mở ra. Người trực đêm đồng thời là người giữ chìa khóa không có mặt. Và không ai biết cô ta chui rúc ở một xó xỉnh nào. Người ta đi quanh quẩn ngoài hành lang và cùng sốt ruột giống nhau trong khi những bông tuyết ngoài kia không biết mòn mỏi hay sao, mà cứ bay lang thang giữa cuộc đời có nhiều những quán gió? Mấy chiếc áo dài dạ hội cũng sốt ruột không kém những chủ nhân và những bông hoa sực nức mùi hương trên vải vóc kia cũng muốn nhảy tung ra ngoài phản đối thời gian đang vô tình chảy trôi về phía trước. Sự chờ đợi nào cũng mang một dáng dấp đau khổ như nhau. Cuối cùng thì người giữ chìa khóa cũng đến. Người ta thở phào nhẹ nhõm, nối đuôi nhau để trèo lên mấy bực tam cấp mờ tối, không phải vì thiếu điện, nhưng là vì khung cảnh đòi hỏi phải như vậy. Từ trong ánh sáng hư ảo, chúng ta dễ bị ngộ nhận và dễ tự tin hơn. Không ai có thể đánh giá được đúng mức người mình đối diện và hào phóng cho điểm trên trung bình một chiếc mũi, hay một màu da chẳng hạn. Mùi nước hoa bay lăn lóc đâu đó, trụ lại giữa lối đi hẹp, phức tạp như một mê cung. Mấy tờ quảng cáo chương trình đặt hờ hững, nhưng đầy cố ý trên tấm khăn trải bàn trắng tinh.

Tôi lảo đảo ngồi xuống môt chiếc ghế của ai đó vừa đưa ra không phải cho mình, miệng nói "Cám ơn," cũng vừa lúc trên màn ảnh *Karaoke* hiện lên thình lình một khuôn mặt người nữ tóc tai bồng bềnh như dám rừng ở Nam Mỹ, cùng tiếng nhạc mạnh mẽ tuôn ra xối xả từ chiếc loa phóng thanh đặt khuất lánh nơi góc tối. Giống như một đám nhạc công đang tức giận điều gì đang trút cơn phẫn nộ của mình trên những nhạc cụ vô tội. Mạnh ai nấy nói và không ai nghe được ai. Tôi trả lời một cách lạng quạng câu hỏi của người ngồi trước mặt, và người đàn ông mới quen cũng gật đầu làm như thấu đáo điều mình hỏi. Đâu có hề gì. Đầu sao một đêm vui như đêm nay không ai để vướng bận những vô lý mà lát nữa đây, khi ra về, nó sẽ mất tăm như một điều dụ hoặc mỏi mòn trong mấy chuyện cổ tích. Thêm một vì sao bay qua đời hư ảo, vũ trụ sẽ phong phú thêm nhiều những giấc mộng, có sao đâu?

Tôi bình tĩnh nhìn rõ ràng những người bạn cùng ngồi chung bàn. Người đàn bà có lẽ ngồi trước tôi nhưng mãi bận săm soi mặt mày trong chiếc gương gắn ở xách tay. Bộ trang phục màu *gabardine* khiến cho nàng dễ hóa thân thành vệt khói trôi giạt đâu đó, nếu không có tiếng nói đôi lúc vang lên vừa rền rĩ vừa cười cợt. Nàng phát âm giọng Bắc chính cống và nghe nàng nói người ta không hề thấy chán. Người đàn ông ngồi kế bên nàng, tươm tất trong bộ *veston* màu xám tro, đúng mốt. Họ không có

vẻ là quen nhau vì tôi thấy anh cúi xuống sát bên mặt nàng để nghe cho rõ:

— Tình hình có vẻ khả quan. Hy vọng huề vốn. Nàng nói.

Hình như nàng là một thành viên trong ban tổ chức chi đó — mãi sau này tôi mới biết nàng phụ trách "kinh tài" cho nhóm. Người đàn ông nói một câu gì đó, nàng hỏi:

— Cái gì?

— Chị uống cái gì chứ? Anh cũng nói lớn.

Nàng cười. Hình như có một cái răng khểnh. Phải vậy không? Bóng tối vừa là một đồng minh, nhưng cũng là một kẻ phản bội.

— Xin lỗi nhé. Nhạc ồn quá tôi không nghe gì cả. Tôi không khát, nhưng có thể một ly sữa đậu nành hay đại khái cái gì cũng được.

Người đàn ông đứng lên, len lỏi qua mấy dãy bàn để đến quầy giải khát. Còn lại người đàn bà, tôi và người đàn ông rất ít nói ngồi đối diện. Anh hút thuốc liên tu hồ điệp. Cái gạt tàn thuốc mới đó mà đã ngổn ngang những đầu lọc. Hai lon bia trước mặt chúng tôi đã vơi đi phân nửa. Anh là một nhà văn, đã ổn định tại địa phương — và đang là một cây viết thường xuyên cho một vài tạp chí ở Cali. Anh gốc người Khánh Hòa. Còn tôi người Nam. Như vậy Bắc, Trung, Nam có đủ.

Anh khoát tay về phía người đàn bà:

— Đây là... Song Hàn. Nhà văn.

Tôi đưa bàn tay khô ráp ra bắt tay nàng. Nàng đang mở ví lục lọi gì trong đó, nên bàn tay tôi đưa ra không có một hơi ấm nào đáp trả lại. Khi nàng ngước lên, nhìn thấy vội đưa tay ra xin lỗi.

— Rất hân hạnh được biết... chị. Tôi không phải là nhà văn nhưng rất thích đọc văn. Ngày mới sang đây, hình như tôi có đọc một truyện ngắn của chị.

Tôi không biết sao mình nói trôi chảy một câu mà đáng lẽ bình thường khó khăn lắm tôi mới nói được.

— Anh đọc truyện gì của tôi vậy? Song Hàn hỏi.

Tiếng nhạc từ chiếc loa phóng thanh đã lắng xuống tự bao giờ không ai hay — có lẽ người ta phản đối quá chăng? Điều này làm tôi lúng túng khi phải cố nhớ lại cái tựa trong mấy trăm cái tựa truyện ngắn hải ngoại.

— Tôi không nhớ. Đó là một chuyện rất xúc động về một nữ thuyền nhân... bị hải tặc...

Nàng cười thật to:

— Ối. Truyện của tôi đa số nhân vật nào cũng bị hải tặc hiếp cả.

Bi đát đến như vậy sao? Vậy thì ra ở đàng sau cái nụ cười tưởng chừng tươi tắn kia lại thấp thoáng bao nhiêu những đắng cay bầm vập. Tại sao chúng ta cứ mãi soi dọi vào những nỗi tan hoang của nhau để

làm thổn thức những trái tim vốn đầy ắp những phiền muộn?

Song Hàn ngồi đó và cười cười. Nàng hất nhẹ mái tóc cho nó bay về phía sau. Tôi không biết nỗi cô đơn nào thường xuyên đậu trên những sợi tóc màu đen kia để cho nàng có thể viết mãi không thôi về những thân phận u trầm không hề có mùi thơm của hạnh phúc?

Người đàn ông trẻ trở lại mang trên tay cái khay có một ly cam vắt và ba lon bia. Tôi không biết làm sao anh có thể ôm ngần ấy thứ luồn lách qua đám đông hỗn độn như vậy mà không suy suyển.

Chúng tôi quen nhau, coi như mật thiết từ những lon bia đó. Chỉ mình tôi là không biết viết văn. Còn lại là những người có tiếng tăm trên văn đàn, đa số có tác phẩm, không nhiều thì ít. Tôi cũng có một tác phẩm (Thai nghén từ cuộc đời thiếu vắng sự sum họp mà đầy rẫy những lìa tan). Mai Lào đã bỏ tôi đi lấy chồng kể từ một đêm trước đây một năm. Tôi một mình tồn tại giữa quạnh hiu và đứa con gái còn thơ ấu — Như một tác phẩm được viết chung vội vã giữa hai người. Biết làm sao khi tôi không thể làm cho nụ hoa nở đằm thắm trên trang giấy đời của mình mà chỉ toàn là những gai góc. Ai đã để vang động theo những năm tháng phù hư này những tiếng cười, trong khi tôi chỉ cho người bạn đường với mình một giọt lệ? Và đừng trách tại sao những nhân vật chính của tác phẩm đời tôi lại chọn giải pháp chia tay với lòng thổn thức?

Tiếng người giới thiệu chương trình vang lên ở bục gỗ sân khấu. Tất cả mọi người ngưng trò chuyện để nhìn về phía đó. Những nhạc công đang cúi đầu xuống những nhạc cụ riêng biệt của mình, giống như mấy tay đua nhấp nhổm cúi xuống lần vôi chờ tiếng súng lệnh. Họ là những người trẻ. Rất trẻ. Chính vì vậy mà họ tự tin ở khả năng của mình. Mà hầu như ai cũng tự tin ở khả năng của mình trong đêm nay. Nếu không vậy thì sau những nốt nhạc đầu tiên búng ra khỏi giây đàn họ đã chẳng túa ra sàn nhảy. Nhìn họ vội vã, như sợ đêm bay biến đâu mất trong một vài phút nữa và cuộc đời ngắn ngủi khôn xiết. Ánh đèn màu từ một trục quay giữa vòm thả xuống những vệt sáng chạy vòng tròn giống như đèn kéo quân mùa Trung Thu. Những ánh kim tuyến lấp lánh trên ngực áo, cùng những tia mắt đắm đuối nhìn nhau như muốn trao hết cho nhau cả một trời tâm sự. Họ dìu nhau trên những bước chân không hề ngại ngần đi về phía trước tương lai — vì hiện tại không có rào cản nào ngăn chia và chắc lát nữa đây, trên chiếc xe đường về họ sẽ vui vẻ tựa đầu trên vai người yêu, lim dim mơ về một hạnh phúc, có lẽ.

Tôi rất yêu những mối tình không bao giờ có đoạn cuối. Những mối tình ngắn hạn và buồn. Từ đó, hai kẻ yêu nhau cùng nắm tay nhau nhưng không vượt thoát ra khỏi những đầu bể ngậm ngùi. Họ mắc cạn vô lý giữa một lòng suối hẹp hay lạc mất nhau tình cờ ở một ngã ba. Hình ảnh

nào cũng nói lên một nỗi đau vạm vỡ từ những trái tim nhạt nhòa đầy nước mắt?

Cho nên, suốt đời tôi không bao giờ muốn tự mình bước ra sàn nhảy và luôn luôn ngưỡng mộ những gì mang dáng dấp hoặc dính líu đến một thứ hạnh phúc của ai đó. Tôi không thể nhập cuộc vào bất cứ một cuộc chơi nào trong khi không dám chắc rằng không dẫm lên nỗi xót xa của người khác...

Dàn nhạc chơi một bài *tango*. Lúc này, Song Hàn và người bạn trẻ đã đưa nhau ra sàn nhảy, làm đông vui thêm cho một bối cảnh vốn dĩ đã nhộn nhịp. Còn lại hai đứa chúng tôi và một đám vỏ bia đứng bề bộn trên bàn. Người bạn ít nói hơn tôi và thở khói nhìn đăm đăm ra đám đông. Vầng trán mênh mông và đôi mắt có chút buồn rầu, anh nói:

— Chúng ta làm thêm một chầu bia nữa nhé?

— Được thôi. Tôi đáp.

Trong thâm tâm, tôi muốn đưa càng nhiều những chất cay quyến rủ kia vào trong miệng — nếu bia thật sự có một hương vị quyến rủ — càng tốt. Anh bỏ đi. Dáng điệu vững vàng như mới vừa uống lon bia thứ nhất. Còn lại một mình, tôi đùa nghịch mấy vỏ bia không trong bàn tay. Chiếc ví tay của Song Hàn nằm yên lặng trên một góc bàn, cạnh tờ chương trình. Nó giống như tôi, nào có dám gia nhập vào đám đông để thu vén cho mình một chút niềm vui và hơi ấm kẻ khác. Tôi đảo mắt nơi sàn nhảy, tìm kiếm một mái tóc mới vừa đẫm ướt những giọt lệ hôm qua vì chuyện chở quá nhiều tan tác. Nàng tưởng tượng ra ngần ấy thứ để làm sinh động cho tác phẩm của mình hay đã là chứng nhân của một thảm kịch? Nào ai biết. Dầu sao thì nhìn thấy nàng cười nói và nhảy, không ai muốn so bì đến một nỗi sầu thảm nào hết. Tôi ngã đầu ra ghế dựa, nhìn lên vuông tối trên đó giống như một thứ vũng lầy của cuộc đời thu nhỏ lại. Những bóng dáng oằn oại chao đảo như nét vẽ của Picasso, và tôi muốn buồn ngủ dữ dội.

Một cặp tình nhân đìu nhau đi qua chỗ tôi ngồi. Chiếc áo hở lưng quá rộng của người con gái để làm cho người ta phóng đi những suy nghĩ mông lung phàm tục về những gì mà nó muốn che đậy ở phía trước. Không thấy có dấu hiệu gì cho biết cô gái nhớ mang theo áo nịt trước khi ra khỏi nhà. Và từ phần lưng gợi cảm đó, nàng đã thu hút biết bao nhiêu những cái nhìn về phía mình. Tôi cũng không tránh khỏi điều đó. Người bạn trở lại từ lúc nào và đặt những lon bia lên bàn. Tôi bày tỏ điều suy nghĩ trong đầu với anh. Anh nói:

— Anh ở đây lâu rồi sẽ thấy. Chuyện đó riết rồi cũng quen. Hình như chúng ta đã quên hết những lý do nào khiến cho chúng ta có mặt tại đây.

— Tôi có cảm giác mình lạc vào một nơi xa lạ nào đó, không phải cùng một nền văn hóa.

Anh cười chế diễu:

— Đừng lạc hậu quá. Anh nên nhớ chúng ta đang sống trên nước Mỹ. Tất cả đều rập khuôn của họ. Không thể làm sao khác hơn. Rồi con của anh lớn lên nó sẽ gia nhập vào xã hội này nhanh chóng hơn là những ai đang có mặt tại đây. Chừng đó anh sẽ nghĩ khác hơn hôm nay.

— Nếu cho mình được quyền chọn lựa trở lại giữa ràn rụa nước mắt hôm qua và rực rỡ hôm nay, để làm một người tự do thì...

— Chúng ta còn có quyền chọn lựa nào đâu?

Chúng tôi rời bỏ phòng dạ vũ để ra phòng ăn tìm một thứ gì khả dĩ để dằn bụng. Đêm lạnh như chưa bao giờ lạnh hơn. Tôi vén một rèm cửa để nhìn ra ngoài. Vuông sân trắng xóa những bụi tuyết. Cây anh đào lạc lõng ở một góc phố bây giờ đang lấp lánh màu bạc trên những cành mà buổi chiều tôi chợt thấy màu hồng. Không có gì bền vững ở cuộc đời này ư — ngay cả đến thiên nhiên? Có lẽ, không ai có thể chọn lựa cho mình một an ổn nào trong khi những chao đảo đời sống làm chúng ta mỗi ngày mỗi xích lại gần với sự chai cứng. Những con chim bỏ xứ hôm nào trong lời nhạc Phạm Duy hôm nay hình như đã mỏi mòn những nhịp vỗ, trong khi chân trời trở về thì xa.

Chúng tôi ngồi uống lặng lẽ. Và tôi hơi ngà ngà say giữa tiếng nhạc dập dìu. Lời hát của ai vang lên từ phía trong: *"Kiếp nào có yêu nhau, thì xin tìm đến thương đau. Hoa xanh khi chưa nở, thì tình xanh khi chưa lo sợ. Mai này có yêu nhau..."* Ly cà phê nguội lạnh và đen giống thân phận hai chúng tôi cộng lại. Tôi nhìn nó trân trối. Nó cô đơn và có mặt để cáo trách ai chăng? Dù sao, thì sự cô đơn luôn là một ẩn số của đời sống. Vì đôi khi sự trống vắng của khoảnh khắc nào đó bỗng dưng kêu gọi rền rĩ một hạnh phúc có thật trong tâm hồn con người. Giống như tôi, hôm nay có mặt tại đây, một nơi chốn xa lạ không người thân thích, cách xa nơi cư ngụ ba tiếng rưỡi đồng hồ đường xe để ngồi ngắm một cuộc vui không phải dành cho riêng mình. Và còn nỗi niềm lang thang nào nữa đang chấp cánh bay theo những cơn gió bên ngoài?

Một người đàn bà đến ngồi ở bàn bên cạnh. Dáng điệu thoải mái và an lòng với những gì đang có trên người. Như nhan sắc trung bình và trang phục cũng hòa nhập vào với đám đông không ngần ngại. Nói tóm lại bà giống như tất cả những người đàn bà thường thấy trong một thành phố có đông người Việt. Bà đang ngấu nghiến cúi xuống một đĩa mì xào dòn. Có lẽ bà đói bụng và mệt nhoài sau những bài luân vũ. Từ con người bà toát ra sự rung động mãnh liệt và mọi cơ chế đều đóng góp nhịp nhàng vào việc thanh toán làm sao cho hết những gì đang có trên

chiếc đĩa sành hình bầu dục. Tôi nhìn bà ăn với lòng rưng rưng buồn vì không biết thụ hưởng một thứ hạnh phúc đơn giản như vậy. Từ ngày qua Mỹ, tôi vẫn còn luyến nhớ mùi vị của bữa cơm đạm bạc quê nhà. Tôi thèm món ăn do chính mẹ tôi nấu nướng. Dù ít ỏi, mong manh. Chỉ một tí tiêu hành rau rác và rất ít thịt thà nhưng sao hào phóng những hương vị dường ấy? Còn chiếc máy bán nước tự động ở cuối phòng nữa. Chiếc máy có in biểu tượng một hãng nước ngọt nổi tiếng của Mỹ. Bên dưới có đề chữ Diet, như trấn an mọi người hãy an lòng hưởng thụ. Nghĩ cho cùng thì cuộc đời quả có trớ trêu khi san sẻ cho chúng ta những lạc thú và bất hạnh.

Tôi nhấm nháp ly cà phê trong khi người bạn cũng qua loa vài ngụm. Không biết Song Hàn có còn nhảy không mệt mỏi như lúc ban đầu? Nhưng phải còn lâu lắm đêm dạ vũ mới tàn. Dù sao thì chúng tôi cũng phải từ giã để ra về. Mặc kệ cho đêm. Mặc kệ cho những bài luân vũ mùi mẫn và phần lưng hở hang mềm mại của người con gái để quên áo nịt trước khi ra đường. Chúng tôi thảng thốt bước ra ngoài và co ro chia tay nhau. *"Good night."* Người Mỹ già co ro chờ đợi những đồng bạc từ tấm lòng phóng khoáng những niềm vui. Trong khi đêm cũng gởi đến cho ông những tặng phẩm đầy ắp giá rét. Đó là cuộc đời. Tại sao tôi cứ băn khoăn về nó và nhớ mãi những chuyện phim buồn? Tôi bước vào bóng đêm để băng qua bên kia đường với những bước chân xiêu tó, lòng nhủ thôi cố quên. Cố quên. Nhưng đừng quên từ giã Song Hàn và chúc nàng ngủ ngon. Nàng hãy yên lòng trang trải cho mọi người những đau đớn mà nàng chứng kiến trên đường vượt biển tìm tự do. Không ai phàn nàn vì chưng cuộc đời có quá nhiều sự cay đắng, thêm hay bớt thì cũng không thay đổi là bao. Chỉ có tôi. Không bao giờ là một người nhanh chân như Mai Lào đã nói. Cho nên tôi luôn luôn suốt đời đứng ngẩn ngơ nhìn hạnh phúc của mình bay khỏi tầm tay. Mà không dám khóc như một đứa trẻ. ❐

võ kỳ điền

Tên thật Võ Tấn Phước, sanh ngày 31-10-1941 tại thị xã Dương Đông thuộc đảo Phú Quốc. Từ nhỏ đến lớn sống ở Bình Dương (Thủ Dầu Một).

Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Sài Gòn, ban Việt Hán. Dạy Việt Văn các trung học Hoàng Diệu, Ba Xuyên và Trịnh Hoài Đức Bình Dương.

Bắt đầu viết sau những năm lưu lạc (1980).

Đã cộng tác với các báo *Dân Quyền, Lửa Việt, Văn, Làng Văn, Phụ Nữ Diễn Đàn, Đẹp...*

Tác phẩm đã xuất bản:

- *Kẻ Đưa Đường*, Truyện Ngắn, Việt Publications xuất bản năm 1986 tại Canada.
- *Pulau Bidong, Miền Đất Lạ*, Truyện dài, Xuân Thu xuất bản năm 1992 tại Hoa Kỳ.

Năm vừa ra trường, Hưng được dồi về dạy ở trung học Hoàng Diệu thuộc tỉnh Ba Xuyên. Cái vùng đất cuối cùng của đồng bằng miền Nam lầy lội ẩm ướt vào mùa mưa, bụi cát nóng bức vào mùa nắng. Miền Hậu Giang do phù sa mới tạo thành, nền đất thịt không được vững chắc như các tỉnh miền Đông. Đường sá rất mau hư, chỉ cần trải qua một mùa mưa là phải tu bổ lại. Trường cách chợ vài con đường nhỏ. Phía bên kia là ruộng nước đầy cóc nhái ễnh ương, đêm đêm kêu vang đầy đồng nghe

buồn não nuột. Cái con đường Mạc Đĩnh Chi chạy ngang trước cổng trường được tráng nhựa từ các năm trước, bây giờ còn trơ lại mặt đường đá xanh lồi lõm với những ổ gà đầy sình nước. Trong sân trường thì tệ hơn nữa vì đất thấp hơn mặt lộ. Tuy nhà trường đã hết sức sửa sang bồi đắp nhưng chỉ cần vài cơn mưa là bùn lầy phủ ngập lối đi. Cỏ ống xung quanh sân mọc cao tới ngực. Các đường mương thoát nước ra ruộng sau hè nhiều khi tụi học trò mò bắt được cá lóc, cá rô, cá sặc. Các giàn bông giấy lá mọc xanh rì, nhánh đâm tua tủa, chú lao công người Miên phải vất vả dùng dao rựa mé nhánh hoài nhưng đâu cũng vào đó. Ngày mới đến trình diện ông hiệu trưởng để nhận việc. Hưng nhìn cái sân đầy cỏ xanh với mười sáu gốc còng to cỡ hai người ôm, tàn lá rậm rạp âm u mà buồn cho cái thân phận "Tầm Dương đất trích gối sầu hôm mai". Năm đó Hưng vừa mới có hai mươi ba, đen thui, ốm nhom nên cao nhòng. Ông hiệu trưởng thấy vẻ thất vọng của người thầy giáo mới lớn nên vỗ về an ủi:

— Đất này coi vậy chớ đi dễ khó về. Ở lâu thấy nó dễ thương lắm. Nội con đường Thị Trưng có hai cái cầu Bon với cầu Quay là đi hoài cũng không hết. Nói chi tới Bãi Xàu, Phú Tâm, Kế Sách...

một thời để yêu

võ kỳ điền

Hưng thấy cười trong già này bụng. Ông tính dự dỗ mình dây, "ở lâu thấy nó dễ thương". Trời đất! Phải ở đây thật lâu thì mới thấy... Vậy thì mình phải trụ trì tại cái trường Hoàng Diệu này bao nhiêu năm mới được đổi về quê nhà?

Thiệt ra thì Sóc Trăng đâu có buồn như Hưng tưởng. Cái thị xã Khánh Hưng ồn ào, náo nhiệt suốt ngày đêm. Người buôn kẻ bán tấp nập, xe cộ, ghe thuyền rộn rịp lưu thông tạo nên một sinh hoạt trù phú ở miền ruộng đất cò bay thẳng cánh. Trên lề đường quanh chợ, người ta bày bán từng giỏ cần xé to nào nhãn, táo, ổi. Những trái nhãn hái từ vườn ở Vĩnh Châu hột đen nhánh, cơm dầy, mùi thơm nức mũi. Những trái táo lớn cỡ bằng ngón tay màu xanh xanh vàng vàng ăn cái vị chua chua ngòn ngọt. Những buổi trời mây âm u đâm nhớ nhà, Hưng buồn buồn ngồi ăn táo chấm với muối ớt một hơi gần hết cả kí lô. Vậy mà cũng chưa muốn thôi... Rồi đến những ngày tựu trường, nhìn những gương mặt sáng sủa, yêu đời của đám học trò mà vui lây. Những giọng nói líu lo, những tiếng cười đùa không dứt. Tuổi trẻ hồn nhiên, ngây thơ, trong sáng quá. Hưng hòa mình trong niềm vui đó, quên mất tháng năm. Thành phố Sài Gòn với những công viên đầy lá me bay lui dần vào quên lãng. Cho đến mùa

mưa thứ ba Sóc Trăng, thì một tình cờ chợt đến. Cái tình cờ không đợi nhưng nó vẫn xảy ra.

Buổi sáng sớm đó đã gần bảy giờ, Hưng dùng xong điểm tâm, ăn mặc chỉnh tề để đến lớp. Chàng ra đứng trước cửa nhà ngó qua bên trường để đợi tiếng kẻng. Nhà trọ ở ngay trước cổng chánh của trường bên này đường. Trời đã dứt cơn mưa từ lâu, nhưng đường sá còn ướt sũng. Bất ngờ có tiếng con gái ồn ào bên tai:

— Thưa thầy cho tụi em xin vô trong nhà rửa chưn. Đường trơn, đứa nào cũng bị lọt xuống sình!

Hưng quay lại thì thấy không phải học trò lớp mình. Cô nào cô nấy đều lạ, những chiếc nón lá nghiêng vành che khuất vài ba khuôn mặt, chàng nhìn không rõ. Những tà áo dài trắng điểm lấm tấm vết bùn xanh xám. Chắc là tụi lớp A1 của thầy Định. Hưng để cặp sách trên ngạch cửa, dẫn cả đám vào sàn nước bên hông nhà. Sân rộng, hồ nước thật lớn. Các cô vội vã đưa chân vào vòi nước để rửa những bàn chân lấm lem bùn dất. Cho tới cô cuối cùng, Hưng vô tình nhìn kỹ hơn. Cô ta có bàn chân nhỏ gọn xinh xắn, các ngón tròn trịa đều đặn. Đặc biệt là gót chân đỏ hồng, màu đỏ như son mịn. Trong đời Hưng đã thấy nhiều người đẹp nhưng chưa bao giờ để ý tới bàn chân một người con gái. Lần đầu tiên chàng ngây ngất trước một bàn chân đẹp. Chừng như cảm giác có gì kỳ lạ, cô học trò quay lại nhìn thì bắt gặp ánh mắt đăm đăm của ông thầy giáo trẻ. Cô gái cuống quít, bỏ vội lai quần xuống, xỏ đôi chân hồng vào đôi guốc sơn, kéo chiếc nón lá che nghiêng cặp mắt tròn to, đen bóng như sơn mài. Có tiếng thúc giục:

— Lẹ lên nghen, tới giờ rồi kìa!

Cả đám quay lại lí nhí chào Hưng rồi kéo nhau tuôn ra cửa, tiếng líu lo cười nói như chim. Đường sá đầy sình. Những bàn chân vừa được rửa sạch, rón rén bước những bước cẩn thận trên những cục đá nhô cao. Hưng đi theo phía sau cô học trò có cái gót chân hồng với làn da mịn mà nghe lòng xao xuyến như lần đầu tiên được cầm bàn tay run rẩy của người con gái lạ. Ôi! Cái niềm vui mong manh, đơn giản nhưng trong sáng làm sao! Từ đó, vào những buổi sáng, Hưng mong cho trời mưa để đường lầy lội. Dầu Hưng mong hay không trời vẫn cứ mưa. Có những buổi mưa thiệt lớn rồi cũng có những buổi mưa lất phất. Con đường Mạc Đĩnh Chi ngang cổng trường bùn sình ngập tới mắt cá. Hồ nước của nhà trọ đầy tràn. Vậy mà không có người ghé để xin nước.

Mãi cho đến mấy tháng sau, thầy Định được đổi về Sài Gòn. Hưng được giao thêm Đệ Nhị A1. Ngày đầu tiên bước vào lớp, chàng bắt gặp ngay được cặp mắt to đen như hột nhãn của người rửa chân ngày nào, ngó chàng đăm đăm. Lật sổ ra điểm danh thì cô bé tên là Trần Thị Hạnh.

Hỏi thêm thì biết nhà ở đường Nhị Trưng. Ông hiệu trưởng quả là nhà tiên tri đại tài! Ba năm trước nói một câu bâng quơ— nội cái con đường Nhị Trưng đi hoài cũng không hết— bây giờ lời đó ứng nghiệm rõ ràng. Có những đêm thức soạn bài tới thật khuya, Hưng không thấy mệt chút nào. Những bài giảng phong phú và lưu loát, nói chung cho cả lớp, nhưng mà như riêng cho ai nghe. Có cái gì riêng tư không biết nữa nó ràng buộc tâm tình chàng với cái hồn nhiên ngây thơ của cô học trò mới lớn. Làm sao Hưng quên được hình ảnh dễ thương của nàng, mỗi lần đến thăm gia đình. Ba Hạnh tánh hăng say hoạt động. Tuổi già nhưng còn rất trẻ trung. Ông giúp đỡ nhà trường rất nhiều và đã đảm nhiệm chức vụ Hội trưởng hội Phụ huynh Học sinh liên tiếp trong nhiều năm. Có lần đến nhà, Hạnh rót nước để mời chàng, giọng êm ái trong veo như gió thoảng. Bộ ghế ở phòng khách thì thấp, nàng phải quỳ xuống để đặt khay trà lên trên bàn, mái tóc ngắn ôm sát khuôn mặt tròn xinh xinh. Cả người đầy vẻ dịu dàng thùy mị y như những cô gái Nhựt Bổn trong tranh.

— Ngày Chúa Nhật mà thầy không đi chơi đâu sao?

— Thì tôi lại thăm ông bà Hội trưởng nè, được em cho uống nước trà ngon, cần gì phải đi đâu xa xôi chi cho mất công.

Ba Hạnh nói tiếp:

— Ông giáo sư còn trẻ mà lại học giỏi, chịu khó. Con Hạnh về thường cứ nhắc hoài những bài giảng trong lớp...

Hưng nghe khoan khoái trong bụng, nhưng không biết nên trả lời ra sao:

— Dạ, tôi cũng dạy y như hồi học ở Sư phạm. Chắc là nhờ lớp Hạnh, học trò giỏi nhiều hơn các lớp khác.

Má Hạnh xen vô:

— Ông giáo sư nói vậy chớ, chắc con Hạnh học không giỏi đâu. Tôi thấy về nhà nó đọc tiểu thuyết không hà!

Hạnh mỉm cười nhìn Hưng:

— Tại thầy biểu đó. Chớ con đâu có ham tiểu thuyết. Hồi trước con thích đọc thơ... Thầy Hưng dạy văn chương mà viết văn, làm thơ thì chắc hay lắm!

Hưng nghe xong, cười ngất, quơ tay:

— Nghĩ như vậy là sai rồi, cô ơi! Thầy giáo dạy văn chương mà nói chuyện về thơ văn thì cũng như ông thợ mộc, thợ hồ bàn về mỹ thuật...

Hạnh tròn mắt nhìn thầy, ngạc nhiên.

— Tôi nói thiệt mà. Không phải giỡn đâu. Ở Sư phạm hoặc Văn khoa tụi tôi chỉ được học cách phân tách, phê bình để giảng dạy một bài thơ hoặc một bài văn cho học trò lớp nhỏ, tàm tạm cho người chưa biết,

hiểu được chút ít thôi. Nếu có cái gọi là kỹ thuật viết văn hay làm thơ mà dạy và học được thì ai cũng thành văn sĩ hoặc thi sĩ hết rồi. Mà Hạnh thấy đó, người viết văn làm thơ thì nhiều mà thành danh đâu có được bao nhiêu. Đâu phải in được một hai cuốn thơ là được người đời kêu bằng thi sĩ. Cũng vậy, đối với các giới khác, đâu phải bác sĩ là đều phát minh ra được thuốc trị bịnh, kỹ sư là chế được xe hơi, máy bay. Cái tài năng nghệ thuật đó không phải do sự học... mà do thiên phú. Phải trời cho mới được.

Hạnh le lưỡi, nhăn mặt làm vẻ sợ hãi. Hưng tiếp:

— Hạnh có nghe tôi kể lần nào, câu chuyện người thợ làm bánh xe của Trang Tử trong Nam Hoa kinh chưa?

— Dạ chưa, thầy kể cho em nghe đi.

— Lâu quá rồi, tôi quên mất tên ông vua nhưng đại khái câu chuyện như vầy. Đời xưa, có ông vua nhân lúc thanh nhàn ngồi đọc sách dáng điệu nghiêm trang kính cẩn. Ở dưới thềm có người thợ làm bánh xe đương đục đẽo cồm cộp. Người thợ vừa làm việc vừa ngó ông vua. Thấy ông này đọc sách say mê, bèn bỏ bào, bỏ đục, bước lên thềm vòng tay hỏi: "Muôn tâu bệ hạ, xin cho hạ thần được hỏi, bệ hạ đọc những gì trong đó?". Nhà vua trả lời: "Ta đọc những lời vàng ngọc của thánh hiền". Ông thợ nhếch mép: "Muôn tâu, xin bệ hạ thứ lỗi cho hạ thần. Hạ thần nghĩ là bệ hạ đọc những lời cặn bã của thánh hiền mà thôi". Nhà vua trợn mắt nhìn sững ông già. "Muôn tâu bệ hạ, thần dám liều gan nói như vậy vì có chút ít kinh nghiệm về việc này. Thần không dám nói đến việc kinh sách, thơ văn cao xa. Hạ thần chỉ nói về việc đóng bánh xe gia truyền của dòng họ nhà hạ thần thôi. Như muốn gắn cái niềng sắt vô bánh xe bằng cây thì phải cầm cây búa mà gõ từ từ. Nếu gõ nhẹ tay thì làm sao cái niềng nó ôm sát được vô cái bánh. Nếu gõ mạnh tay thì bánh xe bằng cây bị nứt bể. Phải làm sao đập từng nhát búa đều đặn nhịp nhàng khi mạnh khi yếu, khi mau khi chậm, để cái vòng sắt ôm chặt lấy cái khung bánh. Khi đã đâu vào đó rồi thì bánh xe dùng cả chục năm cũng không hư... Đó chỉ là cái nghề nhỏ mọn mà từ đời ông nội hạ thần muốn truyền lại cho hạ thần cũng không thể viết ra sách được, cũng không thể nói bằng lời được. Lúc nhỏ, thần muốn học, phải ngồi mà coi cái ý, theo dõi cái tình rồi lấy cái tâm mà lãnh hội. Nghề đóng bánh xe còn vậy, nói chi đến kinh sách thơ văn. Làm sao mà nói được bằng lời, ghi lại bằng chữ những ý đẹp tình cao. Cho nên thần dám nói cái mà bệ hạ đọc trong kinh sách, những cái đó chỉ là cặn bã mà thôi.

Hưng uống một hớp nước rồi nói tiếp:

— Câu chuyện được đặt ra để chứng minh rằng, lời không nói hết được ý, ý không nói hết được tình. Mà chuyện làm thơ, viết văn là chuyện

của ý với tình, làm sao cái ngôn ngữ, văn tự của một ông thầy giáo dầu là thầy dạy văn chương, đạt tới được! Hạnh nghe xong cười cười, nhìn chàng thật lâu, rồi nói chậm rãi:

— Thầy nói vậy để thì em nghe vậy! Để rồi em bắt chước Xuân Diệu, Huy Cận làm thơ cho thầy coi!

Hưng nhìn lại Hạnh, thương thương cái tánh bướng bỉnh:

— Cô học trò thi sĩ của tôi ơi! Nghệ thuật là sự sáng tạo chớ không phải bắt chước. Nếu bắt chước thì không còn là nghệ thuật nữa. Thí dụ như một ngày nào đó, có một cô bé đi học, gặp bữa trời mưa ướt át, chân dính đầy sình bùn, đứng nghiêng mình bên hồ nước, kéo cái lai quần lên để rửa chân. Gót chân đỏ như son mịn, dáng vẻ thật là duyên dáng dễ thương, ai nhìn thấy cũng yêu cũng mến. Có cô nàng nào đó ô dề kịch cỡm, thấy vậy bắt chước cũng uốn éo làm duyên, dậm chân cho dính đầy bùn đất rồi dội hết cả hồ nước. Tôi nghĩ là anh nào mà thấy, chắc phải bỏ chạy thiệt xa...

Cô bé chớp mắt:

— Thầy nói thiệt hả! Em không tin có người mới nhìn một cái gót chân người lạ mà thương liền.

Ba Hạnh ngồi im lặng nãy giờ, không hiểu nội dung câu chuyện bóng gió xa xôi của Hưng, xen vô góp lời:

— Con còn nhỏ, chưa biết hết đâu. Đời thiếu gì những điều kỳ lạ mà mình chưa biết. Như nàng My Nương chỉ nghe tiếng sáo của Trương Chi mà bịnh tương tư liệt giường liệt chiếu. Cái ông hoàng tử trong truyện Tấm Cám chỉ mới nhìn thấy có một chiếc giày mà đã chết mê chết mệt, nói gì nhìn cả một gót chân. Thầy Hưng nói phải đó!

Má Hạnh nhìn con gái trìu mến:

— Hồi nãy giờ cha con, thầy trò đối đáp, tôi không hiểu gì hết trơn!

Cả bốn cùng cười vang. Hạnh ôm lấy vai mẹ, nũng nịu:

— Con định làm thi sĩ mà thầy Hưng chưa gì hết đã chê!

Khi từ giã ra về, Hưng đi sát bên Hạnh, vẻ nghiêm trang:

— Nói chơi cho vui chớ tôi vẫn mong được đọc những bài thơ của Hạnh.

Hạnh nhìn qua chàng:

— Thầy không sợ những bài thơ em làm dở tệ sao? Hưng nhìn thật sâu trong mắt nàng:

— Thơ của em bài nào cũng hay hết.

Rồi nhìn thấy ông bà Hội trưởng còn ở phía sau, lấy hết can đảm, Hưng nói trong hơi thở:

— Riêng em đã là một bài thơ...

Nói xong, Hưng thấy tự nhiên tay chân luống cuống, mặt đỏ bừng

bừng. Chàng đi một mạch ra cửa, không dám ngó ngoái lại. Lúc đó, Hạnh đứng tựa vào cánh cửa cây, đưa tay chận lấy ngực, mặt mày xám xanh.

Buổi đó cũng là lần cuối cùng Hưng đến nhà nàng. Vài tuần sau, vì một lý do hành chánh đặc biệt, Hưng bị đổi về Bình Dương, một tỉnh nhỏ của miền Đông nhiều đồi dốc. Tuy trường mới đẹp hơn, lớn hơn trường xưa, nhưng làm sao nó có thể so sánh được với Hoàng Diệu bùn sình trơn trợt. Làm sao có được những ngày mưa ướt át để đón đưa người mình yêu đến cổng trường có giàn bông giấy. Một hôm đang ở phòng họp giáo sư, Hưng nhận được một bức thơ gởi từ Ba Xuyên xa xôi, thơ của Hạnh. Mừng quá, chàng mở phong thơ màu xanh lợt mà run tay. Những chữ tròn trịa đầy đặn được viết trên tờ giấy xanh mỏng những lời thăm hỏi chân tình của người học trò cũ. Lật qua trang sau, Hưng thấy nguyên một bài thơ trường thiên tám chữ. Hưng đọc từng câu, cảm từng lời. Cho tới hai câu cuối, Hưng nghe choáng váng, tim như muốn ngừng đập. Hai câu đó như vầy:

Thầy vẫn dạy bài Việt văn năm cũ
Như ngày xưa riêng đôi mắt em nghe.

Trời ơi! Quả thật như vậy sao? Hưng đứng lặng hàng giờ để nghe niềm cảm xúc lâng lâng thấm từng tế bào tim phổi. ít ra trong đời dạy học, có được một người nghe chàng giảng dạy bằng cả một lòng tin yêu, cũng là quá đủ...

Chiếc xe bus từ từ đậu sát lề đường rồi ngừng hẳn. Hưng vịn tay vào thanh sắt lạnh ngắt, chân dò dẫm từng bước để xuống. Từ nhà ra đến chợ phải mất đến hơn bốn mươi lăm phút đi xe. Trời bây giờ đang mùa đông nên lạnh giá. Tuyết rơi khắp mọi nơi. Cả thành phố như bị bao phủ bằng một lớp bột thạch cao dầy trắng xóa. Hàng cây thẳng tắp ven đường bị đông lạnh co ro đưa lên trời những cành khô khẳng kheo trơ trụi. Từng cơn gió lạnh thổi tạt ngang đưa những hạt tuyết xôm xốp như bông gòn bay rào rào trên đầu, trên mặt. Hưng nghe lạnh buốt như có con dao bén cứa vào da thịt. Bộ áo khoác cùng đôi giầy xin được ở nhà thờ hơi mỏng và quá cũ không đủ ấm. Tuần lương tới phải ráng tiện tặn để mua bộ khác dày hơn. Ở xứ này có lẽ nhịn ăn thì được nhưng nhịn mặc thì không xong rồi. Đây là mùa đông đầu tiên Hưng phải chịu đựng ở cái thành phố đầy tuyết trắng. Gần hơn một năm trời đợi chờ mòn mỏi ở đảo, chàng được phái đoàn Cao ủy Liên hiệp quốc cho đi định cư đến đây. Một nơi lạ hoắc chưa bao giờ chàng nghĩ tới. Cái thân trôi nổi ừ thì thôi, đâu cũng là nhà. Chàng chấp nhận không suy bì, dằn đo. Đi đâu cũng được, miễn là khỏi phải sống một đời cực nhục, khổ sở dày ải dưới bàn

tay sắt máu của bọn người vô tâm.

Đường đến tiệm rất gần. Tới nơi, Hưng cởi chiếc bao tay bằng len đỏ đã có một lỗ thủng nhỏ ở đầu ngón, đẩy cửa kiếng để bước vào trong Thương xá Việt Nam. Mỗi tuần chàng đến đây để mua một số thực phẩm cần dùng. Hưng đưa tay phủi tuyết bám trên tóc trên mặt, giũ sơ qua những hạt còn bám trên áo khoác. Tóc tai rối bù ướt đẫm. Nhìn xuống đôi giày cao cổ, nó thê lương làm sao. Tuyết nhão quến với bụi đất biến thành bùn sình bám vào đế giày nhòe nhoẹt. Đôi giày quá cũ, nước thấm ướt hết cả vớ. Các ngón chân nghe lạnh ngắt, Hưng đi thẳng vào trong, mắt nhìn lên các kệ thực phẩm để chọn lựa các thứ cần dùng. Rải rác đây đó, người mua chừng đã khá đông. Tiếng cười nói ồn ào tạo thành một thứ sinh khí Việt Nam. Ở xứ lạ quê người, được nói và nghe tiếng mẹ đẻ là một điều sung sướng. Cần gì câu chuyện hay hoặc dở, người lạ hay quen.

— Chèn ơi, ở đây mà cũng có trầu cau nữa... Có luôn xác giấy nè.

Có giọng nói của người trẻ hơn:

— Hôm trước có bán măng cụt với chôm chôm. Để ở chỗ này! Mắc quá, thấy thèm mà không đủ tiền mua.

— Mày lại hỏi bà chủ tiệm coi bài tứ sắc để ở đâu, tao nghe nói tiệm này có bán, liệu mua năm bảy bộ để dành. Tết này rủ mấy bà Gò Công qua bên mình đậu chến cho vui.

Hưng đi lần ra phía ngoài. Có mùi son phấn nực mũi. Một bà vừa trạc năm mươi đứng với một thanh niên mặt mày sáng sủa, cả hai ăn mặc sang trọng. Bà ta đứng trả tiền ở quầy hàng nói với bà chủ tiệm giọng oang oang, từ xa ai cũng nghe thấy:

— Ở đây khỏe quá hở bà chị, có tiền là có đủ thứ. Chỉ cần nhắc cái điện thoại lên là có đồ ăn đem tới miệng... Giọng bà chủ tiệm ôn tồn hơn:

— Dạ... dạ... chỉ có điều trời lạnh quá. Tôi chịu hổng thấu. Phải chi kha khá một chút, dọn qua Mỹ ở, ấm áp hơn.

— Ối! Hơi đâu mà bà chị lo. Trời nóng thì có máy lạnh, mùa đông thì có lò sưởi. Ra đường mình có áo lông.

Rồi giọng bà kéo dài ra:

— Mấy thứ đó... đâu có bao nhiêu tiền. Tôi suy nghĩ kỹ rồi, cũng nhờ mấy ông Việt cộng nên mới được qua đây, sống sung sướng như vầy.

Có vài người khách đứng gần, ngước mắt lên nhìn. Người thanh niên có vẻ học thức, nắm lấy tay bà:

— Sao mẹ nói vậy, mình bỏ nước ra đi là tại mấy thằng Việt cộng. Làm sao sung sướng bằng ở bên Sài Gòn, quê hương làng nước...

Rồi như để che bớt cái sơ hở của mẹ, anh ta nói tiếp:

— Xứ Canada này việc ít, người nhiều. Kiếm được đồng lương cũng đổ mồ hôi.

Bà chủ tiệm ngó người thanh niên cười cười. Bà khách kia quay qua con mắng yêu:

— Ối dào, kiếm việc vất vả là mấy người thợ thuyền làm ở hãng xưởng, chớ học cao tới kỹ sư như con thì thiếu gì mấy cái công ty lớn mời, tha hồ mà chọn...

Hưng nghe mẹ con đối đáp, khoái chí, bèn làm bộ lựa những món hàng gần đó để nghe thêm cho dễ. Nào ngờ, hai người đã trả tiền xong đi mất. Chàng đâm buồn buồn, tính trong bụng định ra về. Ngước mắt lên kệ cao, Hưng với tay lấy một thùng mì gói. Với thùng mì này, Hưng có thể để dành ăn được cả tháng, khỏi mất công mua lặt vặt, vừa tiện việc khỏi nấu nướng lôi thôi, vừa rẻ đỡ tốn tiền. Phía sau lưng có tiếng nói ấm áp của một thanh niên cất lên:

— Hay là em mua cho ba trà Ô Long uống thử coi. Anh thấy bác Tư thích loại nhãn xanh lợt này lắm nè. Trà Thiết Quan Âm kiếm không ra.

— Thôi, anh chịu khó đưa em qua phố Tàu, ở bển thế nào cũng có. Tánh ba thích uống trà ngon, ăn thì sao cũng được. Hồi còn ở Sóc Trăng, có tiệm Quảng Trần bán trà nổi danh. Kế bên nhà...

Hưng đương nắm lấy góc thùng mì, nghe giọng nói êm ái của người thiếu nữ, thấy quen quen. Cái giọng nói nhẹ như gió thoảng nhưng âm thanh rõ ràng đó đã nhiều lần nghe qua, làm sao lầm lẫn được. Chàng khựng lại cho đến khi nghe được hai tiếng Sóc Trăng thì buông hẳn thùng mì trở lại trên kệ, quay lưng lại mà nhìn. Người con gái đứng trước mặt Hưng quả thật là Hạnh. Không thể là ai khác hơn, Hạnh ngày xưa, bằng xương bằng thịt rõ ràng.

Hạnh mở to mắt:

— Thầy... thầy qua đây được bao lâu? Sao em không hay biết gì hết?

Hưng còn đang choáng váng vì cuộc hội ngộ bất ngờ, chưa kịp trả lời thì Hạnh giới thiệu người thanh niên đứng kế bên, giọng hơi ngập ngừng luống cuống:

— Còn đây là anh Lâm... anh Lâm.

Hưng bắt tay người thanh niên, miệng mỉm cười thay câu chào hỏi. Lâm có vừng trán rộng, đôi mắt thật sáng, cái mũi đẹp, khá cao và thẳng tắp. Lâm thăm hỏi chàng qua hàm răng trắng bóng đều đặn:

— Thầy đi chợ này thường không? Tôi với Hạnh tháng nào cũng đến đây một vài lần, vậy mà không được gặp. Ngày xưa Hạnh có được học với thầy?

Hưng nhớ tới hình dáng tiều tụy của mình. Khi nãy bắt tay, cái bàn tay của Lâm mềm mại ấm áp làm sao, Hưng cảm thấy làn da tay mình

sần sùi thô kệch, bữa nay sao nó đầy hơn bình thường:

— Ờ, ở tôi mới qua tới, chưa được bao lâu.

Hưng nhìn sang Hạnh. Nàng vẫn dịu dàng, xinh xắn. Trang điểm thêm một chút phấn hồng trên má, một chút son đỏ lợt trên môi, chiếc khăn len quấn hờ quanh cổ, trông nàng đẹp đẽ hơn bội phần, quí phái hơn bội phần. Bất giác, Hưng đưa tay rờ cằm. Sáng nay trời lạnh quá, lo sửa soạn đi gấp nên quên mất việc cạo râu, râu cằm đâu tua tủa, rờ nham nhám. Tay Hưng lần lên trên đụng phải gò má. Cái gò má thiếu thịt, xương lưỡng quyền nhô cao, kết quả những ngày lao động vinh quang. Năm năm bị đầy đọa ác nghiệt ở quê nhà, một năm trời thiếu thốn chờ đợi héo mòn ở đảo xa, tổng cộng tất cả là sáu năm. Sáu năm lầm than khốn khó. Thời gian quá dài đủ để choán hết những mùa xuân cuộc đời. Như một nụ bông chỉ cần vài giờ có nắng ấm để phô sắc hương, thời gian đó đã bị một đám mây xám âm u giăng kín. Hưng tự hỏi không biết giờ mình còn chút xíu nào phong độ của ông giáo sư trẻ ngày xưa?

— Cuộc biến động quá lớn lao. Tôi không biết gì nhiều ở Sóc Trăng.

— Dạ, ba má với em đi từ năm bảy mươi lăm. Đọc báo, nghe tin tức thấy đất nước tang thương, đổ nát. Ba má em cứ nhắc thầy hoài, hỏi thăm mà không ai biết.

Hưng nghe xót xa. Ông bà Hội trưởng thường nhắc đến chàng. Hạnh ơi, có bao giờ em nhắc tới tôi, một lần không? Hưng thấy tay chân mình dâm thừa thai. Chàng nhìn Hạnh rồi nhìn Lâm. Cả hai đứng bên nhau tươi mát, yêu đời. Còn chàng, từ ngày đất nước đổi thay, như con cá dật dờ ngoài sông lớn. Cá nước ngọt bị đem bỏ ra biển, gặp nước mặn đã ngất ngư còn gặp sóng dập gió dồi, chịu sao cho thấu. Cái sức sống mới vừa vươn lên sắp đâm chồi nẩy lộc, bất ngờ một cơn phong ba bão táp đổ ập đến khiến Hưng như người đau mới mạnh. Tuy đã vượt thoát đến phần đất tự do, chắc phải cần một thời gian khá dài để phục hồi sinh lực cũ. Sáng nay vô tình gặp Hạnh. Hình ảnh cô bé học trò dễ thương đã trên sáu bảy năm nay nằm lắng im trong lớp kỷ niệm thật sâu, thật dày, được khơi bừng dậy. Hưng nhìn thật lâu trong mắt nàng để tưởng mình vẫn còn được trẻ trung như xưa. Cái thời mà mỗi buổi sáng đứng trước kiếng hàng giờ để chải cái đầu, lựa từng cái áo, cái quần, đôi giày, đôi vớ. Những giờ đến lớp với niềm tin trong mắt, nụ cười trên môi. Những buổi trưa hẹn hò bước chân xôn xao trên hè phố. Cái thời mà dòng máu yêu đời luân lưu trong huyết quản, bàn tay tưởng có thể ôm gọn được tương lai.

Thấy Hưng nhìn mình đăm đăm, Hạnh bối rối cúi đầu, mắt nhìn xuống mũi giày, một tay ôm chặt lấy Lâm. Hồi lâu, nàng mới hỏi qua nụ cười gượng gạo:

Tình ơi!
NGÔ TỊNH YÊN

Lãng quên là nhớ đó em!
Vết thương cũng là hạnh phúc
Nếu không đâu biết biển sâu
Có con sò đang ngậm ngọc

Hận thù là yêu đó em!
Đớn đau cũng là duyên nợ
Nếu không đâu biết đêm dài
Có loài hoa âm thầm nở

Cách xa là gần đó em!
Nhớ thương cũng là cứu rỗi
Nếu không đâu biết đêm đông
Có Chúa xuống trần chuộc tội.

— Hồi nãy giờ gặp thầy mừng quá, quên mất hỏi thăm. Chắc thầy qua đây một lượt với cô? Chắc cô cũng người Bình Dương, vì ở trên đó người đẹp nhiều lắm...

Hưng khựng lại một hồi lâu rồi nhìn bao quát cả tiệm, thủng thỉnh trả lời:

— Ờ ờ, tụi tôi quen nhau từ hồi còn nhỏ xíu. Quên mất hỏi coi người tỉnh nào. Chắc Rạch Giá, Cần Thơ, Tây Ninh hay Biên Hòa gì đó. Đợi ngày làm đám cưới thì Việt cộng vô. Hai đứa bị đày đọa khổ sở, tôi rủ vượt biên bả không chịu, khăng khăng ở lại.

Hạnh chớp chớp mi mắt, vẻ đau xót, an ủi:

— Thôi, lần lần thầy ổn định đời sống rồi làm giấy bảo lãnh cho cô qua.

Hưng nhăn mặt lắc đầu:

— Cô không chịu đi đâu. Tôi đã viết thơ nhiều lần thúc hối, nhưng không cách gì lay chuyển được. Ở đây một mình buồn quá. Đôi lúc thấy đời sống nhàm chán, vô nghĩa. Không lý suốt đời chỉ còn biết có đi làm, đi chơi, đi ăn, đi ngủ...

Rồi Hưng ngậm ngùi:

— Ở đây một năm sáu tháng giá buốt... Nhiều khi nhìn tuyết rơi ngập trời mà thèm một chút nắng ấm quê hương, nơi đó đã một thời tôi tìm thấy được mùa xuân. ❐

trang châu

Sinh trưởng tại Huế. Trước 75, quân y sĩ, phục vụ trong binh chủng Dù. Hiện hành nghề y khoa tại Montréal (Canada).

Chủ Tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại (1991-1993).

Chủ Tịch Văn Bút Québec (1987-1991, 1993-1995).

Cộng tác với các báo: *Tập san Y sĩ Canada, Nguyệt san Y tế, Làng Văn, Nắng Mới, Sóng, Văn, Văn Học, Hợp Lưu.*

Tác phẩm đã xuất bản

- *Y Sĩ Tiền Tuyến* (bút ký), Giải Văn Học Nghệ Thuật toàn quốc năm 1969. Xuất bản năm 1970 tại Việt Nam (nhà xuất bản Đường Sáng). Tái bản tại Hoa Kỳ: nhà xuất bản Sống Mới (1978), nhà xuất bản Đại Nam (198?).Tái bản lần thứ ba, nhà xuất bản Saigon Cọ, Texas.
- *Thơ Trang Châu*, xuất bản năm 1989, nhà xuất bản Sông Thu (Hoa Kỳ)
- *Về Biển Đông* (bút ký), xuất bản năm 1995, Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông (Hoa Kỳ)

Trả lời hai câu hỏi

1. *Viết chỉ là nghề tay trái. Tuy tay trái nhưng có lẽ vì nằm phía trái nên gần con tim hơn do đó đam mê nhiều khi lại lớn hơn cả nghề tay phải. Viết vì đam mê. Nhưng chỉ viết khi thấy có gì đáng viết hoặc nếu không viết sẽ mất ăn mất ngủ.*

2.

a. Viết về cái gì?

Viết về cái gì mình đã sống mà còn gây xúc động mãnh liệt cho mình như chiến tranh, như thuyền nhân với bút ký; viết về cái gì mình đang bị dồn nén hay đang khát khao ước mơ như tình yêu với thơ, truyện ngắn.

b. Viết như thế nào?

— Về văn, bao giờ tôi có đoạn kết trong đầu rồi mới ngồi vào bàn viết. Viết chừng nửa trang nếu tôi bằng lòng thì mới viết tiếp. Những dòng đầu đối với tôi rất quan trọng, vô cùng quan trọng.

— Về thơ thì khác hẳn. Tôi rất sợ làm thơ vì cái tứ thường đến bất chợt, nó đến chú tôi ít khi kiếm. Nhưng khi nó đến rồi thì tôi quên hết chung quanh, quên hết thì giờ. Có đêm tôi không ngủ và phá giấc ngủ của người thân. Những bài thơ tôi viết nhanh nhất, tôi bằng lòng nhất, thường được viết ở phòng mạch. Vào những lúc đó tôi muốn mọi người không ai bệnh hết, cho phòng mạch trống vắng để tôi được rảnh rỗi mà viết. Cho nên tôi rất sợ làm thơ vì nó tác hại cái nghề tay phải của tôi vô cùng. Dính vào thơ như dính vào ma túy!

c. Viết cho ai đọc?

Viết cho những ai thích đọc thơ văn. Tôi tin giới trẻ ở hải ngoại thành phần nào thích văn chương nói chung sẽ tự tìm cách trau đồi tiếng Việt để viết hay đọc văn chương Việt. Nhưng phải nghĩ một cách rộng rãi hơn: văn chương hải ngoại không phải chỉ để cho người ở hải ngoại đọc và ngược lại.

hãy coi nhau như tình nhân

trang châu

Mình hãy coi nhau đêm nay
Như tình nhân
Hãy coi tuổi nhau
Như vừa đôi tám
Hãy gợi lòng mình
Như vừa biết yêu đương

Anh sẽ cho lui dòng thời gian
Để thấy em xinh hồng đôi má
Môi thoáng cười
Trong giao mắt đầu tiên
Anh sẽ bắt thời gian dừng lại ở
Giây phút đợi chờ
Anh cầm lấy tay em

Chúng ta đã bên nhau
Trong cuộc hành trình
Dài một phần tư thế kỷ
Cuộc hành trình nào
Mà chẳng có gian truân
Chúng ta chẳng cần quên
Nhưng chúng ta không phải nhớ
Những khúc sông sóng ngầm
Những chặng đường sỏi đá
Trong cuộc đời lứa đôi

Chỉ biết hôm nay
Chúng ta đang đứng ở bình nguyên của mối tình
Trong một chiều nắng đẹp
Chúng ta sẽ tay trong tay
Đi quãng đời còn lại
Chúng ta sẽ tô thắm tuổi già
Bằng tâm hồn tuổi trẻ

Nên em đừng ngại thời gian
Sẽ ghi dấu vết nhăn
Thời gian sẽ điểm sương mái tóc

Chúng ta mãi mãi
Là hai con chim non
Hót cho mùa xuân bất tận
Chúng ta sẽ mãi mãi không già
Nếu chúng ta mãi mãi
Như đêm nay
Coi nhau như tình nhân
Như đêm nay
Coi tuổi nhau như vừa đôi tám
Như đêm nay
Gợi lòng mình như vừa biết yêu đương...

sinh nhật

trang châu

Đem chiếc bánh ra
Thắp vòng nến lên
Thổi một mình
Hai lần mới tắt
Bạn bè hình như bận
Người thân hình như xa
Người yêu hình như không dám nhớ
Cắt mẩu bánh
Ăn một mình
Tự an ủi
Mọi người chắc vẫn không quên
Nhưng không gọi
Không muốn nhắc ta già?

luân hoán

Luân Hoán tên thật Lê Ngọc Châu, sinh ngày 10 tháng Giêng, 1941 tại Hội An, Quảng Nam. Hiện cư ngụ tại Montréal, Québec, Canada.

Thi phẩm đầu tay do Văn Học Sài Gòn ấn hành năm 1964, tập "Về Trời". Thi phẩm mới nhất, tập "Mời Em Lên Ngựa" do Thơ ấn hành tại Hoa Kỳ năm 1994. Kể chung, trong bốn thập niên đã xuất bản 17 thi phẩm (11 ở quê nhà và 6 ở hải ngoại).

Trả lời gọn hai câu hỏi của Văn Học

1. Những năm khởi đầu đến với hương sắc chữ nghĩa, đối với tôi, thơ là một thú chơi nhiều hấp dẫn nhất. Chơi lâu dâm ghiền. Cái bệnh nan y này tôi có vài thời kỳ tưởng cai bỏ được, ví như giai đoạn 1975-1985, bầm dập tại quê nhà; 1985 đến nay (1995) lây lất tại xứ người. Nhưng oái oăm, trong suốt hai đoạn đời dính liền nhau đó, tôi đã múa máy được khá nhiều. Và nghiệm ra, cuộc sống mình càng giàu khó khăn thì càng phải hành hạ chữ nghĩa nhiều hơn. Lý do tôi vẫn dang tiếp tục cuộc chơi có lẽ giản dị như thế.

2. Viết về cái gì?

Tôi vẫn tự hỏi tôi đấy. Và biết rõ rằng, mình vẫn viết về những cái linh tinh, vụn vặt. Những bụi rác của cuộc sống đã thật sự cho tôi những

xúc động, những cảm hứng và tôi viết khá dễ dàng, không lệ thuộc vào "bàn viết" hay "cõi viết" nào. Từ diện tích cái giường ngủ đến lòng xe, hè phố... mọi nơi... tôi đều có thể cho cảm hứng của mình sinh nở. Viết vậy để cho ai đọc? Rõ ràng thôi, gởi cho người khoái thơ, đọc chơi. Trong số bạn đọc đông đảo (chắc là đông đảo) đó, có cả tôi.

Tác phẩm đã in:

- Về Trời Văn Học Sàigòn xb 1964
- Trôi Sông, Văn Học Sàigòn xb 1966
- Chết Trong Lòng Người, Ngưỡng Cửa xb 1967
- Thơ Tình, Thơ xb 1968
- Ca dao tình yêu, Thơ xb 1968
- Nén Hương Cho Bàn Chân Trái, Thơ xb 1971
- Lục bát ca, Thơ xb 1971
- Viên Đạn Cho Người Yêu Dấu, Thơ xb 1971
- Nhịp buồn 6/8, Thơ xb 1971
- Hòa Bình ơi Hãy đến, Thơ xb 1972
- Rượu Hồng Đã Rót, Thơ xb 1974
- Hơi Thở Việt Nam, Nhân Văn & Sông Thu, Hoa Kỳ 1986
- Đưa Nhau Về Đến Đâu, Sông Thu 1989 (HK)
- Ngơ Ngác Cõi Người, Nhân Văn, Hoa Kỳ 1989
- Cảm Ơn Đất Đã Trổ Thơ, Kinh Đô, Hoa Kỳ 1990
- Mời Em Lên Ngựa, Thơ xb 1994 (Hoa Kỳ)
- Nuôi Thơm Chùm Kỷ Niệm Xanh, Thơ xb 1994 (Hoa Kỳ).

bài kỷ niệm tròn 10 năm ở Canada

luân hoán

mười năm lớ ngớ không ngon giấc
co duỗi không qua khỏi cái giường
hít thở cầm hơi vài cơn mộng buồn
ngẩm chừng như sắp thối xương

ta nhét mặt mày vào dưới gối
nhắm nghiền hai mắt, cớ vì sao
vẫn nghe thấy cả cơn địa chấn
từ cõi lòng không một tiếng nào

ta dúi chân tay vào chăn ấm
cứng tê da thịt, cớ sao như
đang đi khắp cõi quê nhà cũ
trăn trối như khi lỡ giã từ

ta nhốt lòng ta vào mộng mị
tưởng bòn hút được chút bình an
mười năm lăn lộn trên giường nệm
sót lại đời sau mấy tiếng than?

bừng mặt ngó mông trời bão tuyết
khí lạnh như tuồng giảm bớt đi
bài thơ viết dở nằm dưới gối
lòng rỗng dầu không một ý gì

mệt mỏi đang luồn quanh xương thịt
nằm im nghe ngóng bước thời gian
vô phương chống đỡ tàn phai phủ
từng tế bào treo trắng cờ hàng

mười năm đủ để thay toàn bộ
một giấc mơ thơm, một cái nhìn
ra đi dâu nghĩ câu cầu thực
sao rụng rơi dần những niềm tin

lấy kim trích máu tìm hương vị
của Hùng Vương, Lê Lợi, Quang Trung...
thừa tự bao đời nguồn nghĩa khí
để buồn trói đến phút lâm chung?

ngó quanh trống vắng người tâm huyết
soi lại mình trơ nỗi chán chường
già hơn chúng bạn cùng con giáp
quên phứt từ lâu một vết thương

chẳng lẽ chưa quen đời lưu lạc
sống ở nhà thuê, chết hỏa thiêu
sớm tối đi về cây đất lạ
cách biệt không hàn bằng mến yêu

úa bao nước mắt lần tuyên thệ
khoác thêm một quốc tịch lên người
thi hành nghĩa vụ công dân mới
môi mỗi ngày quên một nét cười

từng tiếp mồ hôi cho nhịp sống
thay nghề đổi nghiệp đã bao phen
trăm nghề một nghĩa chung lao động
sao nhói lòng theo nỗi nhọc nhằn

xưa kia chưa ngã tay dầu chợ
chừ gắng dệ đơn để xin ăn
cũng may chưa hội đủ điều kiện
bị bác đơn, lòng bớt băn khoăn

mười năm đủ để thay toàn bộ
một giấc mơ thơm, một cái nhìn
cũng may chưa thể mòn hao nổi
trái tim rực rỡ quí yêu em

mười năm dài thật mà mau thật
tưởng chừng như mới cách qua đêm
đoạn đời trước mặt ta còn đủ
giữ vững cho mình một trái tim?

Chập Chồng Thế Kỉ

Tạ Chí Đại Trường

Chiếc máy bay của Japan Air Lines từ từ hạ xuống đường băng giữa một vừng cây xanh um làm thẫm lại chân trời vừa rựng sáng. Narita. Thành Điền không cảng. Đất hẹp, người đông mà đủ chỗ làm phi trường quốc tế. Và hình như không có đồi trọc.

Cô tiếp viên vẫn dịu dàng cúi xuống giải thích cho ông già được rút ra từ trại tị nạn vì "thành tích chống Cộng" của ông. "Tôi có cái án tử hình của VC, tôi cũng có được tin tức về tù binh Mỹ nhưng không khai ở Thái Lan đâu. Tôi không dại dột. Để tôi nói thẳng với ông Clinton." Là nhân vật quan trọng của quá khứ và tương lai, ông được quyền mè nheo tất cả mọi người, nhất là với cô tiếp viên Nhật này. Nghề của họ đòi hỏi sự nhẫn nại, nhưng cô gái không hổ với danh tiếng người nữ Phù Tang trong sách vở. Chiếc áo sơ mi đồng phục không được bình thường. Không phải cẩu thả. Một *designer* nào đó đã sắp xếp sao cho phần lưng bên trong quai chéo của chiếc quần lại nhăn nhúm, nổi u lên như cái gối (?) của bộ kimono. Quá khứ, hiện tại và tương lai tưởng chừng không đứt đoạn. Không phải căng ra, gượng gạo hay nhức nhối. Cô gái lắc đầu mà không nhăn mặt, nhẫn nại tìm hiểu ý ông khách VIP nói tiếng Anh bằng tay hơi nhiều. Cô gái ơi, tôi cũng tự trách mình. Giá như tôi ngồi ở vị trí khác chỉ nhìn được cái lưng che khuất bộ mặt để còn lại mái tóc và bộ râu bạc phơ kia, tôi sẽ tưởng tượng cô không phải ở thời đại ầm ĩ này mà là của năm tháng xa lắc xa lơ nào đó trong bóng mờ của thời gian đang an ủi một con người thất thế suốt cuộc đời đã qua, và nhất định còn tiếp nối nữa mà ông ta không tự biết. Có lúc nào cô phải quỳ gối nhỏ nhẹ để dẫn cơn nóng giận của anh chàng võ sĩ đạo đang tuốt gươm trên tấm giấy quảng cáo kia không?

Nét vẽ lột tả được cơn nóng giận của chàng kiếm sĩ nhưng không gian ở vòng ngoài thân xác chàng thì phẳng lì và trống trơn. Người trong tranh không đủ chiều thứ ba để biểu lộ hết tâm tình cuộc đời. Phải có sự phụ họa của cơn gió nam khô rốc quét qua ruộng đồng, rõ rệt đẩy từng ngày một lần ranh chết sống của lúa, ẩm ướt nút nẻ của đất lan về phía trước càng lúc càng xa. Nhưng cơn gió chưa đủ sức làm cạn mấy cái bàn nước bên trong Hoàng Đế thành mang cái tên yêu kiều văn vẻ. Trận chiến hai tháng trước còn để lại một khung cảnh hoang tàn đổ nát (*). Mấy vạt thành sạt lở. Nhà tranh bên trong bị võ khí Diều lửa bay vào đốt cháy còn trơ lại bốn bức vách nhồi rạ và nền đất đen xám. Vài nhà ngói may mắn cũng bị nám vách, sém vết lửa loang lổ.

Bọn quan quyền quân lính buông võ khí nén nỗi sợ hãi đang xây cất lại nhà cửa, đắp điếm thành từ bỏ ông Hoàng Đế nằm trơ trọi trên tấm phản gỗ trong ngôi nhà lá mái có tên là Thái Hòa điện. Ông đã được ngũ tuần rồi. Cũng như những người quanh ông, thời đại ông. Mười ba tuổi đã biết hóng gái qua câu chuyện người lớn hí hả bàn tán—trễ hơn sau này cậu thiếu nhi được cô cán bộ 30 bốc bỏ lên bụng trong đêm khuya. Mười sáu tuổi thưởng thức được mùi gái trong bụi rậm, bên góc hè—bấm nhỏ lôi từ giường cha mẹ cô. Mười bảy, mười tám khóc đòi vợ. Bốn mươi tuổi có dâu rể, thành ông nội ông ngoại, cuộc đời chỉ còn chờ tuổi già và cái chết lôi đi là xong. Không đợi đến năm ông Khổng tử khuyên phải biết Mệnh Trời chớ nên đi chơi xa như có người dại dột trên chuyến bay này. Vậy thì ông Nguyễn Nhạc cũng không nên tính chuyện đi xa. Chuyến đi xa nhất vào đầu xuân là chuyến mạo hiểm cuối cùng, là sự cố gắng cuối cùng chỉ vì sức bật rốt ráo của thời trai trẻ còn đẩy ông đi tranh đoạt thành quả của thời xưa đang có đà vượt khỏi tay ông: ông em út còn đủ tuổi tác và sự cương cường để tiến xa hơn. Nhưng ông vẫn còn mạnh khỏe đấy chứ! Thời luồn lách trong rừng núi đi "vài con rựa" không biết mệt, thời hoạt động điều khiển toán buôn người, sai phái người, tính toán làm ăn, thu dụng bọn đầu đuôi trộm cướp. Thời cầm quân vào nam vẫn còn để lại cho ông một sức khỏe hơn cả đám nông dân cùng trang lứa mà ông lại còn thành đạt hơn. Chỉ vì mớ tâm lý của thời đại. Năm mươi tuổi là già rồi. Công danh sự nghiệp đến thế là vừa đủ. Ai đâu có thể làm hơn?

Nhưng cuộc chiến vừa qua đã đánh quỵ hẳn ông. Ông đã thua trận chiến đầu tiên trong đời. Mà bởi người em út. Người của thế hệ sau. Ông không thể căng da ra để kéo dài thời gian, để trở lại thời trai trẻ nữa.

Không muốn cũng chẳng được. Ông già kia bị cuộc đời xô đẩy lên chuyến máy bay định mệnh này trong thâm tâm thoáng chốc hẳn cũng

biết phận mình nhưng cố gắng che lấp nỗi hoang mang sợ hãi bằng sự huênh hoang tưởng tượng, cố nối kết quá khứ dù sao cũng có dấu vết dấn thân với một tương lai đầy ẩn số nhưng tin rằng mình đã nắm được bài giải. Những người trẻ đồng hành tuy da còn trơn láng nhưng cũng căng ra vì mươi năm, hai mươi năm nào có nghĩa gì với cây cầu chặt đứt sau lưng và khoảng không ngút người trước mắt, chung quanh, bên dưới chiếc máy bay này? Họ đều ăn mặc sạch sẽ, có kẻ sang trọng nữa với dấu vết của thời hiện-sinh-xã-hội-chủ-nghĩa đầu mùa đổi mới. Nhưng họ đều im lặng, lầm lì, tuy họ là người di tản khô. Có người quen đi đây đi đó kể rằng trên các chuyến bay về Việt Nam, các bà các cô nói chuyện râm ran như đi chợ khiến đám tiếp viên phi hành và khách ngoại quốc cứ trố mắt ra mà nhìn. Họ quên rồi, thời kỳ di tản ướt xưa kia, thời khổ nạn đã làm xúc động cả thế giới đa cảm và cũng chóng quên. Có người đi về để vung tiền qua cửa sổ xe buýt, để khoe lớp da mặt căng ra. Trong mỹ viện. Không hề gì. Dù sao cũng là dám về để đối đầu, thách thức, kèn cựa, lấy đô la thay cho võ miệng, lấy cái sở trường thu nhặt trong gian khổ để đối phó với sở đoản của "người ta".

Chiếc may bay vồng lên một chút rồi từ từ lăn vào bến. Cửa máy bay úp trọn vào miệng của cái vòi hành lang đưa thẳng khách vào trong khung nhà rộng lớn êm ấm với máy điều hòa có các hoạt động nhộn nhịp mua bán, ăn uống, đi lại, ỉa đái—chẳng biết có làm tình không? Chỉ một ngày một đêm mà người ta đã đi từ giữa thế kỉ 20—có người còn ở đầu thế kỉ, sang đến mép thế kỉ 21.

Ở phi trường Tân Sơn Nhứt, xe buýt đưa khách ra máy bay leo lên chiếc thang sắt thòng xuống giữa nắng trưa trong khi ở trên lầu cao kia bạn bè thân thích ơi ới gọi vọng xuống để người bên dưới ngước lên vẫy vẫy rồi cúi đầu chui vào cách biệt. Ấy cũng gọi là tiến bộ đổi mới rồi. Không còn có cảnh người chồm chồm qua hàng rào, leo choàng chân, miệng méo xẹo, nước mắt chảy dài tiễn đưa để ống kính ngoại quốc ghi vào trong sử truyền hình, in ảnh nghệ thuật cho Việt Nam bay cao. Nhà tạm trú phi trường Đôn Mương còn quen thuộc với ghế gỗ dài, nhân viên bận quần xà lỏn như người đi làm về ngoài sân, nói tiếng Việt lơ lớ nhưng có tủ lạnh cô ca bán một đô la/lon.—Giật mình khi so giá hơn 10.000 đồng, loại tiền còn mới thấy hơn một tiếng đồng hồ trước. Tuy nhiên trong phòng khách phi trường đã có thang cuốn từng bậc—Không phải loại tấm vải căng thẳng một lèo từ dưới lên trên của rạp Rex tân kì hồi 67, 68 gì đó. Người vẫn còn phải xách hành lý đi bộ mỏi chân. Chỉ có đến Narita mới có chuyện đứng một chỗ mà là đi, đi mà là đứng, chẳng biết nên gọi là đứng hay là đi? Ôi cái lí thuyết chuyển động tương đối đơn giản biết được từ ngày leo lên xe đò, xe lửa nay đến già mới có thêm

một bằng chứng nữa! Ở Bangkok không ai biết *Vici* (W.C.) là gì—tất nhiên rồi, ở Tân Sơn Nhứt còn dấy! Học thêm được tiếng Anh *Closetroom*, đến Narita tìm mãi mà chỉ thấy *restroom*. Và không phải chỉ là chuyện hình thức chữ nghĩa làm hoang mang con người có giới hạn thân xác trong thời gian mà phải căng ra cho dài theo thế kỉ. Nội dung cũng có khác. Đái xong, vừa thank you gật đầu chào ông địa *restroom* thì ông *welcome* bằng cách xì nước rửa trôi chất xú uế của mình. Cảm ơn ông địa đã giúp ta đỡ sợ khoa học để nhìn gần lại, lãng quên trong chốc lát cơn gió lốc khô rát của cuộc đời. Như gió mùa hè ở quê ta.

Cơn gió nam lồng lộng mang cả sức nóng của đất trời vào tận ngôi nhà đã được thiết kế làm dịu cái nóng mùa hè, cái lạnh mùa đông bằng một lớp mái đất nằm dưới lớp tranh phủ bên trên che mưa. Gió là để cho mát vậy mà cái lưng trần phải trốn tránh hướng gió thổi tới. Tấm phản gỗ đánh bóng chỉ làm dịu được một lúc rồi người nằm phải rứt tấm thân nhơm nhớp mồ hôi xoay mình đổi chỗ.

Người đầy tớ già rón rén bước vào tay xách ấm nước sôi. Nước được cất công lấy từ giếng Bá Lễ ở Hội An, cái giếng vuông của Chàm xưa, nước trong, độc nhất làm nên vị ngon đặc biệt của món cao lầu nổi tiếng ở đây. Hội An đã tàn tạ sau trận chiến Nhâm Ngọ. Cuộc chiến vừa qua lại cắt đứt với Hoàng Đế thành. Rồi đây lấy đâu ra nước Bá Lễ để pha trà liên tỉnh đây? Không quen nghĩ xa, người đầy tớ già vốc trà bỏ vào bình. Có được dặn bảo cho mấy lão cũng không thể nào lường được lấy trà sao cho đậm nhạt vừa phải.

Người đầy tớ già vốn là một tá điền cũ. So ra lão còn làm ít ruộng của ông chủ này hơn là những người khác. Vậy mà lão không chỉ mang con cá trào, mớ tôm tươi đến cho chủ vào ngày giỗ chạp, lão còn như thường xuyên ở nhà chủ vào những ngày rằm mùng một, và bất cứ lúc nào chủ "ới" một tiếng. Cho nên bây giờ lão được phong chức Nội đình phụng ngự vào bực Lục phẩm. Nhưng cái áo trào sao mà quá rộng, quá láng. Ngày xưa lão mặc áo chật hơn. Lúc nhỏ phải mặc chung áo với thằng anh bị chúng bạn chê cười "bận áo bính", lão khóc lóc nhưng cha mẹ an ủi vỗ về con vì không có tiền để may riêng cho hai đứa. Cũng vì thiếu thốn, lúc lớn lên lão lại mặc áo chật, ban đầu cũng thấy ngứa ngáy, nhưng lại quen đi. Cái gì lâu rồi cũng quen. Cũng quên. Chỉ có giao thời là thấy khổ sở. Nhưng với tuổi của lão thì còn bao lâu để quen, để quên?

Lão vẫn đi chân đất, trừ lúc phải bưng trà ra ngoài triều. Bàn chân nứt nẻ, bao năm rồi mà không mất được vết bùn kết theo các kẽ, các vết nhăn. Bước chân tưởng như rất khẽ mà vẫn động đến vị Hoàng Đế đang căng đầu óc theo cơn gió nóng, theo thời cuộc. Ông quay lại:

"Làm gì giậy?"

"Thưa thầy, con pha trà."

"Trà gì giậy?"

"Già, trà của đám các chú ghé bến Giả *bựa* giăng lên."

Ông hoàng đế lái buôn chủ ruộng gắt:

"Giẹp, pha trà *Wế* cho tau."

Lão làm hoàng đế mươi năm rồi nên bỏ tiếng "tao" thô lỗ của dân ruộng rẫy để bắt chước lối ăn nói của dân kinh đô Phú Xuân, của lũ người lão rượt chạy tứ tán, lênh đênh chân trời quê biển đang trút giận lên mình anh em lão. Nhưng ít ra thì từ ngày còn áo vải chân đất lão cũng có một điều nối kết được với đám người kia. Lão thích uống trà Huế. Cái quán nhỏ bên đường, hay cũng có thể gọi là quán một chồ nào đấy, một mái lá dưới tàn cây lớn giữa đoạn xuôi ngược dài hay trên đầu một con dốc, có một người đàn bà ngồi bên cái trẹt ruồi bu sắp vài miếng kẹo bi, kẹo đậu phụng, một vài cái bánh gói, giấu bên dưới thúng cũng có thể là mớ bánh bèo chén, bánh hỏi. Nhưng dập vào khách bộ hành mệt mỏi là cả một bếp lửa với om nước sôi và mớ trà đặc quánh tiết từ cái lá trà tươi vốc bỏ từ cái bao bên cạnh. Lại còn thêm lu nước lạnh chần vần nữa. Không đợi khách hỏi, người đàn bà lật ngửa cái tô lớn, với tay cầm gáo dừa múc nước đổ gần đầy rồi tay kia cầm cái thẻ tre dài đã được chuốt tròn nơi tay nắm nhưng phần giữa lại chuốt giẹp cho dễ uốn cong theo vòng cổ thắt của chiếc om đất. Người ấy kẹp cái om đưa lại gần tô sành trút xuống một ít nước trà rồi vụt giơ cao lên; dòng nước nóng cũng vụt ít đi nhưng đủ đập mạnh vào tầng nước đã âm ấm khiến nó khuấy mạnh ùng ục để nước vừa đến mép tô thì bọt đã sủi lên vun như một cây nấm bong bóng rất ít khi tràn ra ngoài đất. Khách bưng tô ghé vào miệng để mớ bọt làm nhột nhột vành môi, làm dịu cơn nóng trong người, đẩy đưa chất xốp êm mát thấm vào bên trong trước khi chất trà đánh động vị giác. Nước không nóng, khách cứ ừng ực, ừng ực không còn biết gì ngoài cái cảm giác của chất chát tuôn đổ vào cuống họng, vào bao tử, và mang máng có những luồng hơi bốc từ người ra chung quanh đọng thành những giọt mồ hôi chảy trên mặt, thấm vào áo.

Ôi thời xưa cực nhọc mà không cay đắng của anh lái buôn Nguyễn Nhạc. Vậy mà... không có tao làm sao có mầy?

Quá khứ chắc có hiện về trong đầu những người ngồi trong phòng chờ của phi trường. Người ta dẫn đến đó bảo họ đừng đi đâu, sợ lạc tìm không ra lúc cần lên máy bay. Không có lời dặn cũng không ai dám rời xa. Người ta đi lại nhộn nhịp, thang máy lên xuống rầm rì mà cái đám này cứ loanh quanh trong một khung thảm nhỏ hẹp không có tường

thành chấn song bao quanh. Anh tiểu thuyết gia truyện Tàu nào nghĩ ra phép thiên la địa võng không thấy mà có dùng để nhốt người kể cũng là hay. Đi vòng vòng rồi nằm dài trên ghế, trên bục gỗ thành cửa sổ. Đói meo. Chẳng hề gì. Bữa ăn chiều hôm trước và thức ăn sáng trên phi cơ còn là chất dự trữ tốt. Ở xứ thiếu thốn, người ta ăn bất cứ lúc nào, ăn khi có dịp kể cả lúc chưa đói vì sợ không có vào lúc khác, sau đó. Ở chỗ dư thừa, người ta không ăn cả khi đã đói, vì một cớ nhỏ nhặt gì đó không muốn ăn nhờ chất dự trữ còn, tin chắc còn đủ đến khi cần ăn, không thể nào đứt đoạn được. Nỗi hoang mang không dừng lại ở bữa ăn, không vì bụng hơi cồn cào.

Trong đám đông ở đây có mươi kẻ từ trại tị nạn đi ra, lên máy bay ở phi trường Bangkok. Trông họ có dáng tự tin hơn có vẻ vì những ngày ở xứ người và quá khứ cố hương đã mờ nhạt ở họ. Từ Việt Nam ra đi, vài kẻ theo gia đình bảo lãnh, còn phần tuyệt đối là dân HO, lại cũng một vết thương nhức nhối của chiến tranh chấm dứt từ 20 năm. Chắc trong lớp người này không ai còn nghĩ chuyện bước xuống phi trường Los Angeles hay San Francisco là có người Mỹ đến trao chìa khóa nhà, xe và một tấm cheque ráppen tính ba hay năm đô la theo từng ngày tù ngục nữa. Họ là người di tản khô nhưng tấm thân của họ là chiếc thuyền mục nát rệu rã đưa con cháu đến một bến bờ—hãy cứ nghĩ là tốt đẹp hơn! Quá khứ phần đông của họ thực chẳng có gì phải vênh vang như kẻ thù của họ từng nghĩ theo niềm hoang tưởng hoan lạc kết tụ dài dằng dặc mấy mươi năm trong một kì tích lịch sử của trò huấn luyện con người. Quá khứ phần đông của họ cũng chẳng giống như họ nghĩ lại về mình khi qua cơn chịu đựng tù ngục để cũng lại trở thành hoang tưởng trong cay đắng. Quá khứ của họ không sướng hơn mà cũng không khổ hơn những người dân khác trong chiến cuộc. Chênh lệch trong sướng khổ là ở sức chịu dựng, ở một chút bản tính lanh lẹ hay chậm lụt, ở những duyên cớ có khi rất tình cờ, rất tầm thường. Lâu rồi cuộc đời sẽ quen như họ đã quen trên ghế đá một vùng bờ biển Nha Trang chiều chiều tụ tập vài chục cái đầu bạc dân cải tạo, đảng viên về hưu, mất chức vì tham nhũng. Họ sĩ quan những buổi chiều bàn chuyện thời thế vô bổ như vậy nếu không có những cánh cửa hé mở mà kẻ thù cũng như những người ơn của họ cố sức trì đẩy, níu mở để từng đợt lòn ra ngoài. "VC không bán nước đâu, họ chỉ bán đất và buôn dân thôi." Đợt đi bán chính thức 78-79 ra giá mỗi đầu người 8 cây để anh thầy giáo buông cục phấn là chạy ra cầu chữ Y cụp cắc đóng tàu. Họ mặc cả cho nửa triệu người HO và gia đình được đi, để lại nhà cửa, tài sản và một khoản lương thực phải nuôi, một khoảng trống không còn người bất mãn như bằng cớ của quá khứ. Không phải quá khứ chỉ của những người này mà còn là sự nhắc nhở

một thời huênh hoang hứa hẹn thanh bình, no ấm, tương lai rạng rỡ của người chiến thắng nữa. Khoảng trống đó sẽ được bù lấp bằng một thế hệ chịu đựng êm xuôi với chính quyền hơn. Đi thì đi! Cái khác là bên trong cánh cửa thì tối đen dù mò mẫm cũng thành quen, còn bên ngoài thì sáng lòa, có người không kịp thì giờ để mở mắt đành vật vờ làm kẻ đui trong ánh sáng.

Mấy ngọn đèn dĩa dầu phụng đặt trên giá ở các góc phòng tỏa ánh sáng bập bùng mà không át được bóng tối trong nhà. Mùi dầu khét lan với làn khói vật vờ theo ngọn gió nhẹ luồn qua khe vách, dưới ngạch cửa, trên mái rạ. Bên ngoài trăng lên vằng vặc nhảy múa trên các tàu lá chuối phất phơ. Người đầy tớ già rón rén bước lại bên ông chủ đang gục đầu trên án văn thư:

"Thưa thầy, ơ... tâu Hoàng thượng, con đã cho kêu đám hát bội rồi."

Rạp hát được che bên mái nhà từ đường hôm giỗ cha mẹ vẫn chưa dỡ bỏ. Đám hát diễn tuồng "Quan công phò nhị tẩu". Họ được huấn luyện thật lành nghề. Một bước đi, một cây roi vung lên, một cái nhăn mặt, cánh tay áo đưa nhẹ nhàng... tất tất đều không sai chạy với khuôn khổ. Mọi hôm họ vẫn thường được tiền ân thưởng ném lên, lấy rổ hốt không hết, đôi khi có cả vài thẻ bạc nữa. Vậy mà ông chủ hôm nay cứ đập trống loạn xạ, gõ liên hồi trên vành tang. Vẫn có màu tôn vương. Và phẩm phục áo trào, và quan quyền phẩm tước. Còn ông chủ hoàng đế lại mặc bộ xá xẩu của mấy thằng tướng Hòa Nghĩa vào thời họ cùng nhau kéo xuống đồng. Triều đình là ở trên sân khấu kia hay dưới sàn đất này?

"Cút hết đi! Kêu bọn bài chòi giô!"

Hát bội hay bài chòi thì cũng mấy đào kép đó. Chỉ là không có phẩm phục nai nịt đàng hoàng, vẽ râu bôi mày rối rắm, cứ mặc quần áo ngày thường buông thả, hơi lành lặn chút xíu, không giấu bộ mặt rỗ sẹo, lấy dáng ngông nghênh hay khúm núm tùy theo vai trò mà thôi. Tuy nhiên thấy ông vua nổi giận, người đầy tớ gọi ngay đám bài chòi phòng hờ lên để lâm thời đối phó tình thế. Họ diễn tuồng Chàng Lía. Cũ rích. Không sao. Tuồng nào thì cũng là cũ rích, kể cả tuồng đời. Nhưng tâm hồn người nghe, người xem không phải chỉ bị lôi cuốn theo tích truyện. Ai lại không biết Lía có hiếu với mẹ? Ai lại không biết Lía đánh phá tinh thành cướp được nàng hầu của ông quan về làm vợ? Nhưng dê gì một thằng ăn cướp lấy được tì thiếp của bậc đường quan? Cờ đến tay thì phất, sao lại không biết nhân dịp để hành động chứng tỏ tình thế đã khác đi? Người xem thấy được cảnh trí, nghe âm hưởng của tiếng hát câu ca vận vào biến mình thành nhân vật của tích truyện. Rồi sau đó lại thoát ra để chờ dịp nhập vào. Mỗi lúc một khác. Nghe hát không phải chỉ là nghe

âm thanh phối hợp mà là nghe kỉ niệm có vương vấn cả hiện tại và tương lai—dù cả hai vẫn có điều không thật.

Đêm nay thấy Lía hung hăng trên sân khấu lưng mang cả tấm phản gỗ của người vợ cột vào mình trong lúc ngủ, thấy Lía đập tơi bời quan quân và chạy trốn, Nguyễn Nhạc tìm được thời xưa của mình. Và nảy ra một quyết định.

Họ không thể có quyết định gì cả. Hay nếu có cũng chỉ đặt căn bản trên những hiểu biết trong quá khứ thôi. Bây giờ thì chỉ còn căng ra mà sống. Với những giấc ngủ chập chờn giữa làn không khí mát đọng trong phòng đợi. Người đi qua đi lại, đi lên đi xuống trong một khoảng tranh tối tranh sáng. Những con đường có lối rẽ đúng và sai, thoáng đãng thì ít mà ngõ cụt thì nhiều. Một dáng người hình như quen mà lại không quen. Cái tên kêu lên bị ghìm trong cổ họng. XYZ, tên đẹp tên xấu nào có nghĩa gì nữa đâu? Người đồng hành đó thoắt lại thụt ra sau khi mình len vào một khoảng tối đen mò. Mộng trong hoang mang, thực trong cay đắng như khi cô giáo già chảy nước mắt lúc đưa tay nhận món tiền clean up đầu tiên làm trong ngôi nhà êm ả sau ba mươi năm ngập mình giữa lớp bụi phấn bay. Còn các cô các cậu? Họ có ôm ấp người tình đêm trước khi giã từ không? Thế giới nào là của họ?

Thằng bé Quang Thùy bên ngoài khóc đòi mẹ. Lão giận dữ ấn mạnh trên mình người thiếu phụ nhẫn nhục chịu đựng cả tấm vạt giường tre xếp suốt chiều ngang. Chỉ có mấy năm nằm trên nệm gấm mà đã thành thói quen khiến nàng không khỏi nhăn mặt trên cái nền cứng ngứa ngáy xưa cũ này. Nhưng lão kia đã muốn thế. Lão không chịu hành động như nhân vật của ông VP, chỉ tưởng tượng lại thời thanh xuân. Lão muốn quay ngược đất trời để trở lại thời gian khổ oai hùng xưa. Lão muốn đựng dậy quá khứ. Giường nệm êm nhưng nóng ở cái xứ có gió nam này. Cây tre đập giập kết thành vạt còn giữ hơi mát từ chất cật xanh trơn láng thấm vào da thịt như thuở chàng thanh niên trên đường chuyển hàng ngả lưng nơi điếm canh giữa cơn gió rốc ruột, rát óc. Lão không muốn người thiếu phụ mặc lụa là gấm vóc mà chỉ khoác bộ vai ta thô ráp. Và còn lại đây nét thanh xuân như hôm nào của cô gái làng bên lão đưa về trong đêm hát bội, cũng ghé vào một điếm canh vắng vẻ. Đèn dầu bập bùng thay ánh trăng xưa. Người thiếu phụ nhăn mặt. "Má ơi, má!"

Mồng Năm Tết Mậu thân có kẻ ngồi trên mình voi, người căng mệt mỏi giữa khói lửa ngất trời, tiếng reo hò che lấp lời than khóc. "Úy già, ta

Núi
TRẦN MỘNG TÚ
Gửi anh chị NCK

Buổi sáng ra đi sương phủ núi
Chiều về núi phủ khuất trong sương
Chiếc xe lao giữa vùng huyễn hoặc
Quơ tay ra chạm
núi trong hồn.

đã đi vào lịch sử!" Không còn tiếng vọng nào của phương Nam, không còn những nỗi bứt rứt trong điện Đan Dương khi tưởng tượng về ngôi nhà lá mái ở thành Hoàng Đế nữa. "Công chúa đâu, lũ bay?"

Chiều xuống. Chiếc máy bay của hãng Northwest cất cánh hướng về đông. Biển cả mênh mông. Ta đi về phía thấy ánh sáng đến sớm, hơn khi ở một chỗ chờ. Vài giờ? Vài mươi phút? Có thêm hay bớt số lượng thời gian đó trong cả cuộc đời mình cũng chẳng ích gì hơn. Không kịp nhìn biển dưới thân máy bay. Và thoáng chốc là mây, từng mảng dày thưa. Sau này mới nhớ lại nước biển Việt hình như sáng hơn, linh động hơn. Còn sóng biển Cali đen ngòm, đặc quánh. Đất lạnh hơn chăng? Los Angeles hình như ngang với Thượng Hải. Và con cá đất Mĩ tanh đến mức người thường ăn sống sít ở trại cải tạo cũng phải lộn mửa. Nước lạnh, cá phải tiết chất tanh nhiều để bảo vệ da, bảo vệ thân xác? Cá ơi, đi đâu rủ chúng tao theo với!

(*) Muốn biết chuyện xưa gần như là thời xưa, xin đọc *Lịch sử nội chiến ở Việt Nam (1771-1802)* của Tạ Chí Đại Trường, Thanh Văn tái bản 1993.

Căn Phòng Thao Thức

Trần Doãn Nho

Ông Điền rời hội trường với tâm trạng vô cùng chán nản. Cuộc họp của Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị hoàn toàn thất bại vì những tranh cãi liên miên giữa một số người, nhất là những người vượt biên qua trước và những người HO qua sau. Ông cố gắng hòa giải, nhưng rốt cuộc, những tranh cãi về nguyên tắc đi dần đến những chỉ trích và chưởi rủa cá nhân, khiến ông buộc lòng phải đề nghị giải tán buổi họp.

Ông định bước vội ra khỏi cổng nhà hàng để thoát hẳn không khí ngột ngạt của buổi hội, thì chợt nhớ ra còn lá cờ cột ở bên trong, ông lại trở vào. Bỏ cặp tài liệu dày cộm xuống đất, ông loay hoay bắc ghế, tháo dây, rút lá cờ ra khỏi cột, xếp lại. Đám hội viên trong Hội của ông lục tục ra về, đi ngang nhìn ông, im lặng. Ông cũng cắm cúi làm công việc của mình, một mình. Một người ra sau cùng đến vỗ vai ông:

"Tôi nghĩ anh nên từ chức Chủ tịch đi. Giao lại cho bọn họ, họ muốn làm gì thì làm."

Ông thở dài, nói một câu não nuột:

"Làm Chủ tịch, phải có quyền hành. Ở đây, hành thì có, mà quyền thì không."

Người bạn cười:

"Họ cử ông làm Chủ tịch để họ có người sai vặt."

"E cũng đúng. Có gì họ cũng gọi tôi, trách tôi, chê tôi.

Ông nhét lá cờ vào cặp, cùng người bạn bước đi. Năm giờ chiều. Mùa hè, nên mặt trời vẫn còn cao, nhưng những vầng mây đục hờ hững trôi ngay thành phố khiến chiều như xuống hẳn. Thành phố mênh mang với những ngôi nhà gạch đỏ xưa cũ. Bên kia đường là trường Đại Học cổ kính, thuộc loại lâu đời nhất ở đây. Tuổi của nó có đến một trăm năm chục năm. Ông Điền ngơ ngẩn nhìn đám sinh viên tụm năm, tụm ba trên bãi cỏ, lòng chợt trống vắng một cách lạ thường. Chúng nó có mục đích,

có tương lai. Còn ông, mọi sự đều rỗng tuếch, vô vị.

Thành, đứa con trai ông, mở cửa xe sẵn đợi ông bên lề đường, than thở:

"Mỗi lần ba đi họp, con đợi ba đến bá thở. Mà sao mặt ba trông đìu hiu vậy?"

Ông thốt lên một câu dường như đã dồn nén từ lâu:

"Toàn là một lũ vô học!"

Tự dưng, ông cảm thấy dễ chịu. Phàm vật bất đắt kỳ bình tắt minh. Có cái gì bất bình trong lòng tất phải kêu lên. Nỗi bất bình của ông, tuy nhắm vào một số người cụ thể, nhưng thực ra lại rất trừu tượng. Ông lờ mờ cảm thấy một ai đó là sai, nhưng ông cũng lờ mờ cảm thấy một ai đó là đúng. Nhưng vấn đề không phải là đúng hay sai. Vấn đề là không ai thấy cái cần thiết phải làm, và cái cần phải tránh. Đằng này, họ cứ nói cho đã, cãi cho đã, chưởi cho đã. Đúng là vô học!

Rồ ga cho xe chạy vọt đi, Thành quay sang ông, thắc mắc:

"Ba nói ai vô học vậy?"

"Cái bọn đó chứ ai!"

Thành bật cười:

"Bạn bè của ba cả mà."

"Bạn bè gì mà bạn bè. Ông nào cũng đợi người ta sơ hở là bắt bẻ. Tao đâu có bạn với cái loại đó."

Nói xong, ngẫm nghĩ lại, ông chợt thấy tức cười. Họ không phải bạn ông thì bạn ai. Cùng trang lứa, cùng cảnh ngộ, cùng cảm nghĩ và cùng cần đến nhau, đặc biệt là cần nhau để tạo thành những buổi họp. Không có họ, lấy người đâu để đi họp. Những buổi họp, tuy thường chẳng giải quyết được gì, nhưng làm ông ấm lòng, vì ông cảm thấy mình vẫn còn một vai trò, một trách nhiệm, một sự cần thiết. Ngoài ra, ông có còn gì đâu.

Thấy Thành lái xe ra highway, ông hỏi:

"Không về nhà mà còn đi đâu vậy con?"

Thành cười:

"Con biết sau mỗi lần họp, ba thường bực bội, nên con đưa ba đi chơi."

"Đi đâu vậy?"

Thành quay sang, hỏi:

"Ba nhớ Thùy Nhiên, cô bạn của con không?"

"Con nhỏ người Nha Trang ấy chứ gì?!"

"Dạ. Tới nhà cô ấy chơi."

Ông Điền giãy nảy:

"Cái thằng tức cười! Đưa ba đến đó để làm gì."

"Thăm cô ta."

Ông kéo cặp kính xuống, nhìn Thành:

"Thăm cô ta?"

Thành giảm tốc độ xe, nhìn bố, cười tủm tỉm:

"Con thì thăm cô ta, nhưng ba thì thăm mẹ cô ta."

"Gì? Muốn đi hỏi vợ hay sao mà chẳng bàn tính cái gì với tao cả vậy?"

Tự dưng, ông nhìn xuống người xem lại quần áo. Ông sửa lại giây nịt và cà vạt, rồi nhìn Thành chờ đợi. Thành không nhìn ông, chăm chú lái xe vọt qua mấy chiếc trước mặt, nói:

"Ba cũng nên có một người bạn gái. Bác Phượng, mẹ của Thùy Nhiên vẫn hỏi thăm ba luôn. Mà hình như ba cũng có hỏi thăm bác ấy nhiều lần, phải không?"

Nói xong, Thành nhìn bố, cười ý nhị. Ông Điền đeo kính lại, nhìn khoảng đường xa trước mặt, thở ra, lòng chợt dịu đi. Một lát, ông nhìn xuống áo quần trên người mình, nói:

"Tao cũng chẳng hiểu mày định bày cái trò gì. Mà lại, ăn mặc như thế này..."

Ông bỏ lửng câu nói. Thành nhìn ông:

"Trời, chiều nay ba đẹp trai quá sức rồi. Đây là bộ đồ xịn nhất của ba chứ còn gì nữa. Thấy ba mà đẹp như thế này, chắc bác Phượng, chắc bác ấy..."

Ông Điền chờ con nói tiếp, nhưng Thành im lặng. Trong trí ông hiện lên hình ảnh của bà Phượng mà ông gặp lần đầu tiên trong đám cưới của đứa con gái bác sĩ Quang ở Springfield. Bà mặc bộ đồ dài Việt Nam đồng màu lam, điểm những bông tím nhạt, tóc bới cao, cổ đeo một vòng ngọc. Khuôn mặt dịu dàng, thỉnh thoảng mỉm cười khi nghe câu pha trò của một ai đó, nhưng không dấu được một nét buồn phảng phất. Ai cũng mải vui, nên không để ý rằng bàn tiệc có hai người ngồi lẻ loi ở hai đầu: bà Phượng và ông. Lúc đầu, ông cũng nghĩ là bà đi với chồng, nhưng sau, ông để ý thấy từng cặp, từng cặp đến ngồi đầy bàn tiệc mà bà ấy vẫn ngồi một mình. Sau này, ông cũng còn gặp bà Phượng vài lần, khi thì ở tiệc sinh nhật, khi thì ở khu phố Tàu. Hai người trao đổi năm điều ba chuyện, rồi thôi, nhưng hình như cả hai đều có cảm giác dính líu với nhau, vì hóa ra con gái bà Phượng và con trai ông đang là bồ bịch.

Thành dừng xe ở Ramp đợi đèn xanh để rẽ vào khu dân cư. Ông Điền hỏi:

"Nhà xa nhỉ! Ở một town khác à?"

Ngừng một chút, ông nói thêm:

"Mày làm tao bất ngờ quá. Đi thăm "sui-gia" mà chẳng sửa soạn gì

hết."

Thành nói:

"Đây là Newton, một town nhỏ. Ba nói sửa soạn cái gì?"

"Tao chẳng biết ăn nói sao đây?"

Thành cười:

"Ba làm như ba hiền lắm!"

Nhìn theo Thành và Thùy Nhiên bước xuống cầu thang, ông Điền nói với theo một lần nữa:

"Nhớ về mau đi nghe con."

Còn lại một mình, ông nhìn quanh. Phòng khách bày biện gọn gàng, đơn giản. Vài tranh phong cảnh Việt Nam, vài bình hoa, cái tủ kính chưng nhiều búp bê và ít ly, tách. Bộ xô-pha gọn. Ở góc phòng, có bàn thờ nhỏ đặt trên một tấm ván gắn vào tường. Phía dưới tượng Phật Quan Âm là bức ảnh lồng kính của người đàn ông mặc quân phục. Hẳn là chồng của bà Phượng. Cái bàn trước chỗ ông ngồi có để vài bức ảnh của bà Phượng và con gái. Ông Điền để ý đến bức ảnh chụp một cô nữ sinh mặc đồng phục trắng, đội nón đứng trước bờ biển lộng gió. Có phải là bà Phượng ngày xưa?

Tiếng bà Phượng dịu dàng vang lên:

"Anh dùng cà phê."

Ông Điền hơi giật mình, quay lại:

"Cám ơn chị."

Bà Phượng để tách cà phê trên tấm vải tròn, đẩy lại trước ông Điền, rồi ngồi xuống ở chiếc ghế sát tường. Bà đã thay cái "rốp" ngủ bằng một bộ đồ bà ba màu đen tuyền, khiến nước da mặt vốn trắng của bà nổi bật hẳn lên. Cổ ba ngấn. Đuôi mắt có vài nếp nhăn được che dấu khéo léo bằng một lớp kem nhạt. Đôi mắt nhìn thẳng, nhưng tia nhìn tránh chạm hẳn vào ông. Thoang thoảng có mùi nước hoa nhẹ. Bà Phượng ngồi khép chân, hai tay đặt chéo lên đùi. Bà nói:

"Nghe cháu nói chiều nay có anh ghé chơi, tôi rất vui."

Ông Điền hơi giật mình. Thì ra, chúng nó sửa soạn trước để đưa ông đến đây. Ông lúng túng nhìn bà:

"Dạ. Trên đường đi họp về, cháu nhân tiện đưa tôi đến đây. Tôi cũng nhiều lần định ghé thăm chị, nhưng chưa có dịp. Chị vẫn thường. Trông chị mập và trẻ hẳn ra."

"Cám ơn anh. Còn trông anh thì lại hơi gầy. Chắc anh bận bịu công chuyện lắm. Nghe Thành nói anh ham hoạt động lắm."

"Cũng chẳng ham gì. Rảnh thì giờ, lui tới với anh em cho vui. Chị

vẫn còn làm chỗ cũ?"

"Tôi nghỉ ở hãng bóp rồi. Cháu mới xin được cho tôi cái Job khác, tuy part-time, nhưng lương đỡ và nhàn hơn. Anh có đi làm gì không?"

"Có đi làm thêm chút chút. Thành không cho làm nhiều. Cháu nói, cháu chưa có gia đình, còn dư sức nuôi bố một thời gian nữa."

Ông Điền cố ngồi im, nhưng vẫn lúng túng xoay quay, xoay lại trên ghế. Lúc bước vào cửa, ông tự nhủ mình sẽ đến đây với tư cách của một "sui gia" đi thăm một "sui gia". Nhưng không hiểu sao, ông không thể xua tan đi được cái cảm giác bồi hồi, ngượng nghịu như ngày nào hồi còn trẻ, lần đầu tiên được đến thăm cô bạn gái mà mình để ý. Ông làm bộ nhìn quanh, nhưng không bỏ lỡ cơ hội nào len lén ném tia nhìn vào bà Phượng. Đôi bờ vai tròn, đôi bông tai to bản đung đưa dưới mái tóc cố vén lên gọn gàng, ngực phập phồng hơi thở, đôi bàn tay đan vào nhau, những ngón tay cựa quậy. Ông có cảm tưởng bà Phượng cũng đang bối rối. Tuy cố che dấu, nhưng những cử động nhỏ trên thân thể của bà cho biết bà cũng thấp thỏm trên chỗ ngồi như ông.

Im lặng khá lâu. Ông Điền nhìn vơ vẩn lên bức ảnh người đàn ông mặc quân phục:

"Chắc là ảnh của anh?"

Ông đưa tay chỉ vào bức ảnh trên bàn thờ. Bà Phượng xoay người lại:

"Vâng, nhà tôi."

"Anh mất chắc cũng lâu lắm?"

"Dạ, năm 1977 ở ngoài Bắc."

"Thế à? Anh mất trong trại cải tạo?"

"Vâng, anh bị ruột thừa. Nghe Công an bảo chở đi bệnh viện không kịp, nên chết."

Ông Điền thở dài:

"Tội nghiệp! Bệnh thì cấp cứu, mà phải khiêng bằng cán, đi bộ, thì làm sao mà sống cho được. Trại tôi cũng nhiều người chết trong trường hợp như thế."

Bà Phượng im lặng lắng nghe, không góp ý. Bà nhìn ra phía cửa sổ. Ông Điền định nói thêm, nhưng ông ngừng lại. Ông có cảm giác lấn cấn khi phải đề cập đến người đã khuất trong hoàn cảnh này. Rõ là trong lòng ông, ông không muốn người đàn ông đó hiện diện ở đây. Tự dưng, ông ân hận với ý tưởng đó. Như một lần nào đó trước đây ông đã ân hận trót dan díu văn nghệ văn gừng với một người đàn bà đi buôn chuyến trên tàu, khi biết ra rằng chồng cô ta đang ở trại cải tạo.

Ông đứng dậy đi đến ô cửa sổ nhìn ra ngoài. Ông nhìn xe cộ ngang dọc trên đường, chợt mong con ông chậm về. Khi ông trở lại ghế, thì

thấy bà Phượng làm như chăm chú đọc một tờ báo cũ. Thực kỳ quặc! Bỗng dưng hai người đều im lặng. Ông sốt ruột, nhìn dưới bàn, tìm tờ báo, dở từng trang, vừa nhìn lướt qua những đầu đề vừa suy nghĩ bâng quơ. Ông vươn vai, nói một câu bất chợt:

"Chẳng biết khi nào bọn chúng trở về."

Bà Phượng, bỏ tờ báo xuống, nhìn ông:

"Thành có nói với ông bọn chúng đi đâu không?"

"Không hề. Cháu đến đón tôi ở Hội trường, rồi chở thẳng một mạch tôi đến đây."

Bà chép miệng:

"Thùy Nhiên chỉ báo cho tôi trước khi đi có mấy phút. Cháu nói mẹ cứ ngồi nói chuyện với bác, tụi con đi chơi. Ôi, tuổi trẻ. Tôi chẳng hiểu chúng nó ra làm sao, đang làm gì, nghĩ gì. Có hỏi đến, chúng nó gạt phắt."

"Chúng nó có thế giới riêng của chúng nó. Bọn mình già rồi!"

Bà Phượng chợt cười:

"ờ, bọn mình lớn quá rồi. Mới đó mà bao nhiêu năm đã trôi qua. Nhanh thật."

Bà chỉ vào bức ảnh:

"Anh xem cái hình kia. Tôi đó. Cái hình chụp hồi tôi học Đệ nhị trường Diên Khánh. Lúc đó, tôi còn nhỏ hơn Thùy Nhiên hiện giờ. Nhìn hình và nhớ lại, tôi có cảm tưởng như mới đâu năm ngoái. Thế mà đã hai mươi lăm năm rồi đó anh, à quên, hai mươi sáu năm. Để xem. Hồi đó tôi mười tám... Đúng rồi, hai mươi sáu năm."

Nhân đó, ông Điền cầm khuôn ảnh lên, ngắm nghía.

Câu chuyện bỗng trở nên rôm rả. Hai người bỏ hết những dè dặt lúc đầu, lao vào một chuyến tàu đi về thời học trò sôi động với những hoài bão, những ước mơ, những kỷ niệm. Ông Điền sôi nổi kể lại mối tình đầu. Bà Phượng chen ngang kể chuyện một anh sinh viên uống thuốc ngủ tự tử vì yêu bà mà bà cự tuyệt. Ông Điền kể lại giấc mộng làm quan. Bà Phượng nói về ước muốn được đi du học. Ông Điền... bà Phượng... Điền... Phượng...

Bà Phượng chợt nhìn đồng hồ, hốt hoảng:

"Chết rồi, tám giờ rưỡi tối. Bọn chúng đi đâu mà giờ này chưa về. Anh đói bụng chưa?"

Bà chạy đến cửa sổ nhìn xuống đường, rồi chạy ra phía sau nhìn xuống bãi đậu xe của khu nhà. Không có chiếc xe đỏ quen thuộc của Thành. Chỉ có chiếc của bà và chiếc của Thùy Nhiên.

Bà trở lại phòng khách hỏi:

"Có chuyện gì xảy ra cho chúng nó không biết?"

Ông Điền trấn an:

"Không có gì đâu. Chúng nó rành hơn bọn mình mà."

Bây giờ, ông mới để ý thấy ông dùng chữ "bọn mình" một cách trơn tru, thoải mái. Bà Phượng bứt rứt:

"Anh ở lại giờ này có sao không?"

"Không sao chị Phượng ạ. Tôi như dân độc thân, lang thang quen rồi. Mà tôi chắc bọn nó sẽ về giờ."

"Vậy anh ngồi xem TV, tôi làm cái gì mời anh ăn nhé."

Ông Điền không phản đối, lấy remote control bật TV lên xem.

Một lát, bà Phượng bưng thức ăn lên bày biện giữa bàn. Bây giờ, ông Điền mới thấy đói bụng. Nhìn những đĩa thức ăn nóng hổi, phong phú, ông chợt có cảm giác bùi ngùi. Lâu lắm rồi, ông không có những bữa ăn vén khéo bằng bàn tay đàn bà như thế này. Mâm cơm với bát canh, đĩa thịt, chén nước mắm... và mọi người quây quần đã quá xa xôi đối với ông. Từ lâu, hai chữ gia đình chỉ còn là một khái niệm trừu tượng.

"Chị ngồi ăn với tôi cho vui chứ!"

"Vâng."

Bà Phượng ngồi xuống, bới cơm cho ông. Ông gắp thức ăn, ăn một cách ngon lành. Ông nói:

"Lâu lắm, tôi mới có được một bữa ăn như thế này."

Bà Phượng nhìn ông thắc mắc:

"Anh nói đùa chứ?"

"Tôi sống như một người độc thân."

"Từ khi qua Mỹ?"

"Từ trước đó nhiều năm. Như chị biết...

Ông Điền bỏ lửng câu nói. Hình như hiểu ý, bà Phượng cũng im lặng. Bà gắp thức ăn bỏ cho ông. Ông ăn, không phải chỉ món ăn, mà cả cái vị ngọt ngào của những cử chỉ, của hơi hám một bàn tay. Những món ngon nhất cứ lùa vào chén ông. Người cho, kẻ nhận. Một thứ hạnh phúc tràn trề trong im lặng. Có một lúc, như xuất thần, bà Phượng ngẩn ngơ nhìn ông ăn, nét mặt rạng rỡ. Rồi có lẽ thấy hơi quá đà, nét mặt bà chợt nghiêm lại. Bà dè dặt gắp vài miếng thịt, bỏ vào chén mình, và vào miệng, mắt nhìn vẩn vơ.

Thấy no, ông Điền bỏ chén xuống, ông nhìn bà Phượng nói, giọng thành thật:

"Chị cho tôi một bữa ăn ngon quá!"

"Anh quá khen."

"Thú thật, hàng ngày, tôi chỉ ăn, chứ không hề có bữa ăn."

"Anh nói nghe lạ! Ăn với bữa ăn thì có gì khác nhau?"

"Chị biết không, ăn chỉ là ăn cho no. Còn bữa ăn còn có nghĩa sum họp, quây quần. Vợ chồng, con cái, trò chuyện... Bữa ăn phải có cái không khí của nó. Thức ăn chưa hẳn đã là quan trọng."

Bà Phượng chợt thở dài:

"Tôi nào có khác chi anh! Chỉ có hai mẹ con đi vào đi ra. Mà thường thì tôi vẫn ăn một mình, vì cháu khi thì bận học, khi thì đi làm thêm. Rốt cuộc, như anh nói, tôi cũng chẳng hề có bữa ăn."

Không khí giữa hai người bỗng lắng xuống, bùi ngùi.

Ông Điền bắt đầu bồn chồn lo lắng. Đã mười giờ đêm rồi, mà Thành và Thùy Nhiên vẫn chưa về. Còn bà Phượng thì thực sự tỏ ra sốt ruột. Bà đi vào đi ra, gọi điện thoại hỏi lung tung. Ông Điền dù bình tĩnh, vẫn không gạt ra khỏi đầu óc ý tưởng về những bất trắc trên đường đi. Ông tìm cách trấn an bà Phượng nhiều lần, nhưng càng lúc, những câu trấn an trở thành vô nghĩa. Bà Phượng đã có dấu hiệu bực dọc. Bà lẩm bẩm:

"Con gái gì mà đi giờ này không chịu về!"

Chuông điện thoại chợt reo trong phòng. Bà Phượng chạy bổ vào. Ông Điền đứng dậy, lắng nghe. Ông chỉ nghe tiếng bà Phượng ừ, à, rồi tiếng gác máy điện thoại. Bà Phượng trở ra, nhìn ông tươi cười:

"Thùy Nhiên gọi về, nói cháu và Thành bận dự party của một nhóm sinh viên vừa ra trường, đừng có lo lắng. Tôi chưa kịp hỏi gì, cháu đã cúp máy. Đã thế, cháu còn đùa tôi..."

"Đùa sao chị?"

Bà Phượng im lặng, vẻ bẽn lẽn. Ông Điền nhìn bà, chờ đợi. Phải một lát sau, bà mới nói:

"Cháu nói... ừ... à... tôi ở nhà có bạn vui rồi. Cái con quỷ!"

Ông Điền thở phào. Nhưng rồi bỗng băn khoăn. Ông hỏi:

"Cháu không nói gì về Thành cả sao chị?"

"Có, cháu bảo cả hai đang dự party."

"Nhưng sao Thành không về chở tôi. Chẳng lẽ..."

Bà Phượng ngớ người ra:

"ừ nhỉ... tôi quên bẵng. Trời đã khuya mà như thế này... Hay là..."

Ông Điền chăm chú quan sát nét mặt bà Phượng, lòng hồi hộp vô cớ. Bà Phượng tránh cái nhìn của ông, ngước mắt ngắm bức tranh treo ở góc phòng. Bỗng, bà đứng dậy:

"Để tôi nhắn cháu về chở anh."

Bà định bước đi, nhưng rồi dừng lại:

"Mà biết cháu ở đâu để gọi."

Bà lại ngồi xuống, cắn môi, suy nghĩ.

"Thú thật với chị, tôi thấy như thế này bất tiện cho chị quá. Khuya

rồi mà... Hàng xóm láng giềng..."

Giọng ông Điền hàm chứa vẻ chân thành.

"Thực ra thì ở quanh đây chẳng có người Việt mình. Lầu dưới Mỹ ở. Gia đình này tử tế lắm. Chỉ sợ bất tiện cho anh."

Ông Điền bật cười:

"Đời tôi vốn luôn luôn bất tiện. Cho nên, đối với tôi, càng bất tiện càng tốt. Chỉ sợ chị."

Bà Phượng bỗng nói nhanh, giọng quả quyết:

"Thôi được, để tôi đưa anh về."

Một cảm giác thất vọng vụt dâng lên trong lòng. Nhưng ông cũng vội vàng đứng lên, giọng ngập ngừng:

"Thế thì hay quá. Nhưng chị trở về một mình, có sao không?"

"Không sao. Mỹ mà, lo gì. Để tôi đi lấy chìa khóa."

Bà Phượng vào phòng. Mãi một hồi lâu sau, bà trở ra, dáo dác tìm quanh:

"Chìa khóa cả hai chiếc xe đâu, tôi tìm chẳng thấy. Lạ thật! Mới hồi chiều đây mà. Chẳng lẽ Thùy Nhiên mang theo người cả hai xâu."

Bà Phượng lục lọi khắp nơi, trong tủ, dưới gầm bàn, gầm tủ... Nhưng không tìm thấy chìa khóa.

Không biết làm gì hơn, hai người đứng giữa phòng khách lặng nhìn nhau, bối rối.

Mười hai giờ mười lăm phút, Thùy Nhiên gọi về cho mẹ, nói cô ở lại nhà bạn. Thành cũng vậy, không về chở ông Điền được. Gác điện thoại xuống, bà Phượng lẩm bẩm:

"Cái bọn kỳ cục."

Bà bước ra khỏi phòng, rón rén đi vào phòng khách, thấy ông Điền trên chiếc ghế xếp, nửa nằm nửa ngồi, cà vạt nới lỏng, áo vét xếp gọn trước ngực, mắt nhắm. Bà dừng lại, đứng hơi khuất sau chiếc tủ, ngắm nghía người đàn ông. Những sợi tóc nửa đen nửa bạc lòa xòa trước trán, đôi gò má nhô lên, xương xẩu, mấy nốt mụn đỏ nằm kề cánh mũi, những sợi râu lún phún, lấm tấm bạc. Bà với tay nhẹ nhàng kéo sợi giây, tắt điện, bước lui, cố nén một tiếng thở dài. Bà vào phòng, mở tủ, chọn tấm chăn mỏng mới toanh mang trở ra phòng khách, đặt nhẹ lên người ông Điền. Bà cố bước thêm vài bước đến bên ô cửa sổ, kéo tấm màn cửa xuống để che ánh điện đường vàng ố chiếu vào mặt ông Điền. Đường phố đã lắng xuống. Bọn nhỏ hiện ở phương trời nào, ai biết. Chúng nó đang làm gì, ai biết. Trong tâm tưởng bà hiện lên hình ảnh con gái bà đang nằm gọn trong vòng tay lực lưỡng, rắn chắc của Thành. Biết làm sao được, bà thầm nghĩ. Chúng nó đang sống trong thế giới của chúng

nó kia mà. Còn bà? Bà rón rén quay trở vào phòng, nằm xuống thao thức.

Thực ra, ông Điền chưa ngủ. Làm sao mà ngủ được? Ông nhắm mắt, rồi mở mắt mà cứ tưởng như mình đang lửng lơ ở đâu. Ông chợt nhớ hồi còn sinh viên, có một lần đi dạy kèm, gặp lụt, nước lớn, không về được phải ở lại đêm. Nhà chật, lại bị lụt, nên chàng sinh viên Điền được sắp xếp ngủ chung phòng với hai cô học trò mới lớn ở trên gác. Thế là cả đêm tha hồ thao thức, nhấp nhổm. Sau này, có dịp gặp lại một trong hai cô, ông được nghe kể hai cô cũng không chợp mắt được, lâu lâu lại bấm nhau nhìn chàng thanh niên xa lạ đang nằm ngủ ở phòng mình.

Mấy chục năm sau, cảnh cũ dường như tái diễn, dù rằng vô số chi tiết khác nhau.

Ông nhắm mắt, cảm thấy hơi ấm của người đàn bà tỏa ra trong căn phòng, dịu nhẹ, cuốn hút. Ông lắng nghe tiếng bước chân, tiếng va chạm khe khẽ và cả tiếng hơi thở thấm đẫm mùi đàn bà. Thỉnh thoảng ông hé mắt nhìn. Khi bà Phượng đặt chiếc chăn trên ngực, trái tim ông đập mạnh, bồi hồi, nao nức. Ông tưởng như khuôn mặt ấy đang cúi xuống, cúi xuống thật gần. Ông định làm liều, đưa bàn tay ra kéo vào ông, nhưng không đủ can đảm. Bà Phượng bước đi rồi, ông bàng hoàng y như thể vừa để vuột đi một cơ hội không bao giờ có được.

Ông trở người. Trong bóng tối nhờ nhờ của căn phòng, ông thấy bà Phượng đi ngang ông, cái "rốp" ngủ chạm khẽ vào người. Ông nghe tiếng cửa phòng đóng lại. Ông đổi thế, quay nhìn. Cánh cửa phòng khép hờ. Bà Phượng vẫn khép hờ như thế hàng đêm? Ánh sáng trong phòng tạo thành một đường dọc theo khe hở. Có cái gì đàng sau đó? Những áo, những quần, những chăn, những nệm, lọ nước hoa, thỏi sáp, đồ lót... Ôi, cái thế giới hương phấn ngọt ngào, ấp ủ. Ông chăm chăm nhìn vào đường sáng. Ông có cảm tưởng như thỉnh thoảng đường sáng ấy lung lay. Bà Phượng đang bước tới góc phòng, mở cái nịt ngực, vắt hờ đâu đó. Rồi đi đến giường, kéo thẳng tấm ra trải, nằm xuống, mở giây thắt lưng, ôm chiếc gối, gác chân lên, chiếc "rốp" hớ hệnh vướng vào đâu đó để lộ đôi chân trắng nõn. Ông sẽ đến mở cửa, khép lại thật nhẹ, gài then. Người đàn bà vẫn nằm im, như ngủ, chẳng để ý đến có một ai đó vừa vào phòng. Cũng có thể, bà làm bộ trở mình rất nhẹ, tay kéo chiếc "rốp" che lại đôi chân. Ông sẽ tắt điện, bước đến, thận trọng ghé người nằm xuống. Người đàn bà vẫn cứ nằm im. Ông đưa tay kéo khẽ một bên vai. Bà chống cự lấy lệ. Và rồi... và rồi... Ông Điền thấy trái tim mình như co lại, người bừng bừng. Và đôi mắt cay cay. Ông nhấp nháy mắt, cảm thấy ươn ướt. Ông đưa tay chùi nhẹ một giọt nước mắt nào đó vừa trào ra. Tất

cả chỉ là tưởng tượng. Đường sáng nơi cửa phòng đã biến mất. Cái thông điệp nhỏ ấy chỉ là một ý tưởng bâng quơ.

Thôi thì ráng ngủ vậy. Ông lần tay bấm cái móc ghế để hạ xuống, nằm thẳng người, mở tấm chăn, vùi đầu vào, hít nhẹ. Mùi chăn chiếu bâng khuâng, đưa ông về những năm tháng nào xa thẳm như trong cổ tích. Cũng phòng, cũng chăn, chiếu, cũng hương phấn, cũng da thịt. Nhưng đêm đó, sau tám năm xa vắng, lần đầu tiên trở về, căn phòng lạnh ngắt, tình vợ chồng ẩm mốc theo năm tháng. Ông bơ vơ ngay chính nơi đã đón ông về. Cũng từ đó, ông không có căn phòng.

Đang thiêm thiếp, ông chợt nghe có tiếng động nhỏ. Ông giật mình quay về phía căn phòng. Cái đường sáng xuất hiện, lần này lớn hơn. Ông hồi hộp chờ đợi. Có thể cánh cửa sẽ mở ra, mở toang, không băn khoăn, dè dặt, ngượng ngùng. Nó chân thành mời gọi, nghênh đón ông. Hình như cánh cửa chợt động đậy. Trái tim ông đập mạnh. Nhưng cửa từ từ... khép lại. Đường sáng hẹp dần và cuối cùng biến mất. Ông nghe tiếng then cài dứt khoát. Ông thất vọng não nề, buông người nằm xuống, hai tay đong đưa buồn bã.

Thế là ông không thể nào ngủ được. Lâu lâu, ông lại nhìn về phía căn phòng, hy vọng, ước ao, chờ đợi. Sốt ruột, ông ngồi dậy, lần mò đi xuống nhà tắm. Khi đi ngang căn phòng, ông dừng lại. Ánh sáng vẫn còn. Ông áp tai vào cửa. Im lặng. Vô ích. Nàng đã ngủ... Sao vẫn còn đèn? Ông đưa tay lên, định gõ nhẹ, nhưng bàn tay ông run rẩy, yếu ớt, như không còn sức. Ông bỏ dở ý định, đi tiểu rồi trở ra phòng khách.

Ông nằm sấp xuống, hai tay kê dưới cằm, mắt dăm dăm nhìn về cánh cửa, suy nghĩ vẩn vơ. Không lâu lắm sau đó, tiếng then cửa chợt vang lên lách cách. Cửa lay động, đường sáng xuất hiện. Ông hân hoan chờ đợi. Cánh cửa từ từ mở rộng. Bóng bà Phượng bước ra. Ông làm bộ ngủ, nhưng đôi mắt chỉ khép hờ. Bà Phượng đứng trước cửa, nhìn về ông, rồi đi về phía phòng tắm. Ông nghe tiếng nước chảy ào ào. Im lặng. Cũng khá lâu, bà Phượng mới ra khỏi phòng tắm, trở về phòng. Cánh cửa lại từ từ khép. Đường sáng nhỏ dần. Ông nghĩ nó sẽ biến mất.

Không. Cánh cửa không đóng, chỉ khép hờ. Nhưng rồi, một lát sau, đèn tắt. Ông buồn bã, trở người, tự nhủ thôi ráng ngủ vậy.

Đúng lúc đó thì ông nghe tiếng đèn bật sáng, cánh cửa mở mạnh. Ông Điền giật mình nhìn vào, thấy bà Phượng bước ra, hai tay ôm lấy ngực. Bà đến phòng khách, gọi nhỏ, giọng hấp tấp:

"Anh Điền, anh Điền..."

Để bà Phượng gọi hai, ba tiếng, ông mới mở mắt, nhỏm dậy:

"Gì vậy, chị Phượng?"

Bà Phượng ngồi xuống ghế, nhìn ông, nét mặt hơi tái đi, hơi thở gấp:

"Tự nhiên... tự nhiên..., anh Điền ạ, tôi hồi hộp quá. Chẳng biết cháu bây giờ ở đâu?"

Ông Điền cười:

"Chị thật vẩn vơ. Ở Mỹ này, mười tám tuổi, tụi nó đã ở riêng rồi."

"Nhưng mà cả hai đứa..., hai đứa... có làm chuyện gì... chuyện gì... không đúng... đắn..."

"Chị khéo lo. Tôi tin là đứa nào cũng đàng hoàng."

Ông nhìn đồng hồ:

"Bốn giờ rồi. Chắc tụi nó cũng sắp về."

Ngừng một lát, ông nói thêm một câu, ngoài ý muốn:

"Chị nên đi ngủ cho khỏe. Đừng lo lẳng vu vơ nữa."

Bà Phượng miễn cưỡng đứng dậy, không nói gì, lẳng lặng đi. Chiếc "rốp" phất phơ với những đường nhăn vô tình, ý nhị. Bà vào phòng, khép cửa. Then cài. Đèn tắt. Im lặng. Ông nhìn đăm đăm. Đường sáng trên cánh cửa không còn. Ông thở dài, nằm xuống, tự hỏi chẳng biết có một lúc nào đó, cánh cửa sẽ mở ra, bạo dạn đón ông vào rồi khép lại, khép chặt lại...❐

TÌM ĐỌC

TÌM HIỂU TẠP CHÍ NAM PHONG
(1917-1934)

Nguyên tác Pháp ngữ **Phạm Thị Ngoạn**. *Bản dịch* **Phạm Trọng Nhân**.
Ý VIỆT *xuất bản*.
Một tư liệu quý. Dày 450 trang. Giá 17MK. Ngoài HK thêm 1MK.

Và hai tác phẩm của nhà xuất bản An Tiêm:

• "LỐI XƯA XE NGỰA..."

Biên khảo **Nguyễn Thị Chân Quỳnh**.
Nghiên cứu về thi cử VN thời phong kiến. Một tài liệu lý thú.
Dày 300 trang. Giá 14MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1MK.

• TỐ NHƯ THI

Thơ chữ Hán **Tiên Điền Nguyễn Du**. *Bản dịch quốc ngữ* **Quách Tấn**
Những bài thơ chữ Hán tiêu biểu của một tài thơ lẫy lừng.
Trên 250 trang. Giá 12MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1MK.

Ông Tướng Sang Sông

Hoài Ziang Duy

Chiếc xe đang ngon trớn đột nhiên thắng gấp rồi dừng hẳn lại. Tôi chưa hiểu chuyện gì xảy ra. Đèn trên xe cũng tắt hẳn. Có tiếng lao xao di chuyển hàng hóa. Một lúc gã tài xế chớp đèn, nổ máy cho xe từ từ tiến vào lề đường rồi tắt ngấm. Bóng tối. Gió đêm thoảng mát từ ruộng đồng. Tôi hỏi người kế bên. Xe hư hả? Không đâu. Giọng cô nhỏ nhẹ nhưng hơi run. Anh chưa gặp à? Gặp cái gì? Lần đầu? Tránh trạm đàng trước. Bao lâu? Cũng phải chờ coi chắc cũng cả giờ đồng hồ.

Tôi sửa lại thế ngồi. Cái lọ trên tay đặt hẳn xuống đùi. Tự dưng tôi thèm một hơi thuốc. Bật lửa. Thổi một hơi qua ngoài khung cửa. Cô gái kế bên có vẻ không quen mùi thuốc trong không khí chật hẹp. Hình như cô có vẻ hồi hộp. Không nói. Tôi nói xin lỗi rồi đưa tay dụi điếu thuốc vào thành xe. Cái lọ lại đong đưa. Tôi giữ lại. Có tiếng hỏi cái gì trong đó vậy. Người đàn ông phía trước quay đầu hỏi. Quí không? Tôi nói cho qua. Hài cốt. Giọng ai đó phụ họa. Lúc này mà được hài cốt Mỹ là vô mánh một đời. Tôi cười. Mỹ Việt gì cũng là con người thôi. Có mấy người xuống xe đang bật lửa.

Bóng đêm này đây và ánh lửa. Lửa hừng hực như còn trước mặt ở chuyến quay về. Tôi đang được tự do mà. Đừng sợ. Mà sợ cái gì lúc này. Mọi việc rồi cũng qua. Dẫn thân xác về được là may rồi. Có bao người đã chết. Đâu được một nấm mồ. Đã yên đâu. Trước mặt tôi đó. Cả đoàn người như đi chợ. Giỏ, túi, bao bị. Tôi cũng vậy thôi. Lấy cốt? Ừ lấy cốt. Giải tỏa nghĩa trang mà. Để làm gì? Khai thác mặt bằng. Khai thác cái gì? Không cần biết. Giải tỏa trước đã. Bán đất cho người nước ngoài xây dựng. Họ làm cái gì thì tùy. Không lấy, không di chuyển là đến hạn kỳ xe ủi san bằng. Tôi đã trở về kịp thời hay nói là còn may mắn trước một tuần. Tôi nói với người phụ trách giải tỏa. Chú giúp giùm. Ừ thì giúp nhưng thủ tục thì nhiều lắm. Phải chi cho từng khâu. Tôi hỏi lại khâu gì.

Thì đại khái từ A đến Z.

Ngôi mộ cha tôi. Người nằm yên chốn này dưới tàng cây bóng mát. Đất mua vĩnh viễn theo phần lô. Đã mua sao phải giải tỏa? À cái này là quyền lợi nhà nước trên hết. Mình phải hy sinh. Đã chết rồi thì ở đâu cũng vậy thôi. Còn vấn đề bồi hoàn? Cái đó tùy bà con. Tốt hơn nên kiếm nơi khác; hỏi người khác. Ở đây hết trách nhiệm. Xong rồi thì chúng tôi cũng đi làm việc khác. Bia mộ cha tôi ai đó đã sửa đi năm chết từ mấy ngày trước. Chết một năm qua được lên thành bảy năm. Hợp tình hợp lý trên năm năm. Đó là vấn đề vệ sinh. Sớm quá lại ô nhiễm môi trường. Lòng tôi ngao ngán. Không còn gì để nói. Không có tự do nào hơn sự im lặng. Nói với ai? Nói làm gì? Ai nghe? Ai giải quyết? Làm theo đã nếu không muốn cù cưa lúc này. Đó là sự sinh tồn.

Cái cuốc đầu tiên con giúp cha rời khỏi chốn này. Đừng nằm đây. Đừng dan díu với cõi ô trọc này. Ở phương trời xa người ta cũng đòi hỏi tìm kiếm lấy về. Nấm đất cỏ mọc chưa xanh. Một năm qua thôi. Chưa kịp làm gì. Chưa đủ xi măng gạch vôi để làm chuyện đó. Hai gã thuê mướn lành nghề để yên cho gia đình sắp xếp theo ý. Một gã nói làm từ từ không động đâu; đào chung quanh thôi. Chúng tôi làm chuyên nghiệp mà. Nhìn qua một cái là biết giàu nghèo, có chôn giấu gì không. Xuống một lớp đất nữa. Nắp quan tài đã lộ. Người nằm đó. Màu nước hồng nhạt lấp xấp trong áo quan. Lớp đất sét chình chịch kêu, mỗi cái nhấc chân của gã. Một làn gió thổi qua nhanh. Gã dùng hai bàn tay thọc xuống quơ quào nắn nót một lúc. Một lúc rồi một lúc. Gã đùng đồ nghề là hai thanh tre nạy lấy từng ống xương. Một tay vuốt một tay đưa lên. Xối nước trước khi xối rượu cho đỡ hao. Xương dài, xương ống. Xương lồng ngực và sọ nè. Cái sọ người màu đỏ hung hung. Cái tình thân. Máu mủ ruột thịt không làm tôi sợ hãi. Mùi hôi nồng trong không khí làm tôi gớm ghê. Cha tôi đó. Người là đó. Sống trên trần gian và dưới lòng đất. Dung nhan người đâu đã vậy. Khuôn mặt người hiền từ thanh thản lúc sống. Còn cái nhìn trước lúc tôi ra đi, và tình thương là nỗi hoài mong chờ đợi con về. Đâu đã gặp một lần cuối. Người đã chết một lần. Hôm nay gặp lại người nằm đây. Giọng nói, kỷ niệm. Nỗi âu lo của người tôi đã mang theo trong suốt thời gian dài mất hút.

Tôi mất mẹ từ thuở nhỏ. Tôi không nhớ rõ tình thương ở người đàn bà khi trưởng thành. Có chăng là nỗi nhớ dịu dàng pha lẫn tưởng tượng ấm êm. Tôi ở với người cho đến ngày bước ra cuộc đời. Người ở lại trong ngôi nhà cổ xưa một thời kỷ niệm; an nhàn tu thân. Cho đến ngày mất nước. Thế giới thu nhỏ lại, tập trung lại làm một nhơn ra cho cả nước. Cha nói cha không hối hận. Tất cả là mệnh nước vận thời. Đừng buồn. Tủi nhục. Sống phải làm lại. Sống sao cho lòng thanh thản. Hôm nay

người nằm đây. Con đã trở về. Trở về từ chính cuộc đời xa vắng đìu hiu. Không phải thấy nụ cười của cha. Không còn giọng nói trầm ấm già nua, mà là xác thân đã hóa cốt.

Áo quan phải mua thêm lần nữa để di chuyển vào lò thiêu. Tôi không muốn chôn người. Còn chỗ nào là chốn nương thân. Hai chục phút đốt. Được rồi. Thêm tiền là được bốn chục phút đốt để ra tro, để khỏi vào cối giã đập. Ánh lửa. Lò thổi. Mùi cây cháy, mùi khét thịt da bay bổng lên trời. Khi ngọn lửa đã bùng cao, linh hồn cha vượt thoát. Bỏ lại xác thân như đống tro tàn lụn bại. Gọi số. Nhận mâm rút ra. Những mẩu vụn trắng xóa cong queo. Nầy nhé. Tiền sẽ vượt qua khâu cối đập để tới thủ tục sắp vào lọ. Cái lọ này ở đây cung cấp, không giá trị lắm đâu. Nếu muốn quí giá trân trọng thì bước ra mấy bước tùy nghi chọn lựa, bày bán sẵn kế bên. Thị trường tự do mà. Tự do mua chọn lựa, có khăn, có dây đỏ bán riêng. Có khắc tên, lộng hình. Bây giờ thì ghi năm chết thật. Ông thấy không. Cái nào của mình mới là thật. Còn của chung của cuộc đời sao cho khỏi lẫn lộn. Trần gian muôn màu mà. Gã cười khà khà. Nầy nhé. Cũng lại nầy nhé. Ông coi kỹ. Xương chân phải sắp trước nằm dưới, rồi từ từ lên. Cuối cùng mới là xương sọ. Đóng nắp bao khăn. Cột dây đỏ. Thế là xong. Cám ơn. Ờ thì cám ơn nhưng trước khi về nhớ gặp xếp tôi đứng chờ. Làm gì hả? Chút quà cho miệng ăn, miệng nói, đã giúp lo toan từ A đến Z. Đưa ở đây ? Không sao. Đừng ngại. Không có gì lộ liễu cả. Mình làm công khai thì ngại gì phải che giấu. Ở đây ai cũng thành thật cả. Thành thật cả lúc nhận tiền tình cảm. Cám ơn. Cái tiếng cám ơn đáp lại từ gương mặt người đứng chờ sẵn. Tôi không nhìn rõ. Chỉ còn có lọ này.

"Hình như anh mới được tha?"

"Cũng mới."

"Tội nghiệp."

"Ừ mà anh đừng buồn. Trong ngoài có khác gì nhau. Rồi vợ dâu không thấy đi chung?"

Tôi cười buồn. Bây giờ ở một mình.

Thiệt hả. Ừ vậy cho khỏe thân. Cô ta vừa nói vừa nhìn vào mặt tôi như muốn nhận diện cái dung nhan mùa hạ. Lúc này tôi mới thấy mười ngón tay cô sơn đỏ, cái màu đỏ hồng nhạt như thịt da vữa nước ở lần lấy cốt.

Cô đưa bàn tay giơ lên. Anh biết không, phải sửa soạn một chút để tránh cái nhìn. Đôi khi phải làm duyên làm dáng để vượt qua ải. Cơm áo cuộc sống mà. Mỗi ngày phải đi, phải đối đường, phải tránh mặt mới sống được.

Nàng để tay lên thành ghế. Cái bàn tay còn nong nóng như muốn

an ủi cứu giúp cảm thông. Tôi để yên. Nàng nói: Anh hút thuốc đi. Em không khó chịu đâu. Đêm. Trời lạnh. Cơn buồn ngủ dễ kéo đến. Nhưng với nàng hình như tỉnh táo hơn. Tôi khẽ liếc. Trên khuôn mặt đó sự lương thiện lặng lẽ. Nàng không ngủ. Hồi hộp. Tôi chuyển lọ qua bên; khép lại đùi, sửa lại thế ngồi. Mắt nàng nhìn về phía trước. Tôi cũng nhìn về phía trước. Bóng tối như con đường hầm còn sâu hút. Này đây. Tôi trở về. Không còn gì ngoài nỗi tủi nhục. Tôi muốn nói với em ở phương trời xa tôi đã trở về. Không cần phải kể lể. Bao người đã nói. Chuyện mà ai cũng nói, cũng căm hận, cũng thương giùm. Tôi không muốn trở thành kẻ tội nghiệp. Em nói, em phải đi trước vì tương lai con cái. Không thể ở lại làm bốn phận nuôi chồng. Chờ đợi chỉ thiệt thêm thân và lãng phí thời gian. Anh phải sống vững như một người hùng cô độc. Liệu tôi có còn là người hùng nữa không. Ở một đất nước mà ra ngõ gặp anh hùng thì bây giờ tôi chỉ là kẻ hèn mọn, muốn được làm người không để yên thân hơn. Tôi không bỏ chạy vì ngu dại. Tôi không dám chết vì khiếp nhược. Chạy đi chạy xa lúc đương thời để giữ lấy cái tôi, cái hào quang còn sót lại, giữ lấy danh dự một đời để nói với người chung quanh tôi là kẻ không ngã ngựa. Em an ủi. Hồi trước khi lấy anh em vẫn mong sau này anh trở thành một tướng lãnh. Người lớn đã chạy đi nhiều rồi thì kẻ ở lại mới thực sự là người hơn, trong lòng em anh vẫn là một người để em tôn kính, dù khổ đau, tủi nhục đã lột trần truồng. Một người tướng thầm lặng, sống vững với khổ ải truân chuyên, không làm mất đi nhân cách chính mình. Không có chiến trường để anh thi thố.

Nhưng xương máu cũng đã góp phần. Cái còn lại mới là đáng quí. Giữ gìn được nó khi chung cùng với nhau một phận bình đẳng anh em, không còn kẻ trên người dưới. Chỉ có liêm sỉ mới nhận chân bộ mặt thật của mỗi người. Em vẫn chờ vẫn hoài mong hình ảnh trước đây em đã nương tựa. Bây giờ đây tôi trở về. Đã thay cánh áo. Bỏ lại màu áo sọc xanh trắng. Sống một cuộc sống tầm thường trong một xã hội bất bình thường. Đôi lúc phải quên mình là ai thì làm sao dám nghĩ mình là tướng. Canh bạc đời đã đổi. Những đoàn hát. Những màn diễn với các tên hề làm tên tướng ngây ngô lố bịch. Những bàn cờ với xe pháo mã sang sông. Chỉ còn có sĩ, tượng, bao che một ông tướng cùng quẫn trên các ô vuông của mỗi ngày. Bên tách trà ẩn dật. Không có Khắc Chung của năm Đinh Mùi (1307) cứu lấy công chúa Huyền Trân trên giàn thiêu, thong dong trên biển cả với mối tình thầm lặng. Biết bao ẩn tình, ấm êm với đất trời rộng mở, mười tháng lênh đênh mặc cho mưa gió bão bùng với chiếc thuyền con, mặc cho những ray rứt trong cuộc đời Huyền Trân. Để rồi năm sau (Mậu Thân) cũng trả về Thăng Long bỏ cuộc. Không có rượu ngon để Hàn Tín nghe theo lời Giả Kiệt. Thế chân vạc chia ba thiên

hạ mà giữ lấy cơ đồ. Lịch sử đã sang trang. Nhưng dấu ấn vẫn phân biệt điều hơn thiệt. Nhìn lại thân thể mình. Tướng của ta là tướng của lỡ làng. Có còn oai hùng không sau hai lần bại xuội. Có còn máu nóng không với áp huyết cao. Có còn khao khát không với loét tá tràng do ăn cỏ, lá rừng. Chỉ còn trái tim dù là đập nhẹ nhưng âm ỉ với tình yêu, với nỗi nhớ ngậm ngùi.

Cái lọ này đây. Tôi đã trở về. Cha đã chết hai lần. Tôi đã sống lại với phần đời qua đã chết. Còn bàn tay này đang ấp trên tay tôi. Là nàng. Không phải là em. Không phải là mối tình xưa cũ thủy chung. Trên một chuyến đi đồng hành. Nàng ngủ? Không. Còn thức.

Đột nhiên một chiếc xe tuần vừa đến. Không phải. Ánh sáng của mấy xe gắn máy đèo người.

Mở đèn lên. Khám xét.

Đèn trên xe bật sáng như ý muốn. Hai người đàn ông mặc thường phục lên hai cửa trước sau. Người còn lại leo trên mui. Nàng ngồi kế bên nói vào tai tôi anh bình tĩnh nghe. Ánh đèn pin rọi vào các góc kẹt chỗ ngồi. Gõ gõ vào trần xe. Từng người. Từng món hàng.

"Anh này. Cái gì đây, cầm cái gì; cái gì dưới chân trong giỏ này."

Lúc này đây, nàng bình tĩnh lạ. Nàng cười duyên chỉ vào tôi.

"Vợ chồng em đi lấy cốt cha về. Anh thấy không. Cái bình đựng hài cốt đó. Còn mấy món này mua về cho mấy đứa con tụi em. Anh biết mà, lúc này nghĩa trang giải tỏa nhiều lắm."

Chao ôi trong một phút tôi đã có người vợ kế bên kề cận. Chưa kịp nói, nàng đã nắm lấy tay tôi lắc lắc.

"Anh kéo sáo lên, em ngộp lắm. Tim em đang mệt nè."

"Cô nói thật không?"

"Vợ chồng em đi về mệt mỏi lắm, chỉ mong tới nhà."

Gã đàn ông soi mói nhìn lấy nàng. Nàng ngả đầu vào vai tôi. Cái mùi da thịt đàn bà đã lâu không gặp. Nàng thầm thì như không cho tôi nói. Thật ra tôi cũng không biết gì để phản ứng. Họ như những con mồi chờ cơ thoát hiểm. Lúc này đây nàng dịu dàng, dễ thương như người tình nhân lâu ngày. Mái tóc nàng mấy cọng đâm vào mặt mũi tôi nhột nhạt. Tôi muốn ngồi nhích ra một chút. Chật cứng. Nàng chồm theo. Cánh tay tôi quờ quạng đụng vào gói đồ đã nằm lúc nào giữa tôi với nàng. Cái đùi căng cứng đang gác lên một phần thân thể tôi. Tôi nghe tim nàng đập mạnh. Chắc không phải cái háo hức của xác thịt. Tim nàng đập đằng khác. Còn tôi ngột ngạt vì hơi thở nóng của nàng. Buồn cười. Không thể nói. Lặng thinh.

Một thoáng. Gã bỏ đi. Ánh đèn pin qua hướng khác.

Nàng bỏ tôi. Ngồi ngay thẳng lại. Vuốt mái tóc.

Nhìn tôi. Cười.

Lúc này nụ cười nàng sung sướng hơn. Cái cười đẹp. Thỏa mãn như sau lúc làm tình. Nàng nhắm mắt lại. Chỉ còn tiếng thở. Tim nàng như đập chậm lại. Còn tôi rộn ràng.

Một lúc. Gã trên mui leo xuống. Tiếng oang oang. Bác tài sửa xe xong chưa, chạy đi đến phà cho bà con ăn uống.

Có tiếng dạ ngon lành. Ánh đèn xe chiếu sáng. Đèn trong xe tắt ngấm. Có tiếng nàng.

"Xin lỗi nghe. Em phải làm vợ anh một lát."

"Thì tôi cũng đã làm chồng cô trước mặt mọi người."

Ở đời, nàng nói, đôi khi cũng phải thực hư. Mượn tạm rồi bỏ. Có trả vay tôi cũng quên hết qua ngày. Không biết tôi là người chồng thứ mấy trên chuyến đi của cuộc sống nàng.

Không dâu. Mới là lần đầu. Kẹt quá tôi mới nghĩ ra.

Nàng sống khôn lanh. Chụp lấy cơ hội từng lúc từng thời. Còn tôi? Ôm ấp ngày tháng cũ nặng nề. Thư thả như nàng. Cũng là cách đối đầu. Bỏ đi bỏ hết đi. Ở đây bây giờ là bộ mặt mới. Cơm áo. Những vật lộn không ngừng nghỉ. Quay cuồng với xưa nay cũng không đi tới đâu.

Bây giờ em ngủ nghe. Một chút tới phà. Không qua được đâu. Phải chờ sáng. Đến nhà em ở bên này bờ. Em xuống. Một ngày đã xong. Nàng nhắm mắt lại. Chiếc xe đang lăn bánh. Mọi người đã yên. Phút rộn ràng đi qua trong tôi. Không còn gì để nói. Tôi nhìn qua nàng. Cái đầu tựa ngay ngắn trên băng ghế. Vai tôi không còn là chỗ tựa. Gương mặt nàng thanh tú. Đôi mắt lim dim. Không có tiếng nũng nịu hừng hực lửa. Chỉ còn tiếng thở. Hơi thở đều đặn. Nàng lém linh dễ thương. Tôi nghĩ. Nhưng chắc thương không dễ.

Chiếc xe đến bến bắc là đã hai giờ sáng. Tất cả phà đã neo ngủ yên. Hàng quán rộn ràng. Tivi, đầu máy trang bị cho mỗi quán đặt phía trong cho khách ngồi chờ. Phim Mỹ, phim Hồng Kông. Băng nhạc Paris by night. Cái gì cũng có. Họ cũng sống hòa nhịp với trào lưu. Kịp thời. Những ngọn néon thắp sáng bằng máy phát điện. Mùi thịt nướng âm i bay thơm làm tôi thấy đói. Ngoài sân dọc theo con đường xuống phà bàn ghế được bày hẳn ra. Tự do ngồi, muốn đứng, muốn đi. Bởi là đêm chờ sáng. Thế giới an phận đã hàng bao lâu năm này tháng nọ. Nàng nói. Anh ghé nhà em ngồi chờ. Tiện lắm. Cạnh quán. Nhà em cho mướn ghế bố xếp. Anh cần ngủ không. Giúp em một tay chuyển mấy hàng này xuống. Nàng lăng xăng lanh lẹ. Đôi chân tôi tê cứng sau mấy giờ đồng hồ; lúc này cũng dẻo dai. Tôi như bị dùa đi ở lời nói dẫn dụ của nàng. Chút tình mà. Tôi không nghĩ gì khác. Còn nàng góp phần phục vụ kinh tế.

Nàng bước vào nhà. Tôi theo. Những giọt mồ hôi đọng trên mặt nàng. Nàng bước vào trong góc khuất tối. Cánh tay đang lần xuống lưng quần. Một dây gói bịch quấn ngang lưng đang gỡ xuống. Ngần ngừ một lúc. Nàng nhìn tôi. Bàn tay cùng lúc với thế xoay lưng. Nàng lấy gói thuốc con mèo nhỏ từ trong nịt ngực.

Tặng anh nè. Dẫu sao anh cũng đã giúp. Hút đi chờ sáng.

Tôi định không lấy. Nhưng nhớ mùi nàng. Tôi nhận.

Chiếc ghế bố nàng cho mượn. Dĩ nhiên không phải trả tiền. Tôi ngả lưng. Trời đêm trăng sáng. Gió từ bờ sông mát lạnh. Ly càfé đen nóng. Mùi càfé trộn bắp. Uống đã quen. Chỉ cần nóng. Đừng phải ngọt để còn chút vị đắng. Tôi định lấy gói thuốc nàng tặng mở hút. Không hiểu nghĩ sao, tôi bỏ lại vào trong ngực. Gói thuốc tôi còn một nửa, cho xong đi trên chuyến đường.

Nàng trở ra. Áo quần đã khác. Nhỏ nhắn hơn lúc ngồi trên xe. Nàng chỉ vào người đàn ông giới thiệu anh nàng. Đừng ngại. Nàng nói. Gã đàn ông dáng đi khập khểnh ngồi kế bên, đặt cây đàn xuống. Gã đã có tuổi. Tôi hỏi đi lính hồi trước? Ừ. Đơn vị nào vậy? Sư Đoàn 9 Bộ binh.

Anh có bạn rồi đó. Bây giờ em đi ngủ đây. Nàng chu đáo quá. Tôi nói cám ơn. Cám ơn anh mới đúng. Nàng nhoẻn miệng cười. Nụ cười tinh quái. Có qua đây ghé lại. Nàng đi vào trong khuất bóng. Tôi muốn gọi nàng ngồi lại. Không tiện. Cái dáng dấp yểu điệu khoan thai từng bước xa tôi.

Con nhỏ bỏ học đi buôn. Lâu ngày rồi dạn dĩ. Gã đàn ông nói. Đừng nghĩ nữa. Anh tên gì? Phát. Còn tôi tôi nói bừa một cái tên. Tôi sợ người ta nhận ra mình. Nỗi sợ hãi lâu năm đeo đẳng như thành một thói quen.

"Chân bị thương hả?"

"Ừ, đánh một trận ngày cuối. Tiểu đoàn không chịu bàn giao. Làm sạch một mẻ trên quốc lộ 4 rồi tan hàng. Bị thương nhẹ thôi, nhưng lúc ấy đâu còn bệnh xá gì nữa, lo liệu một mình rồi thành tật."

"Anh cũng là người cũ?"

"Mới được tha."

"Ở lâu không?"

"Cũng lâu."

"Sĩ quan hả?"

"Đại khái thôi, nhắc lại làm gì."

"Sao lại có đàn, thức sớm vậy?"

"Anh muốn nghe không. Tôi ca bản Rừng Lá Thấp tuyệt lắm. Thức sớm quen rồi, ca hát dọn hàng."

"Anh bán gì vậy?"

"Thuốc bổ thận, đau thận gia truyền. Người đàn ông mình lớn tuổi. Đi xe ngồi lâu ngồi chật tê cứng. Xuống xe là thấy rêm mình ngay. Tôi bán ở đây đã lâu, sinh sống từ sau lúc xập tiệm."

Tôi nhớ tới nàng. Nhớ không khí trên chuyến xe. Nhớ hơi thở nóng. Cặp đùi nàng gác lên tôi. Tự dưng tôi cũng cảm thấy mình thận sụn muốn đau. Gã nói: Anh cần không. Tôi biếu anh. Mình cùng chung một phận mà. Tôi nói thôi được cám ơn. Gói thuốc nàng cho. Mùi mồ hôi, mùi da thịt hình như còn phảng phất. Hút cái này vào là sẽ khỏi. Gã không hiểu nhưng cũng cười.

Đã lâu như được địp, gã nói huyên thuyên về chuyện năm tháng cũ. Phê bình các tướng chạy đi. Chỉ còn lại những tên lính ngây ngô cầm súng đến phút cuối cùng. Gã nói nhiều quá làm tôi đâm nhột, dù tôi không chạy đi. Nhưng tôi hiểu. Tâm trạng này trước đây tôi cũng bị. Lâu ngày rồi nói hoài cũng bằng thừa. Tôi muốn quên. Không muốn nói lại đời sống tủi nhục. Chỉ còn cái cảm giác, mỗi khi ai nhắc đến. Với hạnh phúc, với em tôi vẫn là người tướng cô độc. Em vẫn chờ mong tôi vượt thoát. Đến với bến bờ chung thân. Nhưng ở đây ngược lại. Người ta đang chờ họ trở lại. Một sinh khí mới một đời sống mới. Sẽ phải náo nhiệt hơn ở đời sống thành thị. Còn ruộng đồng ắt phải héo hon. Đẩy vào phía trước, vào nhịp tiến hóa của một tầng lớp nào đó. Còn đàng sau. Đời sống bình thường như nàng. Nàng đang làm kinh tế. Nàng phục vụ cái chung để có cuộc sống bình thường. Với tôi lại khác. Tôi không có nghề gì. Kể cả thuốc đau thận gia truyền. Căn bệnh lâu năm không dễ gì được khỏi một sớm một chiều. Cái bất bình thường nhiều quá lẫn lộn trong đời sống bình thường làm tôi hụt hẫng.

Phát nói với tôi bây giờ tướng tá không còn nữa. Họ chỉ như những người Thượng sĩ già năm xưa. Có vậy đi mới thấy gần gũi với người lính chiến đấu mình. Đã lâu. Tâm hồn mọi người đã lắng.

"Còn cái lọ này?"

"Hài cốt cha tôi."

"Cốt nhục trùng phùng."

"Anh cũng còn may mắn hơn gia đình những người Mỹ mất tích."

Cùng một lúc, tôi nghe. Tôi đang nghe. Hình như cái bất bình thường của mình dịu xuống. Tôi cảm thấy dễ chịu hơn với chính mình. Nếu mà không gặp nàng, không ngồi đây, không gặp người thương binh bán thuốc đau thận, tôi đã không phải một đêm trở thành người thượng sĩ già trong lòng Phát. Cái hư vị danh tướng. Cái vị kỷ, tự ái của mình bị lột xuống. Tôi không phải buồn. Đời sống là sự cô độc. Tự do là sự cô độc. Tôi đã gặp lại người. Gặp cha tôi. Như Phát nói cốt nhục trùng phùng. Quí trọng cái có còn hơn không. Người sẽ gần gũi bên tôi. Không chia

lìa. Không nằm yên ở một nơi nào lạnh lẽo. Người không nằm ở đất. Trên tay tôi bây giờ. Chỉ có trời cao. Ánh lửa đã đưa người lên cao vượt thoát. Trong tâm hồn tôi người cha già một đời nặng nợ không thấy mặt nhau lúc cuối. Nhưng tôi vẫn sống bên người. Hình ảnh lúc sinh tiền. Không khí thân quen ngày cũ. Kỷ niệm là những ôm ấp vỗ về.

Năm giờ sáng. Tiếng còi hụ đánh thức. Tiếng dây xích loảng xoảng được mở cho khách bộ hành. Con đường hẹp cầu thang dẫn lối. Đoàn xe nằm chờ rồ máy chuẩn bị cho một ngày thức dậy. Tôi đứng lên trả tiền. Phát đang chuẩn bị dọn hàng.

"Thuốc đau thận có sẵn đây không?"

"Có chứ."

"Hay thật không?"

"Nhiều người nói uống kết quả mà."

"Anh có uống qua chưa?"

"Không có. Tôi bán nhưng không có uống."

"Vậy sao nói thuốc gia truyền?"

"Anh lấy đi. Tôi bán niềm tin. Cứ nghĩ thận suy rồi sẽ khỏi. Có tin là ắt được."

Tôi cầm lấy viên thuốc tễ màu đen thẫm nhét ở túi quần. Nhìn vào trong. Chắc nàng còn mê ngủ. Hương da thịt còn thoảng trong đêm. Quàng vai xách. Ôm lấy lọ. Một bên vai nhẹ hỗng không có ai gối đầu.

Từng bước. Tôi đã đi trở về. Từ cõi chết. Gặp lại người chết. Niềm hạnh ngộ thật đau lòng. Trên chuyến xe. Một nhịp đập. Đời sống mỗi ngày như thế đó. Còn bao lâu một ngày như mọi ngày.

Từng bước. Tôi đi trên nền xi măng bước ngang vòng xích mở. Ở phương trời xa em đang chờ một hạnh phúc tới. Tôi đang đi về phía trước mặt. Cốt nhục thâm tình trên tay. Tôi lừng lững bước. Giản dị một điều. Tôi xuống phà qua sông.□

Tìm đọc

THIÊN ĐƯỜNG PHÀM TỤC

Tập truyện **DƯƠNG THÀNH VŨ**

Tác phẩm của một tác giả hiện đang sống trong nước.
Cồm cộm chất liệu, nhưng nhúc chi tiết và nóng bỏng tính thời sự.

THANH VĂN xuất bản
Liên lạc:
P.O.Box 411723, Los Angeles, CA 90041.
Giá 10MK.

Vườn, trong mộng tưởng.

THƠ THƠ

Tặng Thụy, ngày sinh nhật.

Một khu vườn cần có những dấu chân
Nếu không, khu vườn sẽ vô cùng buồn thảm
Khu vườn bị bỏ hoang.

Để tạo một khu vườn, người ta hay vây bốn phía hàng rào
Nhưng đã có hàng rào, thì sẽ có lối vào
Hãy bước vào bên trong.

Cánh cổng gỗ khép hờ, như một sự tình cờ
Nhưng đôi khi người ta mất cả tháng, cả năm để mở
mà vẫn không ra
Vì chính tay họ đã làm thành gọng khóa!
Họ mãi chôn chân ở ngưỡng đầu
Và cũng là nơi tận.

Với những kẻ có cơ may đi lạc vào vườn bằng con
đường vô lối tựa ý trời, khu vườn sẽ đưa họ đi xa lắm.
Dủ để dạo chơi một ngày
Dủ để cật công tìm kiếm bằng tháng năm,
Dủ để vun trồng một đời.

Họ - những kẻ lang thang - chẳng vội vàng gì
Thời gian là của họ
Càng chậm rãi, càng sẽ thấy nhiều hơn những hoa cỏ dại
Đời chưa biết đến
Chưa ai gọi tên

Họ cứ bước lần
Dõi mạch nước ngầm ẩn trong lòng đất
Học lời cỏ thụ - trầm tĩnh
Và hiểu nỗi buồn của gió cứ mãi một mình lang thang.

Họ rong chơi và ngẫm lặng
Thơ thẩn và mơ màng
Quan sát và suy gẫm
Những bước chân rất nhẹ sợ làm cả gai đau
Những bước chân chỉ lối cho nhau
Những đôi chân trần chẳng hề dẫm lên nhau
và mãi mãi cần có nhau để tìm ra chỗ đúng của mình.

Khu vườn càng đi, càng thăm thẳm...
Cánh cổng gỗ sẽ mở ra trăm lần cho những đôi chân
hiền hòa trở lại
Mỗi lần gặp lại...là mỗi lần tìm thấy...
Mầm của hôm nay...lá của ngày mai...
Bóng mát sau này...và mãi mãi...
(Như sự tích khu vườn lá gió cứ thì thào kể lại)
Và thời gian sẽ nở những đóa muôn màu
Cho họ hái tặng nhau.

Như Lính Giữa Rừng...

Nguyễn Quốc Trụ

Tặng chị Nguyên Ngọc

Tôi vẫn thường nghĩ, đi chỉ là để mở ra cõi trong riêng tư, khi đứng trước một cõi ngoài đổi khác. Thú vị hơn, nếu người bạn đồng hành của mình là một cố nhân tha phương hạnh ngộ.

Tôi và N. ngồi ngoài vườn cây trong lúc hai bà len lỏi giữa các lối đi thời gian dẫn ngược trở về một làng da đỏ Bắc Mỹ. N. trước 1975 là một giáo sư trung học, ngoài ra còn viết văn, làm xuất bản. Thời gian tụi này ở trại cấm Thái Lan, anh thường gửi tiền và cùng một vài người bạn vận động can thiệp mong tụi này qua được cửa ải thanh lọc. Tuyển tập truyện ngắn do anh xuất bản năm 1974, trong có bài cùng hình ảnh, mấy giòng tiểu sử tụi này tình cờ thấy được trong đám người chung số phận không ngờ thật hữu ích khi thanh lọc. Tấm hình Cao Lĩnh chụp vào một buổi chiều tại Sở Thú Saigon là tấm hình độc nhất đánh dấu những ngày cá nhân tôi mê mải với mớ chữ.

N. vẫn còn phong độ, nghĩa là vẫn đẹp trai, vẫn còn tất cả những trò linh kinh như cái tẩu thuốc, như cách bập bập ống vố để giữ ấm hơi đời ở cõi người lạnh giá này. Và anh cũng vẫn còn mê làm xuất bản, vẫn muốn có dịp qui tụ được một số cây viết, trong một cuốn sách với những chữ đẹp như những bức hình của Cao Lĩnh ngày nào. Tôi bảo N., có những cuốn sách tạo nghiệp, nghiệp theo nghĩa Phật dậy. Cuốn trước, trong lời tựa, anh coi đây là vốn liếng một đời cho quê hương, bạn bè. Chưa đầy một năm, CS lấy miền Nam. Bây giờ anh lại muốn làm xuất bản, biết đâu cái nghiệp lần này đỡ hơn, may ra chúng mình lại có dịp ngồi ở Quán Cái Chùa, tại Saigon.

Tôi vẫn còn nhớ cái nhìn của anh chàng sinh viên luật người Thái được Bộ nội vụ và Cao ủy mướn làm thẩm tra viên trong buổi thanh lọc. Cái nhìn dừng lại rất lâu trên khuôn mặt tiều tụy ở ngoài đời so với trong

hình. Có vẻ anh tin. Có vẻ anh thông cảm. Có vẻ anh sợ hãi, không ngờ sự khủng khiếp của một chế độ so với sức chịu đựng của con người.

Trong tuyển tập, có một truyện ngắn đã theo tôi ngay từ những năm học trung học. Con thằn lằn chọn nghiệp của Hồ Hữu Tường. Thời gian đó, tôi đã phải vô thư viện quốc gia ở đường Gia Long để nắn nót chép từng chữ truyện ngắn trên, bên cạnh những giòng chữ Tây chép từ cuốn Biện chứng pháp của Trần Đức Thảo. Đám chúng tôi vẫn thường tâm sự, hạnh phúc nhất và cũng là bất hạnh nhất của những người hai mươi tuổi vào những năm 1960, đó là chúng ta có quá nhiều ông thầy, quá nhiều chủ nghĩa, nào hư vô, nào hiện sinh, hiện tượng luận, cơ cấu luận... Đám đàn anh của chúng tôi vậy mà may mắn hơn, bởi vì họ chỉ chịu khổ với một chủ nghĩa CS.

Như nhiều người đã biết, Hồ Hữu Tường vốn theo chủ nghĩa Trotsky, dính vô vụ Bình Xuyên và bị ông Diệm kết án tử hình, sau nhờ sự can thiệp của một số nhà văn trí thức tên tuổi trên thế giới, án tử hình đổi thành chung thân khổ sai tại Côn Đảo. Trong những giờ phút đối diện với cái chết, ông viết Trầm tư của một người bị tội tử hình và mơ tưởng Đức Phật lại trở lại với thế gian này. Hồi còn mồ ma tờ Nghệ Thuật với Thanh Nam làm tổng thư ký sau tới Viên Linh, Thanh Tâm Tuyền có viết một loạt bài về cuốn Trầm Tư, qua đó ông cho rằng giấc mơ về sự nhập thế của Đức Phật cũng tan nát như mảnh đồng bằng chẳng chịt những bờ ở miền Bắc. Thanh Nam nói đùa, bộ anh tính dụng võ vị thần linh của miền Nam hay sao. ít người biết chuyện, chính Hồ Hữu Tường đã quyết định con đường cầm bút của ký giả Ba Tê (bút hiệu của T.T.T. trên mục Tạp Ghi của tờ Tiền Tuyến). Khi Hồ Hữu Tường làm tờ Đông Phương ở Saigon, T.T.T. lúc đó còn đang là sinh viên ở Hà Nội, có gửi bài tham dự cuộc thi truyện ngắn. Truyện được giải nhì, tuy không đăng, vì không thể đăng được. Người viết được nghe bà cụ của thi sĩ kể lại, những ngày còn đi học, cứ ba tháng hè cả bọn lại kéo đến ăn bám cụ, tại căn nhà trong hẻm Đỗ Thành Nhân, Gia Định.

Trong Bếp Lửa, T.T.T. cũng đã để cho nhân vật nói lên nhận định về tôn giáo: Khi nhập thế trong xác phàm, thần thánh cũng phải chịu đựng như bất cứ một con người nào mọi thảm kịch của nhân gian, triết hiện sinh gọi đó là hoàn cảnh hữu hạn, và chỉ thoát ra bằng sự thất bại. Tư tưởng này có thể coi như chung cho tất cả các nhà văn hiện sinh, tuy mỗi tác giả có một cách phát biểu riêng. Sartre: Con người bị kết án phải tự do. Camus: Phải tưởng tượng Sisyphe hạnh phúc. S. là một nhân vật trong thần thoại Hy Lạp bị kết án phải vần đá lên núi. Gần tới đỉnh hòn đá lại lăn xuống và S. lại vần đá tiếp.

Tôi cũng đã được nghe nói, chị Ng. phu nhân anh N. là một ca sĩ. Lần trước, tụi này lên Montreal, vì quá vội nên chưa được hân hạnh thưởng thức. Tôi nói với N., vẫn bằng giọng đùa đùa, chỉ mong chị Ng. đừng có tiếng hát của cô Tơ trong Chùa Đàn của Nguyễn Tuân.

Nguyệt dãi tàn nhang... ư... Con sông hồ nước biếc... Bá Nhỡ ngồi trước mặt kia, sinh mệnh chỉ còn dính vào cuộc đời bằng một vài khổ đàn nữa thôi. Tắt bản đàn là đời người đang cúi xuống cái đầu gẩy bằng sừng bò tót kia cũng hết luôn.

Cũng lại là một cuốn sách tạo nghiệp, Chùa Đàn. Đọc lại, tôi vẫn nghĩ, giá Nguyễn Tuân đừng thêm vô Mười cuối. Ôi chao, vẫn một Thị Trấn Ngày Mai hay là Ngày Mai Ca Hát... Còn có dục vọng nào chính đáng sâu sắc rộng đẹp bằng ý thức Cách Mệnh!!

Vâng, cũng vẫn những bài hát cũ xưa đó, buổi tối tại một nhà hàng đám chúng tôi cùng ngồi nghe Ng. hát. Cô Tơ đã chết rồi... Bây giờ những bài hát không làm sống lại quá khứ nhưng rửa sạch quá khứ, đem lại sự công bình cho những người đã chết...

Những đốm mắt hỏa châu là hoa đăng ngày cưới, hay Tã trắng thắng cờ hồng thì cũng một hình ảnh thơ, một hình ảnh Việt Nam đau thương, đổ nát...

Nhưng thôi, hãy để chị Ng. hát lên tâm sự:

Như lính giữa rừng yêu lá thấp mà thôi...□

...đón đọc

nhớ đất thương trời

thơ trần hồng châu

(bút hiệu của GS. Nguyễn Khắc Hoạch,
Nguyên Khoa trưởng Đại học Văn Khoa
Sàigòn)

Thế kỷ xuất bản

như một lời chia tay

NGUYỄN XUÂN THIỆP

Như một lời chia tay
tôi gửi lại
một góc phố rực lá vàng
quán cà phê mở cửa đưới giàn hoa giấy
tiếng chim lúc mình hôn nhau
tôi gửi lại
căn nhà. gió động cây đàn gỗ chùng
dây. cửa sổ nhìn ra sông.
hoàng hôn tím màu hoa đồng thảo
hồn tôi suốt bao đêm cùng đốm lửa
vườn xưa
thức trong cây và đất
đợi chờ ai. hừng đông mưa
phượng đỏ một lời yêu dấu cũ
là lúc chia xa
tôi gửi lại
con hẻm mùa đông
gầy yếu
tiếng rao hàng vào giấc ngủ khuya
những khuôn mặt bạn bè với nhiều
nét gẫy
cuộc đời. sướng. khổ. nhọc nhằn
tôi gửi lại
tôi gửi lại
thành phố như một đóa quỳ vàng
(thành phố mối tình đầu của tôi.
nay đành gửi lại)
nắng. mưa
nấm mộ người thân với chút tro than
ôi chút lòng hoài vọng sót
gửi nụ cười trên môi em bé có tên
gọi Bình Minh
tôi gửi lại
đất và người
gió bắt đầu từ lãng quên.

Saigon, tháng 5. 1995

"Viết về chiến tranh Việt Nam..."

Tham luận của nhà văn Nguyễn Mộng Giác
tại Hội luận Bể Dâu,
San Francisco State University ngày 13.10.1995.

Chủ đề của cuộc hội luận này, như tờ chương trình do Ban Tổ chức công bố, là những vấn đề về cộng đồng người Việt tại Mỹ, vấn đề các cựu chiến binh, những suy nghĩ của giới nghiên cứu về cuộc chiến tranh Việt Mỹ, phản ảnh và hậu quả của cuộc chiến tranh ấy qua văn chương nghệ thuật.

Mục đích của cuộc hội luận này là tìm cách hàn gắn những vết thương cũ, tiến tới sự thông cảm để tăng cường các giao lưu về giáo dục và văn hóa giữa Mỹ và Việt Nam. (The conference is about the Vietnamese community in America, veterans issues today, academic reflections on the Vietnam/American War, and artistic expressions of the conflict and its legacies...It is an attempt to move toward healing, convergence, and increased educational and cultural exchanges). Những dòng chữ trên đây, tới mắt cộng đồng người Việt hải ngoại, lập tức tạo ra những vang vọng khác, đầy ngờ vực và e dè. Nhiều câu hỏi được đặt ra: Có phải họ vận động hòa hợp hòa giải với cộng sản Việt Nam không? Những thế lực nào đứng đằng sau tổ chức này? Và một giải pháp tức thời, tiện lợi đến ngay trong óc nhiều người: Phải tẩy chay, bất hợp tác!

Khi nhận lời mời của Đại học San Francisco đến tham dự cuộc hội luận này, tôi biết rõ những gì bạn bè của tôi trong cộng đồng đang nghĩ và sẽ làm. Cái chỗ tôi đang ngồi, những điều tôi sắp nói, nhiều nhà văn có uy tín xứng đáng hơn tôi để ngồi ở đây. Nhưng không ai muốn tự đưa mình vào những tình thế khó khăn, không ai muốn bận tâm về những chuyện tranh luận thị phi, nên cuối cùng tôi trở thành một người hết sức

bất thường: không ai ủy nhiệm, cũng không đại diện cho ai cả, tôi lấy tư cách cá nhân một người cầm bút trình bày một đôi điều về sinh hoạt văn chương của người Việt hải ngoại. Đúng hay sai, cá nhân tôi chịu trách nhiệm. Cũng như chính tôi chịu trách nhiệm cho quan niệm này: Thay vì tẩy chay, vắng mặt trong các cuộc hội thảo về các vấn đề liên quan đến Mỹ và Việt Nam, người Việt hải ngoại cần có mặt để trình bày quan điểm của mình.

Tôi cho rằng sự có mặt của người Việt hải ngoại trong những cơ hội như cơ hội này là cần thiết, từ kinh nghiệm thực hiện tuyển tập truyện ngắn *The Other Side of Heaven*. Như lời ông Wayne Karlin viết trong phần mở đầu của tuyển tập, ý định thực hiện tuyển tập này nảy ra từ khi ông gặp nhà văn Lê Minh Khuê ở Boston. Hai kẻ thù cũ trong cuộc chiến tranh hai mươi năm trước nay gặp nhau trong tư cách hai nhà văn, hai con người bình thường với tất cả những vui buồn của đời sống bình thường. Cuộc chiến tranh và những hậu quả của nó bây giờ được nhìn lại bằng cái nhìn trung thực của văn chương, ý tưởng đó thật hấp dẫn, và Wayne Karlin bắt đầu liên lạc với Lê Minh Khuê để thực hiện tuyển tập. Nhưng khi bắt tay vào việc, ông mới thấy viết về chiến tranh Việt Nam mà không quan tâm đến tiếng nói, đến tâm tình, đến những vinh nhục của những người lính Việt Nam Cộng hoà thì thật là thiếu sót lớn lao. Chẳng những thiếu sót, đó còn là sự bất công. Ông gặp anh Trương Vũ, và biết thêm rằng ngoài một số ít những bài báo, những quyển sách do những người Việt trẻ tuổi viết thẳng bằng Anh ngữ, còn có một dòng văn chương hải ngoại đa dạng viết bằng tiếng Việt. Nhờ thế mà trong *The Other Side of Heaven*, chiến tranh Việt Nam được nhìn từ ba phía: những cựu chiến binh Mỹ, những người miền Bắc và những người miền Nam. Tám truyện ngắn của những nhà văn gốc miền Nam gồm truyện của Võ Phiến, Nguyễn Xuân Hoàng, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Mộng Giác, Trần Vũ, Phan Huy Đường, Lai Thanh Hà và Andrew Lâm. Sự hiện diện của tám nhà văn gốc Miền Nam trong tuyển tập là một tiền lệ tốt, cải chính một thiên kiến vốn đã có từ lâu, thiên kiến cho rằng cuộc chiến tranh Việt Nam là cuộc chiến giữa hai phía: phía Mỹ và phía Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Nó nhắc nhở cho mọi người thấy rằng ngoài những người mẹ Mỹ khóc con tử trận ở một chiến trường heo hút bên kia Thái Bình dương, những người mẹ miền Bắc héo hắt chờ tin những người con "sinh Bắc tử Nam", còn có những người mẹ miền Nam tảo tần nuôi đàn cháu mồ côi cha. Tiếng khóc, nỗi đau vốn không có biên giới. Hạt nước mắt nào cũng giống nhau, đã nhớ đến hai giọt nước mắt sao lại quên một giọt thứ ba!

Nghĩ cho cùng, thiên kiến ấy do những động cơ tâm lý và chính trị

sâu xa. Về phía người Mỹ, những người miền Nam là những kẻ thua trận. Chúng tôi đã nhận tất cả những tủi nhục thua thiệt của kẻ thua trận, kể cả sự rẻ rúng xem thường của những người từng là đồng minh của chúng tôi. Lịch sử thường do những kẻ thắng viết. Đó là một sự thực lịch sử. Dù khó nuốt, chúng tôi cũng phải nuốt chén thuốc đắng đó. Sự thiên kiến còn do bản chất của ngành truyền thông. Cái gì tốt đẹp, cái gì bình thường không phải là tin tức. Nữ công tố viên Marcia Clark ôm hôn O.J. Simpson, đó là tin. Bà ôm hôn con sau một ngày nhọc nhằn ở tòa, không ai loan tin đó. Một nhà văn từ Việt Nam qua Mỹ tham gia hội luận như anh Hồ Anh Thái và chị Lê Minh Khuê hôm nay, đó là tin. Một nhà thơ Mỹ-gốc-Việt đến đọc thơ tại một trường đại học, tin đó chỉ có trong bản phúc trình sinh hoạt thường niên của nhà trường. Chính vì sự tò mò về kẻ thù cũ mà giới truyền thông và nghiên cứu Mỹ quan tâm đến những người cộng sản Việt Nam, và thờ ơ với cộng đồng người Việt hải ngoại. Tiếng nói của chúng tôi chỉ là tiếng nói của một cộng đồng thiểu số trong vô số những cộng đồng thiểu số trên đất Mỹ. Đó cũng là một sự thực khác chúng tôi phải chấp nhận. Về phía chính quyền cộng sản Việt Nam trong nước, thiên kiến ấy nằm trong một chính sách chung, phủ nhận toàn bộ sự hiện diện của chính thể Việt Nam Cộng hòa và dòng văn học dưới chế độ ấy.

Sau 1975, chính sách đàn áp truy quét toàn bộ nền văn hóa Miền Nam càng ráo riết hơn, gói trọn tất cả sách vở báo chí miền Nam trong những cụm từ "phản động, đồi trụy, nọc độc của âm mưu văn hóa Mỹ Ngụy". Chính sách đó vẫn còn được áp dụng cho đến ngày nay, hai mươi năm sau khi chiến tranh chấm dứt.

Trong chiến tranh, biến kẻ thù thành những quái thai là thủ thuật tuyên truyền thông thường trên thế giới. Nhưng trong thời bình, những kẻ thù cũ, nhất là những kẻ thù chiến bại, phải được quyền trở lại làm người. Cho đến nay, trên văn chương quốc nội, người miền Nam vẫn chưa được cái quyền đó. Nhà văn Lê Minh Khuê mới cho một nữ nhân vật là thanh niên xung phong miền Bắc ngẩn ngơ vì nụ cười của một tù binh sĩ quan miền Nam, đã bị công kích là chao đảo lập trường. Chẳng lẽ những sĩ quan quân đội miền Nam không có ai đủ đẹp trai để làm mềm lòng một cô chiến sĩ miền Bắc hay sao! Do chính sách khắc nghiệt ấy mà những biến cố lớn trong đời sống gần ba mươi triệu người miền Nam hoàn toàn bị bỏ qua, bỏ quên. Những năm dài mòn mỏi trong trại cải tạo. Đời sống khổ nhục của công dân hạng hai trong chế độ mới. Những cuộc vượt biên bi thảm chưa từng có trong lịch sử, sau đó là từng đợt di dân rải người Việt khắp thế giới mà ảnh hưởng sau này chắc chắn sẽ vô cùng lớn lao. Những biến cố ấy vắng bóng trong văn chương quốc nội.

Từ sự bất công ấy mà phát sinh ra dòng văn chương hải ngoại trong hai mươi năm qua. Nếu lịch sử do kẻ thắng viết, thì Đấng Toàn Năng thường dành văn chương cho những kẻ bại như một món quà bù trừ những thua thiệt. Những gì các nhà văn nhà thơ miền Nam không viết được in được dưới chế độ đương thời, họ đã viết và in ở hải ngoại. Cho nên nhìn một cách tổng quát, thì văn chương hải ngoại là phần bổ sung cần thiết cho một nền văn chương Việt Nam bị què quặt vì thiên kiến chính trị. Nó đóng vai trò giống y vai trò văn chương truyền khẩu hoặc văn chương lưu hành bí mật dưới một chế độ độc tài. Nó là "mặt sau của Thiên đường", là "The Other Side of Heaven" tên của tuyển tập truyện ngắn vừa chào đời. Những đau khổ do chiến tranh gây ra cho người Miền Nam không khác gì những đau khổ mà người miền Bắc và người Mỹ đã gánh chịu. Chẳng những thế, người miền Nam còn gánh chịu thêm những tủi nhục dành cho người bại trận. Một người lính miền Bắc hay một cựu chiến binh Mỹ trải qua những kinh nghiệm đau đớn của người lính thời bình. Nhưng người lính miền Nam còn phải đối phó với nhiều thử thách khác: cuộc đời tù tội, cảnh gia đình phân ly tan nát, những bi thảm của cuộc vượt biển tìm đường sống, cố gắng làm lại cuộc đời trong một môi trường hoàn toàn khác biệt. Những đớn đau ấy thể hiện trọn vẹn trong văn chương hải ngoại.

Từ máu lệ của đời sống trở thành chữ nghĩa văn chương, đối với người viết ở hải ngoại, cũng không dễ dàng. Những tạp chí văn chương như Đất Mới, Việt Chiến, Quê Mẹ, Nhân Chứng, Văn Học Nghệ Thuật, Nhân Văn, Tin Văn, Văn, Văn Học, Làng Văn, Văn Uyển, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21... chẳng những không nuôi nổi người chủ trương mà còn là một gánh nặng về tài chánh, cả người làm báo lẫn người viết đều làm không công. Không hề có tác quyền, tiền nhuận bút. Các tác giả ở hải ngoại thường phải tự bỏ tiền ra in sách, sách in xong tự lo lấy việc phát hành. Số độc giả lại hạn chế. Thế mà các tạp chí văn chương vẫn sống được cho tới ngày nay, tờ Văn của nhà văn Mai Thảo ra được 14 năm, Làng Văn 12 năm, Văn Học 10 năm. Số sách phát hành hàng tháng rất cao, và sau hai mươi năm đã có nhiều tác giả và tác phẩm uy tín nếu đánh giá về tư tưởng cũng như nghệ thuật sáng tác.

Thử đưa ra một vài con số: Những năm phát triển cao của văn chương hải ngoại từ 1985-1990, số lượng in của tiểu thuyết, truyện ngắn trung bình từ 1500 đến 2000 bản. Hiện nay, con số ấy có hạ xuống, từ 1000 đến 1500. Số lượng bản in ấy tương đương với số lượng trong nước hiện nay. Xin lưu ý số độc giả đọc được tiếng Việt ở hải ngoại không hơn nửa triệu, trong khi dân số Việt Nam hiện nay là 72 triệu. Những người cầm bút ở hải ngoại, bằng chính sự cố gắng đơn độc của mình, đã tạo được một

dòng văn chương đa dạng và phong phú, trong tất cả mọi thể loại, với nhiều khuynh hướng khác nhau. (xin xem thêm hai tài liệu viết về thành quả của thi ca và văn xuôi hải ngoại trong hai mươi năm qua đính kèm).

Tuy nhiên, cũng giống như nền văn học miền Nam 1954-1975 bị phủ nhận ở quê nhà, văn chương hải ngoại hiện nay cũng là hàng quốc cấm. Sách báo hải ngoại không được đem về trong nước, những người có thân nhân bạn bè đem về được thì đọc trong lén lút, sợ hãi, không dám phổ biến rộng rãi. Các cơ quan kiểm soát văn hóa theo dõi tường tận sinh hoạt văn chương hải ngoại, nhưng những người cầm bút trong nước biết rất ít về sách báo ngoài này. Chính sách ấy là trở ngại lớn cho mục tiêu "hàn gắn những vết thương chiến tranh và tạo niềm cảm thông" như đã nêu ra trong chương trình cuộc hội luận này.

Trước hết là trở ngại cho mối cảm thông giữa những người cầm bút trong và ngoài nước. Không đọc tác phẩm của nhau, chúng ta chỉ thấy cái nhãn xã hội mà mỗi người cầm bút mang trên người, không thấy con người. Nếu không đọc Lê Minh Khuê, có lẽ anh Nguyễn Quí Đức vẫn cứ xem chị như một thành phần trong cái guồng máy đã giam cầm thân phụ anh trong 12 năm. Nếu không đọc những truyện ngắn lấy hứng từ văn hoá phong tục Ấn độ, tôi chỉ biết Hồ Anh Thái là một cán bộ ngành ngoại giao mà thôi. Chính nhờ theo dõi được khá đầy đủ và cập nhật tình hình xuất bản trong nước mà giới cầm bút hải ngoại nhận diện được nhân cách và tài năng của nhiều cây bút trong nước, tránh được những qui kết hàm hồ.

Ngược lại, do không được đọc những tác phẩm văn chương ghi lại những đớn đau thăng trầm của người miền Nam trong văn chương hải ngoại, các nhà văn trong nước chưa có thay đổi lớn trong cách chọn đề tài, và trong cách mô tả con người. Đề tài văn chương, đến nay, sau hai mươi năm chiến tranh chấm dứt, vẫn lấy từ cuộc sống của một phía, chỉ khác là từ những tác phẩm mang dáng dấp anh hùng ca của thời chiến sang những bận tâm của đời thường thời bình.

Người miền Nam, một bộ phận quan trọng của dân tộc, vẫn vắng mặt. Họ vẫn bị liệt vào dám đông nhếch nhác của những nhân vật phản diện. Họ không được quyền "đẹp trai" , càng không được quyền làm mềm lòng một cô bộ đội miền Bắc! Cho nên theo tôi, vấn đề chính là những người có trách nhiệm về chính sách văn hóa Việt Nam có thực sự muốn hàn gắn những vết thương cũ và hòa giải dân tộc hay không?

Nếu còn cấm đoán không cho sách báo hải ngoại phổ biến trong nước, hay ít nhất không tạo điều kiện cho những người cầm bút trong nước tiếp cận với văn học hải ngoại, thì những lời tuyên bố như trên chỉ là những lời tuyên truyền chính trị.

Tâm tình thế hệ trẻ

Nguyễn Quí Đức

Với tư cách là một người đứng giữa hai thế hệ trong cộng đồng Việt Nam, và giữa hai nền văn hoá Việt-Mỹ, Nguyễn Quí Đức, nhà báo, viết văn, đã được mời đến nói chuyện tại cuộc hội thảo Bể Dâu của trường đại học San Francisco State University. Bản tiếng Việt do tác giả chuyển ngữ.

Đã 20 năm trôi qua kể từ khi người Việt chúng tôi chập chững đặt những bước chân đầu tiên lên đất Mỹ. Tôi tin không một người Việt Nam nào đến Mỹ vào những ngày trong tháng Năm, 1975, mà không nhớ đến ngày chúng tôi phải rời bỏ quê hương. Ngày đó con mãi vất vưởng trong trí nhớ. Cái ngày mà chúng tôi đến đây để trở thành những người tị nạn tả tơi sau một cuộc chiến tai hại đó sẽ vĩnh viễn in hằn lên tâm trí. Chúng tôi mang cái ký ức đó trong tâm can như một bóng đen nặng nề và đầy tủi nhục. Những nhóm người Việt sau đó, đến Hoa Kỳ trong những năm kế tiếp, cũng mang trong tim nỗi sầu đau bắt nguồn từ một chuyến bỏ nước ra đi.

Đã nhiều lần người ta nói rằng trong lịch sử Việt Nam, chưa hề có một cuộc ra đi nào mang tầm vóc của những gì đã xảy ra vào giữa thập niên 1970 và sau đó. Và cũng đã nhiều lần, người ta cho rằng chuyện lìa xa khỏi quê hương là một trong những kinh nghiệm đớn đau nhất của người Việt Nam. Nói cho cùng, bố mẹ người Việt khi cắt rốn chôn nhau con cái sơ sinh của mình cũng chỉ vì họ muốn giúp con cái giữ được mối thân tình với đất đai của cha ông để lại. Cho dù chúng tôi không rời bỏ đất nước, chúng tôi vẫn đau khổ vô cùng khi quê hương bị ngoại bang xâm chiếm. Nhà sử học David Marr miêu tả nỗi đau khổ đó một cách rõ ràng nhất khi ông nói "người Việt bị hình ảnh 'mất nước' ám ảnh." Đúng vậy, việc bỏ nước ra đi đã luôn ám ảnh chúng tôi. Bị buộc phải rời bỏ

quê hương, chúng tôi đã mất quê hương.

Nhưng nếu cho rằng ra đi là căn nguyên duy nhất gây ra tâm sự buồn bã của chúng tôi thì thật lầm lẫn vô cùng, và lỗi lầm đó chẳng thể nào bỏ qua được. Không cần nói ra, ai cũng phải biết cái u sầu chất chứa trong tâm can những người Việt lưu vong, ít nhất là đối với một lớp người ở một lứa tuổi nào đó, chính là nỗi u sầu bắt nguồn từ ký ức chiến tranh. Ký ức về những mất mát khi phải chiến đấu. Ký ức về những người anh, những đứa con mất tích trong rừng sâu. Ký ức về những bà mẹ, chị em, vùi thân dưới sức tàn phá của đạn bom. Của những gia đình bị chia năm xẻ bảy.

Đối với những người Việt ở miền Nam đã tham gia cuộc chiến, những người đã tham gia vào việc xây dựng đất nước trong thời gian chiến tranh, tháng 4 năm 1975 mang ý nghĩa "mất nước." Nó đánh dấu một cuộc thất trận rất đau thương, bởi vì họ biết, và họ có nhiều lý do chính đáng để tin tưởng rằng họ chiến đấu vì chính nghĩa. Khi chiến tranh chấm dứt và họ đến tị nạn tại Hoa Kỳ, cái điều vẫn hiển hiện trước mắt họ như một tấm gương ù lì là cảm giác bị tách ra khỏi quê hương trước đây họ sống, lìa xa khỏi thân nhân họ hàng và những người họ hằng yêu thương.

Chiến tranh ám ảnh chúng tôi. Việc thất trận ám ảnh chúng tôi. Việc mất quê hương ám ảnh chúng tôi. Chúng tôi cũng mang cái đớn đau tiếc nuối rằng chúng tôi đã không làm được gì hơn và cũng không làm được gì khác để bảo vệ đất nước.

Ký ức về những khoảng thời gian vui vẻ hơn tại quê nhà quả có xoa dịu được phần nào nỗi đau của chúng tôi. Chúng tôi nghe lại những bài hát cũ, chúng tôi trò chuyện với nhau để nhắc nhở về một buổi chiều ở ngôi trường cũ, một đêm chung quanh bạn bè, một ngôi làng, một xóm nhỏ xa xưa. Tôi vẫn còn nhớ những cú điện thoại viễn liên và những lá thư tôi trao đổi với đám bạn vào thời đó, tìm lại khoảng thời gian đã mất, tuổi trẻ đã qua và bạn bè cũ nay đã lìa xa.

Thật ra, càng nói, chúng tôi lại càng đau khổ thêm. Cái gương ù lì đó vẫn nằm trước mặt chúng tôi. Nỗi đau cũng lì lợm không kém. Dù vậy chúng tôi vẫn không thể ngoảnh mặt làm ngơ được. Trong những năm đó, tôi mang tật hễ thấy sách vở báo chí nào có hai chữ Việt Nam trong đó là phải mua. Đi ra đường, thấy một mái tóc màu đen là quay đầu nhìn chăm chăm. Mỗi lần đọc báo, khi thấy chữ Vienna, tôi lại chăm chú đọc, bởi vì tôi tưởng đó là chữ Việt Nam.

Đau đớn nhất là tình trạng bó tay trước hoàn cảnh của những người bị bỏ lại. Chúng tôi bị cắt đứt, tách rời họ, và họ bị tách rời với chúng tôi. Đến hai, ba năm sau chúng tôi mới bắt đầu viết thư được cho

thân nhân ở quê nhà. Và tin tức từ Việt Nam lúc đó lại càng làm cho chúng tôi đau buồn nhiều hơn. Chúng tôi biết đến những thái độ hằn học, thù oán. Chúng tôi nghe về tù tội, về trại cải tạo, về những áp bức. Và chúng tôi biết về những tình cảnh nghèo khó hậu chiến rơi xuống xứ sở, ụp lên đầu những người hãy còn sống tại đó.

Xin tha thứ cho tôi khi phải khơi lại những ký ức này. Nhưng tránh làm sao được? Có đau buồn, có đen tối mấy, chúng tôi cũng phải nhớ. Việc gìn giữ ký ức là một điều cần thiết, hoàn toàn cần thiết, nếu không vì lý do nào khác hơn điều đơn giản: chúng ta là những con người.

Khi nói chuyện với các bậc thân sinh của tôi, hay với bạn bè và đồng nghiệp của họ, tôi nhận ra rằng họ đang lo ngại thế hệ người Việt nhỏ tuổi bây giờ đang quên quá khứ. Rằng thế hệ nhỏ tuổi này đang phản bội những khổ đau, chịu đựng, hy sinh và nỗ lực của lớp người đi trước.

Có lúc tôi cũng ôm ấp một nỗi ái ngại như họ, nhưng tôi biết tôi có thể khẳng định với các bậc lớn tuổi rằng họ nên có niềm tin vào chúng tôi. Chúng tôi không quên quá khứ!

Với tư cách một người cầm bút, tôi thường gặp gỡ các sinh viên, những người vừa tốt nghiệp, những văn sĩ và nghệ sĩ trẻ tuổi, và tôi đoan chắc rằng họ không quên. Hơn thế nữa, họ đang tìm mọi cách để nhớ lại. Gần đây tôi nhận được một bức thư của một người Việt tuổi hai mươi. Sau khi đọc cuốn sách của tôi, cô có vẻ "ganh tị" vì tôi còn nhớ nhiều chuyện về Việt Nam. Và câu hỏi cô đặt ra là làm thế nào để yêu thương một quê hương mà cô không hề biết tới? Cô phải làm gì khi biết rằng một phần nào đó trong con người của cô thuộc vào hình ảnh Việt Nam, hình ảnh quê hương? Cuối cùng thì câu hỏi của cô là một câu hỏi tuy cổ điển nhưng vẫn gây xúc động: tôi biết nguồn cội của tôi ở đâu, nhưng làm cách nào để tôi có thể tìm về nguồn cội?

Tôi không trả lời được câu hỏi ấy. Nhưng điều này thì tôi biết rõ: việc nhớ lại những khổ đau và chịu đựng trong quá khứ chẳng thể nào làm què quặt chúng tôi được. Quá khứ không thể là hàng rào cản ngăn con đường đi đến tương lai. Phải chăng tôi đang đề nghị là mình nên chọn những gì tốt đẹp để nhớ? Chỉ nên nhớ những gì không ngăn cản bước tiến của chúng ta thôi chăng? Cũng có thể như vậy. Nhưng tôi vẫn tin rằng trong mỗi người chúng ta, ai cũng có khả năng và ý muốn vượt qua những dị biệt của quá khứ, tha thứ và trút bỏ hận thù, tị hiềm. Đó là con đường duy nhất để làm lành vết thương. Đó là giải pháp duy nhất, đó là sự lựa chọn duy nhất của chúng tôi.

Hãy cho phép tôi nhấn mạnh lại một lần nữa rằng tôi, cũng như nhiều người cùng thế hệ, cảm thông được những kinh nghiệm đớn đau

của lớp người đi trước. Chúng tôi hiểu rằng có những thái độ lưỡng lự trước sự lựa chọn đó. Nhưng đối mặt với sự lựa chọn đó là việc phải làm. Chúng ta phải quên hận thù, phải quên ganh ghét.

Làm công việc phiên dịch, tôi muốn ghi nhận những khổ đau của thế hệ những người Việt lớn tuổi hơn. Tôi đến với những nhà xuất bản, những biên tập viên đang thực hiện những cuốn tuyển tập văn chương Việt Nam, và tôi nói với họ rằng họ cần có một tầm nhìn bao quát. Tôi tranh đấu để tất cả những tiếng nói Việt Nam được vang lên. Bắc, Nam, già trẻ, ai cũng có một quá khứ, ai cũng có kinh nghiệm riêng tư. Phải nghe tiếng nói của mọi người, mọi phía. Nhưng muốn như vậy, phải có khả năng và ý chí lật qua trang sử.

Đó không phải là việc dễ làm, nhưng là việc phải làm.

Cách đây hai hôm, tôi có dịp nói chuyện với ông Vũ Văn Lộc, một nhân vật hoạt động lâu năm trong cộng đồng tại vùng San José. Ông là người có nhiều liên hệ với những hội đoàn trong cộng đồng chủ trương chống đối mọi liên hệ với Việt Nam. Trong cuộc đối thoại đó, ông nói rằng ông nhận thấy đã đến lúc ông và những người cùng thời chuyển giao qua vai giới trẻ những công việc mà ông đang thực hiện. Điều làm tôi cảm động nhất trong khi nói chuyện với ông chính là sự phân định mà ông đã nói lên. Tôi xin trích lời ông: "Bác muốn giao lại công việc và kinh nghiệm cho các cháu, nhưng bác không muốn bàn giao hận thù do một cuộc chiến tranh phân hoá gây ra."

Tôi rất tán thưởng thái độ đó. Ông Lộc đã nhấn mạnh rằng ông chỉ muốn làm thế nào để lớp trẻ chúng tôi có đủ thông tin, ông muốn rằng chúng tôi có kiến thức và học hỏi cho đầy đủ về quá khứ, nhưng sự hiểu biết đó phải là phương tiện hướng dẫn cho chúng tôi đi đến tương lai. Sự hiểu biết đó không thể làm cản trở bước tiến của chúng tôi. Việc nhớ đến quá khứ là một điều có tính cách rất là Việt Nam. Tôi cảm thấy an tâm hơn khi tôi biết về quá khứ. Biết quá khứ mới chấp nhận được quá khứ. Hơn nữa, khi tôi nói đến quá khứ, tôi muốn nói đến một quá khứ xa vời hơn cái quá khứ của hai mươi hoặc bốn mươi năm qua. Tôi nói đến một quá khứ bốn ngàn năm.

Tôi luôn luôn xúc động mỗi khi chứng kiến việc thắp hương trước bàn thờ. Người Việt chúng tôi vẫn tiếp tục thắp hương, cúng lễ ở Mỹ, ngay cả khi thân nhân của chúng tôi được chôn cất tại phía bên kia quả địa cầu. Chúng tôi đã mang những tập tục của chúng tôi sang Hoa Kỳ. Chúng tôi mang đến Hoa Kỳ quá khứ của chúng tôi, mang theo cả những sự hy sinh và những chiến thắng của tổ tiên. Tinh thần của họ hướng dẫn cho chúng tôi. Và những người đi trước, gần đây hơn, cũng đang hướng dẫn chúng tôi. Dưới con mắt của họ, chúng tôi có thể là

những đứa trẻ lạc lối. Nhưng điều không phủ nhận được là những người trẻ tuổi chúng tôi vẫn mang trong huyết quản nỗi sợ hải cùng niềm hy vọng của lớp người lớn tuổi hơn. Chúng tôi muốn tôn vinh họ.

Trong những dịp liên hệ với những người trẻ tuổi đang lên tiếng, bằng Việt ngữ hoặc Anh ngữ, trên mặt giấy hoặc trên *Internet*, tôi nhận thấy họ có ước muốn ghi nhận những kinh nghiệm của những người đã đi trước. Người Việt chúng tôi nói *Uống Nước Nhớ Nguồn*. Luôn luôn nhớ nguồn. It ra, tôi vẫn còn nhớ câu ngạn ngữ đó.

Bây giờ tôi xin đưa ra một thỉnh nguyện. Dưới nhãn quan nào đi nữa, khi nhìn về chúng tôi, xin hãy thấy trong con người chúng tôi một chút sắc thái "Mỹ." Nếu có một tinh thần chấp nhận định mệnh ở phần Việt Nam trong con người chúng tôi, thì ngược lại chúng tôi cũng có một tinh thần lạc quan rất Mỹ. Chúng tôi rất muốn tiến tới. Tôi tin rằng cái đam mê đó phần nào sẽ được tinh thần Khổng giáo và truyền thống văn hoá Việt Nam kềm chế. Nhưng dù vậy, chúng tôi vẫn sẽ tiến tới. Chúng tôi nhớ đến quá khứ, nhưng chúng tôi sẽ tiến tới.

Tôi mang ơn bố mẹ tôi đã dạy cho tôi bài học đó. Nếu quý vị biết về cuộc đời của bố tôi thì hẳn quý vị đã rõ bố tôi đã mất những năm tháng sung mãn nhất của một đời người trong ngục tù. Và mẹ tôi, một nhà giáo, có lúc đã phải bán bún trên lề đường để sinh nhai. Nhưng họ không cay đắng vì họ thấu hiểu cái nhu cầu muốn tìm về quê hương của tôi. Họ tin tưởng rằng tôi có khả năng phân biệt được điều nào có ích, điều nào không có lợi khi tôi nói tôi đang có những chương trình làm việc có dính dáng đến quê nhà. Họ tin rằng tôi biết cái gì làm được, cái gì không. Họ không sợ rằng tôi đang quên kinh nghiệm của họ khi tôi nhìn về Việt Nam. Họ biết tôi không quên quá khứ khi tôi nhắm đến tương lai.

Một trong những điều gây cho tôi hứng khởi nhất khi sinh hoạt với nhóm bạn văn người Việt trẻ tuổi, Mực & Máu, chính là sự hoà hợp giữa quá khứ và mục tiêu cho tương lai. Tương lai đó không phải là một nơi dễ dãi cho chúng tôi. Hoa Kỳ vẫn còn là một nơi có rất nhiều sự kỳ thị chủng tộc. Chúng tôi biết chúng tôi còn cần tiếp tục những cuộc đấu tranh của những nhóm di dân khác để giành được sự chấp nhận. Những nhóm di dân như người Ái Nhĩ Lan, người Nhật, người Hoa... chẳng hạn Chúng tôi không thể để cho có một đạo luật ngăn cấm di dân xảy ra một lần nữa. Tôi không chắc rằng điều đó sẽ không xảy ra. Có thể sự kỳ thị sẽ được ngụy trang dưới những dạng thức khác. Và chung quanh chúng ta đây, sự kỳ thị đó vẫn đang bừng dậy. Ngoài việc chống kỳ thị, chúng tôi còn có nhiều công việc khác phải làm. Dưới mắt những người Việt trẻ tuổi chúng tôi, kinh tế và văn hoá của cộng đồng Việt vẫn chưa vững

chải. Và khi nhìn về quê hương, chúng tôi nhận thấy còn quá nhiều việc phải làm. Chúng tôi sẽ đương đầu với những công việc đó. Chúng tôi sẽ tìm biết chúng tôi cần làm những gì, chúng tôi giúp như thế nào cho được việc.

Tôi e rằng đến giờ quý vị sẽ đặt câu hỏi: vậy lòng trung thành của anh đặt ở đâu? Tôi là một người Mỹ gốc Việt, vậy nghị lực của tôi sẽ đành cho xứ sở nào? Tôi nói nhiều đến quê hương tôi. Ý niệm "thuộc về" quê hương đó, có rõ rệt một tinh thần trung thành với nơi mình sinh ra. Nó đặt căn bản trên lãnh thổ và huyết thống. Ở Mỹ, người ta thường nhắc đến ý niệm xứ sở và quốc gia. Ở Việt Nam, chúng tôi nói đến tổ quốc, làng mạc, đình chùa, và quê hương. Tại Mỹ, chúng ta nói đến việc làm và thành quả. Tại Việt Nam, chúng tôi nói đến quan hệ cộng đồng và tình gia đình.

Xin đừng đặt câu hỏi về cá nhân hoặc thế hệ chúng tôi. Bốn ngàn năm lịch sử đang sống còn trong thâm tâm chúng tôi. Bởi vì vậy mà tôi nói rằng hãy giữ vững niềm tin nơi chúng tôi. Chúng tôi trung thành với lịch sử, với kinh nghiệm tổ tiên, và gần gũi hơn, với cha ông chúng tôi. Là người Việt Nam, chúng tôi luôn luôn hướng về quê hương.

Và chúng tôi cũng sẽ trung thành với nước Mỹ. Nước Mỹ là nơi chúng tôi đã học được một số giá trị mới và những phương thức mới để tiến đến tương lai. Chúng tôi đã học được những thái độ mới, chúng tôi có tự tin vì nước Mỹ đã dành cho chúng tôi nhiều cơ hội. Và vì đó chúng tôi sẽ làm những gì lớp di dân trước đã làm. Chúng tôi sẽ gầy dựng lại nước Mỹ. Chúng tôi sẽ xây lại nền móng cho "Giấc Mơ Mỹ." Khi gầy dựng lại nước Mỹ bằng sự hiện diện và tinh thần di dân của chúng tôi, bằng những gì chúng tôi cho là lý tưởng tột đỉnh nhất, chúng tôi sẽ mang lại cho nước Mỹ một số giá trị mà tôi cho là đã gần như phai mòn rồi. Nếu quý vị biết tôi, quý vị sẽ biết rằng tôi bất bình với giới bảo thủ cực đoan thường cho rằng những người di dân mang đến Mỹ những giá trị ngoại lai. Tôi tin rằng người Việt chúng tôi mang đến cho nước Mỹ một tinh thần cộng đồng cùng với một trật tự xã hội vững chắc hơn. Tôi chỉ mong rằng những giá trị đạo Khổng, tinh thần trọng nể người lớn và các giáo chức, tinh thần hy sinh cho cộng đồng đặt bên trên chủ nghĩa cá nhân của chúng tôi, sẽ có cơ bừng nở tại đây. Ngoài những điều trên đây, tôi còn xin khẳng định điều này: chúng tôi sẽ đấu tranh để mọi cánh cửa được mở rộng tại Hoa Kỳ, bởi vì những cánh cửa đó đã từng được mở rộng để chào đón chúng tôi.

Bây giờ nếu quý vị hỏi tôi có gì muốn nói với những người Việt thuộc thế hệ trẻ hơn tôi, tôi sẽ góp ý như sau: quý anh chị em đã có được nhiều cơ may và nhiều sự lựa chọn. Nhiều hơn những gì tôi nhận được

khi tôi đến Hoa Kỳ. Mà lại còn nhiều hơn gấp bội so với những gì bố mẹ của tôi đã nhận được. Những ký ức đớn đau về chiến tranh, tù tội, hận thù, áp bức cũng sẽ còn lỡn vỡn trong trí nhớ của quý anh chị. Nhưng những điều đó còn đè nặng hơn nữa trong thâm tâm lớp người đàn anh của chúng ta. Cái buồn đau, tức bực của lớp người đi trước còn sâu đậm hơn nhiều. Đối với họ chiến tranh và hậu quả của nó là một động lực hầu như là động lực ngăn cản họ trở về quê hương. Sự thù nghịch vẫn còn quá sâu đậm. Đối với những người thuộc thế hệ của tôi, và của quý anh chị, chúng ta không có một sự lựa chọn nào khác ngoài việc nhìn nhận rằng chúng ta có một vai trò cần phải hoàn tất cho dù đã có những dấu vết đau thương đi kèm theo bước chân của chúng ta khi chúng ta rời bỏ quê nhà và đến Hoa Kỳ. Tôi tin rằng lúc nào cũng là lúc để hàn gắn vết thương. Tôi sẽ luôn luôn yêu mến quê hương, và tại nơi thâm sâu nhất trong tim, tôi vẫn sẽ luôn luôn là người Việt Nam. Nhưng trái tim đó cũng đòi hỏi tôi trở thành một người Mỹ tốt. Tôi mang ơn nước Mỹ về những cơ may tôi đã có được ở đây. Tôi hy vọng quý anh chị cũng sẽ thế. Quý anh chị phải như thế. Và bởi vì quý anh chị đã nhận được nhiều cơ may hơn, tôi muốn ghi nhận nơi quý anh chị những khả năng và hiểu biết mà tôi không có.

Tôi xin quý anh chị chung bước với tôi, tiến đến tương lai chung của chúng ta. Hãy chung bước với tôi, như tôi đã đi dưới bóng các bậc đàn anh trong hai mươi năm qua. Tôi hy vọng rằng quý anh chị biết tôi đã bị dằn vặt trong chỗ đứng của một nhà văn, của một người Việt Nam, một người Mỹ, bởi vì tôi vẫn nhớ tới cái kinh nghiệm của những người thuộc thế hệ của bố mẹ tôi, của những người đã biểu tình chống đối hôm vừa qua. Tôi không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc tin vào câu chuyện của họ. Tôi cũng đã buồn khi phải chịu sự sự o ép của cộng đồng. Nhưng tôi vẫn luôn luôn nhớ tới kinh nghiệm của họ, tới sự phẫn uất và cay đắng của họ. Tôi hiểu những năm tù tội của họ, những năm đói khổ của họ. Tôi đã từng chung sống và làm việc với họ trong các trại tị nạn, và tôi đã chứng kiến quyết tâm của họ làm lại cuộc đời sau một chuyến vượt biên, hoặc khi nằm lăn lóc trong những căn nhà nóng nung dưới ánh mặt trời xích đạo mà không hề biết tương lai rồi sẽ về đâu.

Tôi mong rằng trong bất cứ công việc gì quý anh chị làm, tại đây hay tại quê hương, bây giờ hay trong tương lai, xin hãy tôn trọng và tôn vinh họ. Nếu trong lòng quý anh chị không có sự cay đắng, thì hẳn phải sẵn sàng để làm được những gì có ích. Để nhớ rằng chúng ta thuộc vào một cộng đồng. Cộng đồng đó có bốn ngàn năm. Cộng đồng đó đặt nguồn cội tại Việt Nam, và bây giờ có cả mối dây sang đến những bến bờ bên này. Cái liên hệ đó, từ Việt Nam sang Mỹ, bắt đầu từ một cuộc chiến.

Nợ
HỒ MINH DŨNG

Rừng cây, ta nợ, vài chiếc lá
nằm đợi bao năm ngựa vía về
lục lạc rung khan triền núi lở
bờm rụng, vó cùn - hết thời hề

Lọng người che đồi hoang kín mít
co ro mình ta vạch lá nhìn trời
mối nhớ năm xưa mượn em sợi tóc
tưởng ngàn thu xanh, nay bạc trắng rồi.

Hoàng hôn, ta nợ, vầng mây úa
níu đuôi hạc bay hành hiệp góc đời
ánh trăng ngày ấy, lời thề ấy
trấn nước với ta đuối giữa đìa người.

Đêm đêm, thao thức, chờ gõ cửa
chẳng còn ai đến đòi nợ về
còng lưng gánh, một mình, khấp khởi
chạy quanh co - đời quanh co hề.

Đó là điều đáng buồn. Nhưng bây giờ đã đến lúc quý anh chị biến cái liên hệ đó thành một tình thân hữu nghị.

Quý anh chị đang chứng kiến một trang sử đang được lật qua. Hãy chung bước với tôi, và với những thế hệ người Mỹ gốc Việt tương lai, để tạo dựng cho chúng ta một cộng đồng mạnh mẽ hơn tại Mỹ. Cộng đồng đó không thể nào không vững mạnh được bởi vì cộng đồng đó có bốn ngàn năm lịch sử ở sau lưng. Hãy hãnh diện vì những nông dân, những vị vua, những học giả đã thuộc vào trong lịch sử đó. Và sau hai mươi năm ở đây, quý anh chị cũng thuộc vào nơi đây nữa. Hãy hãnh diện vì lịch sử nước Mỹ.

Hãy đưa cho tôi đi xa khỏi chiến tranh, đi quá việc hàn gắn. Hãy đưa tôi về một tương lai vững mạnh, đáng hãnh diện.❐

Ở Một Nơi Nào

Bùi Vĩnh Phúc

Ở Một Nơi Nào là tên một tuyển tập văn chương (phải, nếu nó được nhìn từ một góc độ nào đó) hết sức đặc sắc, được viết bởi những cây bút không chuyên nghiệp. Nhưng chính tính chất không chuyên nghiệp này, cộng với hoàn cảnh đặc thù qua đó những bài văn ấy được viết ra, đã là lý do chính đưa đến sự đặc sắc kia.

Đây là những bài văn đã được gìn giữ và ấp ủ thương yêu trong tấm lòng và trong trái tim của những con người Việt Nam, thuộc nhiều lứa tuổi, nhiều thành phần xã hội, đến từ những vùng đất khác nhau của quê nhà, với những hoàn cảnh sống khác biệt, những kinh nghiệm sống khác biệt, những kỷ niệm về quê hương khác biệt. Chúng đã được ấp ủ thương yêu trong lòng và trong trái tim của những con người Việt Nam như thế, những con người sống giữa đời thường, cảm nhận và rung động trước những tình huống, những vẻ đẹp và những nỗi đau đời, bằng những tình cảm chân thật và nguyên chất của mình.

Cuốn sách được in lần đầu vào năm 1994 (với số lượng bài vở chỉ bằng một phần ba số lượng bài vở mà nó hiện có), phổ biến rất hạn chế—chỉ khoảng hai trăm cuốn—trong chủ ý của tôi như là một giáo trình đại học được dùng trong khuôn khổ học đường. Nó là một trong những tài liệu cần thiết và bắt buộc cho những sinh viên ghi danh học hai lớp *Vietnamese 280* và *285* do tôi phụ trách giảng dạy tại *Golden West College* miền Nam tiểu bang California. Dù sao, theo sự cho biết của nhiều sinh viên và các người quen của tôi, nó đã được gửi đi cho các bạn bè và người thân của họ trên nhiều tiểu bang khác nhau dưới dạng là những tập sách nguyên thủy, hay chỉ là những phóng bản. Ngoài ra, có những trường hợp một số người thân của các sinh viên từ các tiểu bang ở xa về thăm con cháu hay bạn bè, đọc được cuốn sách, đã xin lại để mang đi. Kết quả là một số sinh viên phải làm phóng bản lại cuốn sách ấy cho riêng mình để có tài liệu học tập. Nhiều bài trong cuốn sách, sau đó, lại được một số cơ quan truyền thông—gồm một số báo chí và đài phát thanh—xin phép phổ biến. Những bài văn, với những tâm tình thiết tha về kỷ niệm, về

quê hương, chia sẻ với người đọc những cảm xúc thật chân thực và những kinh nghiệm hết sức máu thịt của những người viết ra chúng, đã làm rất nhiều độc giả và thính giả cảm động. Lời yêu cầu và mong mỏi cuốn sách được cho phổ biến rộng rãi được lập đi lập lại từ nhiều giới, qua sự cho biết của những vị làm trên Đài phát thanh cũng như ở các cơ quan truyền thông khác. Và, bây giờ, qua nhiều cố gắng, cuốn sách được gửi đến tay người đọc khắp nơi, với số lượng phong phú của các bài văn, như một sự chia sẻ, đóng góp của những người viết vào cái kinh nghiệm sống làm người Việt Nam trên những vùng đất ở bên ngoài quê hương. Đó là một tấu khúc thật đẹp đẽ và nhiều màu sắc về quê hương, về kỷ niệm—buồn đau cũng như hạnh phúc—và về sức sống chan chứa, đẹp tươi và mãnh liệt của con người Việt nói chung.

Khi bắt đầu chấp nhận hướng dẫn hai lớp học vừa nói—*Vietnamese 280* và *285*—tôi coi hai lớp này là hai lớp Trung cấp về tiếng Việt, với học trình của lớp sau nghiêng nặng về trình độ cao cấp qua phần hướng dẫn, thảo luận, bài kiểm tại lớp, cũng như qua các bài làm ở nhà—đặc biệt là qua các bài luận và ngữ pháp. Phần *Ngữ Pháp* tôi tự soạn lấy, dựa theo những hiểu biết và tiến bộ của ngành Ngôn Ngữ Học hiện đại. Phần *Giảng Văn*, tôi chọn một số thơ văn tiền chiến cũng như thơ văn của các tác giả miền Nam Việt Nam trong khoảng từ 1954 trở đi, kể cả một số thơ và truyện của các tác giả đang sống ngoài nước, trong dòng văn học hải ngoại của hai mươi năm qua. Phần *Thảo luận* trong lớp (đặc biệt dành cho lớp cấp cao) xoay quanh những vấn đề liên hệ đến đời sống, phong cách sống và các khía cạnh văn hóa, ngôn ngữ của người Việt trong nước, trước và sau thời điểm 1975, cũng như của người Việt đang sống ngoài nước. Phần *Luận*, tôi yêu cầu sinh viên viết về một số đề tài liên quan đến kinh nghiệm sống của họ, bao gồm cả quãng thời gian họ đã sống trong nước cũng như khoảng thời gian họ ra sống ở nước ngoài. Chính những thảo luận, và đặc biệt những đề luận này, đã là một thứ đất đai tốt, mang chứa trong chúng những sự nghiệm sinh nóng hổi cũng như những giấc mơ, những kỷ niệm ngọt ngào, thiết tha và đằm thắm nhất mà những con người Việt Nam xa quê đã cùng mang theo với họ. Tôi sẽ nói nhiều hơn về điểm này ở một đoạn sau, vì nó chính là lý do đẹp đẽ cho sự có mặt của quyển sách này.

Hai lớp học là hai lớp về Ngôn Ngữ Việt Nam. Dĩ nhiên, học về một ngôn ngữ không phải chỉ là học một số những câu nói vô hồn, những văn bản phi tính, những lớp da và những lớp vỏ đã bị tước, bị lột khỏi cái nhân, cái lõi văn hóa đầy chất bổ dưỡng và sống động của cái ngôn ngữ ấy. Học một ngôn ngữ tức là học hỏi, tìm biết thêm về chính cái dòng văn hóa sống động và đặc thù đã làm phát sinh ra cái ngôn ngữ mà ta

tìm đến. Trong hướng làm việc của tôi với hai lớp này, tôi còn đi xa hơn trong việc chia sẻ với sinh viên những khía cạnh văn hóa cần thiết của bài học. Tôi cố tình đào sâu hơn nữa vào các khía cạnh văn hóa của dân tộc Việt Nam để, từ đó, làm bật lên cái tiếng nói cũng như sự suy nghĩ, lối sống, phong cách sống, và quá trình lịch sử của dân tộc Việt. Phương pháp được sử dụng chủ yếu là phương pháp của các ngành khoa học xã hội và nhân văn, trong đó ngôn ngữ học, xã hội học và tâm lý học là những mặt nổi bật. Bởi thế, trong bản chất, những lớp này là những lớp học về *ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam*.

Từ bảy năm trước, ngay từ những lớp đầu tiên, tôi đã nhận thấy một điểm đặc biệt này: thành phần tham dự lớp rất đa dạng và đặc sắc. Ngoài một số người ngoại quốc, đa số là người Mỹ, có những kinh nghiệm đặc biệt với người Việt Nam và ngôn ngữ, văn hóa Việt Nam—những người này thường là giáo sư dạy ESL (Anh ngữ như một sinh ngữ hai) ở một số đại học trong vùng, những nhà truyền giáo, những cán sự xã hội đã có trên dưới mười năm làm việc với cộng đồng người Việt, và những người sắp hoặc đã vào làm rể hay làm dâu của một gia đình người Việt, nên, nói chung, trình độ nghe, nói, và, trong một số trường hợp, ngay cả viết của họ, rất khá—số còn lại là người Việt Nam, dĩ nhiên. Nhưng những con người Việt Nam này lại rất khác nhau từ nhiều góc độ nhìn.

Về tuổi tác và phái tính: Nếu có những người trên dưới hai mươi tuổi, thì cũng có những người trên dưới sáu, bảy mươi. Và dĩ nhiên, ở giữa hai biên độ đó là tuổi của số đông sinh viên. Hai mươi mấy, ba mươi mấy, bốn mươi mấy... Mỗi lớp có trên dưới bốn mươi sinh viên; mỗi mùa có hai lớp. Sự chênh lệch của số lượng nam nữ sinh viên không là một yếu tố nổi bật.

Về kinh nghiệm sống: Đây là cả một sự khác biệt về chất cũng như về lượng. Về lượng, dĩ nhiên, người có tuổi hơn thì thường là có sự nghiệm sinh rộng và lớn hơn, có nhiều kinh nghiệm... xương máu hơn. Nhưng về chất, không nhất thiết người cao tuổi phải có sự hiểu biết hơn người trẻ tuổi, hoặc phải có kinh nghiệm chính xác hơn. Có lẽ chúng ta nên nói là kinh nghiệm của họ khác nhau, và thái độ của họ đối với những kinh nghiệm ấy cũng khác nhau nữa. Và chính sự khác nhau trong thái độ đối với những kinh nghiệm (có thể có những nét) giống nhau này của họ mới là điều làm cho họ thật sự khác biệt. Nhưng chính sự khác biệt này đã chỉ lại càng làm cho những thảo luận, trao đổi trong lớp trở nên hữu ích hơn và đầy tính cảm thông, học hỏi. Tất cả chúng tôi đều học hỏi lẫn nhau. Và bàng bạc trong những cuộc thảo luận, trao đổi là một bầu không khí Việt Nam đầy tình tự dân tộc. Những người trẻ lắng nghe và đón nhận ý kiến của những người lớn tuổi mà họ vẫn gọi bằng cô, bằng chú,

bằng bác... Họ đón nhận, chia sẻ và lên tiếng đóng góp trong sự kính trọng những bậc trưởng thượng cũng như trong niềm tự tín của họ. Những người lớn tuổi, trở lại với không khí học đường—lại là học đường Mỹ—nên cũng tiếp nhận và thể hiện được tinh thần dân chủ trong cung cách trao đổi của mình. Họ từ tốn, nghiêm trang và vui vẻ trong những đóng góp, không có tính cách bảo thủ hay áp đặt những suy nghĩ, thái độ của mình trên người khác, mà cũng không tỏ vẻ gì là tức giận hay tự ti trước sự hiểu biết—và nhiều khi cả sự khác biệt—của lớp thanh niên thuộc hàng con cháu mình bây giờ. Chính cái văn hóa đẹp đẽ của con người Việt Nam, được tìm thấy trong một khung cảnh học hỏi như thế, cũng như chính tinh thần dân chủ mà chúng ta học được từ con người và đất nước này, đã đưa đến một khung cảnh học tập hết sức tốt đẹp vừa nói. Khung cảnh ấy cũng đã là một yếu tố thật đẹp và tốt, đóng góp cho sự thành hình của tuyển tập này.

Về gốc miền: Các sinh viên đến từ khắp các miền của đất nước. Có thể nói trong bảy năm qua, tôi đã gặp những sinh viên có những gốc rễ địa lý rất khác nhau. Điều đó được thể hiện một cách khá rõ trong tuyển tập này. Chính vì sự kiện đặc biệt trên, cùng với sự đặc thù về biên độ tuổi tác và kinh nghiệm sống của khối sinh viên, trong tiến trình hướng dẫn và chia sẻ những hiểu biết về ngôn ngữ và văn hóa của mình trong lớp, tôi cũng đã có cơ hội được học hỏi rất nhiều từ chính những người sinh viên của mình, những người sinh viên mà trong tâm hồn của họ mang đầy những chứng tích và dấu ấn của quê hương.

Về thành phần xã hội: Những sinh viên trong hai lớp học vừa nói mang trong mình những kinh nghiệm, lối sống và sự suy nghĩ của rất nhiều thành phần xã hội dị biệt. Họ có những gốc rễ về tinh thần rất khác nhau. Có những người gần như đã được lớn lên ở Mỹ, có những người mới sang Mỹ được một vài năm. Có những người đã ở Mỹ trên dưới mười năm. Có những người đã ở Mỹ khoảng mười lăm, mười bảy năm. Ở Việt Nam, họ đã sống những cuộc sống hết sức trái ngược nhau. Có những người chỉ là học sinh, sinh viên. Có những người ở trong quân đội. Những người khác là thương gia, là người nội trợ, là người tu hành, là những người sống bên lề xã hội... Có những người là giáo sư, trung học và đại học. Có những người có bằng chuyên môn và đã hành nghề tại Việt Nam. Có những người là công chức thuộc nhiều đẳng cấp và nhiều ngành khác biệt trong guồng máy của Việt Nam Cộng Hòa ngày cũ... Họ đã sống một cuộc sống ở tỉnh thành hay ở nơi đồng ruộng, ngư trường. Họ có thể có những kinh nghiệm của cuộc sống xã hội và chính trị trước và sau 1975, và họ cũng có thể chỉ là những con người được lớn lên sau thời điểm này mặc dù đã được sinh ra từ mấy năm trước đó.

Nhiều sinh viên đang theo học năm thứ nhất và năm thứ hai đại học, với chủ ý là sau đó sẽ tiếp tục chương trình đại học bốn năm. Hơn nữa, có những người còn có dự định đi xa hơn. Một số sinh viên của những lớp này sáu, bảy năm trước, bây giờ, đã thành công trong những học trình dài hạn như thế.

Tất cả những thành phần sinh viên đó, cộng với các sinh viên không phải là người Việt (và thành phần sinh viên này thường chỉ có thể tham dự những lớp thấp), tạo nên một mẫu dân số rất đặc thù. Những tiếng nói cũng như tâm tình của họ, vì thế, có một khẩu độ rất lớn. Xét về mặt hướng dẫn chung, điều này, ở một số khía cạnh nào đó, tạo sự khó khăn cho người phụ trách lớp. Từ đó, đưa đến việc phương pháp giảng dạy phải có sự uyển chuyển; đặc biệt, thường có sự nâng cấp về trình độ và hướng thảo luận đối với lớp cao. Tuy có sự khó khăn trong việc giảng dạy, hướng dẫn như thế, nhưng, từ góc độ nghiên cứu xã hội, sự đa dạng này của sinh viên lại tạo nên một mẫu dân số hết sức lý tưởng, giúp cho việc tìm hiểu, phản ánh những mặt văn hóa của một tập thể người, trong một khung thời gian nhất định, có những nét thật đa dạng và hết sức sinh động.

Tại sao lại có một tập thể sinh viên đặc thù và đa dạng như thế trong những lớp học như vừa nói trên một đại học Mỹ?

Đây là một nét đặc thù, khu biệt đặc tính và lối sống cùng những nét nổi bật khác của người Việt tại tiểu bang California, đặc biệt vùng Orange County, nơi thường được người Việt Nam ở đây yêu mến gọi là Quận Cam.

Ta có thể khẳng định rằng Hoa Kỳ là nơi tập trung số người tỵ nạn Việt Nam ngoài nước cao nhất trên thế giới. California là nơi tập trung người tỵ nạn cao nhất nước Mỹ (thứ nhì là Texas, nhưng sự sai biệt về dân số tỵ nạn Việt giữa hai vùng nhất và nhì này rất lớn). Trong tiểu bang California, Orange County là nơi có dung lượng người tỵ nạn Việt cao nhất. Chính bởi những lẽ đó, đây là nơi tập trung nhiều "mẫu" tỵ nạn đặc thù nhất. Những "mẫu" sống này, một cách nào đó, đã tự thể hiện trong khung cảnh của hai lớp học vừa nói. Quyển sách phản ánh một cách khá rõ nét sự đa dạng ấy.

Chính biên độ mở rộng trên các mặt khác nhau, như tôi đã thử phân tích ở trên, đã dẫn đến một khung cảnh và một phong cách học tập khá đặc thù mà kết quả là tuyển tập văn chương này. Dù phương pháp hướng dẫn của tôi ở cả hai lớp, nói chung, khá giống nhau, đối với lớp cao, tôi đặc biệt khuyến khích sự tự do và sáng tạo trong học tập, đặc biệt trong thảo luận và trong việc trình bày các bài luận. Trong lớp này, đa số những người tham dự có một trình độ hiểu biết tiếng Việt và văn hóa Việt khá

cao. Ngoài những sinh viên trẻ, thường là những người giỏi Việt văn, những người lớn tuổi, với kinh nghiệm bốn, năm, sáu, bảy chục năm làm người Việt, họ đã có những đóng góp thật tốt cho việc học tập chung trong lớp.

Tuyển tập này là tâm tình, suy nghĩ, ước vọng, kỷ niệm, buồn đau và hạnh phúc, được ghi xuống một cách hết sức chân thật, của nhiều sinh viên đã theo học tôi trong khoảng bảy năm vừa qua. Ngay từ khi nhận hướng dẫn những lớp này, tôi đã manh nha trong đầu mình ý tưởng thực hiện một tuyển tập như thế. Càng ngày, số lượng người Việt tỵ nạn đổ đến Orange County càng nhiều, tính đa dạng và phong phú trong các "mẫu dân số" mà tôi có được trong các lớp học của mình ngày một gia tăng, những bài luận càng ngày càng hay, phản ánh được một cách rất rõ nét những kinh nghiệm sống và làm người Việt của các sinh viên trong một cung cách rất đặc thù. Có lẽ ngoài Việt Nam, chỉ có California và Quận Cam mới có thể cho chúng ta cơ hội thu góp những thiết tha chân thực ấy (mà chưa chắc ở Việt Nam người ta có thể có được những sản phẩm tim óc thiết tha và đẹp đẽ như thế này, bởi lẽ, ở đó, chúng ta không có nhu cầu viết ra những điều vừa nói, và hoàn cảnh xã hội ở đó cũng khác để có thể phản ánh những suy nghĩ, những tâm tình, những kỷ niệm chứa đựng trong tuyển tập này). Cho đến nay, theo chỗ tôi biết, vì những yếu tố đặc thù của Quận Cam liên hệ đến sự tập trung của người Việt, chưa có một đại học nào trên nước Mỹ có được những lớp học về ngôn ngữ và văn hóa Việt với thành phần tham dự đa dạng như trong hai lớp học mà chúng ta đã bàn. Và vai trò cũng như vị trí của tôi đã cho phép tôi thực hiện được sự thu góp mà tôi nghĩ là tốt đẹp này.

Tôi đã làm công việc thu góp như thế trong vòng trên dưới bảy năm. Và, trước khi tuyển tập này được thành hình, tôi đã bỏ ra khoảng sáu tháng để làm công việc tuyển, chọn, và sửa chữa kỹ những bài văn ấy. Đó là một kinh nghiệm, xét trên một khía cạnh nào đó, khá mệt nhọc về tâm trí và tốn rất nhiều thời giờ. Tuy nhiên, xét trên một mặt khác, đó cũng là một công việc đem lại cho tôi thật nhiều hạnh phúc. Sau khi đọc lại những bài luận mà tôi có trong tay, cho lần in này, tôi lọc lại một lần nữa và xếp loại chúng theo thể tài. Tôi xem xét lại rồi lọc lại một lần nữa. Cuối cùng, tôi giữ lại khoảng trên chín chục bài, vừa *Luận* vừa *Tuần ký* (xin xem thêm bài hướng dẫn và mục đích viết Tuần ký để chia sẻ khái niệm và ý nghĩa của loạt bài này ở đầu phần Tuần ký).

Tôi đã ngồi tỉ mỉ sửa chữa những bài viết ấy. Tiêu chuẩn chọn lựa của tôi là bài viết, trước hết, phải có được những chất liệu tốt. Về tâm tình, về kinh nghiệm, về cách nhìn đời sống... Sau đó, về cách diễn đạt. Bài viết phải đạt được một tiêu chuẩn tối thiểu nào đó để tránh cho tôi,

người làm việc trên "những chất liệu" ấy, mất quá nhiều thời giờ. Dù sao, trong một số những trường hợp đặc biệt, nếu về mặt diễn tả, vì những hoàn cảnh đặc thù trong sự lớn lên và sinh sống của những tác giả bài văn, hay do những khó khăn đưa đến vì lý do tuổi tác, có những bài văn chưa thỏa mãn được yêu cầu về mặt diễn ý, nhưng lại quá giàu có và đặc thù về phần "chất liệu", tôi cũng chọn chúng và làm công việc sửa chữa cần thiết của người soạn quyển sách. Tôi cố gắng giữ cho tất cả các bài văn, dù được sửa nhiều hay sửa ít, có được cái giọng nói nguyên thủy và thật sự của chính người viết. Trong khoảng trên dưới sáu tháng, vì kỹ thuật sửa chữa cũng như in ấn đòi hỏi, tôi đã phải đọc đi đọc lại khá nhiều lần những bài văn trong tuyển tập này. Không lần nào đọc lại chúng mà tôi không thấy hạnh phúc. Đó là những bài văn chân thật và đẹp. Chúng đẹp ngay cả khi chúng nhắc lại những nỗi khổ niềm đau trong đời của những người viết ra chúng. Chính sự chân thành ấy kéo chúng ta lại gần với chúng và với những con người thật sự, đã lớn lên, đã kinh nghiệm, và đã sống ở đời như một con người—đặc biệt một con người Việt Nam, với thật nhiều hạnh phúc yêu thương trộn lẫn với chứa chan những giọt nước mắt.

Tựa đề *Ở Một Nơi Nào*, dùng cho tuyển tập này, cũng là tựa đề của một bài văn trong tuyển tập. Đối với bài văn ấy, nó có một ý nghĩa (giới hạn) nào đó trong bối cảnh của câu truyện và trong tâm tình của tác giả bài văn. Nhưng, dùng cũng tựa đề đó để đặt tên cho toàn tuyển tập, tôi muốn nói rằng, dù là sống ở bất cứ một nơi nào—trên quê hương yêu dấu và khốn khó những ngày xưa, hay trên một vùng đất lạ bây giờ—trái tim của những người viết vẫn luôn đập một nhịp đập thiết tha, đằm thắm của quê hương. Cái tâm thế viết của mỗi tác giả trong tuyển tập này là cái tâm thế của một con người luôn gắn bó với những kỷ niệm và giá trị tinh thần đẹp đẽ mà quê hương đã để lại ở trong lòng họ. Ở trong lòng mỗi một chúng ta. Dù là viết về đề tài nào, đó vẫn là một tâm thế chung. Một tâm thế đáng trân trọng.

Là một người làm công việc lý luận và phê bình văn học suốt mười năm qua, có dịp theo dõi diện mạo của dòng văn học Việt ngoài nước, và, có những khi, được nghe những tiếng báo động đầy lo lắng về viễn tượng của một nền văn học thiếu người đọc, hay không có người tiếp nối, thỉnh thoảng, tôi cũng cảm thấy lo ngại cho một viễn tượng không được tươi đẹp ấy của dòng văn học Việt. Nhưng sự có mặt của các lớp tiếng Việt và văn hóa Việt Nam nói chung, ở khá nhiều nơi trên nước Mỹ, và sự hiện diện của những người sinh viên trong lớp tôi nói riêng, trong bảy năm qua, cùng với những chia sẻ và đóng góp đáng quí của họ, qua sự thảo luận giữa lớp, hay qua những bài viết, những chia sẻ của

họ trên trang giấy, với một chất lượng cao, tôi vui mừng và tin tưởng rằng dòng văn hóa Việt sẽ được tiếp tục gìn giữ và trao truyền cho những thế hệ đi sau. Cũng thế, dòng văn chương Việt ngoài nước sẽ được tiếp tục vun xới . Và những mùa hoa ngát hương sẽ lại tiếp tục nở rộ trong những tháng ngày trước mắt.

Để kết, tôi xin được nói lại một lần nữa: *đây là những bài văn đẹp, chân thật và thiết tha, được ấp ủ, yêu thương và gìn giữ trong trái tim của những người Việt Nam xa xứ. Chúng phản ánh bao cảnh đời, bao cuộc sống, bao kỷ niệm, bao mất mát, bao xót xa, bao đau thương chia lìa và bao trùng phùng hạnh phúc của những con người sống giữa đời thường. Đó là một chiếc cầu vồng lung linh nhiều màu sắc của hạnh phúc lẫn khổ đau, hiện tại và quá khứ, nước mắt chan tiếng cười. Nó phản ánh bao vùng trời vùng đất quê hương với những kỷ niệm ngọt ngào và đằm thắm, những phong tục lễ thói đáng yêu đáng quý của dân tộc. Chúng vẽ ra hình ảnh những dòng sông và những con đò chở trăng của những điệu hò mái nhì mái đẩy; những đồng lúa con gái đòng đòng đuổi bắt mặt trời trong những buổi chiều vàng nắng quê hương; những ngày Tết ngày giỗ rộn vui tiếng cười giọng nói của anh em bà con thân thuộc; những địa danh với những cảnh thổ và những lối sống khác biệt, trên những vùng quê hương mà mặt trời đỏ chói mỗi buổi mai lên, hay đằm đằm bóng ngọc những đêm trăng tỏ; những mùi hương cau hương bưởi và hương đồng lúa ngan ngát thoảng bay; những tiếng mưa rơi nhạt nhòa trong khu xóm nhỏ, tiếng đàn thức giấc nửa khuya, một câu hò thôn vắng, tiếng chèo nước đầm trăng, mùi pháo Tết, mùi chinh chiến gió sương, tiếng đạn bom ầm ì và những ngôi nhà, những xác người bị xé toang vì bom đạn.*

Những bài văn ấy cũng phản ánh một cách thiết tha những kinh nghiệm, những suy nghĩ, những đụng xây và bao niềm đau nỗi buồn của người ty nạn trên một quê hương mới. Chúng phản ánh cái sinh hoạt của đời sống hằng ngày, những cái sống cái chết cái buồn cái vui cái khổ đau cái hạnh phúc còn con giữa đời thường nhưng lại chứa đựng thật nhiều ý nghĩa. Khuôn mặt xã hội của tập thể người Việt ty nạn—đặc biệt của tập thể người Việt ty nạn sống nơi Quận Cam, California—được ghi lại một cách thật trung thực và rõ nét, với những vui buồn khắc khoải lo âu hồn nhiên chín chắn rạng rỡ thâm sầu... của biết bao con người. Tất cả là một niềm đau và một nỗi hạnh phúc ngậm ngùi trong trái tim ta, trái tim của những kẻ lữ thứ. Nó là những giọt nước mắt chan về sóng sánh ngập lòng, đồng thời cũng là một ngọn lửa hắt hiu cứ còn đỏ ngọn trong một góc thâm nghiêm tịch mịch nào đó nơi cõi lòng của mỗi con người chân chất Việt Nam.

Thay mặt cho các tác giả có bài trong tuyển tập, tôi xin trân trọng và thiết tha trao tặng nó cho tất cả những người Việt Nam sống ở khắp nơi trên thế giới mà tấm lòng cứ còn bập bùng mãi những ngọn lửa tình quê.

Đọc tập truyện *Vết xước đầu đời* của Trần Doãn Nho

Nguyễn Mộng Giác.

Trong hơn mười năm xuất bản của tạp chí *Văn Học*, việc xếp đặt thứ tự bài vở trên mỗi số báo đã trở thành thông lệ: trước hết là những bài biên khảo phê bình văn học, tiếp theo là thơ truyện và phần thời sự văn chương. Thông lệ đó bị Tòa soạn cố ý làm ngơ trong một số trường hợp đặc biệt. Mỗi lần có một cây bút mới gửi tới *Văn Học* một truyện ngắn vô cùng đặc sắc hứa hẹn một văn nghiệp vững vàng, *Văn Học* đảo lộn thứ tự trình bày, cho đăng ngay trang đầu tác phẩm ấy để lưu ý bạn đọc. Mỗi lần quyết định như thế, thú thực Ban Chủ biên *Văn Học* cũng có đôi chút lo âu. Liệu nhà văn chúng tôi mừng rỡ giới thiệu một cách đặc biệt với bạn đọc sành văn chương có thật sự đáp ứng lòng mong mỏi của mọi người hay không? Một trận bão lớn hay chỉ là cơn gió thoảng? *Một phút huy hoàng...rồi chợt tối*! Câu thơ ấy của Xuân Diệu ứng nghiệm với nhiều trường hợp đáng tiếc. May mắn cho *Văn Học* là những biệt lệ như thế không dẫn tới thất vọng.

"Ngôi nhà sau lưng Văn miếu" của Trần Vũ đánh dấu một bước mới trong văn nghiệp của anh, tên truyện gắn liền với anh đến nỗi hễ nói tới Trần Vũ là người đọc nhớ ngay tới *"Ngôi nhà sau lưng Văn miếu"*. Sau truyện ngắn này, Trần Vũ tìm ra sở trường của mình, anh mạnh dạn vượt lên trên cái truyện ngắn ấy.

"Vết xước đầu đời" của Trần Doãn Nho cũng ở trong trường hợp tương tự.

Từ khi có đợt di dân ra đi theo chương trình H.O., những người quan tâm đến văn học hải ngoại hy vọng những người mới này sẽ mang một sinh khí cần thiết cho một sinh hoạt đã nhẩn nha trì trệ vài năm

trước đó. Hy vọng là phải. Đã có một tiền lệ. Những thuyền nhân vượt biển đầu thập niên 80 rõ ràng đã mang một luồng gió mới cho văn chương những người di tản năm 1975. Những thuyền nhân thuở trước nay đã an cư lạc nghiệp, tâm trí bị cuốn hút vào guồng máy khủng khiếp của đời sống trước mắt, trong khi những kỷ niệm cũ cũng dần dần mờ phai. Nhiều người cầm bút lẳng lặng gác bút, sau "một phút huy hoàng". Đổi địa chỉ, số điện thoại cũ hết hiệu lực, thế là mất dấu! Lớp sóng cũ chìm đi thì lớp mới ùa tới. Lớp H.O. Còn có đợt sóng di dân nào thuần nhất và dày dạn kinh nghiệm cho bằng đợt này: kinh nghiệm lao tù cải tạo, kinh nghiệm sống-còn sau khi ra khỏi nhà tù nhỏ để trở ra một nhà tù rộng hơn, những đổi thay của xã hội Việt Nam trong khoảng mười năm gần đây. Chưa hết! Cùng ra đi với những sĩ quan cải tạo là những con cái trong gia đình, từ hai mươi mốt tuổi trở xuống. Cộng đồng người Việt hải ngoại tổ chức kỷ niệm hai mươi năm lưu vong. Những người con trong gia đình H.O. sinh ra lớn lên trong hai mươi năm đó. Trong tập ảnh mang theo khi bước chân lên máy bay qua Mỹ, chắc có tấm hình chụp những em bé quàng khăn đỏ, lễ gia nhập Đoàn, ngày đi thi hành nghĩa vụ quân sự...Nếu văn chương là tấm gương phản ảnh của đời sống, thì thế nào những cây bút mới qua trong đợt H.O. cũng mang một luồng gió mới cho văn chương hải ngoại.

Những người cầm bút ra đi trong diện H.O. có mang luồng gió mới ấy không? Bây giờ còn quá sớm để xác quyết là có hay không. Nhưng trường hợp Trần Doãn Nho khiến tôi lạc quan. Giống như những nhà văn ấp ủ lâu năm những hoài bão, những tâm sự không thể nói ra trong một chế độ chuyên chính độc quyền tư tưởng, vừa đặt chân đến Mỹ, anh đã viết truyện gửi cho *Văn Học*. Anh muốn làm nhân chứng cho thời đại của anh, thế hệ của anh. Anh không phải là người ra đi đầu tiên trong đợt di dân H.O., cho nên trước khi anh qua, đã có rất nhiều sĩ quan cải tạo hăng hái làm người chứng. Có người kể chuyện khốn khổ hoạn nạn của gia đình. Có người kể tỉ mỉ những gian nan trong khi làm thủ tục ra đi. Có người kể chuyện tù cải tạo. Nói chung là những đề tài đã được khai thác nhiều trong sách vở báo chí hải ngoại, không phải là cái gì mới mẻ. Ngay đề tài tù cải tạo cũng chưa có những tác phẩm tầm cỡ như *"Một ngày trong đời Ivan Denisovich"* của Alexander Solzhenitsyn hay *"Một nửa đàn ông là đàn bà"* của Trương Hiến Lượng.

Trần Doãn Nho thực sự mang đến một luồng gió mới, theo ý tôi, nhờ tầm nhìn của anh khác với những bạn tù cải tạo H.O. sang trước anh. Anh bỏ qua cái khung chật là những trại giam với cán bộ quản giáo, vệ binh, cai tù, giám thị, tiếng kẻng qui định thời khoá biểu hằng ngày, những cơn đói cồn cào, những sỉ nhục, những cái chết, những tiếng

khóc...Anh viết về những gì xảy ra trong cái nhà tù lớn bên ngoài vòng kẽm gai, nhất là những biến động xã hội, những đổ vỡ gia đình sau hai biến cố lớn của lịch sử: Việt Nam Cộng hoà sụp đổ và sự thay đổi của xã hội Việt Nam mười năm gần đây. Trong cái nhà tù lớn ấy, anh lại chú ý tới những nạn nhân đau khổ nhất, can đảm nhất, những con người yếu đuối mà kiên cường một mình đột ngột phải gánh hết trách nhiệm gia đình: những người vợ, những trẻ thơ trong gia đình sĩ quan cải tạo.

Nhân vật truyện ngắn của Trần Doãn Nho không chỉ ở một phe, phe ta. Trong tập truyện này, anh còn viết rất kỹ về số phận, tâm trạng những người bên kia, những kẻ tưởng là chiến thắng: một ông chú làm quản đốc nhà lao vô vọng không cứu được đứa cháu lãnh án tử hình (*Người chú*), một cán bộ hồi hưu cam chịu tất cả nỗi khổ nhục trong khi các bạn chiến đấu cũ ăn xài thừa mứa (*Bạn cũ*), những sinh viên tranh đấu vô bưng bây giờ gặp lại nhau chua chát thấy mình chỉ là con ngoại hôn của chế độ (*Kỷ niệm*).

Chưa hết! Mới định cư ở Mỹ chưa đầy hai năm, Trần Doãn Nho đã ghi nhận ra được một số mẩu đời rất tiêu biểu, phần nhiều là số phận của những người trẻ tuổi đang ngẩn ngơ băn khoăn không biết mình thuộc về đâu (*Một chút Việt Nam*, *Nắng trên đồi*, *Good Stuff*).

Tôi vừa nói tới Trần Doãn Nho, người chứng! Và tự nhiên cảm thấy mình lố bịch. Tôi say mê và trân trọng chữ nghĩa nên giao cho chữ nghĩa một vai trò quan trọng quá đáng! Người chứng! Ai giao cho các ông các bà cầm bút vai trò đó? Các ông các bà biết gì về những vận động hậu trường đằng sau lịch sử mà đòi làm chứng? Các ông các bà pha trộn lung tung giả với thật, nhân vật không căn cước, lý lịch mù mờ, sự kiện lãng đãng mà đòi làm chứng? Vâng, trước tòa án, những lời chứng do nhà văn viết ra đều không có giá trị pháp lý. Những nhà viết sử cũng không ai đại đột lấy một bài thơ, một chương tiểu thuyết làm sử liệu. Trong khi khoa học đòi hỏi những dữ kiện chính xác kiểm chứng được, thì nhà văn chỉ cung cấp những cái "dường như có thật".

Nhưng xin bạn đọc cho tôi được trình bày biện minh trạng. Nhà văn không đủ tư cách làm người chứng của bất cứ phiên tòa thông thường nào, trong bất cứ vụ án lớn nhỏ nào, nhưng họ là người chứng đáng tin cậy sau khi phiên tòa đã xong. Tổ chức xã hội nào cũng cần những ước lệ, phân loại, định vị để dễ cai trị. Mỗi người mang một con số, như số an sinh xã hội ở Mỹ. Từ con số ấy, guồng máy xã hội có thể định vị được mọi thành viên trong xã hội và có một lối đối phó thích đáng. Phiên tòa đã xong. Bản án đã được phán quyết. Kể cả phiên tòa lịch sử. Nhưng đối với những nhà văn như Trần Doãn Nho, phiên tòa chưa xong. Anh không

bằng lòng với cách xếp loại, định vị, lượng giá của xã hội. Anh muốn xét lại toàn bộ vấn đề, muốn nhìn con người như một toàn thể trong đó những tiêu chuẩn xã hội có sẵn chỉ là bề mặt. Anh quan tâm đến con người thật ở bên trong, con người phức tạp, đa dạng, huyền nhiệm. Lời chứng của Trần Doãn nho qua tập truyện này có vẻ đơn giản, mạch lạc, lôi cuốn, mỗi truyện đã đọc thì đọc một mạch từ đầu đến cuối, truyện dứt lúc nào không hay. Nhưng con người trong lời chứng của anh thì không đơn giản chút nào. Anh thích đặt nhân vật của anh vào những cảnh ngộ thử thách, và cách nhân vật ứng xử với thử thách ấy rất "người", nghĩa là chênh vênh giữa tốt và xấu, yếu đuối, mâu thuẫn nhưng vẫn có đủ nghị lực để chấp nhận bất hạnh và thích nghi với đời sống.

Trần Doãn Nho không hề muốn tạo ra những mẫu người hùng. Nhu cầu tuyên truyền chính trị đã tạo ra quá nhiều người hùng rồi, và những người hùng ấy đưa đất nước về đâu thì ai cũng biết. Trần Doãn Nho chỉ muốn nhắc nhở bạn đọc rằng trên đời còn có những mẫu đời tầm thường hơn, nhỏ nhoi hơn, phức tạp hơn, đáng thương đáng yêu hơn, và những điều trọng đại do chính những con người tầm thường, nhỏ nhoi ấy tạo ra, không phải công lao của những anh hùng giả mạo.

Eudora Welty một nhà văn nữ nổi tiếng của Mỹ bảo rằng bà thích kể về đời sống bên trong của người ta, và kể với tất cả lòng thương yêu. Văn nghiệp của bà dựng trên những trang sách kể chuyện đời với tất cả tấm lòng thân ái. Trần Doãn Nho cũng đang làm một công việc tương tự.□

NGUYỄN DU **VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SANH** chú thích, hiệu đính Hoàng Xuân Hãn AN TIÊM	**TRUYỆN QUÁN ÂM THỊ KÍNH** THIỀU CHỬU *chú giải* AN TIÊM

Ghi Chép

Nguyễn Huy Thạch

• Nhóm Thân hữu Miền Đông Virginia tổ chức Đêm vinh danh Võ Phiến

Đêm vinh danh nhà văn Võ Phiến đã được tổ chức tại nhà hàng Việt Thành ở Falls Church, Virginia, tối ngày thứ Bảy 30 tháng Chín với sự tham dự của khoảng hơn 300 thân hữu và các độc giả yêu quí cây bút mà nhà biên khảo Nguyễn Hiến Lê đã có lần cho là người viết tùy bút hay nhất văn học Việt Nam hiện đại.

Nhóm thân hữu Miền Đông vào tháng Tư năm 1994 đã tổ chức được một sinh hoạt đầu tiên rất cảm động để vinh danh nhà văn Mai Thảo. Với chủ đích duy trì truyền thống tốt đẹp của một dân tộc có văn hoá biết ơn các văn, nghệ sĩ, những người đem lại những nguồn vui trong cuộc sống, những đóng góp cho văn hóa của nước Việt, nhóm quyết định tiếp nối việc của năm cũ và mời nhà văn Võ Phiến, tác giả của rất nhiều tùy bút, truyện ngắn, truyện dài mà rất đông đảo độc giả Việt Nam mến mộ về văn tài, cũng như triết lý chính trị của ông.

Nhóm thân hữu cũng mời luôn hai nhà văn từng có những sinh hoạt gần gũi với Võ Phiến trong một thời gian dài hơn 30 năm qua là các ông Lê Tất Điều và Nguyễn Xuân Hoàng sang nói chuyện về Võ Phiến.

Ban tổ chức mời hai cây bút trong vùng là Nguyễn thị Hoàng Bắc và Bùi Bảo Trúc để góp tiếng với khách phương xa.

Một văn hữu cùng lứa tuổi với Võ Phiến, luật sư Trần Thanh Hiệp, một trong những nhà văn của nhóm Sáng Tạo, từ Paris sang dự buổi họp mặt. Đúng 8 giờ tối, thay mặt nhóm thân hữu, bác sĩ Phó Ngọc Văn lên sân khấu chào mừng nhà văn Võ Phiến và quan khách. Ông Văn tuyên bố lý do cuộc họp mặt và nói về sự cô đơn của người cầm bút, những đóng góp của Võ Phiến và cái ơn mà độc giả chịu nơi con người Võ Phiến. Ông cho rằng chúng ta cần phải nói lên sự biết

ơn đó trong lúc người mà chúng ta chịu ơn vẫn còn đang ở với chúng ta, vẫn còn nghe được những lời cảm ơn đó.

Diễn giả đầu tiên, sau đó, là Lê Tất Điều. Ông Điều là người gần gũi với Võ Phiến nhất từ những năm còn ở Việt Nam. Sang Hoa Kỳ, hai ông Võ và Lê cũng sống gần nhau từ khi mới ra trại cho đến lúc cả hai dọn sang California. Hai ông là những người cho xuất bản tờ báo văn học đầu tiên của Việt Nam tại Hoa Kỳ, tờ *Văn Học Nghệ Thuật*, tờ báo về sau trở thành tờ *Văn Học* đang do Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng và Mai Kim Ngọc coi sóc.

Lê Tất Điều tiết lộ với cử tọa rằng năm tuần trước, Võ Phiến bị cướp ngay ở trước nhà và bị đánh có thương tích đến nỗi phải vào bệnh viện điều trị. Họ Lê kể lại câu chuyện Võ Phiến bị cướp thực ra chỉ để dẫn người nghe vào một câu chuyện khác. Đó là thái độ can đảm của Võ Phiến trước bạo lực và hăm dọa. Chuyện Võ Phiến bị cướp uy hiếp ở trước nhà, theo Lê Tất Điều, chỉ là một chuyện nhỏ. Võ Phiến trong thực tế, suốt nhiều năm, kể từ khi sang sống tại Hoa Kỳ, vẫn bị những áp lực mạnh hơn của một thứ kẻ cướp khác. Năm 1975, ông ra đi để lại gần như toàn bộ gia đình ở Việt Nam. Những người thân còn kẹt lại trong gia đình có thể khiến một số người phải thay đổi lập trường đối với thành phần đang nắm quyền sinh sát ở trong nước. Nhưng Võ Phiến không hề làm công việc đó. Ông thừa biết những nguy hiểm có thể đến với những người con của ông còn đang kẹt lại ở Việt Nam, nhưng ông không hề thay đổi lập trường và tiếp tục chống lại những người cầm quyền ở Hà Nội. Ông không phủ nhận những gì đã viết trước năm 1975. Ông tiếp tục viết như ông đã từng viết ở Việt Nam. Lập trường của ông không hề thay đổi trong suốt những năm thân nhân của ông còn sống ở Việt Nam. Thái độ chính trị đường hoàng ấy của Võ Phiến, cùng với văn chương của ông, đã làm thành con người Võ Phiến mà ai cũng phải kính phục.

Nguyễn Xuân Hoàng, một tiểu thuyết gia thuộc lớp trẻ tuổi, thế hệ sau Võ Phiến, người đã từng đàm thoại cùng Võ Phiến trên một phần tư thế kỷ, từ tạp chí *Văn*, Saigòn đến *Thế Kỷ 21*, Hoa Kỳ, đã nói về thái độ đáng quí của một nhà văn đàn anh mà Võ Phiến đã cho ông thấy trong những bước đầu viết văn. Khi Nguyễn Xuân Hoàng vừa bắt đầu cầm bút, chính Võ Phiến, lúc đó là giám đốc nhà xuất bản Thời Mới, đã nhận in cuốn sách đầu tay của họ Nguyễn, cuốn *Mù Sương*. Ông Hoàng nói "nếu Võ Phiến không đưa bàn tay của ông ra liệu tôi có thể có được *Kẻ Tà Dạo, Người Đi Trên Mây*...và những trang sách kế tiếp không?"

Nguyễn Xuân Hoàng nói ông xem Võ Phiến như một ông anh, một người thầy. Và ông đặc biệt

nói lên lòng biết ơn Võ Phiến. Nguyễn Xuân Hoàng cho rằng trong văn chương cũng như trong đời sống cái *cho* quan trọng hơn là cái *nhận*, và thêm một lần nữa ông cám ơn *cách cho* của Võ Phiến.

Trần Thanh Hiệp, với mái tóc bạc phơ của tuổi 70, cũng nói về văn chương Võ Phiến và con đường bền bỉ mà Võ Phiến đi, con đường Võ Phiến vẫn tiếp tục đi sau bao nhiêu năm, bao nhiêu lần thử nghiệm, dọ dẫm của các nhà văn khác. Con đường văn chương Võ Phiến đi vẫn là một con đường rất đúng. Đó là nhận xét của một nhà văn trong nhóm chủ trương phá vỡ mọi lối mòn xưa cũ của các phong trào văn chương trước thời kỳ Sáng Tạo.

Nguyễn thị Hoàng Bắc, trong phần nói chuyện, đã có một sáng kiến khác hẳn những bài nói chuyện khác. Bà định thực hiện một cuộc phỏng vấn bà Võ Phiến về phu quân, nhưng bà Võ Phiến nhất định từ chối trong khi Nguyễn thị Hoàng Bắc nhất định phải có một bài phỏng vấn cho chương trình họp mặt. Dựa trên những chi tiết đọc thấy được trong tác phẩm của Võ Phiến, Nguyễn thị Hoàng Bắc đã tìm được câu trả lời cho cuộc phỏng vấn rất vui của bà mặc dù bà Võ Phiến không chịu lên sân khấu trả lời những câu hỏi được đặt ra.

Bài nói chuyện của Bùi Bảo Trúc, tác giả những lá thư miền Đông viết hàng ngày trên các báo Việt ngữ từ hơn sáu năm nay, được trình bày với những lý do mà ông nói là khiến cho ông rất ghét Võ Phiến. Nhưng nghe hết những lý do ghét Võ Phiến của ông Trúc thì người ta lại thấy ông Trúc là người yêu Võ Phiến vô cùng. Ông Trúc đã trích dẫn nhiều đoạn văn của Võ Phiến để thuyết phục người nghe là ông ghét Võ Phiến, nhưng càng cố thuyết phục thì ông lại càng cho thấy ông rất mê đọc Võ Phiến.

Trong phần lên tiếng của Võ Phiến, ông đã cám ơn ban tổ chức và hy vọng truyền thống tốt đẹp này sẽ được giữ mãi. Ông cảm động về cách đối xử của những người Việt Nam đọc văn ông. Ông kể ra những cách đối xử không tử tế mà các nhà văn khác, những người cùng hay trước thời của ông đã được dành cho ở trong nước. Như trường hợp một nhà văn khi chết, thi hài không được săn sóc đến nỗi tai và mặt bị chuột gặm nát, hay như trường hợp một kịch tác gia phải đi ăn xin để sống qua ngày, hay như một học giả nổi tiếng và rất có công của văn học Việt Nam, cuối đời phải nằm chờ chết trong cô đơn, lạnh lẽo ở Hà Nội, và người bạn đời đã phải lặn lội từ Huế ra để đem cho ông chiếc quan tài, món quà bi thảm cuối cùng của người vợ cho người chồng, hay một người từng vẽ kiểu kỳ đài cho lễ tuyên bố độc lập của chính phủ Việt Minh lập đã phải tự đào lấy cho mình cái huyệt nông

bên cạnh bờ ao, sát cạnh nhà để khi chết khỏi phiền những người khác... Mà tất cả đều là những công thần của chế độ. Ông cảm động về cách đối xử mà những người dự buổi họp mặt dành cho ông. Trước đó, hai ông bà Võ Phiến đã cẩn thận đi từng bàn gửi mọi người một bài thơ ông viết để cám ơn tấm thịnh tình của những người yêu mến ông.

Đại diện ban tổ chức, chị Thúy Diệm, người đóng góp rất nhiều cho sinh hoạt họp mặt và cũng là người rất được ông bà Võ Phiến ưu ái từ mấy chục năm nay, đã trao tặng ông bức chân dung do Bé Ký vẽ tặng ông. Bức chân dung Võ Phiến vẽ bằng sơn dầu do Khánh Trường thực hiện sẽ được trao cho ông khi Võ Phiến trở lại miền tây.

Buổi sinh hoạt do nhà báo Ngô Vương Toại điều khiển một cách linh hoạt với không khí hài hước đã giữ khách ở lại cho đến khi văn tiệc vào lúc nửa đêm. Trong suốt thời gian khách dùng tiệc, người điều khiển chương trình đã hâm nóng không khí buổi sinh hoạt bằng cách không để sân khấu trống một lúc nào. Gần hết các nhân vật tham dự buổi sinh hoạt đều được ông Toại nhắc đến bằng vài nét tiểu sử ngắn như những bức hoạt họa sống động.

Khi được hỏi nhóm thân hữu miền Đông sẽ vinh danh nhân vật nào trong năm 1996, những người trong nhóm chỉ cười bí mật.

Không ca hát, không khiêu vũ, buổi họp mặt vẫn thu hút được khách tham dự với con số kỷ lục. Đêm vinh danh Võ Phiến là một thành công tốt đẹp.

• Nhà thơ Tô Thùy Yên ra mắt *Thơ Tô Thùy Yên* tại Quận Cam, California.

Tuyển tập thơ Tô Thùy Yên được sự đón nhận của giới yêu thơ và thân hữu một cách nồng nhiệt hôm Thứ Năm 5 tháng 10, 1995 tại quán Tao Nhân, một nơi thường diễn ra những sinh hoạt văn nghệ và cộng đồng.

Quán nhỏ, chứa không đến trăm người, chỉ khói thuốc thôi cũng đủ ngộp, nhưng tập hợp được nhiều khuôn mặt trong làng báo, làng văn, làng thơ, làng vẽ, làng ảnh.

Luật sư Trần Thanh Hiệp, khách từ Paris sang, với mái tóc bạc phơ, ngỏ lời:

"Thơ Tô Thùy Yên, đó là những vần thơ của Tự Do..."

Rồi lần lượt Kiều Chinh, Thái Thanh, Mai Thảo, Đỗ Quí Toàn, đều bầy tỏ lòng quý mến đối với nhà thơ tác giả "Ta Về." Phải kể đến sự có mặt của một số nhà báo hiếm khi ra ngoài như Đỗ Ngọc Yến, Lê Đình Điểu, Nguyễn Xuân Hoàng... như là một tình cảm đặc biệt đối với họ Tô.

Phải kể đến âm nhạc và giọng ngâm cũng góp phần không nhỏ cho không khí của đêm thơ. Khách có dịp thưởng thức tiếng ngâm của

Trần Diệu Hằng, Yến Lan, Tuyết Mai, Khúc Lan, Vũ Thành An, tiếng hát của Trần Duy Đức, và nhiều văn nghệ sĩ khác.

Tuyển tập thơ Tô Thùy Yên gồm ba mươi bảy bài thơ in trên giấy mầu kem nhạt, bìa và trang trong do tác giả trình bày, tự xuất bản.

• Một nhà văn Pháp thông thạo tiếng Việt đoạt giải Nhất Văn Chương viết về Á Châu

Nhà văn người Pháp Pierre Brocheux vừa đoạt giải nhất văn chương viết về Á Châu 1995 của Hội Nhà Văn Pháp Ngữ (Association des Écrivains de Langue Francaise ADELF), với tác phẩm *Indochine, une Colonisation Ambigue (1958-1954)* do nhà xuất bản LA Découverte, Paris, ấn hành.

Theo một bản tin của Từ Nguyên từ Paris cho biết, cuốn sách này phác họa vô tư và chính xác 96 năm Pháp đô hộ Đông Dương với một chính sách không mấy rõ ràng, gây nhiều hiểu lầm và oán hận cho các dân tộc ở Đông Dương. Tuy nhà cầm quyền địa phương đã cố gắng cải cách, nhưng những cải cách này rụt rè và chậm chạp, không theo kịp đà tiến của thế giới khiến cho những cuộc chiến tranh cách mạng bùng nổ dữ dội, bất lợi cho cả đôi bên.

Tác giả cho rằng mặc dầu đế quốc Pháp đã rút lui, nhưng người ta vẫn chưa tìm thấy hình thức nhân bản của sự tiến bộ, theo nhận xét của một thành viên Ban Tuyển chọn. Cùng viết chung với Daniel Hemery, nhà văn Pierre Brocheux là giáo sư thực thụ của Đại học Paris, rất thông thái về các ngành chính trị học, xã hội học và nhân chủng học Á đông. Ông năm nay chừng 60 tuổi, rất thông thạo tiếng Việt, đặc biệt là "rất có hiếu với mẹ" là người Việt Nam.

Hội Nhà Văn Pháp Ngữ quyết định như trên trong buổi họp của Ban tuyển chọn giải Văn Chương Á Châu ngày 6 tháng 10, quy tụ sáu chuyên gia lỗi lạc về Đông Dương, trong đó có Tiến Sĩ Thái Văn Kiểm, thuộc Viện Hàn Lâm Khoa Học Pháp Quốc Hải Ngoại và đặt dưới sự chủ tọa của Giáo sư Edmond Jouve, chủ tịch hội ADELF.

Ban Tuyển chọn đã chia nhau đọc suốt trong hai tháng hè vừa qua mười cuốn sách viết về Á đông và đã xuất bản trong năm 1995, phần lớn viết về Việt Nam:

- Jean Claude Legros: *Shimsall, par delà les Montagnes*, Édition Giénat.
- Jean Raynaud: *Le Prince Rouge*, Ed. Calman Lévy.
- Thi Nghia Gaspard: *Ho Chí Minh à Paris, 1917-23*, Ed. Harmattan.
- Phillipe de Baleine: *Le Petit Train du Vietnam*, Ed. Rocher.
- Phan Huy Đường: *Un Amour Métèque*, Ed. Harmattan.

• Georges Fleury: *La Guerre en Indochine, 1945-54*. Ed. Plon.

• Guy Lesage: *Le Médecin de Vinh Long*, Ed. France Empire.

• Claude Markovits: *Histoire de l'Inde Moderne*, Ed. Fayard.

• Marie-Claire Bergère: *Sun Yat Sen*, Ed. Fayard.

• và cuốn sách được giải là *Indochine, une Colonisation Ambigue*.

Hội nhà Văn Pháp Ngữ quy tụ chừng 1500 nhà văn trên 50 nước viết bằng tiếng Pháp. Trụ sở đặt tại đường Broussais, Paris.

• Tác phẩm chung kết giải National Book Award 1995

Ban tuyển chọn giải National Book Award của Hoa Kỳ loan báo ngày 18 tháng 10 danh sách những tác phẩm xuất bản trong năm được chọn vào chung kết. Trong số này, có những tác giả tên tuổi như Philip Roth được chọn bên cạnh những tác giả trẻ tuổi hơn như Edwidge Ducati, 26 tuổi, người Haiti đến Hoa Kỳ lúc 12 tuổi.

Trong cuộc tranh giải năm nay, có đến 168 nhà xuất bản, một con số kỷ lục, gởi tác phẩm đến dự tranh.

Philip Roth năm nay dự tranh giải thưởng về **tiểu thuyết** với tác phẩm *Sabbath's Theater* do nhà Houghton Mifflin xuất bản, và cô Ducati cùng tranh giải tiểu thuyết với tập truyện *Krik? Krak!*, do SoHo Press xuất bản.

Philip Roth được giải thưởng này lần đầu năm 1960 với *Goodbye Columbus*, và sau đó đã vào chung kết bốn lần.

Phần còn lại của giải **tiểu thuyết** gồm có:

All Souls Rising, của Marison Smartt Bell, viết về một vụ nổi loạn của người nô lệ Haiti.

The House on the Lagoon của Rosario Ferre, tiểu thuyết về một gia đình người Puerto Rico.

Interstate, của Stephen Dixon, viết về ảnh hưởng của bạo lực trên đời sống gia đình.

Tác phẩm vào chung kết giải **biên khảo** gồm có:

Salvation on Sand Mountain: Snake Handling and Redemption in Southern Appalachia, của Dennis Covington, liên hệ đến vụ xử án một vị mục sư ở Alabama, vào năm 1991, can tội dùng rắn rung chuông (rattlesnake) để mưu sát vợ.

Darwin's Dangerous Idea: Evolution and the Meaning of Life, của Daniel C. Dennett, biện hộ cho lý thuyết của Darwin.

A Civil Action, của Jonathan Hart, tường thuật vụ kiện của nhiều gia đình cư ngụ ở Woburn, Mass. chống lại W. R. Grace và Công ty Beatrice Foods.

The Haunted Land: Facing Europe's Ghost After Comunism của Tina Rosenberg, và

Ghosts of Mississippi: The Murder of Medgar Evers, của Maryanne Vollers.

Về **thi ca**, các tác phẩm sau đây được chọn vào chung kết:

Collected Poems 1945-1990 của Barbara Howes.

In the Crevice of Time: New and Colletcd Poems, của Josephine Jacobsen.

New and Selected Poems của Donald Justice.

Passing Through: The Later Poems, New and Selected, của Stanley Kunitz, và

New and Selected Poems, của Gary Soto.

Một giải thưởng đặc biệt khác The 1995 National Book Foundation Award gồm US$10,000 hiện kim trao cho sử gia David McCullough, người trước đây đã đoạt hai giải National Book Award.

Mỗi tác giả vào chung kết được thưởng US$1000, trong khi người trúng giải cuối cùng sẽ nhận được một kỷ vật điêu khắc bằng thủy tinh và US$10,000. Kết quả chung cuộc sẽ công bố vào ngày 15 tháng 11 tại khách sạn Plaza ở thành phố New York.

• Giải thưởng Văn học 1995 của The Lannan Foundation

Giải thưởng văn học của The Lannan Foundation năm 1995 đã được công bố vào trung tuần tháng 9 vừa qua.

Có tất cả 10 nhà thơ, nhà văn, nhà biên khảo đã được trao giải, mỗi giải trị giá 50,000 mỹ kim, như sau:

Tiểu thuyết: Alice Munro., Mary Morrissy và Louis de Bernières.

Thi ca: Hayden Carruth, Carol Ann Duffy, Li-Young Lee và Arthur Sze.

Biên khảo: Thomas Berry, Richard K. Nelson và Scott Russell Sanders.

Hàng năm The Lannan Foundation trao giải thưởng cho những tác gia xứng đáng nhất trong năm về các bộ môn tiểu thuyết, thi ca và biên khảo.

• Trần Anh Hùng với "Cyclo" hay Tiếng ru địa ngục

Nhà đạo diễn trẻ Trần Anh Hùng vừa đoạt thêm một giải thưởng điện ảnh cho cuốn phim mới nhất của anh tại Đại hội Điện Ảnh Bruxelles ngày 22 tháng 10. Đó là giải Golden Sperm (Tinh Vàng). Văn học còn nhận được bài viết sau đây của Thụy Khuê từ Paris gởi sang. Văn Học hân hoan gởi đến bạn đọc những ý kiến của một văn hữu mà độc giả Văn học đã từng biết đến qua các bài phê bình văn học công phu.

Nếu có người không thích Cyclo của Trần Anh Hùng, chuyện đó dễ hiểu. Trần Anh Hùng là một đạo diễn thực hiện cái tương phản của đời sống trong mức độ sâu xa nhất mà điện ảnh Việt Nam chưa thể thực hiện được. Và điện ảnh Tây Phương cung cấp

phương tiện để hoàn tất: Điều kiện tài chính và phong cách tự do trong hoạt động sáng tạo, ngoài khía cạnh tài năng của bản thân Trần Anh Hùng.

Tác phẩm tương phản trong cái nghĩa nó nói lên hai khía cạnh: Một bên là niềm yêu mến, dịu dàng, âu yếm, trong đó có tình gia đình, tình cha con, tình mẫu tử, tình đôi lứa— gọi chung là tình yêu, biểu hiện trong Tiếng ru và một bên là Tội ác. Điểm đặc biệt thứ nhì trong phim của Trần Anh Hùng là tính cách nhập nhằng biên giới giữa có tội và vô tội. Một tác phẩm như thế sẽ bị những người muốn định ranh rõ ràng giữa thiện và ác, khó chấp nhận, nhất là khi những giá trị truyền thống từ ngàn năm trước như bà mẹ Việt Nam hiền hậu—Mẹ Âu Cơ có thể trở thành một thứ Bố già—parrain—trụ trì một băng đảng du dãng, buôn lậu, giết người.

Cyclo vừa là một nhân vật, vừa là phương tiện chuyên chở của Trần Anh Hùng để đi sâu vào Sài Gòn—Hochiminhville--vào xã hội đương thời và có thể cũng là hình ảnh của bất cứ một thành phố lớn nào trên trái đất, có cả mặt chìm lẫn mặt nổi: bộ mặt tươi rói, tỉnh táo, ngây thơ, vô tội ban ngày và bộ mặt đàng điếm, nghiện ngập, giết người ban đêm.

Nhân vật Cyclo như một thứ Faust riêng biệt của Trần Anh Hùng. Một Faust vô tội, vì tình cờ bị mất xích-lô mà phải bán linh hồn cho quỷ. Con đường hành hương của Cyclo xuống địa ngục trải nhiều cửa ải: cửa ải đầu tiên là bà chủ hãng xích-lô. Một bà mẹ Việt Nam truyền thống mà tình thương đứa con yêu đấu tật nguyền tỏa ra ngào ngạt như những âm hưởng mà chúng ta đã thuộc lòng qua lịch sử, qua thi ca. Mẹ già cuốc đất trồng khoai, nuôi con đánh giặc đêm ngày, *trong nhạc Phạm Duy, hoặc* Con đi đánh giặc mười năm, chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi, *trong thơ Tố Hữu.*

Đấy là mặt phải của tấm mề đai. Mặt trái của mẹ Âu Cơ mà Trần Anh Hùng đưa ra là một thứ mẹ Mìn, mẹ Trùm, mẹ Mafia, mẹ Bố Già, cầm đầu băng đảng giết người, buôn lậu nha phiến. Đây chỉ là một hình ảnh siêu thực nhưng người xem cũng có thể tưởng tượng là hình ảnh rất thực của bà mẹ Tấm Cám nuôi hai đứa con, một ghẻ, một ruột, để chúng bắn giết nhau suốt hai mươi năm chưa chán. Trần Anh Hùng dường như đã nắm bắt cả hai tinh thần: dịu dàng, âu yếm và độc ác, giết người trong con người Việt Nam thời đại để chiếu gros plan *lên màn ảnh vĩ tuyến tô màu. Chiếu như thế nào?*

Trước hết về kỹ thuật. Một kỹ thuật hiện đại, phim không có cốt truyện, toàn những mảnh ghép, những diễn biến đứt đoạn của đời sống và qua đó cuộc đời xuất hiện trong trạng thái bán khai, thô bạo, thơ mộng và quyến rũ. Vẫn trong phong cách Mùi Đu Đủ Xanh, *tác phẩm đầu tay của anh, Trần Anh Hùng dùng caméra để quay những cảm giác. Cuốn phim nói rất ít. Thường nhìn và cảm nhiều hơn. Người xem có cảm giác như chính chiếc lá, giọt sương, con sâu, con bọ không những tham dự vào môi*

trường mà tất cả những thực thể ấy cùng trườn vào da thịt chúng ta, ngọ nguậy vào ngũ quan, kích thích cảm quan của chúng ta. Cộng hưởng với phần nhạc đệm huyễn hoặc, kích động và kinh hoàng của nhạc sĩ Tôn Thất Tiết: thính giác cũng bị chiếm hữu.

Tác phẩm dụng chạm đến nhiều giá trị truyền thống chủ yếu là truyền thống về gia đình; ở đây là sự phá vỡ môi trường gia đình. Gia đình đang tự hủy vì phải va chạm với những giá trị khác năng động hơn, như tiền bạc và bạo lực, trong kinh tế thị trường.

Truyền thống về văn hóa tư tưởng: Nhân vật vừa là nhà thơ, vừa là xếp băng đảng; một tay làm thơ, một tay giết người. Chấm dứt huyền thoại về người con gái Việt Nam nền nếp "áo trắng đơn sơ mộng trắng trong", trong thơ Huy Cận. Và nhân vật chính là Cyclo—tượng trưng cho sự vô tội. Nhưng chính sự vô tội lại rơi vào tội ác. Vậy phải đánh giá Cyclo như thế nào?

Sự lựa chọn một diễn viên—Lê Văn Lộc—chưa xuất hiện trước ống kính bao giờ, chứng tỏ Trần Anh Hùng muốn đi sâu hơn nữa trong ý nghĩa ngây thơ, ngây ngô, naif, *của con người vừa nhập nghiệp trên hai bình diện: khía cạnh diễn viên và khía cạnh tội ác. Lê Văn Lộc đã phản ánh được thử thách đó. Trên nét mặt của Cyclo là một dấu hỏi khổng lồ và triền miên về các sự kiện đã xảy ra, về hành động của mình và về hậu quả mỗi hành động. Cyclo băng trinh trong hành trình tội ác cũng như người chị của Cyclo, do Trần Nữ Yên Khê diễn tả, cũng băng trinh trong hành trình làm điếm của mình. Cả hai luôn luôn có những cử chỉ vụng dại, những cái nhìn e dè, lấp lửng, không hiểu những gì đã xảy ra và không hiểu chính những hành động của mình. Nhân vật nhà thơ, chủ chứa và xếp băng đảng do Lương Triều Vỹ (Leung Chiu Wui) đóng, là con bài bắc cầu giữa hai thế giới. Anh ta yêu nghệ thuật, biết trọng cái đẹp, trong phòng treo tranh Bùi Xuân Phái -luôn luôn quằn quại trong những suy tư- chảy máu cam trong tâ m hồn. Nhưng hành động lại đao búa, sát nhân và thủ phạm. Nhìn xa, nhà thơ cộng hưởng ba tâm hồn: Tú Bà, Sở Khanh và Goethe. Nhìn gần, anh biểu dương cho các nhà thơ xung phong, nhà thơ quyền thế, mỗi câu thơ là một viên đạn bắn vào kẻ thù hoặc kẻ không thù.*

Sự tương phản không chỉ nằm ở trong đầu mỗi nhân vật mà còn nằm trong cách xếp đặt hình ảnh, biểu tượng. Trần Anh Hùng tận dụng những gros plan *của mình để đưa ra những hình ảnh đắt giá, giống như nhà thơ tận dụng ý nghĩa của mỗi chữ.*

Trong Cyclo có những bối cảnh ăn sâu vào tâm trí người xem, như hình ảnh miệng đứa con tật nguyền của bà chủ xích-lô—luôn luôn mở ra, hớp hớp như miệng cá—và hình ảnh Cyclo—mơ tưởng được đớp cá. Rồi hình ảnh đứa bé tật nguyền thích nghịch sơn, bôi sơn vào người và Cyclo, trong cơn mê sảng vì thuốc phiện đã tẩm sơn vào người cho giống đứa bé tật nguyền. Hai bối cảnh vừa nói lên sự thèm muốn yêu thương, đối

khát tình mẫu tử của Cyclo, vừa chúng tỏ những bất công trong sự phân phát tình thương giữa người và người, ngoài sự bất công giầu nghèo trong xã hội.

Rồi hình ảnh cái máy bay Mỹ rớt giữa đường phố Sài Gòn và con người sống quanh đó, như chưa hề biết có sự hiện diện của bộ máy chúng tỏ chiến tranh vẫn còn sinh động trong con người mặc dầu không ai để ý đến. Rồi hình ảnh một tay anh chị, vừa giết người, vừa hát bài hát ru ù ơ như để ru kẻ xấu số vào giấc ngủ ngàn thu. Hoặc hình ảnh bà chủ xích-lô vừa quạt vừa hát ru con, lãng đãng trong tiếng ru, bà hạ lệnh thủ tiêu, đánh đập. Đó là những tiếng ru địa ngục, vừa nói lên sự tương phản sâu xa giữa tình yêu và tội ác, vừa cho thấy sự cộng tác, sống chung hòa bình giữa tội ác và tình yêu.

Bên cạnh những cảnh cực kỳ dã man ấy, ống kính xoay về thế giới trẻ thơ, chiếu sáng những khuôn mặt ngây thơ vô tội như để nhấn mạnh thêm sự tương phản hay để gieo một chút hy vọng ở ngày mai, hoặc để nói lên tính cách ngây ngô của con người trong hành trình tội ác của mình.

Tính chất tương phản vừa là một giá trị lớn trong nghệ thuật, đồng thời gây những phản ứng gai ngứa nơi người xem. Thành phần ưa những thành quả tích cực sẽ gai ngứa khi nhìn thấy những khía cạnh tiêu cực mà Trần Anh Hùng đưa ra, coi đó như một hình thức bôi nhọ những giá trị truyền thống như tình mẫu tử, óc tự hào dân tộc, v.v...

Thành phần ít chính thống hơn sẽ cảm thấy ở những hình ảnh bạo liệt này, những gáo nước lạnh, những giọt cường toan nhỏ vào lương tâm chính mình -nếu mình có một lương tâm- khiến mình ghê tởm chính cái đống rác nhầy nhụa trong huyết quản của mình. sự ghê tởm này chắc chắn sẽ có một giá trị cảnh tỉnh cho những ai cảm thấy phải chia sẻ cái nhìn dịu hiền của người mẹ, lời ru ầu ơ của người cha, và hào quang chiến thắng của mỗi lần xung kích, cho những kẻ không bao giờ được hưởng những tiếng ru, không được ngậm hào quang chiến thắng, thì sự phân phát tình thương sẽ cân bằng hơn, kéo lại phần nào những chênh lệch giàu nghèo truyền kiếp trong xã hội.

Và đó là giá trị đích thực của tác phẩm.

Trong ba giải thưởng điện ảnh hàng năm của thế giới -Oscar, Cannes và Venise- Oscar và Cannes dựa trên những tiêu đề khác. Duy chỉ có Venise lấy nghệ thuật và tư tưởng làm chủ đích. Và những nhà điện ảnh của đại hội đã nhìn thấy giá trị nghệ thuật và tư tưởng trong tác phẩm của Trần Anh Hùng khi họ trao giải Sư Tử Vàng cho người nghệ sĩ trẻ mới bước chân vào nghề với cuốn phim thứ nhì, một sự kiện hiếm hoi trong lịch sử điện ảnh thế giới.

Đối với người Việt chúng ta, nếu cần có một niềm tự hào dân tộc, thì có lẽ nên tự hào rằng ống kính của Trần Anh Hùng đã đào bới những nỗi đau, những rác rưởi trong xã hội Việt Nam để nói lên cái rác rưởi, cái đau chung của nhân loại. ❐

• Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Lê Đức Vi Portland OR; Huỳnh Sĩ Nghị St Paul MN; Suzy Ngo Winnetka CA, Trần đình Bình Gardena CA; Nguyễn Việt Stanton CA; Bùi Phương Trâm Sceaux France; Trương Vinh Philadelphia PA; Lib of University of Wisconsin-Madison WI; Tâm H. Lê Alexandria VA; Joseph Luận Nguyễn Garden Grove CA; Nguyễn Duy Lân Orlando FL; Huỳnh thị Tố Linh San Jose CA; Nicole Le Barry New Castle WA; Dương Thanh Phong Anjou QC Canada; Lê thị Thấm Vân Milpitas CA; Ngô N. Phượng Các Placentia CA; Hoàng Bích Đào Fountain Valley CA; Lê Đình Quí CA; Phạm Bá Đức Lawndale CA; Vũ thị Nghĩa Santa Ana CA; Tạ Thanh Minh Villiers-le-Bel France; Nguyễn văn Thiệu Menai NSW Australia; Trương văn Hùng Paramount CA; Vũ Nam Germany; Đỗ Xuân Trực Tulsa OK; Lê công Khanh Pittsburg CA; Trương Thu St. Laurent Canada; Bùi Chinh Nhân West Valley City UT, Lan H. Nguyễn Seattle WA, Cường Nguyễn Canada.

• Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng:

Người yêu tôi ở đồng bằng gửi từ Somerset NJ; Qua hay Quá gửi từ Dallas TX; Tháng Tám mùa Thu, Gối chăn ngả màu, Tình vừa lên ngôi, Ngọn cỏ còn buồn, Thu mây nghe gió, Thu vàng lên cao gửi từ Santa Ana CA; Còn ở điểm khởi đầu, San sẻ gửi từ Chomedey Québec Canada; Cây đàn của thầy Dưỡng gửi từ Houston TX; Thơ của gã học trò già, Về Hội an, uống rượu đợi người gửi từ Memphis TN; Đảo tâm sự, Thơ làm ở chùa Ông, Mỹ lợi, Cuộc chia ly gửi từ Sài gòn VN; Thơ cho chim nhỏ gửi từ Springfield VA; La part d'exil gửi từ Unviversité de Provence, France; Hai chuyến đi gửi từ Brea CA; Chuyện vợ chồng người đào vàng gửi từ Burkittsville MD; Khúc hát mùa đông gửi từ Lancaster CA; Đường đèo gửi từ Montréal Canada; Cành lê hoa mùa Đông gửi từ Bakersfield CA; Trong xanh mắt gửi từ Amsterdam Netherlands; Những ngày thơ vụng dại gửi từ Long Beach CA; Trầm tích, Buổi đầu, Mai em về miền xuôi gửi từ Montery Park CA; Năm điệu lý gửi từ Downsview Ont Canada; Lên đồi gửi từ Montreal Canada; Góp ý về vai trò thám báo trong Nỗi buồn chiến tranh gửi từ Somerset NJ; Thần thoại Việt Nam gửi từ Salk Lake City UT; Ba bài thơ Đường gửi từ Burkittsville MD; Trà, Khu vườn, Chiếc áo... gửi từ

Artesia CA; Chuyện ngắn năm mươi năm, Siêu thực gửi từ Paris France; Thương ca dân tộc - Thơ Phong Sơn gửi từ Sweden; Đỉnh sầu, Kinh Kha hận, Trả cho em gửi từ Deer Park VIC ; Đừng dứng bên mộ tôi và khóc gửi từ San Jose CA; Thì thương nhau ngay, Ta cùng có nhau...gửi từ Santa Ana CA.

Văn Học cũng đã nhận được các câu trả lời phỏng vấn và thơ văn của một số văn hữu.

Tùy theo thứ tự thời gian nhận được hoặc tùy theo chủ đề ,Văn Học sẽ lần lượt đăng tải ý kiến và văn thơ tiêu biểu của quí vị, từ nay đến cuối năm. Trong thời gian đó, Văn Học **tiếp tục phỏng vấn** và nhận những ý kiến của các văn hữu khác. Hy vọng sau cuộc phỏng vấn rộng rãi này, nhà xuất bản Văn Học sẽ tổng kết và xuất bản được một bộ sách đồ sộ về toàn cảnh của Văn học Việt Nam Hải ngoại.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại.

🕮 ***Khởi đi từ ngây thơ để đến gần sự thật,*** tùy bút của Lê thị Huệ, Lũy Tre Xanh xuất bản, tranh bìa của Võ Đình, sách dày 128 trang, giá 10 Mỹ kim. Tác phẩm thứ tư của nhà văn Lê thị Huệ, sau *Bụi hồng* (chuyện ngắn, 1984), *Kỷ niệm với My Ánh* (truyện vừa, 1987), và *Rồng rắn* (chuyện dài, 1989). Sách gồm 6 tiểu phẩm văn xuôi tác giả gọi là tùy bút, nhưng thực ra là những bài tiểu luận đề cập đến nhiều vấn đề, sau mỗi bài có thư mục tham khảo đàng hoàng. Có lẽ Lê thị Huệ chọn chữ "tùy bút" vì lối viết nhận định ở đây không theo lối thường, gần giống một lời tâm sự nhiều hơn là những bài khảo cứu khô khan. Bài đầu trong sách đã đăng trên Văn Học số 110, trong mục giới thiệu Tác giả và Tác phẩm hai mươi năm văn học hải ngoại. Nhưng bài tùy bút đáng đọc nhất là bài cuối, "Khởi đi từ ngây thơ để đến gần sự thật."

Bạn đọc có thể qua tùy bút này hiểu được cuộc hành trình trí thức và sáng tạo đầy phức tạp trăn trở của Lê thị Huệ.

🕮 ***Triết, tạp chí Triết học và Tu tưởng,*** số ra mắt. Tạp chí Triết học đầu tiên của người Việt hải ngoại, xuất bản tại San Jose California Hoa Kỳ . Chủ nhiệm:

Nguyễn Hữu Liêm. Chủ bút Triết Đông: Như Hạnh. Chủ bút Triết Tây: Phan Công Chánh. Tổng thư ký: Phạm Việt Cường. Kỹ thuật và Mỹ thuật: Nhân Văn.

Địa chỉ Tòa soạn: 1943 Tully Road, San Jose CA . Điện thoại: 408-223-8490. Báo phát hành mỗi sáu tháng. Giá mỗi số 10 Mỹ kim.

Số ra mắt có nhiều bài giá trị của Nguyễn Hữu Liêm, Phan Công Chánh, Như Hạnh, Nguyễn Vĩnh Để, Đỗ Thuận Khiêm, Trần Đức Thảo, Phan Tấn Lộc, Nguyễn văn Trung. Hai bài đặc biệt sẽ là đề tài bàn luận sôi nổi là bài " Tàng thức: Từ Thực tại luận đến Giải thoát luận trong Triết lý Duy thức" của Như Hạnh và bài "Cao đài: Đạo của Vùng đất mới" của Nguyễn văn Trung.

Lối trình bày của tạp chí "Triết" rất công phu, nhưng có hai điểm một số thân hữu nhận xét về hình thức: cách trình bày hơi giống một cuốn sách giáo khoa, và ở nhiều chỗ người trình bày có lạm dụng lối dùng các kiểu chữ.

Văn Học trân trọng giới thiệu tạp chí Triết với bạn đọc, và cầu mong tạp chí bạn ngày một vững mạnh.

🕮 ***Ngữ pháp tiếng Việt của Taberd 1838.*** Biên khảo ngữ học của Nguyễn Khắc Xuyên, Thời Điểm, California xuất bản, sách dày 192 trang, giá 10 Mỹ kim. Nguyễn Khắc Xuyên là một nhà nghiên cứu ngữ học uy tín đã có nhiều công trình giá trị từ trước 1975 ở miền Nam. Định cư tại Pháp, ông tiếp tục nghiên cứu về chữ quốc ngữ, nhờ các tài liệu lưu trữ tại thư viện Tòa Thánh ở Roma. Tác phẩm cung cấp thêm cho những người nghiên cứu chữ quốc ngữ những tài liệu chính xác về chữ quốc ngữ trong giai đoạn phôi thai.

Sách hiện có bày bán tại các hiệu sách, hoặc trong hệ thống phát hành sách báo của cộng đồng Thiên chúa giáo hải ngoại.

🕮 ***Du lịch California*** của nhiếp ảnh gia Ngô Thanh Tùng, Văn Nghệ xuất bản, sách in khổ lớn có kèm theo nhiều ảnh phong cảnh California qua ống kính của tác giả, sách dày 200 trang, giá 20 Mỹ kim.

Sách du lịch làm cẩm nang cho những người đến thăm Califoria do người Mỹ viết không thiếu. Nhưng California đẹp và hấp dẫn thế nào đối với người Việt, thì lần đầu tiên một nhiếp ảnh gia tiếng tăm bỏ công viết cả một cuốn sách để giải thích, hướng dẫn cho đồng hương. Tác giả cẩn thận giới thiệu những thắng cảnh cần xem của California, lại in thêm những bức ảnh đặc sắc ông đã chụp, nên sách vượt qua giới hạn của một cuốn hướng dẫn du lịch, trở thành một tác phẩm nghệ thuật.

Bạn dọc ở xa muốn mua sách xin liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster CA 92683. Phone 714-527-5761.

🕮 ***Truyện thật ngắn***

Tuyển tập những truyện thật ngắn viết ở hải ngoại của Võ Phiến, Văn Nghệ tái bản lần thứ nhất có bổ sung truyện mới. Truyện bổ sung nhan đề "Xong cả" tác giả viết tháng 5.1995 lại dài đến gần 40 trang sách, nghĩa là không "thật ngắn". Bản in lần đầu năm 1991, do uy tín của tác giả lẫn giá trị của tác phẩm gần như đã tạo ra mốt mới: mốt viết truyện thật ngắn, hay có người còn dùng chữ "cực ngắn". Nhiều nhà văn ưa dùng thể loại này, riêng trên Văn Học có Võ Đình, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Trung Hối, Kinh Dương Vương. Giá mỗi cuốn là 8 Mỹ kim.

Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Văn Nghệ.

🕮 ***Bút, Ký, Kịch miền Nam, tập 2:*** trong bộ Văn học Miền Nam của Võ Phiến, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 250 trang, giá 10 Mỹ kim.

Tưởng cũng cần nhắc lại là trong *Bút, Ký, Kịch miền Nam* tập 1 xuất bản năm 1993, Võ Phiến đã giới thiệu Lê Tất Điều, Minh Đức Hoài Trinh, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Mạnh Côn, Phan Lạc Tiếp, Hồ Hữu Tường, Vũ Bằng, Nghiêm Xuân Hồng, Trần Lê Nguyễn.

Trong tập 2 vừa xuất bản, tác giả giới thiệu tiếp những nhà văn Đoàn Thêm, Phan Nhật Nam, Thế Uyên, Xuân Vũ, Phan Tùng Mai, Thanh Tâm Tuyền, Vũ Hoàng Chương.

🕮 ***Thơ miền Nam tập 2,*** trong bộ Văn học Miền Nam của Võ Phiến, Văn Nghệ xuất bản, dày 270 trang, giá 11 Mỹ kim.

Trong *Thơ Miền Nam* tập 1 xuất bản năm 1991 Võ Phiến đã giới thiệu Anh Tuyến, Bàng Bá Lân, Giản Chi, Hoàng Hương Trang, Phạm công Thiện, Phạm Thiên Thư, Tô Thùy Yên, Trần Bích Tiên.

Trong *Thơ Miền Nam* tập 2 vừa xuất bản, tác giả giới thiệu thêm các nhà thơ Đỗ Tấn, Đông Hồ, Lê Nguyên Ngữ, Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Đức Sơn, Nhã Ca, Nhất Tuấn, Quách Tấn, Thanh Nam, Trần Dạ Từ, Tường Linh, Võ Chân, Vũ Hoàng Chương, Vũ Hữu Định.

🕮 ***Truyện miền Nam tập 3*** cũng trong bộ Văn học Miền Nam của Võ Phiến, giới thiệu các nhà văn Bình Nguyên Lộc, Duy Thanh, Đỗ Tiến Đức, Linh Bảo, Nguyễn thị Hoàng, Phan văn Tạo, Võ Hồng, sách dày 230 trang, giá 10 Mỹ kim. Bạn đọc nếu chưa đọc nên tìm mua và đọc hai cuốn trước, là *Truyện miền Nam* tập 1 (Nhất Linh, Túy Hồng, Văn Quang), *Truyện Miền Nam* tập 2 (Chu Tử, Hoàng Ngọc Tuấn, Lê Tất Điều, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn văn Xuân, Trần thị NgH, Tường Hùng, Y Uyên).

🕮 ***Tiếng thì thầm trong bụi tre gai,*** tập truyện ngắn của nhà văn Thảo Trường, nhà xuất bản TIN Paris ấn hành, 1995, sách dày 130 trang, giá 10 Mỹ kim.

Thảo Trường là nhà văn đã có những truyện ngắn độc đáo tạo ấn tượng mạnh lên độc giả ngay từ thời ông cho đăng những truyện ngắn đầu tay trên *Sáng Tạo*, *Trình bày* ở Sài gòn trước 1975. Mười bảy năm viết văn và đi lính (15 tác phẩm đã xuất bản) dưới chế độ Việt Nam Cộng hoà cân bằng với 17 năm ở tù dưới chế độ cộng sản. Ông là người tù cải tạo bị giam giữ lâu năm nhất, và kinh nghiệm sống quí giá của mười bảy năm ấy dường như cô đọng trọn vẹn trong tập truyện ngắn này.

Nhà xuất bản đã có nhận xét rất đúng về truyện ngắn Thảo Trường: "Thảo Trường viết rất vất vả, rất ít và rất chậm. Mang nặng đẻ đau...nhưng những gì đẻ ra là đã được chắt lọc: chỉ có thế và chỉ cần có thế."

Sách hiện có bày bán ở các hiệu sách. Tại Âu châu, xin liên lạc với nhà xuất bản Tin: 54 Avenue Léon Blum - F-92160 Antony, France.

🕮 ***Truyện cổ dân gian Na Uy*** bản dịch Việt ngữ của Bạch Liên, Anh Em, Na Uy xuất bản, sách dày 190 trang, giá 12 Mỹ kim.

Một cuốn sách đẹp cả hình thức lẫn nội dung. Trước hết về hình thức, do tài trình bày của họa sĩ Nguyễn Hữu Nhật, tất cả các sách do Anh Em xuất bản đều đẹp và tranh nhã, công phu chăm sóc hiện rõ trên từng trang sách.

Về nội dung, dịch giả đã chọn những truyện cổ dân gian đặc sắc của hai nhà văn Peter Christen Asbjornsen và Jorgen Moe. Như giới thiệu của nhà xuất bản, truyện cổ dân gian Na Uy là loại truyện nhắc nhở mọi người làm điều thiện, tránh điều ác, và lạc quan tin rằng hạnh phúc chỉ dành cho những người sống thánh thiện và vị tha. Người Việt hiện sống rải rác trên khắp thế giới, và nếu người nào cũng tìm dịch những kho tàng văn chương giá trị của đất nước mình định cư như chị Bạch Liên, thì văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ vô cùng phong phú.

Địa chỉ liên lạc: Bạch Liên, Klasatjonnvei 6, 5071 Loddefjord, Norway. Phone 55 93 06 33. hoặc Làng Văn P.O. Box 218, Station U, Toronto, Ontario M8Z 5P1 Canada. Phone 416-607-8010. Fax 416-607-8011.

🕮 ***Cá bống kèo kho tộ***, chuyện phim của Ngành Mai, tác giả tự xuất bản tại California Hoa Kỳ, sách dày 282 trang, giá 18 Mỹ kim.

Tác giả là một sĩ quan cựu tù cải tạo mới qua theo chương trình H.O., hoạt động đắc lực trong các hội ái hữu nên dù sách chưa in đã được nhiều nhân vật trong cộng đồng viết lời khen tặng, dựa vào bản thảo tác giả gửi biếu. Nói chung, ý kiến của những người đọc "Cá bống kèo kho tộ" dưới dạng bản thảo đều có chung một điểm: họ khen ngợi thiện chí và giá trị tải đạo của tác phẩm. Chuyện phim

có hậu, ca tụng những người giữ được trung hiếu tiết nghĩa giữa thế cuộc đầy phong ba của lịch sử Việt Nam.

Địa chỉ liên lạc : Ngành Mai P.O. Box 6936, Santa Ana CA 92706.

🕮 ***Truyện Quán Âm Thị Kính***, Thiều Chửu chú giải, An Tiêm Paris xuất bản, sách dày 100 trang, giá 7 Mỹ kim, tại Hoa Kỳ sách đo nhà xuất bản Văn Nghệ tổng phát hành. Nhà An Tiêm in lại theo bản in năm 1954 của nhà xuất bản Thanh Long Sài gòn.

Thiều Chửu là một nhà nghiên cứu chữ Nôm và Phật học uy tín, được nhiều bạn đọc kính trọng từ thập niên 50. Với sở học về cổ văn và Phật pháp, tất nhiên phần chú giải của ông bảo đảm giá trị của cuốn sách. Ngay đầu sách, Thiều Chửu đã tâm sự: "Tôi ham đọc kinh này từ thuở nhỏ. Biên tập từ lúc còn để chỏm, mà nay răng đã gãy, mắt đã lóa, trong chỗ tu học cùng tuổi cùng lên, nên bản thảo lần này so với mọi lần thực là khác hẳn, không phải là tôi của thuở trước nữa. Các bản trước tôi phải theo nghĩa thế gian, mà lần này thì hoàn toàn theo nghĩa xuất thế gian, không biết làm như thế có hợp với ý của tác giả không?"

🕮 ***Văn tế thập loại chúng sinh***, chú thích và hiệu đính của Hoàng Xuân Hãn, An Tiêm Paris xuất bản, sách dày 76 trang, giá 10 Mỹ kim, tại Hoa Kỳ sách đo nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành.

Văn tế thập loại chúng sinh là một tuyệt tác của Nguyễn Du, nhưng từ xưa đến nay, chưa có công trình nghiên cứu nào thật sự khoa học về nguồn gốc, văn bản và tìm đến nguyên văn như công trình của học giả Hoàng Xuân Hãn. Một tác phẩm nghiên cứu văn học cần mua cần đọc.

Cũng nên nói thêm là anh Thanh Tuệ nhà xuất bản An Tiêm trong thời gian gần đây đã cố gắng xuất bản nhiều tác phẩm nghiên cứu văn học có giá trị, trình bày trang nhã như *Lối Xưa Xe Ngựa*, *Tố Như Thi*, *Đoản Văn Xa Nước*, *Khung Cửa Hẹp*...,nhân dịp kỷ niệm ba mươi năm ngày thành lập nhà xuất bản An Tiêm. ❐

Mời bạn đọc tìm mua vào trung tuần tháng 11.1995

Tuyển tập 21 truyện ngắn của
Trần Hoài Thư

RA BIỂN GỌI THẦM

Tuyển truyện được chọn từ Bách Khoa, Văn, Thời Tập (trước 1975) và trên một số tạp chí văn học khắp thế giới trong 15 năm qua

Liên lạc: Trần Quí Sách, 719 Coolidge Street
Plainfield, NJ 07062 USA
Phone: 908-769-8459
Sách dày 224 trang, giá 12 MK.NGoài USA thêm 2 MK bưu phí.

Đã phát hành khắp nơi
tập truyện đặc sắc của
TRẦN DOÃN NHO

VẾT XƯỚC ĐẦU ĐỜI

Gồm những truyện ngắn hấp dẫn sinh động về xã hội Việt Nam hai mươi năm dưới chế độ cộng sản, qua cái nhìn nhân ái của một nhà văn trung thực, sâu sắc.

Sách dày 252 trang, bìa Đinh Cường, Giá 12 MK

Thanh Văn xuất bản

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____Apt.____

Thành phố _____Tiểu Bang_____Zip_____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm, từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ _____Apt.____

Thành phố _____Tiểu bang_____Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ _____Apt.____

Thành phố _____Tiểu bang _____Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Van Hoc. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

MỘT NỬA ĐÀN ÔNG LÀ ĐÀN BÀ

Tiểu thuyết của Trương Hiền Lượng,
Phan Thịnh dịch

Trương Hiền Lượng là một tiểu thuyết gia hàng đầu hiện nay của Trung Quốc. Ông bị tù năm 21 tuổi chỉ vì một bài thơ và suốt hai mươi năm bị chuyển từ trại cải tạo này đến nông trường khổ sai khác. Kinh nghiệm lao tù của ông trở thành chất liệu mang nhiều tính tự truyện của ***Một Nửa Đàn Ông Là Đàn Bà***, tác phẩm đã đưa Trương Hiền Lượng thành nhà văn có tầm mức quốc tế. Với kinh nghiệm lao tù, những suy tư của người trí thức trong cái hỗn loạn phi nhân của "cách mạng văn hóa", Trương Hiền Lượng dùng tài năng của mình biến thành một tuyệt phẩm đa diện gồm đủ: tình yêu, tình dục, triết lý nhân sinh, triết lý chính trị, cái thi vị của thiên nhiên, cái bi hùng của đời sống... Một **"Bác sĩ Zhivago Trung Quốc"**, và đối với bạn đọc Việt Nam (nhất là những người đã từng sống dưới chế độ cộng sản), đọc Trương Hiền Lượng thú hơn đọc Boris Pasternak vì gần gũi hơn, Đông Phương hơn.

Sách dày 368 trang.
Giá 16 MK. Ngoài nước Mỹ thêm 3 MK.

Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Phone (714) 527-5761

Giá:$4.00

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

ĐÃ IN

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00
ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00
BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00
TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Quý Toàn - $14.00
NGHỀ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00
BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00
PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00
NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00
CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00
QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00
QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00
HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00
PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00
MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00
MÂY TRẮNG THONG DONG
Huyền Không - $10.00
TRĂNG HOÀNG CUNG
Phùng Quán - $8.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:

VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761